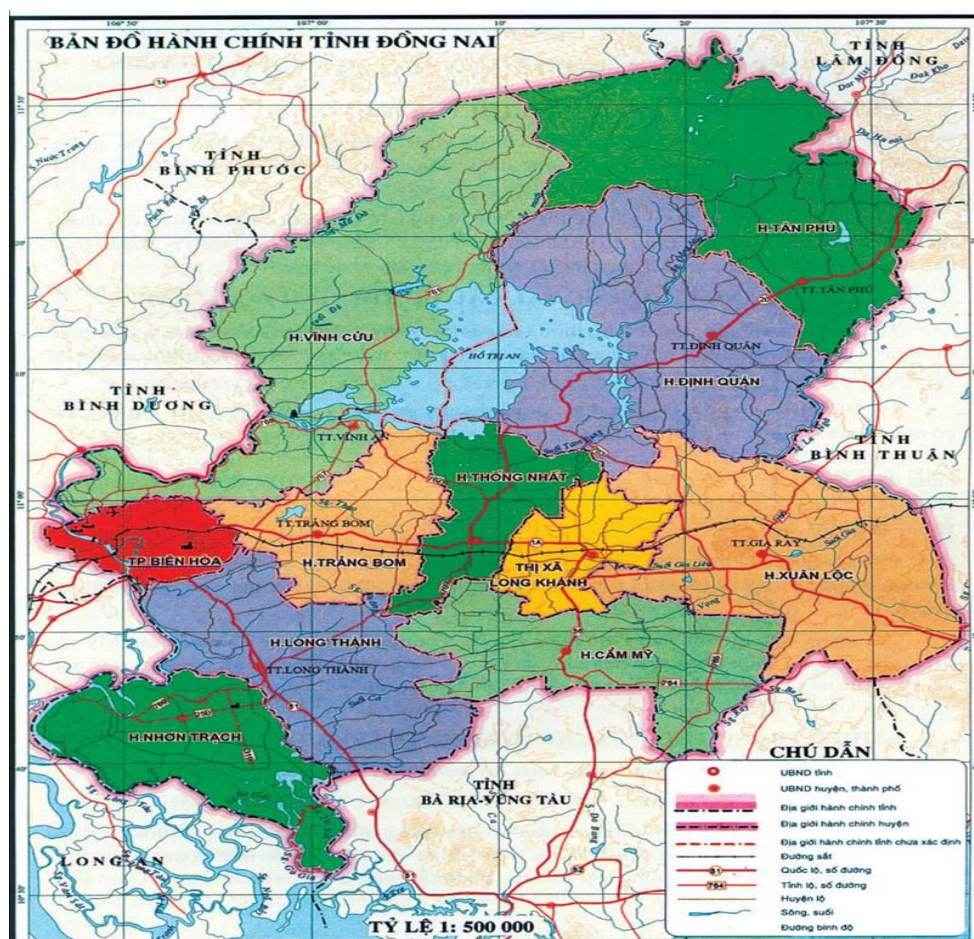


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

SỞ CÔNG THƯƠNG

## BÁO CÁO TỔNG HỢP

### QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY – GIÀY DÉP TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN NĂM 2030



Tháng 12 /2016

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**

***BÁO CÁO TỔNG HỢP***

**QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY – GIÀY DÉP**  
**TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN NĂM 2030**

Đồng Nai, ngày    tháng    năm 2016

TPHCM, ngày    tháng    năm 2016

**CHỦ ĐẦU TƯ**

**CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH**

**SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐỒNG NAI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TPHCM**

Giám đốc

Hiệu trưởng

Dương Minh Dũng

GS.TS Nguyễn Đông Phong

**Đồng Nai, tháng 12 năm 2016**

**DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

| STT | Họ tên                     | Tên đơn vị công tác                                                     | Chức danh     |
|-----|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1   | PGS.TS.Trần Thị Xuân Hương | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM                                           | Chủ nhiệm     |
| 2   | ThS.Nguyễn Hữu Huân        | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM                                           | Phó chủ nhiệm |
| 3   | PGS.TS.Trần Huy Hoàng      | Trường Đại học Tài Chính Marketing                                      | Thành viên    |
| 4   | TS.Trần Mộng Tuyết         | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM                                           | Thành viên    |
| 5   | ThS Nguyễn Từ Nhu          | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM                                           | Thành viên    |
| 6   | ThS Nguyễn Thùy Dương      | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM                                           | Thành viên    |
| 7   | TS.Trần Quốc Tuấn          | Trung tâm Nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán tại TP.HCM         | Thành viên    |
| 8   | ThS.Đào Xuân Thủy          | Học viện Cán bộ TP.HCM                                                  | Thư ký        |
| 9   | ThS.Mã Văn Tuệ             | Viện Nghiên cứu phát triển TP.HCM                                       | Thành viên    |
| 10  | ThS.Nguyễn Văn Quý         | Trung tâm Nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán tại TP Hồ chí Minh | Thành viên    |

## **DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

AEC: Cộng đồng kinh tế ASEAN

CAGX: Tốc độ tăng trưởng lũy kế

CCN: Cụm công nghiệp

CNHT: Công nghiệp hỗ trợ

DMG: Dệt may - giày dép

EU: Liên minh châu Âu

FDA: Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ

FDI: Đầu tư trực tiếp nước ngoài

GDP: Tổng sản phẩm quốc nội

GSO: Tổng cục thống kê

KCN: Khu công nghiệp

LPB: LienViet Post Bank

NPL: Nguyên phụ liệu

NSTP: Nông sản thực phẩm

TTP: Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương

UAE: Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất

VCUFTA: Liên minh kinh tế Á Âu

VKFTA và FTA: Việt Nam - Hàn Quốc

WTO: Tổ chức thương mại thế giới

## MỤC LỤC

|                                                                                                                               |     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| DANH MỤC BẢNG.....                                                                                                            | 4   |
| DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....                                                                                                         | 5   |
| PHẦN MỞ ĐẦU.....                                                                                                              | 7   |
| PHẦN I.....                                                                                                                   | 12  |
| HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIÀY DÉP TỈNH ĐỒNG NAI GIAI<br>ĐOẠN 2008-2015.....                                      | 12  |
| CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY –<br>GIÀY DÉP VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI .....                               | 12  |
| CHƯƠNG 2: HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIÀY DÉP TỈNH<br>ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2008-2015 .....                           | 36  |
| PHẦN II .....                                                                                                                 | 92  |
| DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NGÀNH<br>DỆT MAY - GIÀY DÉP TỈNH ĐỒNG NAI TRONG THỜI KỲ QUY HOẠCH..... | 92  |
| CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG<br>ĐẾN PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIÀY DÉP .....                  | 92  |
| CHƯƠNG 4: DỰ BÁO NHU CẦU MỘT SỐ SẢN PHẨM CHỦ YẾU NGÀNH DỆT<br>MAY – GIÀY DÉP .....                                            | 101 |
| PHẦN III.....                                                                                                                 | 110 |
| QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIÀY DÉP TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN<br>NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 .....                      | 110 |
| CHƯƠNG 5: CÁC PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN .....                                                                                      | 110 |
| CHƯƠNG 6: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN .....                                                                                          | 115 |
| CHƯƠNG 7: NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ.....                                                                                             | 143 |
| PHẦN IV.....                                                                                                                  | 172 |
| KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....                                                                                                   | 172 |
| PHỤ LỤC.....                                                                                                                  | 178 |

## **DANH MỤC BẢNG**

|                                                                                                    |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu Dệt May của các nước tiêu biểu năm 2014.....                           | 13 |
| Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu Dệt May của các nước tiêu biểu năm 2014.....                           | 13 |
| Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu giày dép của các nước tiêu biểu năm 2014 .....                         | 14 |
| Bảng 4: Kim ngạch xuất khẩu giày dép của các nước tiêu biểu năm 2014 .....                         | 15 |
| Bảng 5: Kim ngạch xuất khẩu giày dép của Việt Nam tại các thị trường lớn giai đoạn 2012-2015 ..... | 28 |
| Bảng 6: Giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng ngành DMG .....                                     | 30 |
| Bảng 7: Quy mô sản xuất ngành DMG giai đoạn 2008-2015.....                                         | 31 |
| Bảng 8:Lực Lượng Lao động trong ngành DMG giai đoạn 2008-2015.....                                 | 32 |
| Bảng 9:Giá trị sản xuất ngành dệt may giai đoạn 2008 - 2015.....                                   | 36 |
| Bảng 10: Quy mô sản xuất ngành giai đoạn 2008-2015.....                                            | 37 |
| Bảng 11: Cơ sở sản xuất giai đoạn 2008 – 2015.....                                                 | 38 |
| Bảng 12: Cơ sở sản xuất ngành Dệt giai đoạn 2008 - 2015.....                                       | 39 |
| Bảng 13:Cơ sở sản xuất ngành May giai đoạn 2008 - 2015 .....                                       | 40 |
| Bảng 14: Giá trị sản xuất ngành Dệt giai đoạn 2008 - 2015.....                                     | 41 |
| Bảng 15: Giá trị sản xuất ngành May giai đoạn 2008 - 2015 .....                                    | 44 |
| Bảng 16:Kim ngạch xuất khẩu và mức tăng trưởng bình quân 2008-2015.....                            | 48 |
| Bảng 17:Đầu tư sản xuất trong ngành DMG .....                                                      | 49 |
| Bảng 29: Số liệu về các nhóm kỹ thuật ngành DMG.....                                               | 70 |
| Bảng 30:Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệptỉnh Đồng Nai giai đoạn 2008-2015 .....            | 83 |

|                                                                                                       |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 32: Mục tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp maytính Đồng Nai giai đoạn 2008-2015 ..... | 84 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|

## **DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

|                                                                                        |     |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Biểu đồ 1: Quy mô tiêu thụ dệt may toàn cầu .....                                      | 12  |
| Biểu đồ 2: Tỷ trọng sản xuất sản phẩm giày dép của các nước trên thế giới .....        | 14  |
| Biểu đồ 3: Sản lượng tiêu thụ bông của các quốc gia trên thế giới 2015 .....           | 17  |
| Biểu đồ 4: Sản lượng sợi qua các năm .....                                             | 18  |
| Biểu đồ 5: Kim ngạch xuất khẩu sợi qua giai đoạn 2010-2015 .....                       | 19  |
| Biểu đồ 6: Kim ngạch nhập khẩu sợi qua giai đoạn 2010-2015 .....                       | 20  |
| Biểu đồ 7: Sản lượng sản xuất vải trong nước giai đoạn 2008-2014 .....                 | 21  |
| Biểu đồ 8: Kim ngạch nhập khẩu vải giai đoạn 2008-2014 .....                           | 22  |
| Biểu đồ 9: Kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành dệt may giai đoạn 2010-2015 ..... | 23  |
| Biểu đồ 10: Sản lượng sản xuất 2014 .....                                              | 27  |
| Biểu đồ 11: Cơ cấu doanh thu tiêu thụ dệt may .....                                    | 28  |
| Biểu đồ 12: Thị phần xuất khẩu giày dép của Việt Nam năm 2015 .....                    | 29  |
| Biểu đồ 13: Chỉ số T, H, I, O ngành DMG .....                                          | 50  |
| Biểu đồ 14: Xu hướng phát triển của ngành dệt may .....                                | 96  |
| Biểu đồ 15: Tốc độ tăng trưởng GDP và chi tiêu dệt may/người 2012-2025 .....           | 97  |
| Biểu đồ 16: Dự đoán kim ngạch xuất khẩu sản phẩm dệt may sang Mỹ .....                 | 108 |
| Biểu đồ 17: Biểu đồ thể hiện kim ngạch xuất khẩu sản phẩm Dệt May .....                | 179 |
| Biểu đồ 18: Biểu đồ thể hiện sản lượng sản xuất Bông xơ .....                          | 180 |
| Biểu đồ 19: Biểu đồ thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm vải .....                     | 182 |

|                                                                                |     |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Biểu đồ 20: Biểu đồ thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm vải các loại .....    | 183 |
| Biểu đồ 21: Biểu đồ thể hiện sản lượng sản xuất quần áo may sẵn các loại ..... | 184 |
| Biểu đồ 22: Đồ thị lực lượng lao động ngành Dệt .....                          | 186 |
| Biểu đồ 23: Đồ thị thể hiện số lượng lao động ngành May .....                  | 188 |
| Biểu đồ 24: Đồ thị thể hiện kim ngạch xuất khẩu ngành Giày Dép .....           | 190 |
| Biểu đồ 25: Đồ thị thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm giày dép .....         | 191 |
| Biểu đồ 26: Đồ thị thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm Vải .....              | 192 |
| Biểu đồ 27: Đồ thị thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm balo .....             | 193 |
| Biểu đồ 28: Đồ thị thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm túi xách .....         | 194 |
| Biểu đồ 29: Đồ thị thể hiện sản lượng sản phẩm da tổng hợp .....               | 196 |
| Biểu đồ 30: Biểu đồ thể hiện sản lượng sản phẩm da thuộc .....                 | 197 |
| Biểu đồ 31: Đồ thị giá trị vốn đầu tư vào ngành DMG.....                       | 202 |
| Biểu đồ 32: Biểu đồ thể hiện giá trị vốn đầu tư ngành Dệt.....                 | 203 |
| Biểu đồ 33: Đồ thị thể hiện giá trị vốn đầu tư vào ngành May .....             | 204 |



## PHẦN MỞ ĐẦU

### I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG QUY HOẠCH

Sự cần thiết phải xây dựng Quy hoạch phát triển ngành dệt, may và giày dép (viết tắt là DMG) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030 xuất phát từ những vấn đề sau:

1. Cùng với sự phát triển kinh tế của cả nước, khu vực và Thế giới, kinh tế Đồng Nai không ngừng phát triển, thu nhập và mức sống của người lao động ngày càng được nâng cao<sup>1</sup>, nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng thiết yếu hàng ngày của người dân hướng đến chất lượng, mẫu mã thời trang ngày càng cao, đặc biệt nhu cầu thời trang may mặc, giày dép cũng tăng dần. Theo điều tra của các chuyên gia ngành may mặc (Nguyễn, 2016), nhu cầu chi tiêu cho ngành may mặc của người lao động chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu tiêu dùng, do đó cần có những định hướng phát triển về sản phẩm trong thời gian tới cho phù hợp với nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng.

2. Cùng với sự tăng trưởng về kinh tế và sự gia tăng về nhu cầu đối với ngành dệt may, giày dép và sự chuyển hướng đầu tư ở một số nước phát triển, có chi phí thuê nhân công cao, làm hạn chế hiệu quả sản xuất kinh doanh nên các nhà đầu tư tranh thủ, khai thác lợi thế Việt Nam có nguồn lao động dồi dào, chi phí nhân công rẻ, vị trí địa lý thuận lợi,... Nhiều nhà đầu tư nước ngoài (Nguyễn, 2016) đã chuyển hướng đầu tư sang nước ta nhằm đón đầu xu hướng hội nhập hóa và hưởng được những lợi thế của các hiệp định thương mại AEC và TPP. Đồng Nai là một trong những địa phương có nhiều nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào ngành công nghiệp dệt, may và giày dép, công nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng trên 90% về giá trị sản xuất công nghiệp của ngành dệt, may và giày dép của Tỉnh<sup>2</sup>. Tuy nhiên, nhiều dự án chủ yếu vẫn còn mang nặng hình thức gia công, giá trị gia tăng thấp, thu hút nhiều lao động... công nghiệp phụ trợ cho ngành như nguyên phụ liệu cho sản xuất chưa phát triển.

3. Thời gian qua, ngành công nghiệp DMG trên địa bàn tỉnh phát triển khá mạnh, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008-2015 đạt 18,2%/năm, kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 7,3%/năm; năm 2015 đạt 4.442 triệu USD, chiếm tỷ trọng cao trên tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh. Xét tính hiệu quả về mặt kinh tế xã hội mang lại, ngành này có đóng góp lớn vào GDP, kim ngạch xuất khẩu, góp phần phát triển kinh tế của tỉnh, là ngành giải quyết nhiều việc làm cho xã hội,... Tuy nhiên, sự phát triển này còn

---

<sup>1</sup>Tổng cục thống kê Đồng Nai

<sup>2</sup>Sở công thương Đồng Nai 2015

mang tính tự phát, chưa có sự chọn lọc, phân kỳ kêu gọi các dự án đầu tư cũng như phân bố hợp lý giữa các địa phương, vùng lãnh thổ, làm mất cân đối về cơ cấu lao động và một số vấn đề xã hội phát sinh về yếu tố con người, môi trường, nhà ở...

4. Hiện nay, tỉnh chưa có chiến lược, quy hoạch (đã có QH 2008) phát triển riêng cho ngành dệt may, giày dép để đưa ra được những định hướng, giải pháp phát triển cho ngành, phân kỳ thu hút đầu tư cho từng giai đoạn phù hợp với xu thế phát triển chung, đảm bảo ngành phát triển đúng định hướng, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành trong tiến trình hội nhập và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, các nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu cụm công nghiệp chưa quan tâm nhiều đến hiệu quả hoạt động của khu, cụm công nghiệp sau này, cũng như các yếu tố đảm bảo để khu cụm công nghiệp hoạt động tốt như vấn đề môi trường, lượng cung ứng công nhân,... mục đích kinh doanh khu cụm chủ yếu hiện nay là lấp đầy, thu hồi vốn nhanh.

5. Kể từ đầu năm 2015, AEC chính thức có hiệu lực và TPP chính thức được ký kết, đã mở ra không ít những cơ hội đồng thời thách thức cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước trong cả thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, những hiệp ước thương mại song phương giữa Việt Nam và các nước Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc đã có hiệu lực giúp mở rộng thị trường, tạo cơ hội hợp tác, học tập và tiếp thu được nền công nghệ mới. Do đó cần thiết phải hình thành định hướng quy hoạch cho ngành để hội nhập bền vững.

## **II. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH**

Quy hoạch đã áp dụng các phương pháp sau để nghiên cứu lập quy hoạch:

- Phương pháp điều tra khảo sát
- Phương pháp kế thừa, cân đối và dự báo
- Phương pháp phân tích thống kê, phân tích tổng hợp
- Phương pháp chuyên gia

## **III. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH**

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công

bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 55/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công thương ban hành Quy định nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển lĩnh vực công nghiệp;

Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/04/2014 của Bộ Công Thương, về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 36/2007/QĐ-BCN ngày 06/08/2007 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành da -giày đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 8/10/2014 của Bộ Công thương, về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai V/v phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí Quy hoạch phát triển ngành Dệt may – Giày dép tỉnh Đồng Nai năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025.

Quyết định số 3924/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2007-2015, tầm nhìn đến năm 2020.

#### **IV. PHẠM VI QUY HOẠCH**

Ngành dệt, may và giấy dệp theo phân ngành thống kê gồm có 3 phân ngành, do đó đề án Quy hoạch ngành DMG trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 hiện trạng, xây dựng định hướng và giải pháp phát triển 03 chuyên ngành công nghiệp: chủ yếu tập trung đánh giá:

1. Ngành dệt (ngành 17);
2. Ngành may mặc (ngành 18);
3. Ngành giấy dệp (ngành 19).

#### **V. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH CẦN GIẢI QUYẾT**

Căn cứ theo Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/04/2014 của Bộ Công Thương, về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, lập quy hoạch phát triển ngành dệt may – giấy dệp tỉnh Đồng Nai nhằm thực hiện những mục tiêu sau:

1/ Xây dựng ngành công nghiệp dệt may – giấy dệp tỉnh Đồng Nai trở thành một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Phát triển ngành dệt may – giấy dệp tỉnh Đồng Nai đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu dùng nội địa và hướng về xuất khẩu sản phẩm dệt may – giấy dệp tới các thị trường ngoài nước; nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập vững chắc vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

2/ Kiểm soát đảm bảo cho ngành dệt may - giấy dệp tỉnh Đồng Nai phát triển bền vững, hiệu quả dựa trên cơ sở công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý chất lượng, quản lý lao động, quản lý môi trường theo các chuẩn mực quốc tế; điều chỉnh nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên của ngành, tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu các tác động ô nhiễm môi trường.

3/ Phân bố các khu/cụm công nghiệp dệt may – giấy dệp ở các vị trí phù hợp theo quỹ đất công nghiệp quy hoạch, phù hợp với mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm môi trường; thuận lợi về hệ thống cơ sở hạ tầng và giao thông. Quy hoạch xây dựng các khu/cụm công nghiệp dệt may – giấy dệp theo mô hình phát triển xanh có hạ tầng đồng bộ, hạ tầng kết nối trong, ngoài và dịch vụ thuận tiện phục vụ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và điều kiện sinh hoạt của người lao động.

4/ Chuyên môn hóa sản xuất các sản phẩm dệt may – giày dép; phát triển ngành dệt may – giày dép của tỉnh chuyển từ hình thức gia công sản xuất sang phương thức tự sản xuất, mua nguyên liệu, bán thành phẩm, đảm bảo nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu; thu hút đầu tư theo hướng chuyên ngành để tạo ra chuỗi các dự án có khả năng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, kêu gọi đầu tư theo chiều sâu để nâng giá trị gia tăng các sản phẩm, cải thiện điều kiện làm việc cho lao động và bảo vệ môi trường.

5/ Phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho sự phát triển bền vững của ngành dệt may – giày dép, trong đó chú trọng đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề nhằm tạo ra đội ngũ doanh nhân giỏi, cán bộ, công nhân lành nghề, chuyên sâu đáp ứng được nhu cầu sản xuất áp dụng các máy móc và công nghệ hiện đại trong dây chuyền sản xuất.

6/ Kêu gọi, thu hút đầu tư, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành các cụm công nghiệp dệt may – giày dép đã được quy hoạch.

Nhằm đạt được các mục tiêu nêu trên, yêu cầu đặt ra cho ngành dệt may – giày dép tỉnh Đồng Nai theo từng giai đoạn bao gồm:

- Giai đoạn 2016 – 2020: Phát triển ngành dệt may – giày dép đạt tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất công nghiệp là 10% đến 11%/ năm; tăng trưởng xuất khẩu đạt 11% đến 12%/năm; tăng trưởng thị trường nội địa đạt 10% đến 12%/năm. Theo đó, góp phần hoàn thành mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân của tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 từ 8- 9%/năm, cơ cấu GRDP ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 55 - 56%.
- Giai đoạn 2021 – 2025: Phát triển ngành dệt may – giày dép đạt tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất công nghiệp ngành đạt 6% đến 8%/năm; tăng trưởng xuất khẩu đạt 6% đến 7%/năm; tăng trưởng thị trường nội địa đạt 8% đến 9%/năm. Góp phần hoàn thành mục tiêu đến năm 2025 của tỉnh với cơ cấu GRDP ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 53 - 54%.
- Giai đoạn 2025 – 2030: Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất công nghiệp ngành đạt 5% đến 7%/năm; tăng trưởng xuất khẩu đạt 6% đến 7%/năm; tăng trưởng thị trường nội địa đạt 5% đến 7%/năm.

## PHẦN I

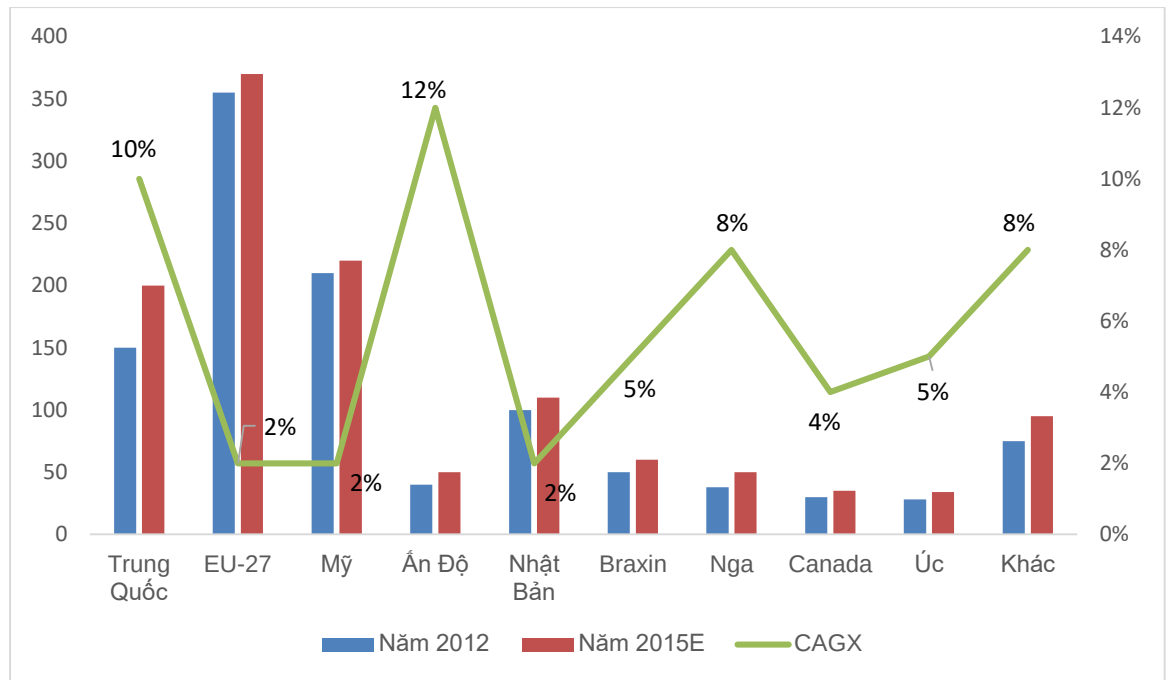
### HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIÀY DÉP TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2008-2015

#### CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY – GIÀY DÉP VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI

##### I. KHÁI QUÁT HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIÀY DÉP THẾ GIỚI

###### 1. Hiện trạng phát triển ngành công nghiệp Dệt may - Giày dép thế giới.

Ngành dệt, may và giày dép (DMG) là một trong các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, tập trung ở các nước có nguồn lao động dồi dào, giá rẻ như các nước ở châu Á, Đông Âu và Nam Mỹ, các sản phẩm may mặc được xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản từ hàng cấp thấp đến cấp cao.



Nguồn : Wazir Advisor

*Biểu đồ 1: Quy mô tiêu thụ dệt may toàn cầu*

Theo Công ty cố vấn tiêu dùng toàn cầu Wazir Advisors(Raju and Kumar, 2016), quy mô tiêu thụ sản phẩm dệt may thế giới năm 2015 ước tính khoảng 2.110 tỷ USD, tăng gấp khoảng 1,91 lần so với quy mô tiêu thụ năm 2012 (1.105 tỷ USD), trong đó tốc độ tăng trưởng lũy kế (CAGX) tương đương 5%. Tính đến năm 2015, bốn thị trường tiêu thụ sản phẩm dệt may lớn nhất thế giới là EU-27, tiếp theo là Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản với tổng giá trị tiêu thụ chiếm 78,4% quy mô tiêu thụ toàn cầu. Các quốc gia khác chiếm 44% dân số thế giới nhưng chỉ chiếm khoảng 7% quy mô thị trường dệt

may toàn cầu. Cụ thể, EU-27 là khu vực có sản lượng tiêu thụ cao nhất, 371 tỷ USD, chiếm 17,58% quy mô tiêu thụ toàn cầu. Xét về tốc độ tăng trưởng giá trị tiêu dùng lũy kế (CAGX) của các nước, Ấn Độ là quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất với 12%.

*Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu Dệt May của các nước tiêu biểu năm 2014*

| Quốc gia   | Tỷ USD | Tỷ trọng |
|------------|--------|----------|
| Trung Quốc | 220,9  | 37,5%    |
| Ấn Độ      | 29,8   | 5,1%     |
| Thổ Nhĩ Kỳ | 23,6   | 4%       |
| Việt Nam   | 22,2   | 3,8%     |
| Khác       | 292,5  | 49,7%    |
| Tổng       | 589    | 100%     |

Nguồn: UN Comtrade

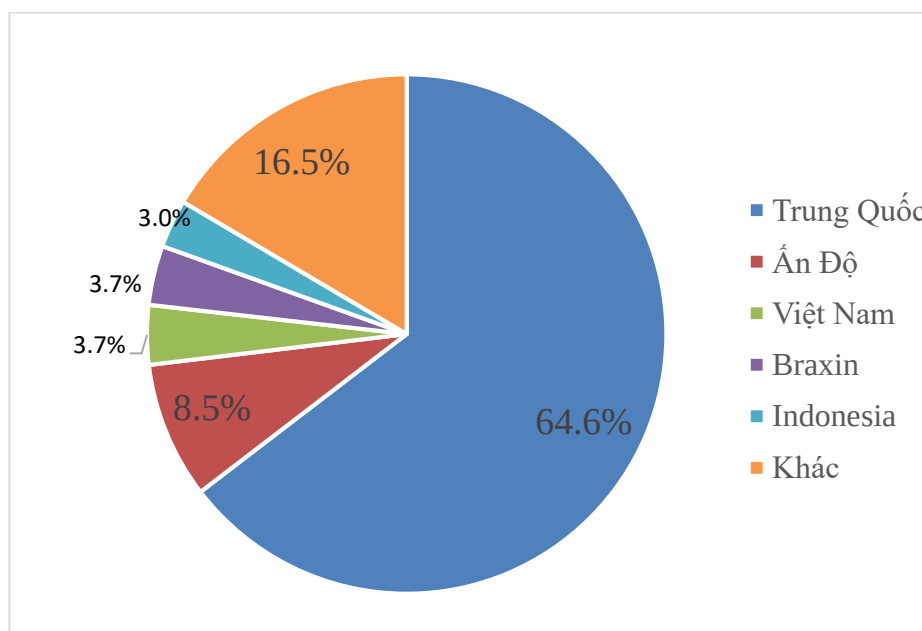
Thương mại dệt may toàn cầu năm 2014 đạt 1.116,7 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 589 tỷ USD, nhập khẩu đạt 527,7 tỷ USD. Bốn nước xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam, chiếm 50,3% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may toàn cầu.

*Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu Dệt May của các nước tiêu biểu năm 2014*

| Quốc gia | Tỷ USD | Tỷ trọng |
|----------|--------|----------|
| Mỹ       | 92,7   | 17,6%    |
| Đức      | 43,4   | 8,2%     |
| Nhật     | 31,7   | 6,0%     |
| Anh      | 30,5   | 5,8%     |
| Pháp     | 25,7   | 4,9%     |
| Khác     | 303,7  | 57,9%    |
| Tổng     | 527,7  | 100%     |

Nguồn: UN Comtrade

Tính trong năm 2014, quốc gia nhập khẩu dệt may lớn nhất thế giới gồm Mỹ, Đức, Nhật, Anh, Pháp, chiếm 42,4% tổng kim ngạch nhập khẩu dệt may toàn cầu.



Nguồn: Hiệp hội xuất khẩu da-giày-túi xách Việt Nam

*Biểu đồ 2: Tỷ trọng sản xuất sản phẩm giày dép của các nước trên thế giới*

Theo ước tính của tạp chí quốc tế chuyên ngành Da giày – túi xách, tổng sản lượng giày dép toàn cầu năm 2014 đạt 24,3 tỷ đôi. Trong đó, top 10 nước có sản lượng xuất khẩu lớn nhất thế giới chiếm hơn 90% sản lượng. Các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Braxin là 4 quốc gia có sản lượng sản xuất lớn nhất thế giới, tỷ trọng trên tổng sản lượng thế giới lần lượt là 64,6%; 8,5%; 3,7%; 3,7%, các nước còn lại chiếm 19,5% sản lượng sản xuất. Bên cạnh đó, sản lượng tiêu thụ giày dép toàn cầu năm 2014 đạt 19,5 tỷ đôi. Ba nước tiêu thụ hàng đầu thế giới là Trung Quốc chiếm 19%, Hoa Kỳ gần 12% và Ấn Độ 10,5% sản lượng giày dép thế giới. Top 10 nước tiêu thụ lớn nhất chiếm 60% lượng tiêu thụ toàn cầu.

*Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu giày dép của các nước tiêu biểu năm 2014*

| Quốc gia   | Tỷ USD | Tỷ trọng |
|------------|--------|----------|
| Trung Quốc | 53,8   | 40,5%    |
| Việt Nam   | 12,2   | 9,2%     |
| Ý          | 11,1   | 8,3%     |
| Belgium    | 5,6    | 4,2%     |
| Đức        | 5,1    | 3,8%     |
| Khác       | 45,2   | 34,0%    |
| Tổng       | 133    | 100%     |

Nguồn: Hiệp hội da – giày – túi xách Việt Nam



Thương mại giày dép toàn cầu năm 2014 đạt 255 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 133 tỷ USD, nhập khẩu đạt 122 tỷ USD. Về xuất khẩu, thị phần giày dép của Việt Nam đạt 9,2%, chỉ sau Trung Quốc (40,5%). Top 10 nước xuất khẩu lớn nhất chiếm 80% kim ngạch xuất khẩu giày dép toàn cầu.

*Bảng 4: Kim ngạch xuất khẩu giày dép của các nước tiêu biểu năm 2014*

| Quốc gia | Tỷ USD | Tỷ trọng |
|----------|--------|----------|
| Mỹ       | 26,6   | 21,8%    |
| Đức      | 10,0   | 8,2%     |
| Pháp     | 7,4    | 6,1%     |
| Anh      | 7,1    | 5,8%     |
| Ý        | 5,5    | 4,5%     |
| Khác     | 65,4   | 53,6%    |
| Tổng     | 122    | 100,0%   |

Nguồn: Hiệp hội da – giày – túi xách Việt Nam

Về nhập khẩu, Mỹ là nước nhập khẩu lớn nhất thế giới chiếm 20,5% về số lượng và 21,8% về giá trị. Các nước phát triển ở châu Âu là Anh, Đức, Pháp, Italia, Hà Lan, Nga... cũng là những nước nhập khẩu lớn nhất. Top 10 nước nhập khẩu lớn nhất thế giới năm 2014 chiếm 56% về số lượng và 64% về tổng trị giá nhập khẩu giày dép toàn cầu.

Các kinh đô thời trang (Pháp, Italia, Hoa Kỳ,...) chủ yếu tập trung vào khâu mang lại giá trị gia tăng cao nhất của chuỗi giá trị dệt may là thiết kế, marketing, phân phối, làm các sản phẩm cao cấp mang thương hiệu nổi tiếng trên thế giới với số lượng nhỏ nhưng giá bán rất cao (Chanel, H&M, Hugo Boss, LV...).

Trung Quốc là nước có nguồn nhân công rẻ nhưng không phải rẻ nhất, theo nghiên cứu của Công ty tư vấn Hoa Kỳ Jassin O'Rourke (năm 2008) có 7 nước Châu Á có giá lao động trong ngành dệt may thấp hơn giá lao động ở Trung Quốc: Bangladesh (0,22 USD/giờ) chỉ bằng 20% so với giá công lao động tại các tỉnh ven biển phía Đông TQ, Campuchia (0,33 USD/giờ), Pakistan (0,37 USD/giờ), Việt Nam (0,38 USD/giờ). Năm 2015, chi phí nhân công ngành dệt may Trung Quốc là 2,1 USD/giờ, Thái Lan: 2,14 USD/giờ, trong khi giá lao động ở Việt Nam chỉ 0,6 USD/giờ, đây là một lợi thế đối với ngành dệt may, giày dép của Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh, cũng như là yếu tố quan trọng để thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào ngành Dệt may, giày dép ở Việt Nam.

Trong năm 2014, Mỹ là nhà nhập khẩu giày dép lớn nhất (chiếm 20,6% trong tổng thị phần thế giới, các sản phẩm giày, dép này chủ yếu đến từ 4 nhà cung cấp lớn là Trung Quốc (66%), Việt Nam (14%), Italia (5%) và Indonesia (5%). Ba quốc gia Châu Á (Trung Quốc, Việt Nam, Indonesia) cung cấp 94,3% trong tổng số 2,35 tỷ đôi giày được nhập khẩu vào Mỹ.

## **2. Xu hướng phát triển**

Việt Nam là quốc gia đứng thứ 4 trong các nước xuất khẩu dệt may thế giới chiếm 3,8% chỉ thua Thổ Nhĩ Kỳ 0,2% nên việc vươn lên để trở thành nước xuất khẩu dệt may lớn thứ 3 thế giới và nằm trong top 10 nước có sản lượng giày dép xuất khẩu lớn nhất thì có khả năng vươn lên các thứ bậc cao hơn do nhiều ưu thế như nguồn nhân công rẻ hơn (chỉ 0,38 USD/giờ), nguồn lực lao động lớn hơn (90 triệu so với con số 78 triệu năm 2014), đồng thời Việt Nam đang tham gia vào các hiệp định thương mại tự do song phương FTA, hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP, đây chính là những lợi thế sản phẩm dệt may, giày dép có thể bao phủ nhiều quốc gia trên thế giới. Không những vậy tại các quốc gia phát triển người dân bản địa bình thường thì không thể trả quá nhiều cho những mặt hàng xa xỉ nên các sản phẩm có thương hiệu không nổi tiếng lắm và chất lượng tốt thì sẽ được người dân chọn lựa nên sản phẩm của Việt Nam phải phát triển theo những dòng sản phẩm có tên tuổi cùng chất lượng tốt.

## **II. KHÁI QUÁT HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIÀY DÉP VIỆT NAM**

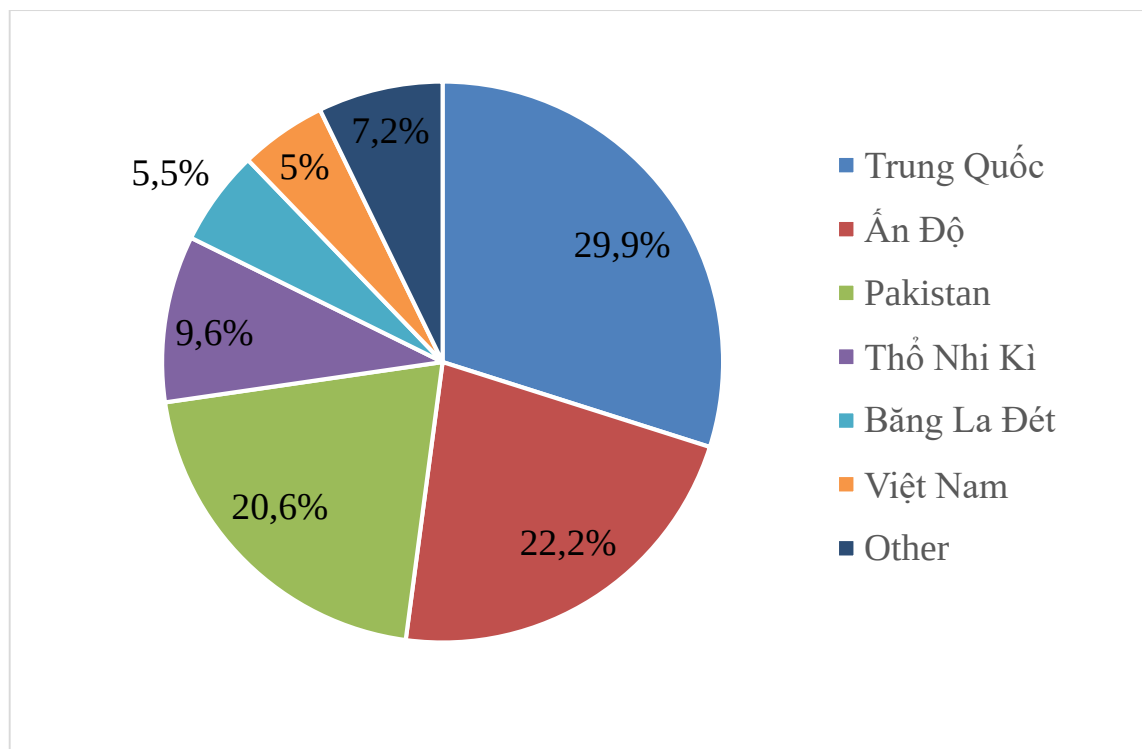
### **1. Quá trình phát triển ngành công nghiệp Dệt may - Giày dép Việt Nam giai đoạn 2008-2015.**

#### *1.1. Ngành Dệt may*

##### **a. Thực trạng tiêu thụ bông**

Việt Nam là quốc gia nằm trong top 10 nước có sản lượng tiêu thụ bông lớn nhất thế giới. Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), trong niên vụ năm 2014/2015, sản lượng tiêu thụ bông của Việt Nam đạt 893 nghìn tấn, chiếm 5% trên tổng lượng bông tiêu thụ toàn cầu, đứng thứ 6 trên toàn thế giới, cụ thể đứng sau Trung Quốc (7.185 nghìn tấn- chiếm 29,9%), Ấn Độ (5,334 nghìn tấn – chiếm 22,2%), Pakistan (2.308 nghìn tấn- 20,6%), Thổ Nhĩ Kỳ (1,393 nghìn tấn- chiếm 9,6%), Băng la đét (1.197 nghìn tấn- chiếm 5,8%). Tuy nhiên, Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ bông trung bình cao nhất thế giới trong giai đoạn 2011-2014, với tốc độ tăng trưởng bình quân 34,9%/năm, so với tốc độ giảm 4,6% của Trung Quốc. Theo dự báo của

USDA, sản lượng tiêu thụ bông của Việt Nam trong niên vụ 2015/2016 đạt khoảng 1.110 nghìn tấn, tăng 24,3% so với niên vụ trước. Nguyên nhân tăng nhanh chóng nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao của ngành công nghiệp kéo sợi.



Nguồn : USDA

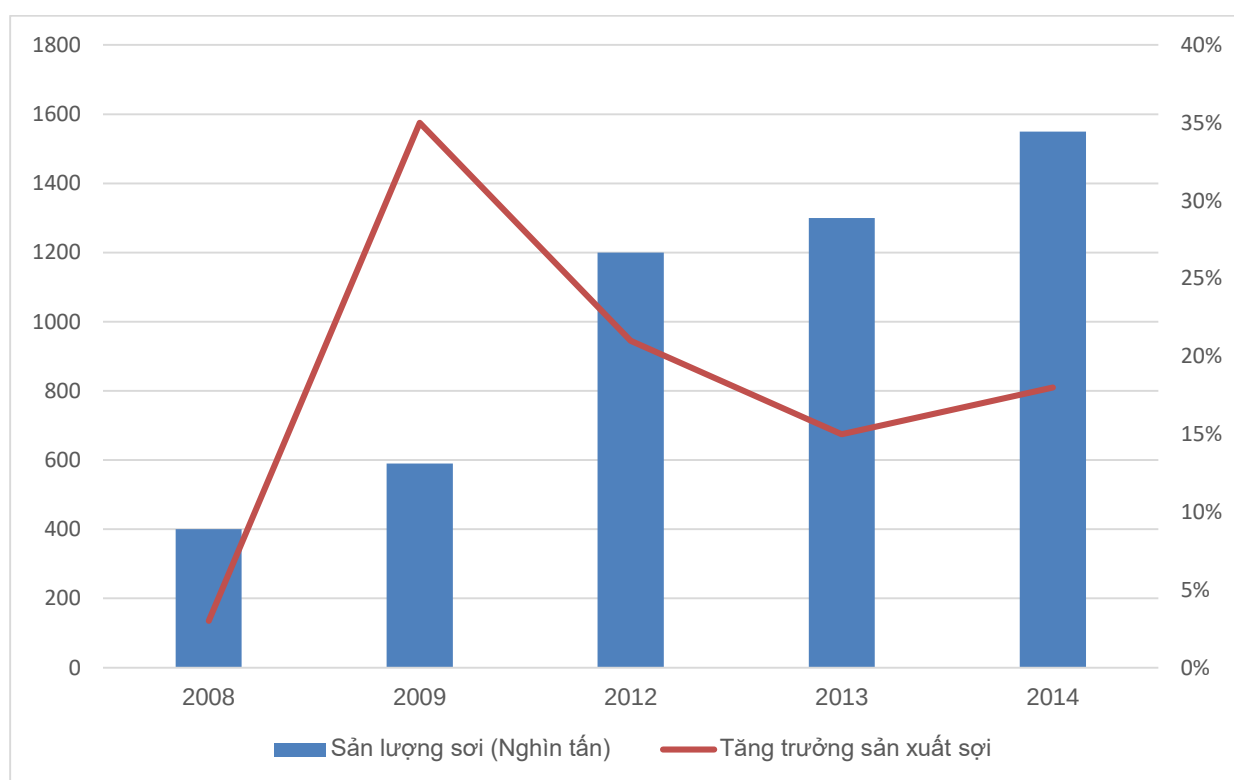
*Biểu đồ 3: Sản lượng tiêu thụ bông của các quốc gia trên thế giới 2015*

Theo báo cáo tổng hợp của LPB Research, Việt Nam đang phụ thuộc gần như hoàn toàn vào nguồn nhập khẩu bông của các nước trên thế giới, là điểm yếu ngay trong mắt xích đầu tiên của toàn ngành công nghiệp dệt may, cụ thể nguồn cung từ thị trường quốc tế chiếm hơn 99%. Tính đến năm 2015, Việt Nam đã nhập khẩu 1 triệu tấn bông tăng 180% so với năm 2010 (357,4 nghìn tấn), kim ngạch 1,6 tỷ USD tăng 137% so với giá trị xuất khẩu năm 2010 (674,5 triệu USD). Bên cạnh đó, năng lực cung cấp từ thị trường nội địa chỉ đạt 1.360 tấn, giảm 61,1% so với sản lượng năm 2010 (3500 tấn). Nguyên nhân giảm chính là do việc diện tích trồng bông trong nước ngày càng bị thu hẹp, do những khó khăn về điều kiện khí hậu, thời tiết, khiến cho giá bông giảm mạnh những năm gần đây, chất lượng cây bông kém không đạt đủ tiêu chuẩn sản xuất trong nước và xuất khẩu.

#### b. Thực trạng phát triển công nghiệp Dệt

Sản lượng sản xuất sợi nội địa của Việt Nam tăng trưởng tương đối cao trong giai đoạn 2008-2014. Cụ thể, năm 2014, sản lượng sợi đạt 1,5 triệu tấn, tăng 16,8% so với năm 2013, và tăng 365,4% so với năm 2008, có tốc độ tăng trưởng sản lượng sợi

bình quân đạt 21,93%. Quy mô sản xuất sợi tăng nhanh nhờ vào sự thu hút đầu tư từ những dự án FDI, và các nhà máy đầu tư trong khu vực trước do được đi vào vận hành, áp dụng được những trình độ tiên tiến khoa học kỹ thuật nhờ vào nguồn vốn lớn. Trong đó, có thể kể đến những doanh nghiệp lớn như Tập đoàn Texhong với quy mô khoảng 450.000 tấn sợi/năm tại KCN Hải Yên, Quảng Ninh. Sợi Thế Kỷ xây thêm nhà máy với công suất 30.000 tấn sợi/năm tại KCN Trảng Bàng 3, Tây Ninh<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, nhờ vào những hiệp định thương mại kinh tế, Cộng đồng kinh tế AEC, Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương được đi vào hoạt động, dự kiến sẽ thu hút thêm nhiều những dự án đầu tư nước ngoài, cụ thể nguồn vốn đầu tư sẽ tăng hơn 20 tỷ USD đến năm 2030 theo GSO.



Nguồn : GSO

*Biểu đồ 4: Sản lượng sợi qua các năm*

Ngoài ra, trong bối cảnh giá bông cao tại thị trường Trung Quốc do chính sách thu mua bông nội địa giá cao và cấp hạn ngạch bông nhập khẩu, nhiều doanh nghiệp lớn của nước này đã chuyển nhà máy sản xuất sợi sang Việt Nam để tận dụng nguồn bông nhập khẩu giá rẻ, sau đó xuất ngược trở lại Trung Quốc – đây cũng là nguyên nhân thứ 2 khiến sản lượng sợi tăng mạnh.

<sup>3</sup>Sở công thương Đồng Nai

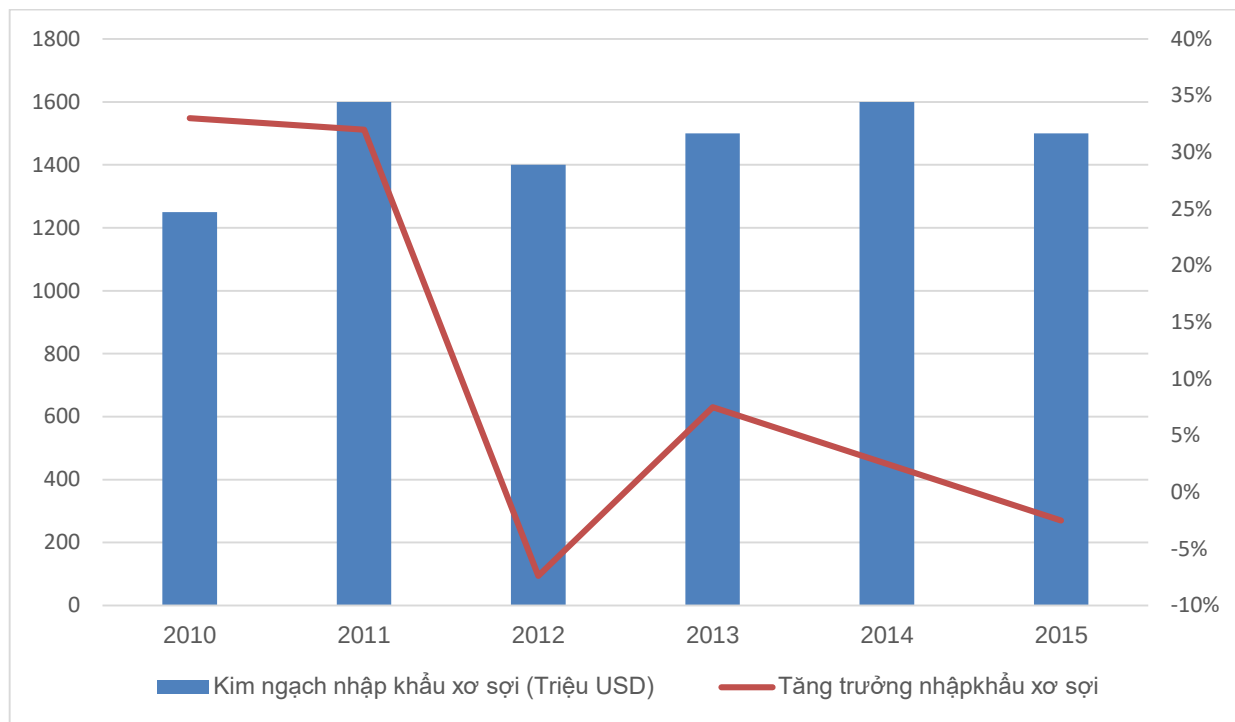
Tính trong năm 2014, Việt Nam sản xuất được khoảng 1,5 triệu tấn sợi, nhưng lại xuất khẩu đi khoảng 858,3 nghìn tấn, tức khoảng 60% sản lượng sản xuất được trong nước, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu xơ sợi phát triển không đồng đều, giảm dần trong giai đoạn 2011-2015, cụ thể tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 13,4%.



Nguồn: GSO

*Biểu đồ 5: Kim ngạch xuất khẩu sợi qua giai đoạn 2010-2015*

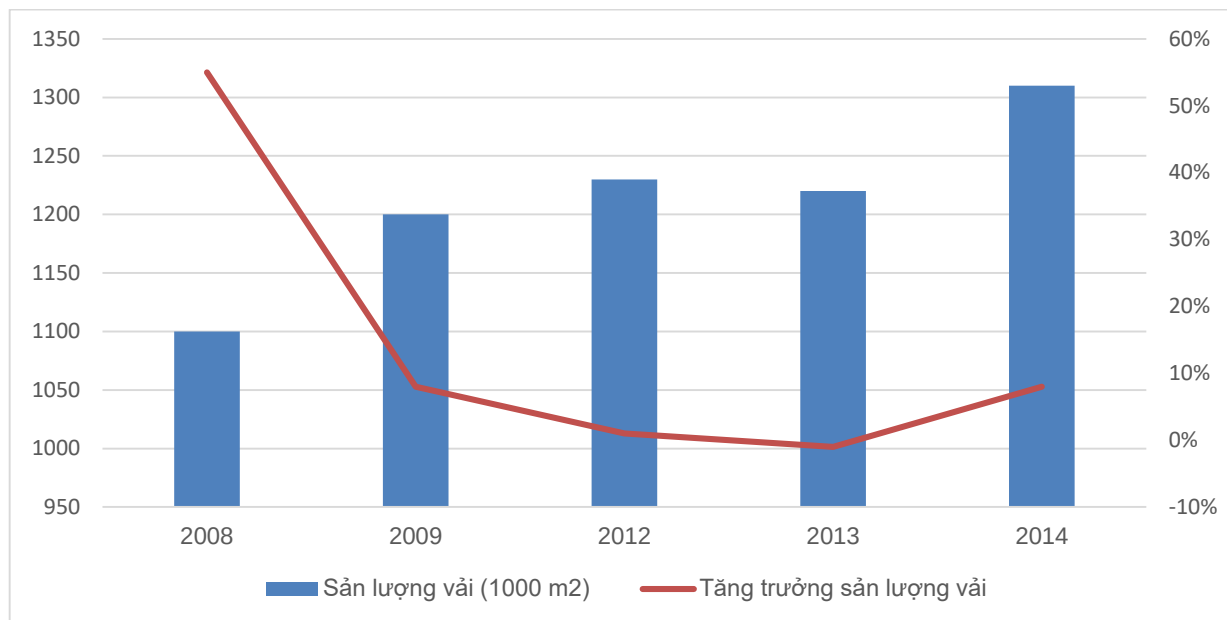
Năm 2014, nước ta nhập khẩu 739,9 nghìn tấn sản lượng xơ sợi, tức chiếm 86,2% sản lượng xuất đi. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu xơ sợi dật may trong giai đoạn 2010-2015 thay đổi không đồng đều và có xu hướng giảm, cụ thể chỉ tăng 3,7%.



Nguồn: GSO

*Biểu đồ 6: Kim ngạch nhập khẩu sợi qua giai đoạn 2010-2015*

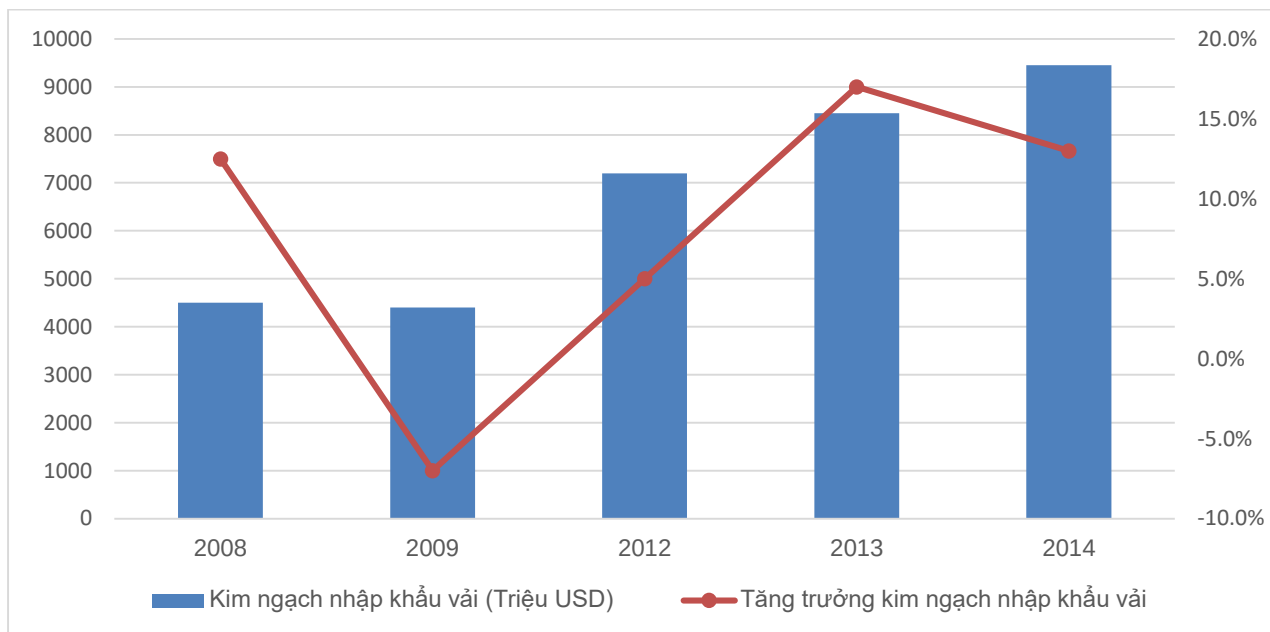
Có thể thấy, độ chênh lệch giữa kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu xơ sợi đang là những vấn đề khó khăn hàng đầu của ngành dệt Việt Nam, với sản lượng sản xuất lớn, tuy nhiên hầu hết lại xuất khẩu và sau đó nhập khẩu về sản lượng xơ sợi gần bằng. nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, gồm: chất lượng sợi không phù hợp, quy mô khâu dệt nhuộm hoàn tất chưa phát triển tương xứng và đặc tính may gia công xuất khẩu của Việt Nam. Theo đó, sản phẩm sợi của nước ta chưa đa dạng về chủng loại (chủ yếu là sợi cotton, sợi polyester), chất lượng các sản phẩm sợi tập trung ở phân khúc cấp thấp, trung bình nên không đáp ứng được nhu cầu dệt nhuộm vốn đòi hỏi nhiều loại sợi khác nhau (sợi len, sợi spandex, sợi nylon...). Thứ hai, năng lực của khâu dệt nhuộm chậm phát triển hơn so với khâu sợi khiến đầu ra của sợi bị tắc nghẽn, buộc các doanh nghiệp sợi phải tìm đường xuất khẩu. Thứ ba, khâu may của Việt Nam có đến 80% là gia công nên việc chọn nguyên liệu phải theo sự chỉ định của khách hàng. Các doanh nghiệp không thể chủ động đặt nguồn nguyên liệu vải trong nước tác động không tốt đến nhu cầu của khâu dệt nhuộm và sợi trong nước.



Nguồn : GSO

*Biểu đồ 7: Sản lượng sản xuất vải trong nước giai đoạn 2008-2014*

Năm 2014, năng lực sản xuất vải của nước ta đạt 1,3 tỷ m<sup>2</sup>, tăng 6,8% so với năm 2013, tăng 19,1% so với năm 2008. Trong giai đoạn 2008-2014, sản lượng vải tăng trung bình 2,95%/năm, tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với sản lượng sản xuất sợi trong cùng thời kì. Trong đó, 40% sản phẩm vải thô sau khi sản xuất được xuất khẩu sang các thị trường như Hàn Quốc, Trung Quốc, sau đó xuất khẩu ngược sang Việt Nam cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp may. Nguyên nhân chủ yếu là do năng lực nhuộm, khâu hoàn tất ở Việt Nam còn kém phát triển, chủ yếu là do trình độ công nghệ, do đó phải xuất khẩu sang các quốc gia có hệ thống nhuộm hiện đại. Ngoài ra, đầu tư vào khâu này đòi hỏi những yêu cầu rất lớn về vốn, công nghệ, nhân lực và những yêu cầu khắt khe về môi trường nhưng khả năng thu hồi vốn lại chậm. Do đó, chỉ những doanh nghiệp nước ngoài mới đủ khả năng đầu tư. Hơn nữa, nhiều địa phương cũng đưa ra các chính sách hạn chế dự án dệt nhuộm do lo ngại ô nhiễm môi trường khiến quy mô ngành chậm mở rộng.



Nguồn : GSO

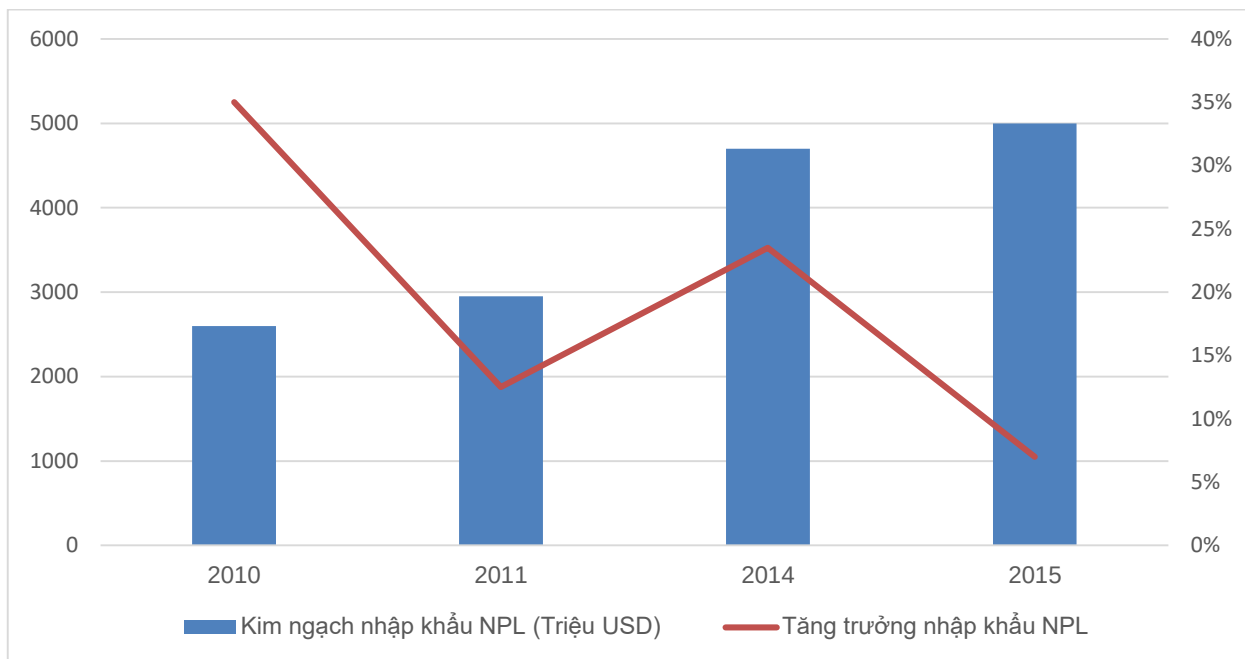
*Biểu đồ 8: Kim ngạch nhập khẩu vải giai đoạn 2008-2014*

Sự mất cân đối tiếp tục diễn ra ở nguồn cung vải khi Việt Nam phụ thuộc phần lớn vào nguồn nhập khẩu. Hiện nay, ngành dệt may Việt Nam cần sử dụng khoảng 8 tỷ m<sup>2</sup> vải để sản xuất, trong đó, nguồn vải trong nước chỉ đáp ứng được 16,4%, còn lại là nhập khẩu. Trái với tốc độ tăng trưởng thấp của sản xuất vải trong nước, giá trị vải ngoại nhập lại tăng mạnh trong giai đoạn 2005-2014. Cụ thể, năm 2014, kim ngạch nhập khẩu vải đạt 9,4 tỷ USD, tăng 16,9% so với năm 2013, tăng 75% so với năm 2010, tăng 281% so với năm 2005. Trong giai đoạn 2005-2014, giá trị nhập khẩu bình quân tăng 16,6%/năm. Về cơ cấu thị trường nhập khẩu vải, năm 2014, nhập từ Trung Quốc chiếm 49,5%, Hàn Quốc 19,6%, Đài Loan 14,8%, Nhật Bản 5,9%, Hồng Kông 2,7%.

#### c. Thực trạng ngành công nghiệp may

Với tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm qua là 14,74%/năm, ngành dệt, may đã trở thành ngành chủ lực đứng thứ hai trong kim ngạch xuất khẩu. Hiện nay Việt Nam là nước xuất khẩu dệt may lớn thứ tư thế giới, chiếm 4,92% giá trị xuất khẩu dệt may toàn cầu năm 2014 sau Trung Quốc, Bangladesh và Italia. Một số thương hiệu dệt, may không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn được biết đến trên thị trường Thế giới như May 10, May Việt Tiến, Gấm Thái Tuấn,...





Nguồn: GSO

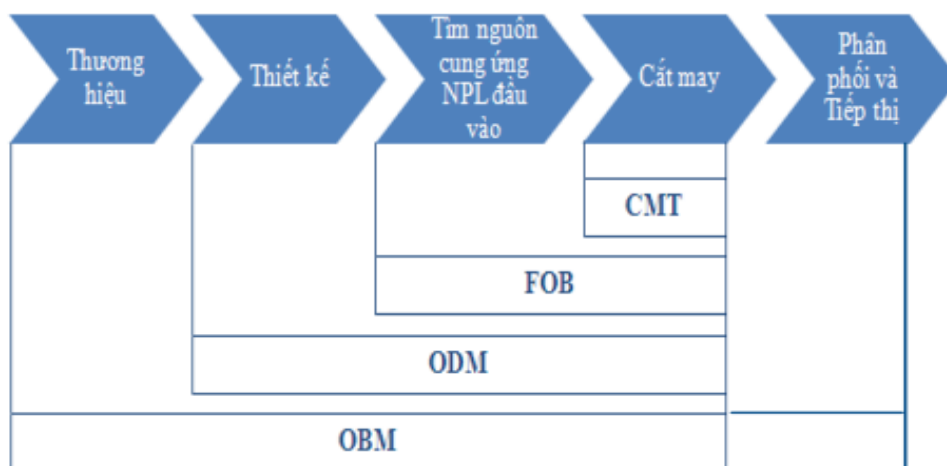
*Biểu đồ 9: Kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành dệt may giai đoạn 2010-2015*

Ngành May Việt Nam là ngành có sản lượng xuất khẩu cao, chiếm tỷ trọng lớn trên tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước, nhưng không mang lại hiệu quả thu nhập cao. Nguyên nhân chính là do lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ còn yếu kém, không tương xứng khiến cho Việt Nam luôn phải nhập khẩu khối lượng lớn nguyên phụ liệu, cụ thể vải, cúc, khuy, khóa kéo, chỉ may... Năm 2015, giá trị nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành dệt may-giày dép đạt khoảng 5 tỷ USD, tăng 90,9% so với năm 2010, chiếm 21,9% kim ngạch nhập khẩu cả nước. Trong giai đoạn 2010-2015, tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu NPL trung bình cao 17,6%, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may (16,8%). Qua đó, việc đầu tư chưa đúng mức vào sản xuất nội địa nguyên phụ liệu ngành may, cũng chính là nguyên nhân khiến cho ngành may Việt Nam luôn phải nhập khẩu và phụ thuộc vào nguồn nguyên phụ liệu thị trường quốc tế, đặc biệt là Trung Quốc (chiếm hơn 50% trên tổng kim ngạch nhập khẩu).

Sản phẩm chủ lực của ngành dệt, may Việt Nam là áo Jacket, áo thun, quần, áo somi, ngoài ra còn có các sản phẩm khác như bông xơ (8.000 tấn), sợi (900.000 tấn), vải (1,5 tỷ m<sup>2</sup>); xuất khẩu chủ yếu qua các thị trường Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc, trong đó Hoa Kỳ là thị trường đứng đầu kim ngạch nhập khẩu với giá trị nhập khẩu đạt 9,15 tỷ USD, chiếm 46,9% tổng kim ngạch xuất khẩu ngành. EU là thị trường nhập khẩu dệt may lớn thứ 2 từ Việt Nam với giá trị nhập khẩu là 2,7 tỷ USD. Bên cạnh đó, các thị trường khác cũng có kim ngạch nhập khẩu dệt may lớn từ Việt

Nam như Nhật Bản (2,27 tỷ USD), Trung Quốc (537,4 triệu USD), Đài Loan (206,03 triệu USD), Hồng Kông (193,27 triệu USD).

Dệt, may là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong những năm qua với khoảng 6000 doanh nghiệp dệt may và thu hút hơn 2,5 triệu lao động. Các doanh nghiệp chủ yếu tập trung ở khu vực Đông Nam Bộ (60%) và đồng bằng sông Hồng. Doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu chủ yếu theo hình thức CMT (Cut-Make-Trim: May gia công xuất khẩu) chiếm 85% tổng kim ngạch xuất khẩu ngành.



**CMT (Cut – Make – Trim) (Gia công):** đây là hình thức đơn giản nhất khi các tổ chức mua hàng cung cấp cho doanh nghiệp gia công toàn bộ đầu vào để sản xuất sản phẩm bao gồm mẫu thiết kế, nguyên liệu, vận chuyển, các nhà sản xuất chỉ thực hiện việc cắt, may và hoàn thiện sản phẩm. Hình thức sản xuất này có tỷ suất lợi nhuận rất thấp, khoảng 4% và thường được các nước phát triển chuyển giao sang thực hiện ở các nước đang phát triển để tận dụng nguồn lao động nhân công dồi dào và giá rẻ. Tại Việt Nam, có khoảng 80% lượng doanh nghiệp sản xuất theo hình thức này.

**FOB (Free on Board) (mua nguyên liệu – bán thành phẩm):** Đây là một phương thức sản xuất ở bậc cao hơn so với CMT và có tỷ suất sinh lời khoảng hơn 7%. Khác với CMT, các nhà xuất khẩu theo FOB sẽ chủ động mua nguyên liệu đầu vào cần thiết thay vì được cung cấp từ các người mua của họ. Tại Việt Nam, khoảng 18% lượng doanh nghiệp sản xuất theo phương thức này. Có thể kể đến những cái tên như: CTCP dệt may đầu tư thương mại Thành Công (TCM), CTCP đầu tư và thương mại TNG, CTCP Everpia Việt Nam.

**ODM (Original Design Manufacturing) (Thiết kế dựa trên ý tưởng sẵn có, sản xuất):** Đây là phương thức sản xuất xuất khẩu bao gồm khâu thiết kế và cả quá trình sản xuất từ thu mua vải và nguyên phụ liệu, cắt, may, hoàn tất, đóng gói và vận chuyển.

Các doanh nghiệp ODM tạo ra những mẫu thiết kế, hoàn thiện sản phẩm và bán lại cho người mua, thường là chủ của các thương hiệu lớn trên thế giới.

### **OBM (Original Brand Manufacturing) (Tự thiết kế, sản xuất, phân phối):**

Các hãng sản xuất tự thiết kế và ký các hợp đồng cung cấp hàng hóa trong và ngoài nước cho thương hiệu riêng của mình. Các nhà sản xuất theo phương thức OBM chủ yếu phân phối sản phẩm tại thị trường nội địa và thị trường các quốc gia lân cận. Khoảng 2% lượng doanh nghiệp Việt Nam sản xuất theo ODM và OBM, điển hình là: Việt Tiến, Phong Phú, May 10.... tỷ suất sinh lời của 2 phương thức này có thể đạt 30-40%.

Hiện nay, ngành dệt may nước ta đang gặp khó khăn trong việc dịch chuyển các lên các phương thức sản xuất cao hơn để tăng tỷ lệ suất sinh lời. Trong đó, nguyên nhân là do không sản xuất được nguồn vải và nguyên vật liệu tương ứng về chất lượng và số lượng đối với nhu cầu của các doanh nghiệp. Mà nguyên nhân chính yếu vẫn là những vấn đề tài chính trong việc đầu tư máy móc, cơ sở hạ tầng nhằm phát triển công nghiệp phụ trợ. Đặc biệt, ngành may mặc Việt Nam vẫn đang còn rất hạn chế tại lĩnh vực thiết kế sản phẩm, thiếu các nhà thiết kế giỏi, khó tiếp cận và thiếu thông tin về thị hiếu khách hàng, không nắm bắt được nhu cầu thị trường.

Hầu hết doanh nghiệp dệt may Việt Nam chú trọng xuất khẩu nhiều hơn so với việc sản xuất tại thị trường nội địa. Năm 2014, sản lượng quần áo sản xuất thường đạt 3,7 tỷ chiếc, trong đó, 70% dành cho xuất khẩu, 30% dành cho tiêu dùng trong nước. Về doanh thu, năm 2014, doanh thu xuất khẩu hàng dệt may đạt 20,9 tỷ USD, doanh thu nội địa đạt 70.000 tỷ đồng (3,3 tỷ USD), tương ứng với cơ cấu tỷ trọng 86% doanh thu đến từ xuất khẩu, 14% từ nội địa. Trong giai đoạn 2010-2015, giá trị xuất khẩu ghi nhận tốc độ tăng trưởng bình quân 18,3%, trong khi tăng trưởng tiêu dùng dệt may nội địa là 10-15%. Tuy kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc Việt Nam tương đối cao, đứng thứ 3 trên thế giới, nhưng hầu hết là xuất khẩu phải thông qua các nhà bán buôn khu vực, văn phòng đại diện của hãng thời trang lớn trên thế giới, rất ít doanh nghiệp Việt Nam có được các hợp đồng trực tiếp từ các nhà bán lẻ đặt hàng từ các nhà cung cấp sản phẩm. Do đó, không tiếp xúc trực tiếp được với khách hàng, nên doanh nghiệp sản xuất thường không nắm bắt được nhu cầu của thị trường, và thị hiếu của người tiêu dùng, dẫn đến sản lượng sản xuất tăng trưởng chậm, hình thức sản xuất chỉ dừng lại ở phương thức sản xuất gia công.

### *1.2. Ngành Giấy dếp*

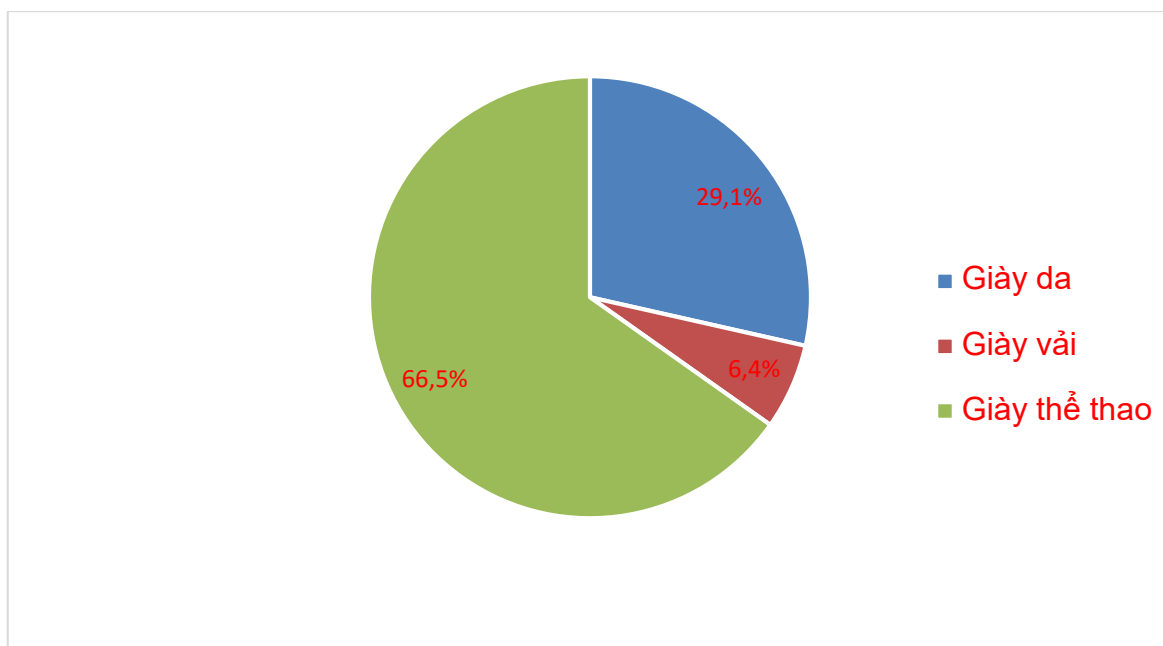
#### *a. Nguyên phụ liệu và sản xuất*

Hiện nay, ngành sản xuất da giày thế giới đang có xu hướng chuyển sang các nước đang phát triển, chủ yếu hướng vào các nước có môi trường đầu tư thuận lợi, tình hình chính trị ổn định và an toàn, trong đó có Việt Nam. Đặc biệt, sau khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO, hàng rào thuế quan dần được dỡ bỏ với nhiều ưu đãi giúp cho việc giao lưu hàng hóa thông suốt, ít cản trở, tạo điều kiện cho ngành hàng giày dép thâm nhập vào thị trường khu vực và thế giới. Có thể khẳng định, hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo ra nhiều cơ hội cho ngành giày dép phát triển mà trước hết phải kể đến sự gia tăng các luồng chuyển giao vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, đội ngũ nhân công được đào tạo...

Cùng với đó là các chính sách thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu của Chính phủ và công tác xúc tiến thương mại được chú trọng nên trong những năm gần đây đã giúp ngành giày dép có những bước tiến nhanh và mạnh mẽ. Toàn ngành đã có những hoạt động tích cực nhằm tăng cường tuyên truyền và quảng bá hình ảnh của ngành giày dép Việt Nam như một quốc gia sản xuất và xuất khẩu giày dép tiềm năng, nâng cao năng lực hiểu biết về kiến thức pháp luật, thị trường, phòng ngừa các vụ kiện bán phá giá và vận dụng luật để đấu tranh trong các vụ tranh chấp thương mại. Phương thức bán hàng tại các doanh nghiệp đã có nhiều đổi mới, hình thành nhiều mạng lưới bán buôn, bán lẻ, tham gia vào các kênh phân phối của các tập đoàn xuyên quốc gia, phát triển hình thức thương mại điện tử...

Cũng giống như ngành Dệt may, ngành Giày dép Việt Nam cũng phụ thuộc hơn 50% vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu. Theo Hiệp hội Da – Giày – Túi xách Việt Nam (Lefaso Vietnam), sản xuất da thuộc trong nước (sản xuất mũ giày, lót giày, túi cặp) trong năm 2014 đạt 210 triệu m<sup>2</sup>, đáp ứng được 24,4% nhu cầu về da thuộc. Sản xuất giả da trong nước cũng đáp ứng được 4,2% nhu cầu; sản xuất vải dệt (sản xuất mũ giày, túi cặp, ba lô) đáp ứng 17,5%; vải không dệt (làm lót, đệm mũ giày, túi) đáp ứng được 12,5%; carton (sản xuất đế trong) đáp ứng 16,7%; sản xuất đế giày các loại có tỷ lệ đáp ứng cao nhất – 58,7% nhu cầu. Riêng nhập khẩu da thuộc trong năm 2014 đạt 1,1 tỷ USD, tăng 37,7% so với năm 2013. Chưa kể nhập khẩu nguyên phụ liệu khác được gộp với ngành dệt may là 5 tỷ USD trong năm 2014. Hiện nay, chưa có đến 20 doanh nghiệp 100% vốn Việt Nam đủ sức hoạt động theo phương thức sản xuất FOB, khoảng 70% doanh nghiệp sản xuất da giày, túi xách của Việt Nam sản xuất theo phương thức gia công CMT. Hầu hết các nhà sản xuất còn thụ động, thiếu tích cực trong việc tìm kiếm và đặt nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất mà chủ yếu theo chỉ định khách

hàng, thường là nhập khẩu từ chính đối tác nước ngoài. Do đó, không tạo động lực thúc đẩy ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển.

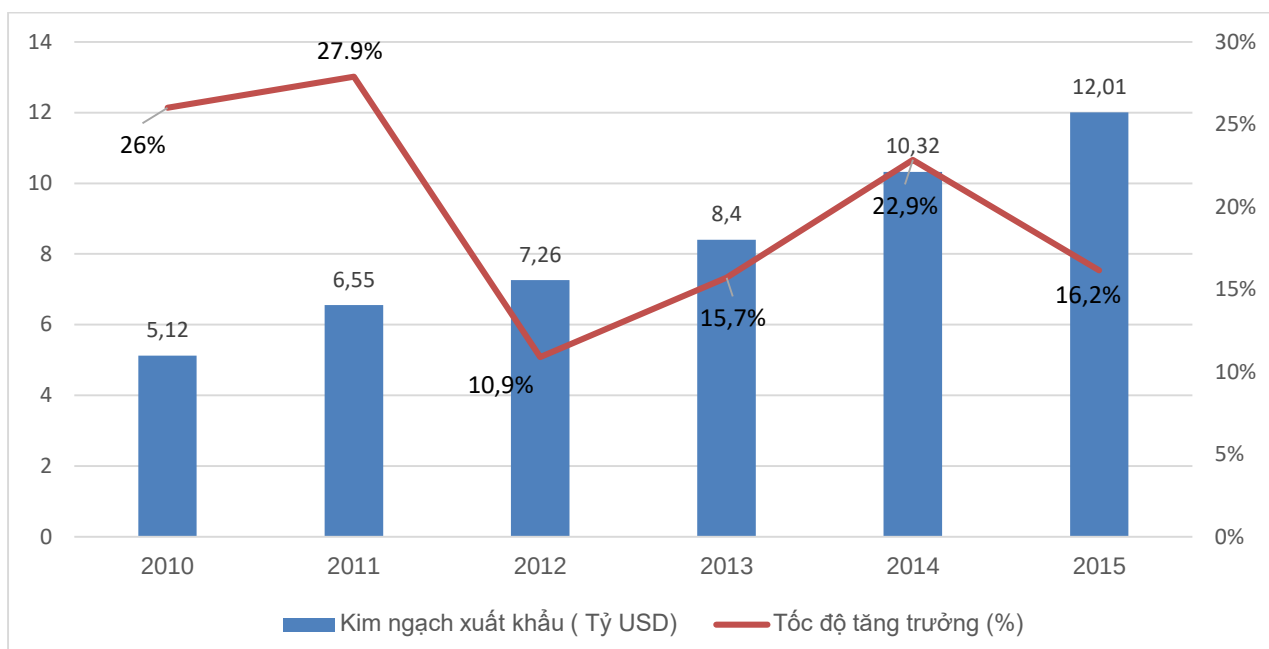


Nguồn : GSO

*Biểu đồ 10: Sản lượng sản xuất 2014*

Năm 2014, sản lượng sản xuất đạt 861,9 triệu đôi giày, trong đó có khoảng 251,2 triệu đôi giày dép chiếm 29,1%; 55,4 triệu đôi giày vải chiếm 6,4%; 555,3 triệu đôi giày thể thao chiếm 64,4% trên tổng sản lượng. Đối với giày dép da, sản lượng giày tăng dần theo năm. Đối với giày thể thao, sản lượng giày cũng tăng trưởng dần theo năm. Đối với giày vải, tốc độ tăng thấp hơn, lần lượt ở các mức 4,3%; 3,9%; 3,0%. Trong giai đoạn 2008-2014, sản lượng sản xuất giày dép có tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 6,6%, trong đó, sản lượng giày dép da tăng bình quân 2,1%, giày vải tăng bình quân 6%, giày thể thao tăng 9,9%. Nhìn chung, sản phẩm giày thể thao hầu hết là sản phẩm được sản xuất theo đơn đặt hàng của các thương hiệu lớn Adidas, Reebok, Puma, New Balance, Salomon...Hiện nay, 90% sản lượng sản xuất giày dép dành cho thị trường xuất khẩu.

*b. Kim ngạch xuất khẩu*



Nguồn: Tổng cục hải quan

*Biểu đồ 11: Cơ cấu doanh thu tiêu thụ dệt may*

Theo số liệu của Tổng cục hải quan, kim ngạch xuất khẩu da giấy Việt Nam năm 2015 đạt 12,01 tỷ USD, tăng 16,15% so với cùng kỳ năm 2014, vượt kế hoạch đặt ra, chiếm 9,1% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước, đáp ứng 50% nhu cầu trong nước. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2010-2015 tương đối cao đạt 18,59%, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng từng năm có xu hướng giảm, cụ thể năm 2009-2010 đạt 26% giảm xuống còn 16,2% năm 2014-2015.

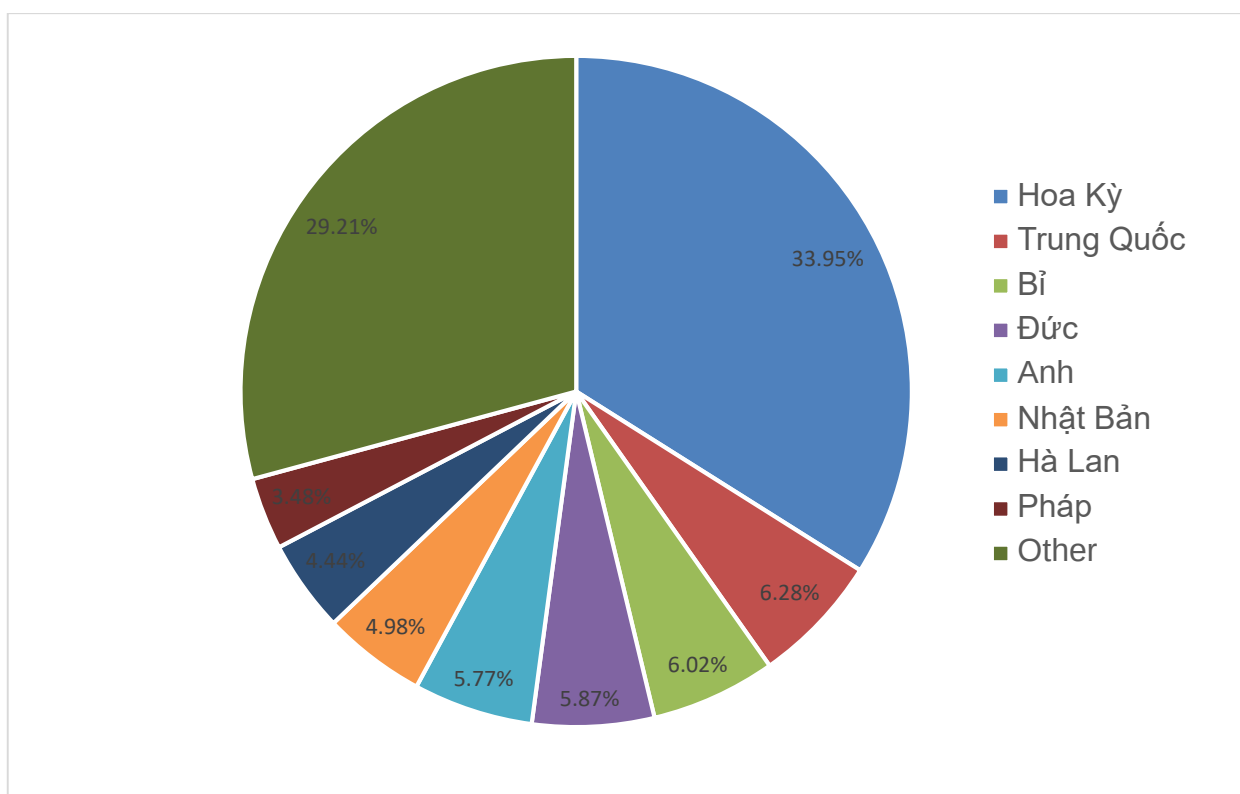
*Bảng 5: Kim ngạch xuất khẩu giấy dếp của Việt Nam tại các thị trường lớn giai đoạn 2012-2015*

| Quốc gia   | Kim ngạch xuất khẩu giấy dếp (triệu USD) |       |       |       | Tốc độ tăng trưởng (%) |
|------------|------------------------------------------|-------|-------|-------|------------------------|
|            | 2015                                     | 2014  | 2013  | 2012  | 2012-2015              |
| Hoa Kỳ     | 4.077                                    | 3.334 | 2.627 | 2.243 | 22,04%                 |
| Trung Quốc | 754                                      | 505   | 355   | 301   | 35,86%                 |
| Bỉ         | 724                                      | 659   | 516   | 405   | 21,38%                 |
| Đức        | 706                                      | 600   | 457   | 400   | 20,80%                 |
| Anh        | 694                                      | 573   | 543   | 501   | 11,43%                 |
| Nhật Bản   | 598                                      | 521   | 388   | 328   | 22,09%                 |
| Hà Lan     | 534                                      | 471   | 359   | 348   | 15,37%                 |
| Pháp       | 418                                      | 254   | 228   | 238   | 20,63%                 |

Nguồn: Tổng cục hải quan

Theo số liệu thống kê của Tổng cục hải quan, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Bỉ, Đức, Anh, Nhật Bản là những quốc gia có kim ngạch nhập khẩu giấy dếp Việt Nam lớn. Cụ

thể, Hoa Kỳ đứng đầu (4.077 triệu USD- chiếm 33,95%), tiếp theo sau đó là Trung Quốc (754 triệu USD- chiếm 6.28%), Bỉ (đạt 724 triệu USD- chiếm 6,02%), Đức (706 triệu USD- chiếm 5,87%), Anh (694 triệu USD- chiếm 5,77%), và Nhật Bản (598 triệu USD- chiếm 4,98%). Trong giai đoạn 2012-2015, tốc độ tăng trưởng trung bình kim ngạch xuất giày dép sang thị trường Trung Quốc tăng nhanh nhất 35,86%, tiếp theo sau đó là Hoa Kỳ (22,04%), Bỉ (21,38%), và Đức (20,8%).



Nguồn : Tổng cục hải quan

*Biểu đồ 12: Thị phần xuất khẩu giày dép của Việt Nam năm 2015*

## 2. Quá trình phát triển ngành công nghiệp Dệt may - Giày dép vùng Đông Nam bộ giai đoạn 2008-2015.

Vùng Đông Nam Bộ là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của Việt Nam, bao gồm 8 tỉnh thành lớn: Thành Phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Thuận, Tây Ninh, Bình Phước, Ninh Thuận, chiếm tỷ trọng dân số đông và dẫn đầu cả nước về kim ngạch xuất khẩu, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài, GDP, cũng như nhiều yếu tố xã hội khác... Vốn thu hút nước ngoài của khu vực này dẫn đầu cả nước, nổi bật ở các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Tp. Hồ Chí Minh. Trung tâm thương mại và kinh tế của khu vực là Tp. Hồ Chí Minh. Trung

tâm công nghiệp lớn nhất trong vùng là Đồng Nai với trung tâm là Tp. Biên Hoà và các huyện như: Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom. Ba huyện công nghiệp lớn này thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp tập trung và quy mô lớn. Bốn đơn vị này tạo thành trung tâm công nghiệp không chỉ của tỉnh mà của cả khu vực Đông Nam Bộ. Trong đó, ngành công nghiệp Dệt, may và giấy dép là những ngành thu hút được lượng vốn đầu tư nước ngoài lớn, và chiếm tỷ trọng cao trong thu nhập hàng năm của khu vực.

### 2.1 Giá trị sản xuất

*Bảng 6: Giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng ngành DMG*

| Danh mục          | Giá trị sản xuất<br>(tỷ VNĐ) |          |           | Tốc độ tăng trưởng (%) |           |           |
|-------------------|------------------------------|----------|-----------|------------------------|-----------|-----------|
|                   | 2008                         | 2010     | 2015      | 2008-2010              | 2010-2015 | 2008-2015 |
| Ngành DMG cả nước | 195.102                      | 288.890  | 767.198   | 21,7%                  | 21,6%     | 21,6%     |
| Ngành DMG ĐNB     | 77.726                       | 229.195  | 399.924   | 71,7%                  | 11,8%     | 26,4%     |
| Ngành CN Dệt      | 18.262                       | 72.009,1 | 122.321   | 98,6%                  | 11,2%     | 31,2%     |
| Ngành CN May      | 31.232                       | 69.465,6 | 119.976,7 | 49,1%                  | 11,6%     | 21,2%     |
| Ngành CN giấy dép | 28.232                       | 87.720,2 | 157.626,5 | 76,3%                  | 11,2%     | 27,8%     |

Nguồn: Tổng cục thống kê

*Ngành công nghiệp Dệt:* Đây là chuyên ngành có tốc độ tăng trưởng trung bình cao nhất trong ngành DMG Đông Nam Bộ trong giai đoạn 2008-2015, với tốc độ tăng trưởng 31,2% hàng năm. Trong đó, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trung bình trong giai đoạn 2008-2010 tăng cao, 98,6% và giảm xuống còn 1,8% trong giai đoạn 2010-2015. Tính đến năm 2015, giá trị sản xuất ngành Dệt trong khu vực đạt 122.321 tỷ VNĐ, tỷ trọng chiếm 30,6% trên tổng giá trị sản xuất ngành DMG Đông Nam Bộ và chiếm 15,9% tổng giá trị sản xuất cả nước.

*Ngành công nghiệp May:* Là ngành có giá trị sản xuất chiếm tỷ trọng thấp nhất và có tốc độ gia tăng giá trị sản xuất thấp nhất (21,2%) so với những chuyên ngành khác. Tính đến năm 2015, giá trị sản xuất ngành May Đông Nam Bộ đạt 119.976 tỷ VNĐ, tỷ trọng chiếm 30% trên tổng giá trị sản xuất ngành DMG Đông Nam Bộ và chiếm 15,6% tổng giá trị sản xuất cả nước. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân trong giai đoạn 2008-2010 là 49,1%/năm và giảm xuống còn 11,6%/năm trong giai đoạn 2010-2015.



*Ngành công nghiệp giấy:* là ngành có giá trị sản xuất chiếm tỷ trọng cao nhất trên tổng giá trị sản xuất của toàn ngành trong khu vực. Tính đến năm 2015, giá trị sản xuất ngành Giấy dếp Đông Nam Bộ đạt 157.626 tỷ VNĐ, tỷ trọng chiếm 20,5% trên tổng giá trị sản xuất ngành DMG cả nước, và chiếm 30,6% trên tổng giá trị sản xuất ngành DMG Đông Nam Bộ. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trung bình hàng năm trong giai đoạn 2008-2015 là 27,8%. Trong đó, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trong hai giai đoạn 2008-2010 và 2010-2015 lần lượt là 76,3%; 11,2%.

## 2.2 Quy mô sản xuất

*Bảng 7: Quy mô sản xuất ngành DMG giai đoạn 2008-2015*

| Danh mục          | Số lượng doanh nghiệp<br>(Cơ sở) |       |        | Tăng (+), giảm (-) |               |               |
|-------------------|----------------------------------|-------|--------|--------------------|---------------|---------------|
|                   | 2008                             | 2010  | 2015   | 2008-<br>2010      | 2010-<br>2015 | 2008-<br>2015 |
| Ngành DMG cả nước | 5.720                            | 6.950 | 10.031 | 1.230              | 3.081         | 4.311         |
| Ngành DMG ĐNB     | 2.273                            | 3.284 | 4.029  | 1.011              | 745           | 1.756         |
| Ngành CN Dệt      | 622                              | 1.264 | 1.115  | 642                | -149          | 493           |
| Ngành CN May      | 1310                             | 1.561 | 2.292  | 251                | 731           | 982           |
| Ngành CN Giấy dếp | 341                              | 459   | 621    | 118                | 162           | 280           |

Nguồn: Tổng cục thống kê

*Ngành công nghiệp dệt:* Tính đến năm 2015, khu vực kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ có 1.115 cơ sở tăng gần 2 lần so với số lượng cơ sở sản xuất năm 2008, chiếm 27,67% tổng số cơ sở sản xuất ngành DMG khu vực và 11,12% trên cả nước. Trong giai đoạn 2008-2010, trung bình mỗi năm có thêm 321 cơ sở sản xuất Dệt được thành lập trên địa bàn Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2010-2015, giảm 149 cơ sở sản xuất.

*Ngành công nghiệp may:* Là chuyên ngành có số lượng cơ sở sản xuất nhiều nhất. Tính đến năm 2015, có đến khoảng 2.292 cơ sở sản xuất trên toàn khu vực Đông Nam Bộ, chiếm 56,89% tổng số cơ sở sản xuất ngành DMG khu vực và 22,85% trên cả nước. Trong giai đoạn 2008-2015, số lượng cơ sở sản xuất ngành May trong khu vực ĐNB tăng 141 cơ sở/năm. Trong đó, giai đoạn 2008-2010, trung bình tăng 125 cơ sở/năm, và tiếp tục tăng nhanh chóng hơn trong giai đoạn 2010-2015, với 146 cơ sở/năm.

*Ngành công nghiệp giấy dếp:* Là chuyên ngành có số lượng cơ sở sản ít nhất trong ngành DMG trong khu vực. Tính đến năm 2015, tổng số lượng cơ sở sản xuất

năm 2015 là 621 cơ sở tăng gấp 1.8 lần so với số lượng của năm 2008, chiếm 15,4% tổng số cơ sở sản xuất ngành DMG trong khu vực và 6,2% trên cả nước. Đây cũng là ngành có số lượng cơ sở sản xuất tăng thấp nhất so với ngành Dệt và ngành May, tăng 280 cơ sở trong giai đoạn 2008-2015. Trong đó, giai đoạn 2008-2010 tăng nhanh với 59 cơ sở/năm, sau đó giảm xuống còn 33 cơ sở/năm trong giai đoạn sau.

### 2.3 Lực lượng lao động

*Bảng 8: Lực Lượng Lao động trong ngành DMG giai đoạn 2008-2015*

| Danh mục                   | Số lượng lao động<br>(Ngàn người) |        |         | Tăng (+), giảm (-) |               |               |
|----------------------------|-----------------------------------|--------|---------|--------------------|---------------|---------------|
|                            | 2008                              | 2010   | 2015    | 2008-<br>2010      | 2010-<br>2015 | 2008-<br>2015 |
| Ngành DMG cả nước          | 1.285,2                           | 1754,7 | 2.795   | 470                | 1.040         | 1,510         |
| Ngành DMG ĐNB              | 510,2                             | 1017,2 | 1.385,8 | 507                | 369           | 876           |
| Ngành công nghiệp Dệt      | 20,3                              | 73,2   | 113,3   | 53                 | 40            | 93            |
| Ngành công nghiệp May      | 288,7                             | 426,6  | 612,3   | 138                | 186           | 324           |
| Ngành công nghiệp giấy dệt | 201,2                             | 517,4  | 660,3   | 316                | 143           | 459           |

Nguồn: Tổng cục thống kê

*Ngành công nghiệp dệt:* tính đến năm 2015, trên địa bàn khu vực kinh tế Đông Nam Bộ có khoảng 113,3 nghìn lao động, hầu hết tập trung sản xuất tại các khâu dệt, lao động còn hạn chế tại các khâu nhuộm và hoàn tất, trình độ lao động còn thấp. Trong giai đoạn 2008-2015, số lượng lao động ngành may tăng gần 93 ngàn người. Trong đó, số lượng lao động gia tăng trong giai đoạn 2008-2010 và giai đoạn 2010-2015 lần lượt là 53 và 40 ngàn lao động.

*Ngành công nghiệp may:* Là ngành thu hút số lượng lớn lao động trong toàn ngành, đạt 612,3 nghìn lao động năm 2015, chiếm 21,9% trên lao động ngành DMG cả nước, nhưng hầu hết là lao động tay chân, không qua đào tạo chuyên nghiệp, đặc biệt lao động thiết kế chiếm tỷ trọng rất thấp. Lực lao động trung bình hàng năm tăng đạt 164 nghìn lao động trong giai đoạn 2008-2010, giảm xuống còn 29 nghìn lao động hàng năm trong giai đoạn 2010-2015.

*Ngành công nghiệp giấy dệt:* đây là ngành thu hút lượng lao động lớn, ngành có số lượng gia tăng lượng lao động nhiều nhất trên ngành DMG Đông Nam Bộ. Tính đến năm 2015, có khoảng 660 nghìn lao động trong ngành tăng hơn 3 lần so với lượng

lao động năm năm 2008, chiếm 23,6% lao động ngành DMG cả nước. Lượng lao động gia tăng lần lượt trong hai giai đoạn 2008-2010 và 2010-2015 lần lượt là 316 và 143 ngàn lao động.

#### *2.4 Các dự án đầu tư ngành DMG*

Theo thống kê của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas), chỉ tính trong 9 tháng đầu năm 2015, đã có 1,4 tỷ USD vốn FDI đăng ký vào lĩnh vực dệt may cả nước. Điều này cho thấy tốc độ gia tăng đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài nhằm nắm bắt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA). Trong đó, riêng số vốn tăng thêm đã chiếm khoảng 70%, với hơn 900 triệu USD. Không ít những dự án lớn được tập trung phát triển tại khu vực Đông Nam Bộ, ở các tỉnh như: Bình Dương, Đồng Nai, Tp Hồ Chí Minh...

Cụ thể, nhà máy chuyên sản xuất các sản phẩm dệt, may, nhuộm và phụ liệu dệt may tại Bình Dương. Với công suất ước tính mỗi năm là dệt khoảng 24.000 tấn, may 75 triệu sản phẩm, nhuộm 24.000 tấn, phụ liệu 30 triệu sản phẩm. Đây là nhà máy thứ tư của tập đoàn Panko tại Việt Nam, tập đoàn hiện diện tại Việt Nam từ năm 2002 với Công ty TNHH Panko Vina có nhà máy tại Khu công nghiệp Mỹ Phước I. Doanh nghiệp FDI lớn khác có thể nhắc đến là Công ty trách nhiệm hữu hạn Hyosung Việt Nam (với 100% vốn đầu của tập đoàn Hyosung- Hàn Quốc), là đơn vị dẫn đầu về đầu tư lượng vốn tăng thêm. Với lượng vốn ban đầu từ ước tính trên 600 triệu USD, dành cho các ngành sản xuất sợi spandex, sợi polyester và công nghệ cao, Hyosung đang là một trong những công ty vốn FDI có sản lượng sản xuất hàng đầu trong khu vực, và có 3 nhà máy được đặt tại Đồng Nai. Ngoài ra, còn dự án Công ty TNHH Worldon (Việt Nam) tổng vốn đầu tư 300 triệu đô la Mỹ do nhà đầu tư British Virgin Islands đầu tư tại TPHCM với mục tiêu sản xuất sản phẩm may mặc cao cấp; dự án nhà máy sợi, vải màu Lu Thai (Việt Nam) tổng vốn đầu tư 160,8 triệu đô la Mỹ do nhà đầu tư Hồng Kông tại tỉnh Tây Ninh với mục tiêu sản xuất sợi, sản xuất vải màu. Qua đó, ta có thể thấy tốc độ tăng trưởng của các doanh nghiệp có nguồn vốn FDI đang tăng trưởng nhanh chóng, điều này mang lại không ít những khó khăn cho các doanh nghiệp trong nước.

### **3. Xu hướng phát triển.**

Ngành hàng dệt may – giày dép là một trong những ngành chủ đạo của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, liên quan đến việc sản xuất sợi, dệt nhuộm, vải, các vật liệu khác; thiết kế sản phẩm; hoàn tất hàng may mặc, giày dép và cuối cùng là phân phối hàng may mặc, giày dép đến tay người tiêu dùng. Ngành Dệt may Việt Nam sau

hơn 20 năm liên tục phát triển với tỷ lệ tăng trưởng bình quân 15%/năm, đến nay đã vươn lên trở thành ngành kinh tế hàng đầu cả nước, với kim ngạch xuất khẩu đóng góp từ 10%-15% GDP hàng năm.

Việt Nam hiện là một trong 5 nhà xuất khẩu dệt may hàng đầu thế giới với thị phần 4%-5%. Thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam là Hoa Kỳ, EU và Nhật (chiếm trên 75% kim ngạch xuất khẩu hàng năm) với các sản phẩm may mặc chủ yếu là các sản phẩm từ bông và sợi tổng hợp cho phân khúc thị trường cấp trung và thấp. Trong những năm qua, ngành dệt, may và giày dép luôn giữ tỷ trọng tương đối ổn định, từ 16 – 17% trên tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Dệt may Việt Nam đang có nhiều cơ hội để tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, đặc biệt khi các Hiệp định thương mại tự do song phương Việt Nam - EU (FTA) đã được kí kết trong thời gian gần đây. Theo đó, mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu và tăng trưởng thị trường nội địa theo Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt May đến năm 2020, tầm nhìn 2030 của Bộ Công Thương sẽ đạt khoảng 10%-12%/năm.

Ở vùng Đông Nam Bộ, ngành công nghiệp dệt may, giày dép chủ yếu tập trung tại 3 địa phương chính đó là thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai. Với lợi thế ổn định về mặt kinh tế xã hội và nguồn lực của mình, vùng Đông Nam Bộ, nắm bắt được những thuận lợi và khả năng phát triển tiềm năng sẵn có của ngành dệt may giày dép, đã và đang hình thành nên xu hướng phát triển ngành riêng.

Trong vùng đã hình thành nên những khu công nghiệp may mặc tập trung chủ yếu ở địa bàn Nhơn Trạch, Trảng Bom, thành phố Biên Hòa, thu hút một lượng lớn lao động làm việc. Ngành dệt may Việt Nam đã và đang vẫn còn phụ thuộc lớn vào nguyên phụ liệu nhập khẩu (khoảng 46%), chủ yếu từ thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc. Tuy nhiên, liên tiếp hai năm trở lại đây, lần đầu tiên Việt Nam xuất khẩu phụ liệu dệt may, khẳng định bước đầu cho sự tự chủ. Với xu hướng trên, tỉnh Đồng Nai chủ trương xây dựng ngành công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may giày dép và tự chủ sản xuất nguyên vật liệu đầu vào.

Để đạt được những thành tựu phát triển của ngành như ngày hôm nay, phải kể đến sự đóng góp cao và ngày càng tăng của các doanh nghiệp FDI trong giá trị xuất khẩu. Theo số liệu thống kê trong năm 2013 cũng như 2 tháng đầu năm 2014 đều cho thấy tỷ trọng xuất khẩu nghiêng hẳn về phía các doanh nghiệp FDI với hơn 60% tổng kim ngạch xuất khẩu. Vì thế, tỉnh đang ngày càng tận dụng các chính sách từ chính phủ

và tự mình tạo ra những chính sách riêng hấp dẫn nhằm thu hút các nguồn vốn và dự án nước ngoài vào ngành công nghiệp dệt may của tỉnh.

Một yếu tố quan trọng không thể bỏ qua trong công tác sản xuất là công nghệ. Công nghệ là yếu tố cơ bản đảm bảo cho quá trình sản xuất đạt hiệu quả cao. Máy móc thiết bị làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm chi phí sản xuất từ đó làm giảm giá thành sản phẩm. Máy móc thiết bị hiện đại đi đôi với trình độ của người sử dụng thì máy được sử dụng hết công suất, sản phẩm làm ra vừa có chất lượng cao, mẫu mã phong phú, dễ dàng được thị trường chấp nhận hơn. Vì thế, tỉnh dự kiến phát triển ngành dệt may giấy dếp theo hướng áp dụng công nghệ và máy móc hiện đại vào quy trình sản xuất. Ngành dệt may có đặc trưng là sử dụng nhiều lao động, quy trình nhiều công đoạn thủ công. Chính vì thế đào tạo nguồn nhân lực có tính quyết định đến sự phát triển bền vững của ngành dệt may Việt Nam nói chung và của tỉnh Đồng Nai nói riêng. Đồng thời, đào tạo đội ngũ lao động có trình độ phù hợp là để nhằm tận dụng tối đa năng suất của số máy móc đã đầu tư.

## **CHƯƠNG 2: HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIÀY DÉP TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2008-2015**

Đồng Nai là tỉnh có ngành công nghiệp phát triển nhanh chóng, tốc độ tăng trưởng của các khu công nghiệp cao, thu hút lượng vốn đầu tư nước ngoài lớn. Sự phát triển của các ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng của việc phát triển nền kinh tế tỉnh, tăng trưởng GDP của toàn vùng, đến cuối năm 2015, GDP của các ngành công nghiệp chiếm 65,2% trên GDP toàn tỉnh. Năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp ước tính đạt khoảng 591 ngàn tỷ đồng, tăng 13,5% so với năm 2014, có tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2011-2015 là 12,6%. Trong đó, một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo mũi nhọn, chiếm tỷ trọng cao trong khối ngành công nghiệp của toàn tỉnh: công nghiệp chế biến nông sản-thực phẩm (chiếm 25%); công nghiệp dệt, may và giày dép (26%); công nghiệp cơ khí, luyện kim (15%); công nghiệp hóa chất và cao su (12%); công nghiệp điện- điện tử (9%).

Công nghiệp Đồng Nai không những có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế-xã hội trong tỉnh, mà còn mang lại lượng GDP thặng dư lớn cho cả Vùng trọng điểm phía Nam và kinh tế của cả nước. Đến cuối năm 2015, cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp Đồng Nai chiếm 13,1% trong cơ cấu công nghiệp cả nước.

### **I. Hiện trạng ngành Dệt may**

#### **1. Quy mô và năng lực sản xuất.**

Đối với từng chuyên ngành, tình hình tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp như sau:

*Bảng 9: Giá trị sản xuất ngành dệt may giai đoạn 2008 - 2015*

| Danh mục               | Giá trị (tỷ đồng) |         |         | Tăng trưởng bq (%) |           |           |
|------------------------|-------------------|---------|---------|--------------------|-----------|-----------|
|                        | 2008              | 2010    | 2015    | 2008-2010          | 2010-2015 | 2008-2015 |
| Toàn ngành công nghiệp | 206.682           | 325.690 | 594.685 | 25,5%              | 23,5%     | 16,3%     |
| Ngành DMG tỉnh         | 41.599            | 74.014  | 134.248 | 33,4%              | 26,4%     | 18,2%     |
| - Ngành Dệt            | 19.042            | 34.513  | 59.472  | 34,6%              | 25,6%     | 17,7%     |
| - Ngành May            | 5.078             | 8.248   | 12.015  | 27,4%              | 18,8%     | 13,1%     |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai.

Cơ cấu nội bộ ngành dệt – may – giày dép, ngành giày dép và ngành dệt có giá trị sản xuất chiếm tỷ trọng khá lớn, ngành giày dép chiếm tỷ trọng lớn nhất trên tổng giá trị sản xuất ngành DMG Đồng Nai (chiếm 46,75% năm 2015), ngành dệt chiếm vị

trí thứ hai 44,3%, ngành may chiếm tỷ trọng nhỏ nhất, chiếm 8,95% nhưng là ngành có số cơ sở sản xuất nhiều nhất, chiếm 97,78% so với tổng số lượng cơ sở sản xuất ngành dệt may, giày dép. Về tốc độ tăng trưởng bình quân, các ngành DMG tỉnh đều có xu hướng tăng trưởng giá trị sản xuất không đồng đều, tăng nhanh chóng trong giai đoạn 2008-2010, sau đó giảm trong những năm tiếp theo.

### 1.1. Quy mô sản xuất

Năm 2015, ngành công nghiệp DMG Đồng Nai có khoảng 3.307 cơ sở sản xuất, tăng 746 cơ sở so với năm 2008, chiếm 32,9% số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp trong toàn khu vực tỉnh. Trong đó, hầu hết là gia tăng cơ sở sản xuất trong khu doanh nghiệp tư nhân, chiếm 76,4% số lượng cơ sở gia tăng trong giai đoạn 2008-2015.

*Bảng 10: Quy mô sản xuất ngành giai đoạn 2008-2015*

| Cơ sở sản xuất<br>(cơ sở) | Năm   |       |        | Tăng (+)/Giảm (-) |               |               |
|---------------------------|-------|-------|--------|-------------------|---------------|---------------|
|                           | 2008  | 2010  | 2015   | 2008-<br>2010     | 2010-<br>2015 | 2008-<br>2015 |
| Toàn ngành<br>DMG         | 5.720 | 6.950 | 10.031 | 1.230             | 3.081         | 4.311         |
| Ngành DMG ĐN              | 2.561 | 2.615 | 3.307  | 54                | 692           | 746           |
| - DN nhà nước             | 2     | 2     | 1      | 0                 | -1            | -1            |
| - DN tư nhân              | 2.429 | 2.480 | 3.137  | 51                | 657           | 708           |
| - Đầu tư nước<br>ngoài    | 130   | 133   | 169    | 3                 | 36            | 39            |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai

Qua bảng số liệu thống kê cho thấy trong giai đoạn 2000-2010, số lượng cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngành công nghiệp Dệt, may và giày dép có những chuyển biến như sau:

*Doanh nghiệp nhà nước:* số lượng các doanh nghiệp sản xuất giảm 1 cơ sở, giảm 50% số lượng cơ sở sản xuất so với năm 2008. Nguyên nhân giảm chính là do quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trung ương được triển khai trên diện rộng hầu hết các ngành công nghiệp theo chủ trương của nhà nước. Trong suốt giai đoạn này, tỷ trọng của các doanh nghiệp DMG nhà nước giảm dần theo từng mốc thời gian thời gian, năm 2008 chiếm 0,08% giảm xuống còn 0,07% năm 2010, và còn 0,03% năm 2015

*Doanh nghiệp tư nhân:* đây là khu vực có số lượng các cơ sở sản xuất tăng cao nhất, chiếm 94,9% trên tổng số các cơ sở, và tăng hơn 129% so với tổng số cơ sở của năm 2008. Trong đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ sản xuất kinh doanh cá thể chiếm tỷ trọng lớn và tập trung phát triển sản xuất vào ngành may mặc, thay vì phát

triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và sản xuất nguyên phụ liệu. Xét mặt tổng thể, số lượng của các doanh nghiệp khu vực tư nhân có số lượng tăng nhanh chóng, và chiếm tỷ trọng tăng cao nhất nhưng lại cơ cấu cơ sở sản xuất tư nhân đang có xu hướng phát triển không ổn định trong giai đoạn 2008-2015. Cụ thể, năm 2008 tỷ trọng chiếm 94,85%, giảm xuống còn 94,84% năm 2010, sau đó tăng lại đến 94,86% vào năm 2015.

*Doanh nghiệp nước ngoài:* là khu vực này tính đến năm 2015 có số lượng doanh nghiệp sản xuất tăng 36 cơ sở đứng sau khu vực doanh nghiệp tư nhân. Trong cả 2 cột mốc thời gian, số lượng cơ sở tăng gần như bằng nhau, cụ thể giai đoạn 2008-2010 tăng 3 cơ sở, giai đoạn 2010-2015 tăng 33 cơ sở. Trong đó, tốc độ tăng trưởng cơ sở chỉ khoảng 3,8% hàng năm, chiếm chỉ 5,2% tăng trên tổng các doanh nghiệp sản xuất ngành DMG. Tuy đây là khu vực có số lượng cơ sở đứng thứ 2 sau khu vực tư nhân, nhưng giá trị sản xuất luôn đứng đầu, chiếm khoảng từ 75% đến 95% trong cơ cấu sản xuất của từng chuyên ngành công nghiệp dệt, công nghiệp may, công nghiệp giấy dếp. Hầu hết, các doanh nghiệp này đều có quy mô sản xuất lớn, năng lực sản xuất cao, đóng góp lớn vào tốc độ phát triển nền công nghiệp Đồng Nai. Xét về cơ cấu số lượng các doanh nghiệp trong ngành, số lượng các doanh nghiệp FDI có cơ cấu tăng dần qua từng mốc thời gian. Cụ thể, năm 2008 chiếm khoảng 5,07% tăng đến 5,09% vào năm 2010, sau đó đạt đến 5,11% vào năm 2015.

Xét về số lượng cơ sở sản xuất theo từng chuyên ngành cụ thể, công nghiệp dệt may luôn là ngành có cơ sở sản xuất chiếm tỷ trọng cao nhất trong toàn ngành. Tình hình phát triển số lượng cơ sở sản xuất theo từng chuyên ngành công nghiệp cụ thể qua giai đoạn 2008-2015.

*Bảng 11: Cơ sở sản xuất giai đoạn 2008 – 2015*

| Danh mục          | Năm   |       |        | Tăng (+), giảm (-) |           |           |
|-------------------|-------|-------|--------|--------------------|-----------|-----------|
|                   | 2008  | 2010  | 2015   | 2008-2010          | 2010-2015 | 2008-2015 |
| Ngành DMG cả nước | 5.720 | 6.950 | 10.031 | 1.230              | 3.081     | 4.311     |
| Ngành DMG         | 2.561 | 2.615 | 3.307  | 54                 | 692       | 746       |
| - CN Dệt          | 276   | 275   | 412    | -1                 | 137       | 136       |
| - CN May          | 2.096 | 2.146 | 2.651  | 50                 | 505       | 555       |
| - CN Giấy dếp     | 189   | 194   | 244    | 5                  | 50        | 55        |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai

a. Ngành công nghiệp dệt



Nhìn chung, số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp ngành dệt không ngừng tăng lên trong giai đoạn 2008-2015. Tính đến năm 2015, số lượng cơ sở sản xuất ngành dệt trong tỉnh tăng hơn 1,5 lần so với năm 2008. Trong đó, các doanh nghiệp tư nhân vẫn là khu vực chiếm tỷ trọng cao nhất trong quá trình phát triển. Cụ thể, cơ sở sản xuất toàn ngành dệt tăng 136 doanh nghiệp sau 7 năm phát triển, các cơ sở sản xuất tư nhân 125 cơ sở sản xuất, khu vực vốn đầu tư nước ngoài tăng 11 cơ sở. Số lượng cụ thể từng khu vực được thể hiện cụ thể qua bản sau:

*Bảng 12: Cơ sở sản xuất ngành Dệt giai đoạn 2008 - 2015*

| Danh mục                      | Năm   |       |        | Tăng (+), giảm (-) |           |           |
|-------------------------------|-------|-------|--------|--------------------|-----------|-----------|
|                               | 2008  | 2010  | 2015   | 2008-2010          | 2010-2015 | 2008-2015 |
| Ngành DMG cả nước             | 5.720 | 6.950 | 10.031 | 1.230              | 3.081     | 4.311     |
| Ngành DMG                     | 2.561 | 2.615 | 3.307  | 54                 | 692       | 746       |
| Ngành Dệt                     | 276   | 275   | 412    | -1                 | 137       | 136       |
| - DN nhà nước                 | -     | -     | -      | -                  | -         | -         |
| - DN tư nhân                  | 218   | 216   | 343    | -2                 | 127       | 125       |
| - DN có vốn đầu tư nước ngoài | 58    | 59    | 69     | 1                  | 10        | 11        |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai .

Giai đoạn 2001-2007, số lượng cơ sở sản xuất chuyên ngành dệt theo khu vực kinh tế có những sự tăng giảm nổi bật như sau:

*Doanh nghiệp nhà nước:* các cơ sở sản xuất Dệt trong khu vực này hầu hết đã được cổ phần hóa tư nhân trong giai đoạn trước đó.

*Doanh nghiệp tư nhân:* đây là khu vực có cơ cấu số số lượng và tỷ trọng lượng tăng cơ sở sản xuất cao nhất trên toàn chuyên ngành dệt. Nhìn chung, số lượng doanh nghiệp sản xuất tăng 125 cơ sở trong suốt quá trình phát triển, chiếm 91,91% trên tổng số cơ sở tăng, với tốc độ phát triển bình quân tăng 19 cơ sở hàng năm. Trong đó, các doanh nghiệp sản xuất thuộc khu vực kinh tế này chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp nhỏ, phương thức sản xuất theo lối truyền thống, không chú trọng phát triển công nghệ và kỹ thuật, thiết kế thời trang. Cơ cấu lượng sản xuất theo khu vực có xu hướng không ổn định trong giai đoạn 2008-2015, giảm từ 78,99% năm 2008 đến 78,55% năm 2010, sau đó tăng lại đến 83,25%

*Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:* Trung bình hàng năm có khoảng 2 cơ sở sản xuất được thành lập do vốn đầu tư nước ngoài. Giai đoạn 2008-2015, số lượng

cơ sở sản xuất tăng 11, trong đó có 10 doanh nghiệp được thành lập trong 2008-2010, và chỉ tăng thêm 1 cơ sở sản xuất trong 5 năm còn lại. Xét về cơ cấu số lượng doanh nghiệp trong ngành công nghiệp dệt, khu vực này có số lượng doanh nghiệp chiếm tỷ trọng phát triển không ổn định qua các năm, cụ thể: Năm 2008 chiếm 20,01% giảm xuống 21,45% năm 2010 và còn 16,75% năm 2015.

**b. Ngành công nghiệp may**

Ngành công nghiệp may là ngành có tỷ trọng cơ cấu số lượng doanh nghiệp cao nhất trong ba chuyên ngành của công nghiệp DMG. Chỉ tính trong năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 2.651 doanh nghiệp may, tăng 555 so với số lượng doanh nghiệp năm 2008, chiếm 78,41% trên tổng số doanh nghiệp toàn ngành. Trong đó, gồm có 2 doanh nghiệp nhà nước, 16 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và 540 doanh nghiệp tư nhân, cụ thể:

*Bảng 13: Cơ sở sản xuất ngành May giai đoạn 2008 - 2015*

| Danh mục            | Năm   |       |        | Tăng (+), giảm (-) |           |           |
|---------------------|-------|-------|--------|--------------------|-----------|-----------|
|                     | 2008  | 2010  | 2015   | 2008-2010          | 2010-2015 | 2008-2015 |
| Ngành DMG cả nước   | 5.720 | 6.950 | 10.031 | 1.230              | 3.081     | 4.311     |
| Ngành DMG           | 2.561 | 2.615 | 3.307  | 54                 | 692       | 746       |
| Ngành May           | 2.096 | 2.146 | 2.651  | 50                 | 505       | 555       |
| - DN nhà nước       | 2     | 2     | 1      | 0                  | -1        | -1        |
| - DN tư nhân        | 2.053 | 2102  | 2.593  | 49                 | 491       | 540       |
| - Đầu tư nước ngoài | 41    | 42    | 57     | 1                  | 15        | 16        |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai .

*Doanh nghiệp Nhà nước:* trong giai đoạn 2008-2015, các doanh nghiệp Nhà nước tiếp tục cổ phần hóa, chuyển sang mô hình công ty cổ phần thuộc khu vực kinh tế tư nhân, giảm còn 1 doanh nghiệp sản xuất.

*Doanh nghiệp tư nhân:* đây là khu vực kinh tế có số lượng cơ sở chiếm tỷ trọng cao nhất và tốc độ tăng trưởng cơ sở doanh nghiệp cao. Nhìn chung, năm 2015 toàn ngành có 2.593 doanh nghiệp may tư nhân, tăng 540 cơ sở so với năm 2000. Cụ thể, giai đoạn đầu từ 2008-2010, số lượng doanh nghiệp may tăng 49, bình quân mỗi năm tăng thêm 25 cơ sở; giai đoạn 2010-2015, tăng 491 cơ sở, bình quân mỗi năm tăng 98 cơ sở, số lượng cơ sở thuộc khu vực này chủ yếu là hộ cá thể, may đo tại gia đình. Tuy là thành phần kinh tế chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu số lượng doanh nghiệp toàn ngành, nhưng tỷ trọng có xu hướng chuyển biến giảm trong giai đoạn đầu. Năm 2008,

chiếm khoảng 97,95% duy trì đến năm 2010, và sau đó giảm xuống còn 97,78% năm 2015.

*Doanh nghiệp nước ngoài:* Giai đoạn 2008-2015 tăng 16 doanh nghiệp. Trong đó: giai đoạn 2008-2010 tăng 1 doanh nghiệp; giai đoạn 2010-2015 tăng 15 doanh nghiệp, bình quân mỗi năm tăng 3 doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp khu vực này có tỷ trọng thấp trong cơ cấu, do số lượng doanh nghiệp khu vực tư nhân quá lớn, nhưng đây là thành phần kinh tế duy nhất trong ngành có tỷ trọng cơ cấu tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2008 chiếm 1,96% duy trì đến năm 2010 và tăng lên đến 2,15% năm 2015.

## 1.2. Năng lực sản xuất

### a. Ngành công nghiệp Dệt

Giai đoạn 2008-2015, tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành dệt là 17,7%/năm, cao hơn so với mức tăng trưởng bình quân toàn ngành công nghiệp 1,4%, nhưng thấp hơn so với toàn ngành DMG tỉnh 0,5%. Trong đó: Giai đoạn 2008-2010 tăng bình quân 34,6%/năm và giai đoạn 2010-2015 tăng bình quân 25,6%/năm. Hầu hết lượng giá trị gia tăng tập trung vào ngành sản xuất sợi nhân tạo, dệt vải, còn hạn chế ở khâu nhuộm hoàn tất. Bên cạnh đó, sự gia tăng giá trị sản xuất nhờ vào các đơn hàng xuất khẩu và việc tăng năng suất sản xuất nhờ vào hiệu quả hoạt động của các dự án đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài.

*Bảng 14: Giá trị sản xuất ngành Dệt giai đoạn 2008 - 2015*

| Danh mục                    | Giá trị (tỉ đồng) |         |         | Tăng trưởng bq (%) |           |           |
|-----------------------------|-------------------|---------|---------|--------------------|-----------|-----------|
|                             | 2008              | 2010    | 2015    | 2008-2010          | 2010-2015 | 2008-2015 |
| Toàn ngành công nghiệp      | 206.682           | 325.690 | 594.685 | 25,53%             | 12,80%    | 16,30%    |
| Ngành DMG                   | 41.599            | 74.014  | 134.248 | 33,39%             | 12,65%    | 18,22%    |
| Ngành Dệt                   | 21.614            | 34.513  | 59.472  | 26,36%             | 11,50%    | 15,56%    |
| DN nhà nước                 | -                 | -       | -       | -                  | -         | -         |
| DN tư nhân                  | 146               | 290     | 219     | 40,94%             | -5,46%    | 5,96%     |
| DN có vốn đầu tư nước ngoài | 18.896            | 34.223  | 59.253  | 34,58%             | 11,60%    | 17,74%    |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai .

Về cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp so với toàn ngành công nghiệp, giai đoạn 2008-2015 tỷ trọng ngành công nghiệp dệt có xu hướng giảm, cụ thể giảm từ 51,96% năm 2008 xuống còn 46,63% năm 2010, sau đó tiếp tục giảm xuống còn 44,3% năm 2015. Nguyên nhân giảm là do ngành dệt có tốc độ tăng trưởng thấp trong giai đoạn

2008-2010, đồng thời có một số ngành công nghiệp khác phát triển mạnh như ngành công nghiệp chế biến gỗ, ngành công nghiệp chế biến NSTP, công nghiệp cơ khí..., đồng thời chịu sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp nước ngoài cả ở thị trường trong và ngoài nước.

Tình hình phát triển theo các thành phần như sau:

*Doanh nghiệp Nhà nước:* Trong giai đoạn này, hầu hết các doanh nghiệp Dệt nhà nước đã tiến hành quá trình cổ phần hóa trong những năm trước đó.

*Doanh nghiệp tư nhân:* Giai đoạn 2008-2010 tăng 40,9%/năm, giai đoạn 2010-2015 tăng 8,4%/năm. Nhìn chung, giá trị sản xuất trong khu vực công nghiệp tư nhân có tốc độ phát triển nhanh chóng, nhờ vào sự phát triển của một số các doanh nghiệp Dệt trong nước. Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp trong khu vực này là các doanh nghiệp quy mô sản xuất vừa và nhỏ, một số doanh nghiệp còn sản xuất theo phương pháp thủ công, chưa đầu tư phát triển dây chuyền sản xuất tự động, nên năng suất sản xuất còn hạn thấp, chất lượng sản phẩm chưa cao.

Về cơ cấu: Mặc dù có tốc độ tăng trưởng nhanh, nhưng hầu hết các doanh nghiệp khu vực tư nhân còn nhiều hạn chế về quy mô sản xuất, vốn đầu tư và công nghệ nên giá trị sản xuất chiếm tỷ trọng còn thấp so với khu vực đầu tư nước ngoài. Khu vực này chiếm tỷ trọng tăng từ 0,35% năm 2008 lên 0,39% năm 2010 và giảm xuống còn 0,16% năm 2015 trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp. Xét cơ cấu trong nội bộ ngành dệt, khu vực công nghiệp dân doanh cũng chiếm tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp xếp vị trí thứ 2, sau khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, tuy nhiên cũng đang có xu hướng giảm, cụ thể từ 0,68% năm 2008 lên 0,84% năm 2010 và giảm xuống còn 0,37% năm 2015.

*Doanh nghiệp nước ngoài:* Tính đến năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp đạt được 59.253 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2008-2015 tăng cao, tăng 17,74%/năm, trong đó: giai đoạn 2008-2010 tăng 34,58%/năm, giai đoạn 2010-2015 tăng 11,6%/năm. Nhìn chung, các doanh nghiệp trong khu vực này hầu hết là các doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn, công nghệ máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại và thị trường xuất khẩu ổn định, giá trị gia tăng của sản phẩm cao. Trong năm 2015, các doanh nghiệp Dệt may lớn từ các quốc gia Hàn Quốc, Nhật Bản đã đẩy mạnh các dự án đầu tư vào khu vực Đồng Nai, nhằm tận dụng được các lợi thế cạnh tranh đến từ các hiệp định AEC đã chính thức hoạt động và hiệp định TPP đã được kí kết trong năm 2015.

Về cơ cấu: Nhờ vào các lợi thế về quy mô vốn, tận dụng được các điều kiện phát triển thuận lợi: nhân công giá rẻ, các chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài, nên giá trị sản xuất chiếm tỷ trọng giá trị sản xuất ngành Dệt cao nhất so với các khu vực còn lại, so với toàn ngành công nghiệp, khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng khá lớn. Cụ thể các năm như sau: Năm 2008 chiếm 42,5%, năm 2010 tăng đến 46,24% và năm 2015 giảm xuống còn 44,14%. Xét cơ cấu trong nội bộ ngành dệt, trong 3 khu vực kinh tế thuộc ngành công nghiệp dệt, khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là khu vực có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng dần qua các năm, cụ thể tăng từ 87,42% năm 2008 lên 99,16% năm 2010 và lên 99,63% năm 2015.

Tóm lại, ngành công nghiệp dệt phát triển thời gian qua chủ yếu tập trung vào thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, năm 2015 có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm đến 99,63%, các thành phần kinh tế còn lại chỉ chiếm tỷ trọng 0,37%. Trong đó, khu vực quốc doanh không còn hoạt động, thêm vào sự phát triển kém của khu vực dân doanh dẫn đến tỷ trọng giá trị sản xuất trong khu vực vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh chóng.

#### a. Ngành công nghiệp may

Giai đoạn 2008-2015, tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp may tăng 13,1%/năm, thấp hơn so với mức tăng trưởng bình quân toàn ngành công nghiệp (toàn ngành 16,3%/năm), trong đó: Giai đoạn 2008-2010 tăng bình quân 27,45%/năm và giai đoạn 2010-2015 tăng trưởng bình quân 7,81%/năm. Nhìn chung, sản lượng sản xuất của các doanh nghiệp trong giai đoạn này tăng trưởng tốt nhờ vào việc đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm vào các thị trường Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản. Đồng thời, tận dụng được các điều kiện thuận lợi khi tham gia tổ chức thương mại thế giới WTO từ đầu năm 2007 và các hiệp định thương mại kinh tế song phương, các hạn ngạch nhập khẩu được bãi bỏ, thuế nhập khẩu giảm tại các thị trường xuất khẩu Hoa Kỳ, EU. Tuy nhiên, ngành may còn nhiều phụ thuộc vào việc nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài, đặc biệt là nhập khẩu nguyên vật liệu từ Trung Quốc, điều này khiến cho các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên vật liệu gặp nhiều trở ngại khi đồng tiền Việt Nam không ổn định, thường xuyên mất giá khiến cho chi phí nguyên vật liệu của các doanh nghiệp tăng cao, bên cạnh đó chi phí nhân công đang dần không còn là lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước. Ngoài ra, sự cạnh tranh gay gắt của đối thủ cạnh

tranh trên các thị trường quốc tế là điều đáng chú ý, đặc biệt là đối với sản phẩm của Trung Quốc.

Về cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp so với toàn ngành công nghiệp, giai đoạn 2008-2015 tỷ trọng ngành công nghiệp may có xu hướng giảm, từ 12,21% năm 2008 giảm còn 11,14% năm 2010, và đạt 8,95% năm 2015. Cụ thể được thể hiện qua bảng số liệu sau:

*Bảng 15: Giá trị sản xuất ngành May giai đoạn 2008 - 2015*

DVT: tỷ đồng

| Danh mục               | Giá trị (tỷ đồng) |         |         | Tăng trưởng bq (%) |           |           |
|------------------------|-------------------|---------|---------|--------------------|-----------|-----------|
|                        | 2008              | 2010    | 2015    | 2008-2010          | 2010-2015 | 2008-2015 |
| Toàn ngành công nghiệp | 206.682           | 325.690 | 594.685 | 25,5%              | 12,8%     | 16,3%     |
| Ngành DMG              | 41.599            | 74.014  | 134.248 | 33,4%              | 12,65%    | 18,2%     |
| Ngành May              | 5.078             | 8.248   | 12.015  | 27,4%              | 7,81%     | 13,1%     |
| DN nhà nước            | 298               | 612     | 194     | 43,3%              | -20,53%   | -5,9%     |
| DN tư nhân             | 560               | 1.131   | 2.332   | 42,1%              | 15,57%    | 22,6%     |
| Đầu tư nước ngoài      | 4.220             | 6.505   | 9.489   | 25,5%              | 7,84%     | 16,3%     |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai .

*Doanh nghiệp Nhà nước:* Là chuyên ngành duy nhất còn có sự tham gia phát triển của các doanh nghiệp quốc doanh ngành DMG tỉnh. Năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp đạt được 194 tỷ đồng, giảm mạnh 104 tỷ so với sản lượng sản xuất năm 2008, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2008-2015 giảm 5,95%/năm, trong đó: giai đoạn 2008-2010 tăng cao, tăng bình quân 42,1%/năm, giai đoạn 2010-2015 giảm bình quân 20,53%/năm. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng cho thấy hiệu quả hoạt động thấp, năng suất lao động không cao. Nguyên nhân giảm chủ yếu là do doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế này phải thực hiện chính sách cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước theo chủ trương chung của cả nước, do vậy giá trị sản xuất công nghiệp giảm dần và chuyển sang khu vực công nghiệp tư nhân và khu vực vốn đầu tư nước ngoài. Cụ thể, tỷ trọng giá trị sản xuất của khu vực trên tổng giá trị sản xuất của ngành may có xu hướng giảm, từ 5,87% năm 2008 xuống còn 7,42% năm 2010 và còn 1,61% năm 2015.

*Doanh nghiệp tư nhân:* Năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp đạt được 2.332 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2008-2015 tăng 22,6%/năm, trong đó: giai đoạn 2008-2010 tăng 43,31%/năm, giai đoạn 2010-2015 giảm nhanh chóng, còn 15,57%/năm. Nhìn chung, các doanh nghiệp trong khu vực tư nhân hầu hết là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sản xuất quy mô nhỏ lẻ, phát triển theo hướng thủ công, chưa tập trung phát triển theo hướng xuất khẩu. Mặc dù đây là khu vực có số lượng cơ sở sản xuất chiếm tỷ trọng cao nhất, nhưng là khu vực có tốc độ tăng trưởng thấp. Về cơ cấu so với toàn ngành công nghiệp, khu vực công nghiệp dân doanh thuộc ngành may chiếm tỷ trọng thấp, nhưng đang có xu hướng tăng dần cụ thể: năm 2008 chiếm 1,35%, tăng đến năm 2010 còn 1,53% và đạt 1,74% vào năm 2015 trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp. Xét cơ cấu trong nội bộ ngành may, tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp khu vực dân doanh đứng vị trí thứ 2, sau khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, cụ thể: năm 2008 chiếm 11,03%, tăng dần đến năm 2010 tăng đến 13,71% và tiếp tục tăng, đến năm 2015 chiếm 19,41% trong cơ cấu nội bộ ngành.

*Doanh nghiệp nước ngoài:* Năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp đạt được 9.489 tỷ đồng, tăng gấp 2,25 lần so với giá trị sản xuất năm 2008. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2008-2015 tăng cao, tăng 12,27%/năm, trong đó: giai đoạn 2008-2010 tăng 24,16%/năm, giai đoạn 2010-2015 tăng 7,84%/năm. Nhìn chung, đây là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất trên cả ba khu vực, nhờ vào các chính sách đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư của chính phủ. Bên cạnh đó, nhờ vào những dự án đầu tư của các nhà đầu tư Thái Lan, Hàn Quốc, Mỹ vào ngành May mặc nhằm đón đầu xu hướng phát triển hội nhập toàn cầu hóa, đặc biệt là các hiệp định AEC và TPP. Về cơ cấu so với toàn ngành công nghiệp, khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có tỷ trọng giảm dần, cụ thể qua các năm như sau: năm 2008 chiếm 10,14%, năm 2010 tăng lên 8,79% và năm 2015 tăng lên 7,04%. Xét cơ cấu trong nội bộ ngành công nghiệp may, trong 4 khu vực kinh tế thuộc ngành công nghiệp may, khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là khu vực có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất, cụ thể: năm 2008 chiếm 83,1%, năm 2010 giảm xuống còn 78,87% và năm 2015 tăng lên 78,89%.

Có thể thấy, giống như ngành công nghiệp Dệt, ngành công nghiệp may phát triển thời gian qua tập trung vào các khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Mặc dù ngành công nghiệp may có tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân tăng nhanh, nhưng thực tế giá trị mang lại không lớn. Ngoại trừ các tập đoàn có quy mô

sản xuất lớn, công nghệ hiện đại, hầu hết các doanh nghiệp nhỏ vẫn còn hoạt động theo phương thức sản xuất gia công, chưa thực sự đẩy mạnh phát triển vào các khâu thiết kế.

### *1.3 Quy mô đào tạo*

Hiện nay tại Việt Nam, ngành công nghệ may đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn và năng lực cần thiết để lập qui trình công nghệ sản xuất, lắp ráp hoàn chỉnh các sản phẩm may mặc; biết tổ chức quá trình sản xuất tại các doanh nghiệp may; tham gia đào tạo cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề; đảm nhiệm các công việc trong phòng kỹ thuật, tham gia quản lý điều hành sản xuất và giám sát kỹ thuật trong các doanh nghiệp may mặc; có tay nghề cao về kỹ thuật may.

Đào tạo ngành thực hiện theo bốn cấp: đào tạo theo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và đào tạo nghề. Theo từng trình độ, học viên khi tốt nghiệp nắm được những kỹ năng khác nhau và ứng tuyển vào các vị trí khác nhau. Với trình độ đại học - cao đẳng, người học cơ bản nắm được các kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi như hiểu các kiến thức cơ bản về mỹ thuật và thẩm mỹ trong lĩnh vực may mặc, phương pháp thiết kế các loại sản phẩm may cơ bản; nhận biết, phân loại, sử dụng và bảo quản các loại nguyên phụ liệu may; có các kiến thức cơ bản về trang thiết bị ngành may, biết phương pháp vận hành và bảo trì; hiểu biết các kiến thức nền tảng về qui trình sản xuất, quản lý chất lượng trong sản xuất may công nghiệp. Bên cạnh đó, được đào tạo thêm các kiến thức nền tảng kỹ thuật nâng cao điển hình là đánh giá và dự báo khả năng phát triển của sản phẩm may trên thị trường để xây dựng chiến lược phát triển phù hợp trong kinh doanh các dịch vụ may mặc; phân tích cấu trúc và tính chất các loại nguyên phụ liệu để tính toán phù hợp các thông số thiết kế khi triển khai sản xuất một sản phẩm; nguyên lý hoạt động và tính năng của các thiết bị ngành may để tính toán, thiết kế các dây chuyền sản xuất phù hợp với sản phẩm, đảm bảo tính năng tối ưu của thiết bị trong quá trình tổ chức và quản lý sản xuất may. Với trình độ trung cấp, người học sẽ tập trung vào thực hành nhiều hơn lý thuyết và có thể thực hiện các công việc như thiết kế và cắt may các loại trang phục từ đơn giản đến phức tạp; đọc và lập bản vẽ chuyên ngành, kết cấu sản phẩm, quy cách tiêu chuẩn đường may và phương pháp lắp ráp sản phẩm; sử dụng các loại thiết bị, định giá dùng trong ngành may; kiểm tra phân loại nguyên liệu, phụ liệu, chuẩn bị sản xuất, giác sơ đồ, tính toán định mức nguyên vật liệu, phụ liệu và kiểm tra chất lượng sản phẩm. Cuối cùng với trình độ nghề, các cơ sở sẽ tập trung đào tạo tay nghề cho người học.



Tính trên khu vực tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh, ngành công nghệ cắt may được đào tạo ở các trường đại học như Sư phạm kỹ thuật TP.HCM; ĐH Công nghiệp TP.HCM; ĐH dân lập Kỹ thuật công nghệ TP.HCM; ĐH dân lập Lạc Hồng; CĐ Công nghiệp dệt may thời trang TP.HCM; CĐ Công nghiệp thực phẩm TP.HCM; CĐ Kinh tế - kỹ thuật công nghiệp 2; CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM,... và các cơ sở dạy nghề khác. Quy mô đào tạo của mỗi trường đại học, cao đẳng và trung cấp giao động từ 300 - 1000 học viên mỗi năm.

## **2. Thị trường, nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước.**

Trong giai đoạn 2008-2015, ngành dệt, may và giày dép đã ngày càng trở thành ngành sản xuất chủ lực và là ngành xuất khẩu mũi nhọn của tỉnh Đồng Nai. Từ sau năm 2010, tình hình lạm phát đã ngày càng được cải thiện, chi tiêu dùng của thị trường nội địa cũng ngày càng tăng theo quy mô dân số tăng và thu nhập bình quân đầu người tăng. Cụ thể, thị trường tiêu thụ cho ngành dệt, may và giày dép của Đồng Nai bao gồm cả thị trường trong nước và thị trường nước ngoài (thị trường xuất khẩu), trong đó thị trường xuất khẩu là chủ yếu. Cụ thể, chỉ tính trong năm 2015, giá trị tiêu thụ tại thị trường trong nước chiếm 25,22% trên tổng doanh số tiêu thụ của ngành, nhỏ hơn 74,78% so với thị trường xuất khẩu.

### **Thị trường tiêu thụ trong nước**

Nhìn chung, hầu hết sản phẩm may trong ngành chủ yếu là trang phục, phân phối tại các chợ đầu mối phục vụ cho các khu nông thôn, và một phần tại các cửa hàng thời trang mô hình kinh doanh quy mô nhỏ trong khu vực thành thị, do đó chất lượng sản phẩm còn kém. Tuy nhiên, vẫn có một số những doanh nghiệp sản xuất phân phối sản phẩm tốt và cao cấp trong các chuỗi siêu thị và trung tâm mua sắm, tuy nhiên phân khúc thị trường này đang ngày càng bị cạnh tranh gay gắt với các thương hiệu ngoại, và trong khi người Việt Nam có xu hướng ưa chuộng hàng ngoại. Nhìn chung, hầu hết sản phẩm giày dép nội địa chủ yếu thuộc phân khúc trung cấp, và cấp thấp, phục vụ cho vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa - nơi có thu nhập thấp, phân phối chủ yếu thông qua các chợ đầu mối và các cửa hàng kinh doanh nhỏ.

### **Thị trường xuất khẩu**

Giai đoạn 2008-2015, tổng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp DMG đã tăng trưởng nhanh chóng, phần lớn là nhờ vào lợi thế giảm thuế nhập khẩu và các rào cản thương mại về hạn ngạch mà Việt Nam nhận được thông qua các Hiệp định kinh tế song phương và đa phương, và lợi ích có được từ việc tham gia WTO. Tuy nhiên, hình

thức xuất khẩu chủ yếu của doanh nghiệp DMG hiện nay chủ yếu là xuất khẩu theo hình thức gia công xuất khẩu CMT (cut, make and trim), do đó tỷ trọng xuất khẩu dưới hình thức này chiếm khoảng 70% kim ngạch xuất khẩu của ngành, tốc độ tăng trưởng của ngành cao nhưng giá trị gia tăng của ngành còn thấp. Ngoài ra, các doanh nghiệp xuất khẩu trong thời gian qua còn phải chịu sự cạnh tranh gay gắt của doanh nghiệp bản xứ và xuất khẩu khác, đặc biệt là doanh nghiệp Trung Quốc, một cường quốc về ngành Dệt may và giày dép. Năm 2015, tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành DMG Đồng Nai đạt 4,442 triệu USD, tăng 1.723 triệu USD so với năm 2008, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu xuất khẩu toàn ngành công nghiệp, có tốc độ tăng trưởng trung bình là 7,3%/năm:

*Bảng 16: Kim ngạch xuất khẩu và mức tăng trưởng bình quân 2008-2015*

| Danh mục    | Kim ngạch xuất khẩu<br>(Triệu USD) |       |       | Tăng trưởng bình quân<br>(%) |           |           |
|-------------|------------------------------------|-------|-------|------------------------------|-----------|-----------|
|             | 2008                               | 2010  | 2015  | 2008-2010                    | 2010-2015 | 2008-2015 |
| CN DMG      | 2.719                              | 2.475 | 4.442 | -4,6%                        | 10,3%     | 7,3%      |
| CN Dệt may  | 1.297                              | 1.405 | 1.813 | 4,1%                         | 6,9%      | 4,9%      |
| CN Giày dép | 1.422                              | 1.070 | 2.629 | -13,3%                       | 13,1%     | 9,2%      |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai.

Năm 2015, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường nước ngoài của ngành Dệt may đạt 1.813 triệu USD, tăng 516 triệu USD so với năm 2008, tốc độ tăng trưởng giá trị tiêu thụ trung bình 4,9%/năm. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của ngành công nghiệp dệt may vẫn là Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc. Tuy nhiên, sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường này hầu hết thông qua các nhà bán buôn, nhà môi giới, nên sản phẩm thường không được bán với giá tốt nhất, và luôn phải chịu khoản chi phí hoa hồng, do đó làm giảm lợi nhuận. Mặt khác, sản phẩm xuất khẩu sang các thị trường này chủ yếu được sản xuất theo đơn đặt hàng từ đối tác, nên giá trị từ khâu phân phối và giá trị gia tăng cũng thấp. Về cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp DMG, tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm dệt may trên tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành có xu hướng giảm trong giai đoạn 2008-2015, cụ thể năm 2008 đạt 47,7%, giảm xuống đến 56,77% vào năm 2010 và còn 40,81% năm 2015.

### **3. Thực trạng về đầu tư.**

Tổng vốn đầu tư sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp dệt, may và giày dép tính đến cuối năm 2015 là gần 111.088 tỷ đồng, chiếm 27,1% tổng vốn đầu tư vào

sản xuất kinh doanh toàn ngành công nghiệp (giá trị sản xuất tính theo giá so sánh 2010 chiếm 46,75% toàn ngành công nghiệp), tỷ trọng chiếm cao trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp do ngành dệt có mức đầu tư lớn, vốn cao, chiếm đến 59,7% trong cơ cấu vốn sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp DMG và chiếm 16,2% tổng vốn sản xuất kinh doanh toàn ngành công nghiệp. Xét theo các thành phần kinh tế như sau:

*Bảng 17: Đầu tư sản xuất trong ngành DMG*

Đơn vị tính: Triệu Đồng

|      | Ngành Công Nghiệp | Ngành Dệt may-Giày dép | Ngành dệt  | Ngành may  | Ngành giày dép |
|------|-------------------|------------------------|------------|------------|----------------|
| 2008 | 190.731.923       | 54.694.885             | 42.532.302 | 4.993.553  | 19.327.092     |
| 2009 | 197.765.266       | 56.711.789             | 46.526.854 | 6.125.467  | 23.444.064     |
| 2010 | 203.507.281       | 58.358.387             | 53.209.521 | 6.236.120  | 20.574.019     |
| 2011 | 300.157.805       | 86.074.481             | 56.153.252 | 6.815.553  | 23.105.676     |
| 2012 | 330.391.028       | 89.421.969             | 57.544.627 | 7.563.909  | 24.313.433     |
| 2013 | 354.123.190       | 94.591.440             | 59.910.967 | 8.214.338  | 26.466.135     |
| 2014 | 392.762.794       | 105.762.998            | 64.859.743 | 10.045.078 | 30.858.177     |
| 2015 | 410.531.806       | 111.088.223            | 66.324.612 | 11.238.976 | 33.524.635     |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai .

Về vốn đầu tư: Đến năm 2015, tổng vốn đầu tư của ngành công nghiệp dệt, may, giày dép là 111.088.223 triệu đồng, chiếm 27,1% tổng vốn đầu tư toàn ngành công nghiệp, trong đó vốn đầu tư vào ngành công nghiệp dệt chiếm tỷ trọng cao, chiếm 59,7% trong ngành công nghiệp DMG, chiếm 16,2% tổng vốn toàn ngành công nghiệp. Ngành giày dép có tỷ trọng vốn đầu tư tương đương ngành dệt, chiếm 30,2% ngành DMG và chiếm 8,2% toàn ngành công nghiệp, vốn đầu tư vào ngành may là thấp nhất, chiếm 10,1% tổng vốn ngành DMG, chiếm 2,7% tổng vốn toàn ngành công nghiệp.

Cụ thể, với ngành công nghiệp dệt, về quy mô vốn, tổng vốn đầu tư sản xuất kinh doanh của ngành dệt tính đến ngày cuối năm 2015 là 66.324.612 triệu đồng, chiếm 59,7% tổng mức vốn ngành công nghiệp DMG, chiếm 16,2% tổng vốn đầu tư toàn ngành công nghiệp, là ngành có vốn đầu tư chiếm tỷ trọng cao nhất trong 3 chuyên ngành công nghiệp DMG trên địa bàn tỉnh. Ngành công nghiệp may, về quy mô vốn, tổng mức đầu tư sản xuất kinh doanh của ngành may tính đến cuối năm 2015 là 11.238.976 triệu đồng, chiếm 10,2% tổng mức vốn ngành công nghiệp DMG, chiếm

2,7% tổng vốn đầu tư toàn ngành công nghiệp, chỉ bằng 16,9% vốn đầu tư cho ngành dệt.

#### 4. Trình độ công nghệ.

Dựa trên số liệu cung cấp từ sở công thương Đồng Nai và phần mềm đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của sở khoa học công nghệ Đồng Nai, theo kết quả báo cáo năm 2015, trình độ công nghệ của ngành DMG trên địa bàn tỉnh được đánh giá thông qua các hệ số thành phần:

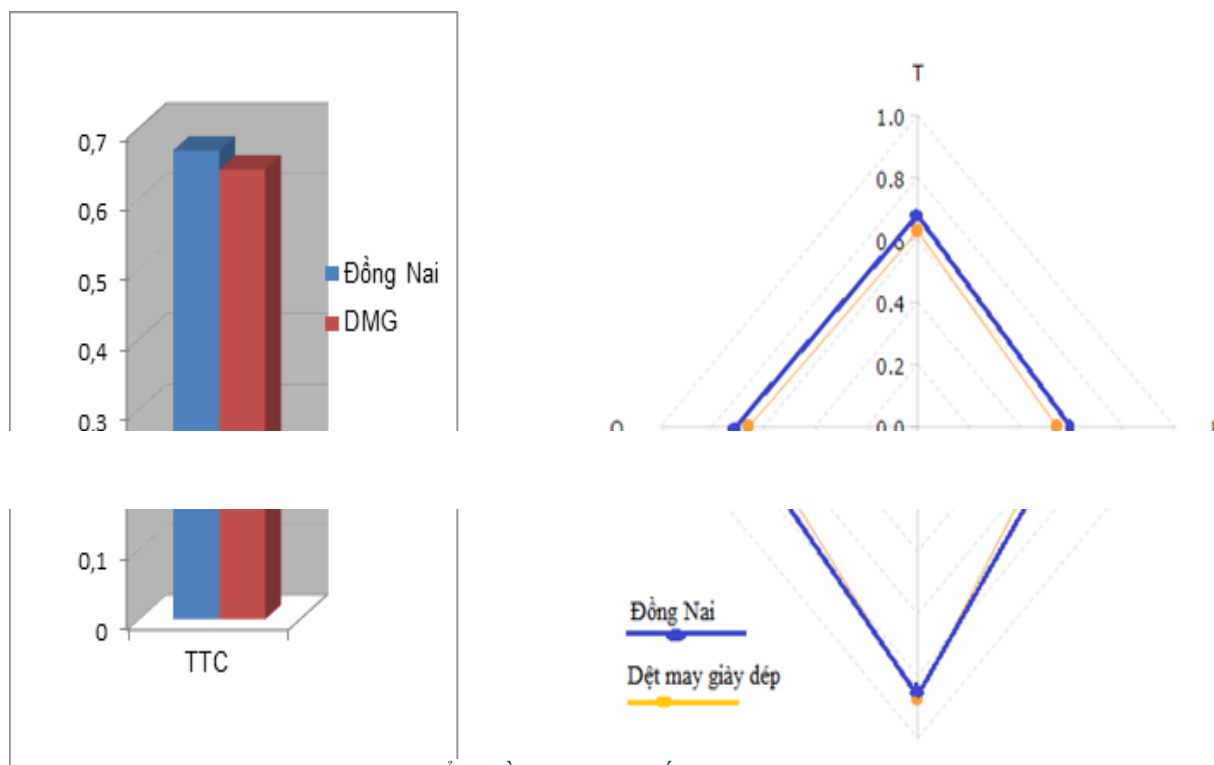
Thành phần kỹ thuật - Technoware (T)

Thành phần con người - Humanware (H)

Thành phần Thông tin - Inforware (I)

Thành phần Tổ chức - Orgaware (O)

Và hệ số đóng góp của công nghệ (TTC)



Qua điều tra cho thấy có khá nhiều các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trên địa bàn nên trình độ công nghệ của các doanh nghiệp tương đối cao, ngoài ra nhà nước còn chú trọng đầu tư nâng cao trình độ công nghệ trên địa bàn tỉnh thể hiện qua chỉ số TTC của các doanh nghiệp nhà nước là 0,7347 cao hơn 0,0693 so với các doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư từ nước ngoài là 0,6654. Mặc dù số lượng doanh nghiệp có chỉ số TTC trên mức trung bình rất cao, nhưng hệ số đóng góp công nghệ TTC của ngành DMG lại thấp hơn mức bình quân chung của toàn tỉnh, các hệ số như:

Kỹ thuật (T), Con người (H), Tổ chức (O) của ngành DMG đều thấp hơn so với bình quân toàn ngành và đạt giá trị tương ứng (0,6303; 0,5454; 0,65647); chỉ có chỉ số Thông tin (I) đạt mức trên mức trung bình của toàn tỉnh tuy nhiên không cao hơn nhiều, giá trị đạt tương ứng là 0,8736, được thể hiện chi tiết qua biểu số liệu sau:

*Bảng 18: Chỉ số T H I O ngành DMG*

| Danh mục   | TCC     | T       | H       | I      | O       |
|------------|---------|---------|---------|--------|---------|
| Toàn tỉnh  | 0,6684  | 0,6551  | 0,5861  | 0,8712 | 0,6972  |
| Ngành DMG  | 0,6415  | 0,6303  | 0,5454  | 0,8736 | 0,6564  |
| Chênh lệch | -0,0269 | -0,0248 | -0,0407 | 0,0024 | -0,0408 |

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

## **5. Nguồn nhân lực và đào tạo nguồn nhân lực.**

Dân số trung bình toàn tỉnh năm 2014 là 2.839.000 người<sup>4</sup>, đứng thứ năm trong cả nước chỉ sau Thành phố Hồ Chí Minh là 7.981.900 người, Hà Nội là 7.095.900 người, Thanh Hóa 3.496.100 người và Nghệ An là 3.037.400 người), tỷ lệ gia tăng dân số là 2,38% cao hơn cả nước là 1,08%. Tháp tuổi dân số của Đồng Nai đa số là dân số trẻ cộng với sự đầu tư về kiến thức và sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp đã tạo sức hút lớn đến việc di dân cơ học đến tỉnh, làm dân số ở đây tăng nhanh, trong 4 năm 2011 - 2014, dân số tỉnh tăng thêm 198.000 người.

Do đặc thù mà ngành công nghiệp DMG là ngành công nghiệp sử dụng rất nhiều lao động so với các ngành công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh, tính đến hết năm 2015 có 329.707 người, chiếm 51,3% trong cơ cấu lao động toàn ngành công nghiệp; trong đó ngành công nghiệp giấy dếp sử dụng nhiều lao động nhất, chiếm 61,1% tổng số lượng lao động của ngành công nghiệp DMG và chiếm 31,3% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp; tiếp đến là ngành công nghiệp may, chiếm 26,1% tổng số lượng lao động của ngành công nghiệp DMG và chiếm 13,4% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp; thấp nhất là ngành công nghiệp dệt, chiếm 12,8% tổng số lượng lao động của ngành công nghiệp DMG và chiếm 6,6% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp.

Tốc độ tăng bình quân số lượng lao động giai đoạn 2008-2015 là 17,3%/năm, cao hơn bình quân chung toàn ngành (toàn ngành 16,8%/năm), và mức độ tăng trưởng có xu hướng tăng dần, giai đoạn 2008-2010 tăng 14,3%/năm; giai đoạn 2011-2015 tăng 17,8%/năm, đây là do nền kinh tế Việt Nam đang dần được phục hồi sau ảnh hưởng từ

<sup>4</sup>Cục thống kê Đồng Nai

khủng hoảng kinh tế. Cùng với đó, tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp DMG có năng suất lao động tăng dần theo mốc thời gian, tăng từ 75 triệu đồng/lao động (tính theo giá trị sản xuất) năm 2008, lên hơn 100 triệu đồng năm 2015, cho thấy kỹ năng lao động, tay nghề công nhân ngày càng cao.

Về cơ cấu lao động ngành công nghiệp DMG so với toàn ngành công nghiệp giai đoạn 2008-2010 có xu hướng tăng từ 45,63% năm 2008 lên 51,65% năm 2010, và giảm nhẹ ở giai đoạn 2011-2015, đến 2015 giảm còn 51,34%. Cụ thể được thể hiện qua biểu số liệu sau:

*Bảng 19: Cơ cấu lao động ngành DMG 2008 -2015*

| Danh mục               | Lao động<br>(Người) |         |         | Tốc độ<br>tăng trưởng BQ<br>(%) |                   |                   |
|------------------------|---------------------|---------|---------|---------------------------------|-------------------|-------------------|
|                        | 2008                | 2010    | 2015    | 2008-<br>2010                   | 2011<br>-<br>2015 | 2008<br>-<br>2015 |
| Toàn ngành CN          | 413.129             | 463.607 | 642.225 | 14,3                            | 17,8              | 16,4              |
| Công nghiệp DMG        | 188.465             | 239.468 | 329.707 | 15,2                            | 18,4              | 17,3              |
| - Công nghiệp Dệt      | 23.505              | 29.141  | 42.119  | 10,4                            | 17,5              | 16,8              |
| - Công nghiệp May      | 45.389              | 56.538  | 86.253  | 16,3                            | 17,7              | 17,1              |
| - Công nghiệp Giày dép | 119.571             | 153.789 | 201.335 | 15,7                            | 17,5              | 16,8              |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai

a. Nguồn nhân lực ngành dệt

Tính đến cuối năm 2015, ngành công nghiệp dệt có 30.072 lao động, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2008-2015 là 16,4%/năm, trong đó giai đoạn 2008-2010 tăng 10,4%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 tăng nhanh, tăng 17,5%/năm, do các dự án đầu tư nước ngoài vào địa bàn tỉnh và Việt Nam đang trong giai đoạn hồi phục kinh tế sau khủng hoảng. Cụ thể được biểu biện qua bảng số liệu sau:

*Bảng 20: Cơ cấu lao động ngành Dệt 2008 -2015*

| Danh mục | Lao động<br>(Người) | Năng suất lao động<br>GTSXCN/lao động | Tốc độ<br>tăng trưởng BQ<br>(%) |
|----------|---------------------|---------------------------------------|---------------------------------|
|----------|---------------------|---------------------------------------|---------------------------------|

|                     | 2007        | 2010        | 2015        | 2007  | 2010  | 2015  | 2008<br>-2010 | 2011<br>-2015 | 2008<br>-2015 |
|---------------------|-------------|-------------|-------------|-------|-------|-------|---------------|---------------|---------------|
| Toàn ngành CN       | 413.1<br>29 | 463.6<br>07 | 642.2<br>25 | 0,154 | 0,207 | 0,371 | 14,3          | 17,8          | 16,4          |
| Công nghiệp Dệt     | 23.50<br>5  | 29.14<br>1  | 42.11<br>9  | 0,300 | 0,397 | 0,454 | 10,4          | 17,5          | 16,8          |
| - Nhà nước          | —           | —           | —           | —     | —     | —     | —             | —             | —             |
| - Ngoài quốc doanh  | 520         | 909         | 1.673       | 0,058 | 0,062 | 0,085 | 18,4          | 19,7          | 21,7          |
| - Đầu tư nước ngoài | 22.78<br>2  | 28.23<br>2  | 40.44<br>6  | 0,308 | 0,421 | 0,642 | 11,3          | 20,7          | 15,8          |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai

Trong các thành phần kinh tế, lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 96,03% năm 2015, có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất vào giai đoạn 2011-2015 so với các thành phần kinh tế khác, tăng 20,7%; lao động ngoài quốc doanh cũng có xu hướng tăng trưởng, giai đoạn 2008-2010 tăng 18,4%/năm đến giai đoạn 2011-2015, mức tăng đạt 19,7%/năm. Về năng suất lao động, qua các năm đều tăng lên đáng kể ở khu vực đầu tư nước ngoài năm 2007 là 308 triệu đồng/lao động, năm 2015 tăng lên đến 642 triệu đồng/lao động; khu vực ngoài quốc doanh năng suất lao động tăng nhẹ, năm 2007 là 58 triệu đồng/năm, năm 2015 là 85 triệu đồng/năm.

b. Nguồn nhân lực ngành may

Tính đến cuối năm 2015, ngành công nghiệp may có 86.253 lao động, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2008-2015 là 17,1%/năm, cao hơn ngành dệt (16,8%/năm), trong đó giai đoạn 2008-2010 tăng 16,3%/năm, giai đoạn 2011-2015 tăng nhanh, tăng 17,7%/năm. Cụ thể qua bảng số liệu sau:

*Bảng 21: Cơ cấu lao động ngành may 2008 -2015*

| Danh mục      | Lao động<br>(Người) |             |             | Năng suất lao động<br>GTSXCN/lao động |           |           | Tốc độ<br>tăng trưởng BQ<br>(%) |                   |                   |
|---------------|---------------------|-------------|-------------|---------------------------------------|-----------|-----------|---------------------------------|-------------------|-------------------|
|               | 2007                | 2010        | 2015        | 2007                                  | 2010      | 2015      | 2008-<br>2010                   | 2011<br>-<br>2015 | 2008<br>-<br>2015 |
| Toàn ngành CN | 413.1<br>29         | 463.<br>607 | 642.2<br>25 | 0,15<br>4                             | 0,20<br>7 | 0,37<br>1 | 14,3                            | 17,8              | 16,4              |

|                     |             |             |             |           |           |           |       |       |           |
|---------------------|-------------|-------------|-------------|-----------|-----------|-----------|-------|-------|-----------|
| Công nghiệp May     | 45.38<br>9  | 56.5<br>38  | 86.25<br>3  | 0,04<br>3 | 0,19<br>7 | 0,30<br>4 | 16,3  | 17,7  | 17,1      |
| - CN Trung ương     | —           | 5.03<br>1   | 1.311       | —         | 0,94      | 0,83      | 10,39 | -3,24 | 8,41      |
| - CN Địa phương     | 7.600       | 7.96<br>4   | 18.64<br>7  | 0,05<br>0 | 0,11<br>8 | 0,15<br>2 | 8,18  | 22,4  | 15,4<br>9 |
| - Ngoài quốc doanh  | 34.35<br>6  | 43.5<br>43  | 66.29<br>5  | 0,04<br>3 | 0,15      | 0,16      | 20,1  | 27,4  | 25,2      |
| - Đầu tư nước ngoài | 413.1<br>29 | 463.<br>607 | 642.2<br>25 | 0,15<br>4 | 0,20<br>7 | 0,37<br>1 | 14,3  | 17,8  | 16,4      |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai

Trong các thành phần kinh tế, lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm số lượng lớn nhất, chiếm 77% năm 2015, có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất so với các thành phần kinh tế khác, giai đoạn 2011-2015 tăng 27,4%/năm và có năng suất lao động thay đổi không nhiều theo chiều hướng tăng, từ 150 triệu đồng/lao động năm 2010 tăng lên 160 triệu đồng/lao động năm 2015, trong đó giai đoạn 2008-2010 có số lao động tăng bình quân 20,1%, giai đoạn 2011-2015 có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn giai đoạn 2008-2010, tăng 27,4%/năm; khu vực ngoài quốc doanh có năng suất lao động tăng nhẹ từ 118 triệu đồng/lao động năm 2010 tăng lên 152 triệu đồng/lao động, khu vực nhà nước có mức tăng trưởng thấp nhất năng suất lao động giảm từ 94 triệu đồng/lao động năm 2010 giảm xuống còn 83 triệu đồng/lao động năm 2015.

## 6. Môi trường.

Đồng Nai là tỉnh có sự phát triển mạnh về các ngành công nghiệp, bên cạnh sự phát triển mạnh đó là các vấn đề về môi trường. Các chất thải công nghiệp và điều mà tất cả các công ty và Nhà nước đều quan tâm. Chất thải chủ yếu là chất rắn, ngoài ra còn có cả chất khí và chất lỏng.

Đối với chất rắn, là các nguyên liệu thừa từ quá trình gia công sản xuất sản phẩm như vải, cao su, da, các chất tổng hợp.... Các chất thải này không tái chế lại được, vì vậy đa số các công ty phải thuê ngoài để xử lý, thường thì công ty sẽ ký các hợp đồng thu gom rác thải với công ty môi trường để vận chuyển rác thải và xử lý tập trung.

Ngoài ra là chất thải khí và lỏng, hai loại chất thải này đều trực tiếp ảnh hưởng đến môi trường, nên cần phải được xử lý kỹ trước khi ra ngoài môi trường. Các chất thải khí đa số do các hoạt động sản xuất ở khâu xử lý nguyên liệu bằng máy, các công ty thường xử lý bằng các hệ thống lọc khí trước khi thải ra ngoài, ngoài ra một số còn tái sử dụng khí CO<sub>2</sub> để phục vụ cho các hoạt động của mình. Đối với chất thải lỏng, các



công ty đa số đều có hệ thống xử lý Cục bộ sau đó đưa qua hệ thống xử lý chất thải lỏng tập trung và xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Hiện nay trong các KCN tỉnh Đồng Nai, mỗi cơ sở sản xuất đều có nhà máy xử lý chất thải cục bộ đạt loại B trước khi xả vào nhà máy xử lý trực tiếp của KCN. Tuy nhiên việc kiểm tra, giám sát việc xử lý nước thải của các doanh nghiệp và các KCN trên địa bàn tỉnh còn lỏng lẻo, và chưa có quy trình quan trắc hay giám sát tự động đối với nước thải được thải ra từ các KCN này. Do đó vấn đề ô nhiễm môi trường cho các khu vực xung quanh gần KCN và toàn tỉnh là một vấn đề cần được quan tâm sâu sát hơn từ chính quyền và các cơ quan chức năng.

Thực trạng các ngành sản xuất công nghiệp hiện nay đều ít nhiều đều gây ảnh hưởng đến môi trường những mức độ khác nhau. Hiện nay, chưa có một thông tin hay một nghiên cứu nào nói về ảnh hưởng trực tiếp của từng ngành công nghiệp đến sức khỏe con người, cũng chưa có một chuẩn nào đánh giá mức độ ảnh hưởng của các ngành sản xuất công nghiệp đến môi trường và sức khỏe con người. Tuy nhiên, để đánh giá tác động của từng ngành công nghiệp đến môi trường và sức khỏe con người ta có thể bắt đầu từ phân tích, đánh giá trình độ công nghệ, máy móc thiết bị mà các doanh nghiệp trong ngành DMG sử dụng theo các chỉ số kỹ thuật (T) sau: Mức độ hao mòn thiết bị (T1); Cường độ vốn TBCN (T2); Mức độ đổi mới thiết bị, công nghệ (T3); Xuất xứ thiết bị, công nghệ (T4); Mức độ tự động hóa (T5); Tính đồng bộ trong TBCN (T6); Tỷ lệ chi phí năng lượng sản xuất (T7); tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu sản xuất (T8); Sản phẩm của dây chuyền sản xuất (T9); Chuyên giao ứng dụng công nghệ và sở hữu trí tuệ (T10).

Dựa trên số liệu cung cấp từ sở công thương Đồng Nai và phần mềm đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của sở khoa học công nghệ Đồng Nai, theo kết quả báo cáo năm 2015, nhóm các chỉ số kỹ thuật (T) của ngành công nghiệp DMG được biểu hiện cụ thể qua biểu số liệu sau:

*Bảng 22: Số liệu về các nhóm kỹ thuật ngành DMG*

| Ngành     | T1     | T2         | T3         | T4     | T5         | T6     | T7     | T8     | T9         | T10        |
|-----------|--------|------------|------------|--------|------------|--------|--------|--------|------------|------------|
| Đồng Nai  | 0,5044 | 0,984<br>6 | 0,987<br>4 | 0,6755 | 0,987<br>4 | 0,3255 | 0,7592 | 0,5970 | 0,808<br>9 | 0,357      |
| Ngành DMG | 0,4905 | 0,995<br>2 | 0.39       | 0,7310 | 0,992<br>9 | 0,2589 | 0,7393 | 0,6667 | 0,857<br>1 | 0,344<br>6 |

|            |         |        |        |        |        |         |         |        |        |         |
|------------|---------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|--------|--------|---------|
| Chênh lệch | -0,0139 | 0,0106 | -0.976 | 0,0555 | 0,0055 | -0,0666 | -0,0199 | 0,0697 | 0,0482 | -0,0124 |
|------------|---------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|--------|--------|---------|

*Nguồn:* Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.

Qua bảng số liệu về các nhóm kỹ thuật của ngành công nghiệp DMG, ta thấy có một số chỉ tiêu đạt mức trên bình quân chung toàn tỉnh, bao gồm: Mức độ hao mòn thiết bị (T1); Mức độ đổi mới thiết bị, công nghệ (T3); Xuất xứ thiết bị, công nghệ (T4); Mức độ tự động hóa (T5); tỷ lệ chi phí năng lượng sản xuất (T7) và Sản phẩm của dây chuyền sản xuất (T9). Điều này có thể đánh giá trình độ kỹ thuật công nghệ ngành DMG chưa đáp ứng đủ các chỉ tiêu chuẩn để góp phần giảm thiểu ô nhiễm đến môi trường và con người, cụ thể như sau:

- T3 thể hiện sự đầu tư bổ sung thiết bị công nghệ nhằm thay thế và nâng cấp hệ thống thiết bị công nghệ của doanh nghiệp. Theo khảo sát điểm thành phần T3 đạt 1,95 điểm, tương đương hệ số đổi mới  $10\% \leq K_{dm} < 15\%$ , điều này thể hiện sự đầu tư bổ sung thiết bị công nghệ nhằm thay thế và nâng cấp hệ thống thiết bị công nghệ của doanh nghiệp còn thấp (dưới trung bình).

- Cường độ vốn TBCN (T2): Đầu tư vốn cho hoạt động sản xuất ngành công nghiệp DMG cao hơn mức bình quân chung của toàn tỉnh, điều này cũng tác động không tốt đến việc bảo vệ môi trường sống, đặc biệt nhất là ngành công nghiệp dệt là ngành sử dụng lượng hóa chất, thuốc nhuộm đặc biệt cao so với các ngành khác.

- Tính đồng bộ trong TBCN (T6): Hệ thống máy móc chưa được chú trọng đầu tư, tính đồng bộ trong các thiết bị công nghệ chưa cao, thấp hơn mức bình quân chung của toàn tỉnh, điều này làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động, cũng góp phần gây nên những ảnh hưởng nhất định đến môi trường và sức khỏe con người.

- Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu sản xuất (T8): Chi phí nguyên vật liệu sản xuất được đầu tư vào ngành và cao hơn mức trung bình toàn tỉnh Đồng Nai, điều này gây ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường vì các nguyên vật liệu dành cho ngành là tập trung phần lớn từ thiên nhiên.

- Chuyên giao ứng dụng công nghệ và sở hữu trí tuệ (T10): Chuyên giao ứng dụng công nghệ và sở hữu trí tuệ của ngành công nghiệp DMG thấp hơn so với mức bình quân toàn địa bàn, điều này cho thấy, các thiết bị máy móc công nghệ đã cũ kỹ, lạc hậu, thời gian sử dụng quá lâu, gây ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường cao hơn so với các thiết bị công nghệ mới hiện đại. Theo khái niệm trên thì nội dung T10 phải được

hiểu việc chuyển giao công nghệ ở đây là bí quyết, tài liệu kỹ thuật, quy trình công nghệ, lixăng công nghệ... Điều này thể hiện các doanh nghiệp trong lĩnh vực này chưa quan tâm đầu tư hàm lượng chất xám vào sản phẩm nên các thiết bị công nghệ được đầu tư có hệ số đóng góp công nghệ thấp hơn các lĩnh vực khác.

## **7. Sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành (CNHT).**

Lĩnh vực công nghiệp phụ trợ phát triển không tương xứng khiến Việt Nam phải nhập khẩu lượng lớn nguyên phụ liệu cho khâu may: Ngoài vải, Việt Nam cũng phải nhập khẩu thêm các vật liệu dựng khác như cúc, khuy, khóa kéo, chỉ may... để hoàn chỉnh sản phẩm. Năm 2015, giá trị nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may – giày dép đạt 5 tỷ USD, tăng 90,9% so với năm 2010, chiếm 21,9% kim ngạch xuất khẩu. Trong giai đoạn 2010-2015, kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân 17,6%, cao hơn tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may (16,8%). Việc đầu tư chưa đúng mức vào sản xuất nội địa nguyên phụ liệu ngành may cũng như tính chất gia công của khâu may (mua nguyên phụ liệu theo sự chỉ định của khách hàng) là nguyên nhân chính khiến ngành dệt may phụ thuộc lớn vào nguồn cung nguyên liệu nhập khẩu.

Ở đây, Công nghiệp phụ trợ ngành dệt ở Đồng Nai, chỉ có một số sản phẩm thuộc ngành công nghiệp phụ trợ mới được hình thành trong vài năm gần đây đó là sản xuất sợi các loại, sản xuất phụ tùng ngành dệt (cơ khí) và các loại hoá chất cho ngành dệt. Tuy nhiên hiện nay công nghiệp phụ trợ ngành dệt ở Đồng Nai mới phát triển mạnh ở lĩnh vực sản xuất sợi, phần lớn các ngành công nghiệp phụ trợ có vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng của ngành hầu như chưa xuất hiện ở Đồng Nai, đặc biệt là công nghiệp cơ khí, công nghiệp hoá chất phụ trợ cho ngành dệt. Năm 2014, giá trị sản xuất công nghiệp phụ trợ ngành dệt đạt 62.694.479 triệu đồng (giá cố định 2010), tốc độ tăng trưởng bình quân ngành năm 2010 - 2014 ngành dệt là 19,7%, ngành may là 12,2 %. Điều này cho thấy, công nghiệp phụ trợ ngành dệt - may đã bắt đầu phát triển và đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng ngành nói riêng và DMG nói chung, tuy nhiên vẫn chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu hiện tại quá lớn của ngành DMG trong tỉnh.

## **8. Đánh giá về chất lượng sản phẩm ngành Dệt may.**

Theo điều tra khảo sát của đề tài, chất lượng sản phẩm ngành dệt may mà tỉnh đang đạt được chỉ ở mức khá chứ chưa được tốt. Do nhiều yếu tố khác nhau như: sản xuất chỉ theo quy mô nhỏ và vừa, chưa tập trung thành các cụm ngành chuyên biệt mà các ngành công nghiệp ở khắp nơi phân bố không tập trung làm cho sản phẩm từ khâu

này chuyển sang khâu khác gặp nhiều khó khăn cũng như hư hỏng và tổn kém nhiều kinh phí nâng giá sản phẩm lên cao. Bên cạnh đó dù là nước luôn đạt tỷ lệ xuất khẩu cao nhưng sản phẩm không được biết đến bên trong nội địa mà cứ phân phối tràn lan bên ngoài, người dân thì mặc quần áo chủ yếu nhập khẩu từ các nước trong khu vực nhưng có giá rẻ, mẫu mã đẹp. Ngoài ra dù là ngành mũi nhọn nhưng lương của người lao động không được cải thiện vẫn luôn ở mức thấp nằm trong top 5 có giá lao động thấp nhất thế giới làm cho người những người trực tiếp tạo ra sản phẩm thì sống thiếu thốn nhưng người không làm gì thì hưởng lợi thì ở một mức cao làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

## **9. .Tổ chức và phân bố sản xuất**

Tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp là hệ thống các biện pháp nhằm phân bổ, tổ chức và sử dụng đầy đủ nhất toàn bộ nguồn lao động và tư liệu sản xuất trên cơ sở kết hợp một cách hợp lý về không gian và thời gian theo những mối quan hệ công nghệ, kỹ thuật ngày càng hoàn thiện nhằm bảo đảm cho quá trình sản xuất diễn ra nhịp nhàng, liên tục với hiệu quả kinh tế cao. Nếu xét theo giác độ ngành thì tổ chức sản xuất là sự bố trí, sắp xếp, phối hợp các yếu tố của quá trình sản xuất về không gian và thời gian giữa các doanh nghiệp với nhau để hướng theo một mục tiêu nhất định. Khi tổ chức sản xuất là phải quyết định những vấn đề hết sức cơ bản như: Vấn đề chuyên môn hoá sản xuất của doanh nghiệp, vấn đề đa dạng hoá nội dung sản xuất kinh doanh, xác định qui mô hợp lý của doanh nghiệp, vấn đề liên kết trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết định địa điểm phân bố doanh nghiệp.

Vì vậy, mỗi quyết định về tổ chức sản xuất sẽ có ý nghĩa rất quan trọng ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và ngành. Trước hết, tổ chức sản xuất sẽ tác động mạnh mẽ, trực tiếp đến nhịp độ phát triển của khoa học kỹ thuật trong ngành từ việc nghiên cứu, phát minh đến việc ứng dụng các thành tựu đó vào sản xuất. Mỗi trình độ của tổ chức sản xuất có ảnh hưởng đến khả năng hiện đại hoá máy móc thiết bị cũng như hiệu quả hoạt động của trang thiết bị công nghệ. Tổ chức sản xuất là cơ sở khách quan để tổ chức bộ máy quản lý và tổ chức lực lượng lao động. Hình thức và phương pháp quản lý bao giờ cũng phải dựa trên cách thức tổ chức sản xuất, khi tổ chức sản xuất hợp lý sẽ giúp cho bộ máy quản lý trở nên gọn nhẹ, hiệu quả quản lý được nâng cao. Đồng thời tổ chức sản xuất cũng là căn cứ khoa học để phân bổ, tổ chức và sử dụng toàn bộ nguồn lao động cả về không gian và thời gian.

Tổ chức sản xuất còn tạo ra khả năng kết hợp các yếu tố sản xuất một cách hợp lý, nó quyết định khả năng khai thác và hiệu quả sử dụng các yếu tố vật chất của quá trình sản xuất như máy móc thiết bị, việc cung ứng, sử dụng nguyên vật liệu... Có thể nói tổ chức sản xuất là cơ sở để rút ngắn thời gian sản xuất (bao gồm cả thời gian lao động và thời gian công nghệ) để tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao sức mạnh cạnh tranh trong quá trình phát triển ngành. Tuy nhiên, tổ chức sản xuất vừa là một công tác có tính chất sản xuất - kỹ thuật, vừa là công tác có tính chất kinh tế - xã hội. Do đó, nó cần được hoàn thiện thường xuyên để đáp ứng những đòi hỏi của sự phát triển trong lực lượng sản xuất và dưới tác động của các điều kiện về kinh tế - xã hội.

## II. Hiện trạng ngành Giấy dếp

### 1. Quy mô và năng lực sản xuất.

#### 1.1. Quy mô sản xuất

Ngành công nghiệp giấy dếp là chuyên ngành có tốc độ tăng số lượng cơ sở sản xuất thấp. Sau 7 năm phát triển, số lượng doanh nghiệp sản xuất giấy dếp tăng 55 cơ sở, tăng trưởng trung bình 8 cơ sở sản xuất hàng năm. Tính đến năm 2015, ngành giấy dếp trên địa bàn tỉnh có 244 cơ sở sản xuất, chiếm 7,37% số lượng cơ sở doanh nghiệp tăng trong giai đoạn 2008-2015. Trong đó, 43 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, và 201 cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh.

*Bảng 23: Cơ sở sản xuất ngành Giấy dếp giai đoạn 2008 - 2015*

| Danh mục            | Năm   |       |        | Tăng (+), giảm (-) |           |           |
|---------------------|-------|-------|--------|--------------------|-----------|-----------|
|                     | 2008  | 2010  | 2015   | 2008-2010          | 2010-2015 | 2008-2015 |
| Ngành DMG cả nước   | 5.720 | 6.950 | 10.031 | 1.230              | 3.081     | 4.311     |
| Ngành DMG           | 2.561 | 2.615 | 3.307  | 54                 | 692       | 746       |
| Ngành Giấy dếp      | 189   | 194   | 244    | 5                  | 50        | 55        |
| - DN nhà nước       | -     | -     | -      | -                  | -         | -         |
| - DN tư nhân        | 158   | 162   | 201    | 4                  | 39        | 43        |
| - Đầu tư nước ngoài | 31    | 32    | 43     | 1                  | 11        | 12        |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai.

*Doanh nghiệp nhà nước:* hầu hết các doanh nghiệp sản xuất ngành giấy dếp giảm do quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp trong giai đoạn trước đó.

*Doanh nghiệp tư nhân:* đây vẫn là thành phần kinh tế chiếm tỷ trọng cơ cấu số lượng doanh nghiệp cao nhất. Năm 2015, toàn khu vực có khoảng 201 cơ sở sản xuất

tư nhân, chiếm 82,38% trên tổng số cơ sở, mặc dù chiếm số lượng lớn, nhưng do quy mô nhỏ, tổng giá trị sản xuất công nghiệp của thành phần này chỉ chiếm 3,45% của ngành. Giai đoạn 2008-2015 tăng 43 cơ sở, trong đó: giai đoạn 2008-2010 tăng 4 cơ sở, tăng bình quân mỗi năm 2 cơ sở, giai đoạn 2010-2015 tăng 39 cơ sở, bình quân mỗi năm tăng gần 8 cơ sở, có tỷ trọng chiếm cao trong cơ cấu, năm 2008 chiếm 83,6% giảm xuống còn 83,51% năm 2010 và tiếp tục giảm còn 82,38% năm 2015.

*Doanh nghiệp nước ngoài:* tuy là khu vực có tỷ trọng số lượng doanh nghiệp không cao, nhưng đây là khu vực mang đến sản lượng sản xuất cao nhất toàn ngành nhờ vào hiệu quả sử dụng vốn. Giai đoạn 2008-2015 tăng 12 doanh nghiệp, trong đó: giai đoạn 2008-2010 tăng 1 doanh nghiệp, tăng bình quân mỗi năm chưa đầy một doanh nghiệp; giai đoạn 2010-2015 tăng 11 doanh nghiệp, bình quân mỗi năm tăng 2 doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp khu vực này có tỷ trọng tăng dần qua các năm, năm 2008 chiếm 16,4% tăng lên 16,49% năm 2008 và tiếp tục tăng lên đến 17,62% năm 2015).

## *1.2. Năng lực sản xuất*

### *a. Tăng trưởng theo giá trị sản xuất*

Giai đoạn 2008-2015, tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp giấy dếp tăng 20,4%/năm, cao hơn so với mức tăng trưởng bình quân toàn ngành công nghiệp (toàn ngành 16,3%/năm), trong đó: Giai đoạn 2008-2010 tăng bình quân 33,39%/năm và giai đoạn 2010-2015 tăng trưởng bình quân 12,65%/năm. Nhìn chung, đây là ngành có giá trị sản xuất cao so với hai ngành Dệt may, tuy số lượng cơ sở sản xuất chiếm tỷ trọng thấp hơn so với số lượng cơ sở ngành May, nhưng giá trị sản xuất ngành giấy dếp chiếm tỷ trọng cao hơn so với ngành may trên tổng giá trị sản xuất ngành DMG, tỷ trọng cao gấp gần 4 lần. Hầu hết giá trị sản xuất đều do các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Về máy móc, thiết bị và trình độ công nghệ hiện tại của ngành công nghiệp giấy dếp đang ở mức trung bình, nhưng phụ thuộc vào máy móc, thiết bị nước ngoài. Trong đó, hầu hết những sản phẩm chất lượng cao, sản xuất theo quy trình công nghệ hiện đại, được sản xuất tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Khả năng đầu tư và chuyển giao công nghệ mới phụ thuộc vào nguồn tài chính hạn hẹp. Hiện nay, sản phẩm ngành giấy dếp trong nước phát triển nhanh chóng về cả chất lượng và mẫu mã, xuất khẩu sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản. Tuy nhiên, sản phẩm giấy dếp Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng đang chịu sự cạnh tranh gay gắt của sản phẩm Trung Quốc trên thị trường thế giới.

*Bảng 24: Giá trị sản xuất ngành Giấy dếp giai đoạn 2008 - 2015*

| Danh mục               | Giá trị (tỉ đồng) |         |         | Tăng trưởng bq (%) |           |           |
|------------------------|-------------------|---------|---------|--------------------|-----------|-----------|
|                        | 2008              | 2010    | 2015    | 2008-2010          | 2010-2015 | 2008-2015 |
| Toàn ngành công nghiệp | 206.682           | 325.690 | 594.685 | 25,5%              | 12,80%    | 16,3%     |
| Ngành DMG              | 41.599            | 74.014  | 134.248 | 33,4%              | 12,65%    | 18,2%     |
| Ngành giấy dếp         | 17.479            | 31.253  | 62.761  | 33,7%              | 14,96%    | 20,0%     |
| CN nhà nước            | -                 | -       | -       | -                  |           | -         |
| CN tư nhân             | 721               | 2.019   | 12.712  | 67,3%              | 44,48%    | 50,7%     |
| Đầu tư nước ngoài      | 16.758            | 29.234  | 50.049  | 25,5%              | 11,35%    | 16,3%     |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai .

Về cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp so với toàn ngành công nghiệp, giai đoạn 2008-2010 tỷ trọng ngành công nghiệp giấy dếp có xu hướng tăng nhờ vào tốc độ tăng trưởng giá trị trung bình hàng năm của chuyên ngành giấy dếp cao hơn so với các chuyên ngành còn lại, cụ thể: tăng 33,7%/năm cao hơn toàn ngành công nghiệp (25,5%/năm) và đây là giai đoạn tăng trưởng mạnh của ngành giấy dếp nói riêng và toàn ngành công nghiệp nói chung của tỉnh, do hưởng lợi từ các chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp cũng như những thuận lợi trong giai đoạn đầu của thời kỳ hội nhập. Tuy nhiên, trong giai đoạn tiếp theo, tốc độ tăng trưởng của ngành giấy dếp nói riêng và toàn ngành công nghiệp nói chung có sự sụt giảm mạnh chỉ còn tương ứng là 14,96% và 12,80%, do sự bão hòa của thị trường trong nước và quốc tế.

Nhìn chung, hầu hết các doanh nghiệp giấy dếp còn sản xuất theo phương thức gia công (CMT), nên giá thị thực mang lại vẫn chưa cao. Tuy nhiên đã có một số doanh nghiệp thực hiện các chính sách hợp tác kinh tế- kỹ thuật nhằm khai thác kỹ thuật công nghệ mới, học hỏi và nâng cao khả năng quản lý của ban quản trị doanh nghiệp.

Tình hình phát triển các thành phần như sau:

**Doanh nghiệp nhà nước:** Trong giai đoạn này, hầu hết các doanh nghiệp Dệt nhà nước đã tiến hành quá trình cổ phần hóa trong những năm trước đó.

**Doanh nghiệp tư nhân:** Năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp đạt được 12.712 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2008-2015 tăng 50,67%/năm, trong đó: giai đoạn 2008-2010 tăng 67,34%/năm, giai đoạn 2010-2015 tăng 44,48%/năm. Nhìn chung, nhờ vào các Hiệp Định kinh tế song phương và đa

phương, các rào cản về thương mại phi thuế quan và thuế quan cũng đã giảm nhanh chóng, bên cạnh đó các vụ kiện chống bán phá giá trong ngành giấy dếp cũng đã giảm hơn so với giai đoạn trước. Do đó, đã có một số doanh nghiệp tư nhân, quy mô vừa, đã bắt đầu xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường Hoa Kỳ, EU, Đông Âu và Nhật Bản, giúp tăng thu nhập và giá trị sản xuất cho khu vực. Về cơ cấu so với toàn ngành công nghiệp, khu vực công nghiệp tư nhân thuộc ngành giấy dếp chiếm tỷ trọng thấp nhưng tăng nhanh chóng, cụ thể: năm 2008 chiếm 1,73%, tăng dần đến 2,73% năm 2010, năm 2015 tăng mạnh đến 9,47% trong cơ cấu toàn ngành DMG. Xét cơ cấu trong nội bộ ngành giấy dếp, tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp khu vực tư nhân thấp nhưng đứng vị trí thứ 2, sau khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và tăng dần, cụ thể: năm 2008 chiếm 4,12%, tăng dần đến năm 2010 lên 6,46% và đến năm 2015 tăng mạnh lên 20,25% trong cơ cấu nội bộ ngành, qua đây cho thấy một xu hướng tích cực khi khu vực công nghiệp tư nhân đang dần chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nội bộ ngành so với khu vực đầu tư nước ngoài.

Doanh nghiệp nước ngoài: Năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp đạt được 50.049 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2008-2015 tăng cao, tăng 16,92%/năm, trong đó: giai đoạn 2008-2010 tăng 32,08%/năm, giai đoạn 2010-2015 tăng 11,35%/năm. Nhìn chung, các dự án đầu tư trong ngành giấy dếp ngày càng tăng, cụ thể các doanh nghiệp đến từ Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc. Trong năm 2015, nhằm tận dụng lợi thế từ các Hiệp Định kinh tế Thái Bình Dương, để xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản. Về cơ cấu so với toàn ngành công nghiệp, khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có tỷ trọng qua các năm như sau: năm 2008 chiếm 40,28%, năm 2010 tăng lên 39,5% và năm 2015 lên đến 37,28%. Xét cơ cấu trong nội bộ ngành công nghiệp giấy dếp, khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là khu vực có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất tuy nhiên đang giảm dần qua các năm, cụ thể: năm 2008 chiếm 95,88%, năm 2010 giảm còn 93,54% và năm 2015 giảm còn 79,75%.

Kết quả phát triển ngành công nghiệp giấy dếp thời gian qua chủ yếu do đóng góp của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, năm 2015 có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm đến 79,75%, các thành phần kinh tế còn lại chỉ chiếm 20,25%.

#### b. Tăng trưởng giá trị sản xuất theo lãnh thổ

*Bảng 25: Cơ cấu giá trị theo vùng lãnh thổ*



| Ngành CN<br>chủ yếu          | Biên<br>Hoà | Nhon<br>Trạch | Long<br>Thành | Trảng<br>Bom | Vĩnh<br>Cửu | Xuân<br>Lộc | Tổng    |
|------------------------------|-------------|---------------|---------------|--------------|-------------|-------------|---------|
| Toàn<br>ngành CN             | 311.630     | 89.141        | 72.960        | 72.575       | 18.315      | 9.060       | 719.213 |
| CN DMG                       | 70.349      | 20.124        | 18.011        | 16.383       | 4.135       | 2.045       | 134.248 |
| - Công<br>nghiệp<br>Giày dép | 32.889      | 9.408         | 8.420         | 7.659        | 1.933       | 956         | 62.761  |
| <i>Cơ cấu (%)</i>            | 46,8%       | 46,8%         | 46,7%         | 46,7%        | 46,7%       | 46,7%       | 46,8%   |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai .

Tính đến cuối năm 2015, cơ cấu ngành giày dép phân bố hầu hết ở các địa phương trên địa bàn tỉnh, nhưng chủ yếu tập trung 4 địa phương gồm: thành phố Biên Hoà, huyện Nhơn Trạch, huyện Trảng Bom và huyện Long Thành. Giá trị sản xuất công nghiệp ngành giày dép của 4 địa phương này chiếm đến 93,01% trong cơ cấu ngành giày dép toàn tỉnh. Tình hình phân bố phát triển ngành giày dép ở các địa phương cụ thể như sau:

+ Thành phố Biên Hòa: Giá trị sản xuất công nghiệp ngành giày dép trên địa bàn thành phố Biên Hòa đạt 32.889 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008-2015 đạt 20,03%/năm. Đây là địa bàn có tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp ngành giày dép lớn nhất, chiếm 4,57% trong cơ cấu ngành giày dép toàn tỉnh, chiếm 10,55% trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp của thành phố.

+ Huyện Nhơn Trạch: Đây là địa bàn có giá trị sản xuất công nghiệp ngành giày dép chiếm tỷ trọng đứng thứ 2 sau thành phố Biên Hòa, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2015 đạt 9.408 tỷ đồng, chiếm 1,31% trong cơ cấu ngành giày dép toàn tỉnh, chiếm 10,55% trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp của huyện. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008-2015 đạt 20,17%/năm.

+ Huyện Long Thành: Giá trị sản xuất công nghiệp ngành giày dép trên địa bàn huyện đạt 8.420 tỷ đồng, là địa bàn có tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp ngành giày dép đứng thứ 3, sau thành phố Biên Hòa và huyện Nhơn Trạch, chiếm 1,17% trong cơ cấu ngành giày dép toàn tỉnh, chiếm 11,67% trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp của huyện. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008-2015 đạt 20,05%/năm.

+ Huyện Trảng Bom: Giá trị sản xuất công nghiệp ngành giày dép trên địa bàn huyện đạt 7.659 tỷ đồng, là địa bàn có tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp ngành giày dép đứng thứ 4, chiếm 1,06% trong cơ cấu ngành giày dép toàn tỉnh, chiếm 10,55%

trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp của huyện. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008-2015 đạt 20,04%/năm.

c. Tăng trưởng giá trị sản xuất theo loại sản phẩm

*Bảng 26: Năng lực sản xuất ngành Giấy dép 2008-2015*

| Tên sản phẩm                                  | Đvt                  | Số lượng |          | Tăng trưởng bq (%) |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------|----------|--------------------|
|                                               |                      | Năm 2008 | Năm 2015 |                    |
| -Giấy dép các loại                            | 1.000 đôi            | 96.827   | 146.685  | 6,1%               |
| -Túi xách các loại                            | 1.000 SP             | 8.823    | 16.227   | 9,1%               |
| -Sản phẩm khác bằng da thuộc hoặc da tổng hợp | 1.000 SP             | 35.761   | 201.973  | 28,1%              |
| -Da thuộc                                     | 1.000 m <sup>2</sup> | 10.818   | 61.097   | 28,1%              |

Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai.

*Giấy dép:* Năng lực sản xuất năm 2015 là 146.685 ngàn đôi, tăng 49.858 ngàn đôi so với năm 2008, tốc độ tăng trưởng trung bình là 6,1%/năm. Đây là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của ngành, tập trung hầu hết vào khu vực vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp tư nhân chỉ chiếm số ít trong ngành.

*Túi xách các loại:* Tính đến năm 2015, tổng năng lực sản xuất túi xách các loại là 16.227 ngàn sản phẩm, tăng gấp 1,83 lần so với năm 2008, tốc độ tăng trưởng trung bình 9,1%/năm. Đây cũng là ngành tập trung phát triển hầu hết trong khu vực vốn đầu tư nước ngoài, hầu hết sản phẩm được sản xuất theo đơn đặt hàng, và xuất khẩu sang thị trường quốc tế.

*Sản phẩm khác bằng da thuộc hoặc da tổng hợp:* Năng lực sản xuất năm 2015 là 201.973 ngàn sản phẩm. Hầu hết sản phẩm được sản xuất trong khu vực kinh doanh vốn đầu tư nước ngoài, và xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc theo đơn đặt hàng.

## 2. Thị trường, nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước.

Năm 2015, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm giấy dép đạt 2.629 triệu USD, tăng 1,85 lần so với năm 2008, tốc độ tăng trưởng giá trị tiêu thụ trung bình 9,2%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu toàn ngành DMG. Thị trường xuất khẩu chủ yếu của ngành giấy dép là EU, Hoa Kỳ, Bắc Mỹ, Nhật Bản, và một số nước Đông Âu, hầu hết được sản xuất theo đơn đặt hàng nên không nắm bắt được nhu cầu thị trường. Về cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp DMG, tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm giấy dép tăng trong giai đoạn 2008-2015, cụ thể năm 2008 đạt 52,3%, tăng đến 42,23% vào

năm 2010 vào đạt mức 59,19% năm 2015. Nhu cầu về sản phẩm giấy dép của thế giới vẫn rất cao và sản phẩm giấy dép của Việt Nam sản xuất và gia công ngày càng có tính cạnh tranh về chất lượng, mẫu mã nên tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của ngành này luôn cao hơn so với toàn ngành DMG.

Bên cạnh đó, ở thị trường nội địa với dân số hơn 90 triệu dân xếp thứ 13 thế giới về dân số đông, và thu nhập bình quân đầu người ngày càng cao là những cơ hội để ngành giấy dép có thể phát triển tốt ở thị trường trong nước, tuy nhiên chúng ta cũng cần tập trung phát triển thêm các khâu có giá trị gia tăng cao hơn là chỉ đóng vai trò gia công, lắp ráp, cũng như phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu từ nước ngoài.

### **3. Thực trạng về đầu tư.**

Theo bảng số liệu Đầu tư sản xuất trong ngành DMG, về quy mô vốn, tổng vốn đầu tư sản xuất kinh doanh của ngành giấy dép tính đến cuối năm 2015 là 33.524.635 triệu đồng, có quy mô vốn bằng  $\frac{1}{2}$  ngành công nghiệp dệt, chiếm 30,2% tổng mức vốn ngành công nghiệp DMG và chiếm 8,2% tổng vốn đầu tư toàn ngành công nghiệp. Qua đó cho thấy ngành giấy dép đang là một trong những ngành thu hút được nguồn vốn đầu tư cao cả trong và ngoài nước trước nhu cầu thị trường khá lớn trong tương lai cũng như những lợi thế mà ngành đang nắm giữ như giá lao động rẻ, thị trường đa dạng và lợi nhuận cao.

### **4. Trình độ công nghệ.**

Do những hạn chế về kiến thức chuyên môn và chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý, ngoài ra khả năng tài chính còn nhiều hạn hẹp vì vậy phần lớn các dây chuyền và máy móc thiết bị để sản xuất hiện nay đa số nhập từ Trung Quốc và Đài Loan, rất ít các loại máy móc được nhập khẩu từ Nhật Bản và Hàn Quốc. Các máy móc này thường có tốc độ chậm và không kết hợp được một lúc nhiều nhân công, cụ thể như sau:

- + Công đoạn sơ chế nguyên liệu: Các thiết bị dùng ở công đoạn này đòi hỏi có trình độ cơ khí cao vì đây là công đoạn đầu tiên, đòi hỏi phải pha cắt các nguyên liệu ban đầu dùng cho quá trình sản xuất. Các thiết bị này vẫn chưa được tự động hóa, mặc dù vẫn đáp ứng được nhu cầu xuất khẩu và nội địa nhưng năng suất mang lại chưa cao so với các loại thiết bị cắt được tự động hóa theo các công nghệ mới.

- + Trong công đoạn may ráp: Chỉ một số ít công ty có sử dụng máy may của Nhật Bản và trong số đó có những máy may được điều khiển bán tự động ở một số công đoạn. Ngoài ra đa phần giống như các thiết bị dùng ở công đoạn cắt, các loại máy may,

máy ép... vẫn được nhập khẩu chủ yếu Đài Loan và Trung Quốc, và đặc điểm của các loại máy này lại có tuổi thọ thấp, dễ hư hỏng.

+ Các thiết bị trong công đoạn gò ráp: Các máy ép, máy gò, máy phun đúc... chủ yếu nhập khẩu từ Đài Loan và Trung Quốc. Có một số thiết bị đơn giản được sản xuất trong nước như máy mài, băng tải, nồi hấp, thùng sấy...

+ Ở công đoạn hoàn thiện: được thực hiện hoàn toàn bằng thủ công.

+ Các thiết bị cỡ lớn, chuyên dụng đa phần được nhập khẩu từ Đài Loan và Trung Quốc như máy luyện cao su, máy ép đế.

+ Các thiết bị kiểm tra: Còn chưa được đầu tư chú trọng, thiếu về số lượng, lạc hậu về chủng loại, đầu tư sơ sài, chỉ một số ít các doanh nghiệp lớn có sự đầu tư về các thiết bị kiểm tra này vì vậy các sản phẩm làm ra hầu như được kiểm tra bằng cảm quan là chính.

+ Gần đây, máy móc thiết bị trong sản xuất cặp, túi xách rất được quan tâm, chú trọng đến, các thiết bị máy móc cũng đều được nhập khẩu, tuy nhiên một số doanh nghiệp chỉ dùng các loại máy cắt đơn giản hay dao cắt cho khâu pha cắt. Riêng phần kỹ thuật để sử dụng các máy móc trong sản xuất cặp túi xách thì chỉ dùng các loại máy đơn giản, dễ sử dụng nên chỉ cần thợ có tay nghề trung bình, biết sử dụng là có thể thực hiện tốt các công đoạn.

## 5. Nguồn nhân lực và đào tạo nguồn nhân lực.

Tính đến cuối năm 2015, ngành công nghiệp giày dép có 201.335 lao động, cao nhất so với các ngành công nghiệp, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2008-2015 là 16,8%/năm, trong đó giai đoạn 2008-2010 tăng 15,7%/năm, giai đoạn 2011-2015 có xu hướng tăng, mức tăng lên đến 16,5%/năm. Cụ thể qua bảng số liệu sau:

*Bảng 27: Cơ cấu lao động ngành Giày dép 2008-2015*

| Danh mục           | Lao động<br>(Người) |             |             | Năng suất lao động<br>GTSXCN/lao động |       |       | Tốc độ<br>tăng trưởng BQ<br>(%) |                   |                   |
|--------------------|---------------------|-------------|-------------|---------------------------------------|-------|-------|---------------------------------|-------------------|-------------------|
|                    | 2007                | 2010        | 2015        | 2007                                  | 2010  | 2015  | 2008<br>-<br>2010               | 2011<br>-<br>2015 | 2008<br>-<br>2015 |
| Toàn ngành<br>CN   | 413.1<br>29         | 463.6<br>07 | 642.2<br>25 | 0,154                                 | 0,207 | 0,371 | 14,3                            | 17,8              | 16,4              |
| CN Giày dép        | 119.5<br>71         | 153.7<br>89 | 201.3<br>35 | 0,062                                 | 0,201 | 0,315 | 15,7                            | 16,5              | 16,8              |
| - QĐ Địa<br>phương | 640                 | -           | -           | 0,083                                 | -     | -     | -                               | -                 | -                 |

|                     |         |         |         |       |       |       |      |      |      |
|---------------------|---------|---------|---------|-------|-------|-------|------|------|------|
| - Ngoài quốc doanh  | 9.300   | 10.987  | 17.543  | 0,020 | 0,018 | 0,021 | 26,2 | 27,2 | 26,7 |
| - Đầu tư nước ngoài | 109.631 | 142.802 | 183.792 | 0,066 | 0,067 | 0,081 | 15,6 | 27,1 | 24,3 |

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Cục Thống kê Đồng Nai.

Trong các thành phần kinh tế, lao động khu vực ngoài quốc doanh có mức tăng trưởng bình quân nhanh nhất so với các thành phần kinh tế, số lượng lao động tăng bình quân giai đoạn 2008-2015 là 26,7%/năm, trong đó giai đoạn 2008-2010 tăng chậm, tăng 26,2%/năm, giai đoạn 2011-2015 xu hướng tăng nhanh, tăng 27,2%/năm, tuy nhiên đây là thành phần kinh tế có năng suất lao động thấp và giảm dần từ 20 triệu đồng năm 2007 giảm xuống còn 18 triệu đồng/lao động năm 2010, năm 2015 có tăng nhẹ lên đến 21 triệu đồng/năm, cao hơn năm 2007. Tiếp đến là lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, là khu vực chiếm số lượng lao động lớn nhất, chiếm 91% trên tổng nguồn lao động ngành giấy dếp, có tốc độ tăng trưởng lao động bình quân giai đoạn 2008-2015 tăng 24,3%/năm và có năng suất lao động tăng dần, từ 67 triệu đồng/lao động năm 2010 tăng lên 81 triệu đồng/lao động năm 2015, trong đó giai đoạn 2008-2010 có mức lao động tăng 15,6%/năm, giai đoạn 2011-2015 có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn giai đoạn 2008-2010, tăng 27,1%/năm, thấp hơn khu vực ngoài quốc doanh nhưng không nhiều.

Đồng Nai là nơi có dân số trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ cao so với quy mô dân số trên địa bàn. Năm 2014, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 1.627.500 người chiếm 57,33% dân số toàn tỉnh và tỷ lệ lao động trên 15 tuổi trở lên đang làm việc và được đào tạo nghề chiếm 15%. Các con số trên chỉ ra rằng tuy dân số trong độ tuổi lao động chiếm hơn 50% tổng dân số trên địa bàn nhưng tỷ lệ lao động có qua đào tạo chỉ chiếm 15%,qua đó cho thấy Đồng Nai có một nguồn nhân lực dồi dào nhưng chất lượng thấp, và đây là nguồn lực lớn cho ngành dệt may giấy dếp vì đa phần các ngành công nghiệp như dệt may, giấy dếp chỉ yêu cầu các lao động phổ thông được đào tạo nhanh. Và điều này cũng cho thấy được đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn , kỹ thuật còn quá ít đặc biệt trong môi trường ngày càng hội nhập, các lĩnh vực đòi hỏi việc ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật.

Ngành công nghiệp giấy dếp là ngành sử dụng nhiều lao động, được đào tạo dưới hình thức kèm cặp là chủ yếu. Một lượng nhỏ được đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, ngành này cũng chưa có trường chuyên. Trong thời gian qua với sự hợp tác cùng các đối tác nước ngoài dưới hình thức gia công, hợp tác sản xuất, liên doanh

và 100% vốn nước ngoài, phần lớn lực lượng lao động ở các doanh nghiệp trực tiếp được các chuyên gia đào tạo ngay trên dây chuyền sản xuất, tiếp thu kiến thức và thực hành trên từng công việc được giao. Theo kết quả báo cáo đề tài “Điều tra đánh giá hiện trạng và xây dựng cơ sở dữ liệu về năng lực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2015, trình độ lao động toàn tỉnh và của ngành công nghiệp DMG như sau:

*Bảng 28: Trình độ học vấn trong ngành DMG*

| Trình độ học vấn | Trên ĐH | Đại học | Cao đẳng, trung cấp | PT TH | Sơ cấp |
|------------------|---------|---------|---------------------|-------|--------|
| Toàn tỉnh (%)    | 0,26%   | 4,94%   | 2,65%               | 8,17% | 80,69% |
| Ngành DMG        | 0,03%   | 0,80%   | 0,84%               | 2,94% | 45,68% |

Nguồn: Khảo sát 50 doanh nghiệp và xử lý số liệu cho toàn tỉnh

Từ bảng trên ta thấy chất lượng lao động trong ngành DMG trên địa bàn tỉnh rất thấp, chủ yếu là có trình độ học vấn dưới phổ thông trung học. Nhiều công ty tuyển dụng lao động chỉ yêu cầu học hết tiểu học nhưng vẫn không thể tuyển đủ số lượng cần thiết. Điều này có thể giải thích vì sao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành DMG nói riêng và nguồn nhân lực của toàn tỉnh nói chung chưa cao.

Thực tế hiện nay, nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh không đáp ứng kịp nhu cầu của các doanh nghiệp trong quá trình tăng trưởng công nghiệp ngày càng cao, một số doanh nghiệp đặt điều kiện tuyển công nhân chỉ cần tốt nghiệp tiểu học nhưng vẫn không kiếm đủ so với nhu cầu. Doanh nghiệp chỉ tiến hành đào tạo trong nội bộ khi tuyển mới chứ ít khi quan tâm tới công tác đào tạo cập nhật và nâng cao trong quá trình làm việc.

Theo điều tra đánh giá cho thấy, nếu so với mặt bằng chung của toàn tỉnh, trình độ lao động ngành công nghiệp DMG thấp hơn mặt bằng chung toàn tỉnh rất nhiều, nhất là từ trình độ trung cấp, cao đẳng trở lên. Do trình độ nguồn nhân lực thấp nên khả năng vận hành và tiếp thu công nghệ của ngành DMG đạt mức thấp hơn so với mức bình quân chung toàn tỉnh.

## **6. Môi trường.**

Vì ngành dệt may và ngành giày dép là hai ngành công nghiệp có đặc thù giống nhau nên xét về môi trường hầu như là có tác động vào môi trường và nhận lại ảnh hưởng từ môi trường như nhau. Đồng Nai là một tỉnh có sự phát triển mạnh về các ngành công nghiệp, vì thế, vấn đề về môi trường luôn là một điều trăn trở. Nhất là khi

hiện nay, các khu công nghiệp lại tập trung vào các thành phố lớn như Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom ngày càng nhiều, dẫn dắt một lượng lao động ồ ạt nhập cư vào các khu vực này, cộng thêm sự xả thải của các nhà máy, gây nên một sự ô nhiễm toàn diện ảnh hưởng tiêu cực đến khu dân cư cư ngụ tại địa bàn.

Như đã đề cập ở phần hiện trạng môi trường của ngành Dệt may, quá trình gia công sản xuất sản phẩm nguyên liệu phục vụ cho việc hình thành nên các sản phẩm giấy dép cũng tạo nên những chất thải tương tự như chất thải rắn từ các nguyên liệu thừa, không thể tái chế. Đối với loại rác thải này, hầu hết các công ty đều kí hợp đồng với các công ty môi trường để họ hỗ trợ vận chuyển và xử lý rác thải tập trung, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm do rác thải rắn. Ngoài ra, còn khí thải và nước thải là hai nguồn chất thải gây độc hại với người dân không kém. Hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trong ngành giấy dép đều tuân thủ quy định xây dựng hệ thống xử lý xả thải nhưng trên thực tế, hiệu quả đạt được không cao. Bên cạnh đó, vẫn tồn tại các doanh nghiệp bất chấp quy định và không có bất cứ một hệ thống xử lý nào, hoặc có mà không đưa vào sử dụng, lén lút thực hiện hành vi xả thải ra các con kênh rạch, sông ngòi gần cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và nguy hại đến nguồn nước sinh hoạt của dân cư sinh sống gần KCN. Về vấn đề này, các cơ quan chức năng về Tài nguyên môi trường và chính quyền địa phương thực hiện kiểm soát, quản lý theo các điều khoản được viết kèm theo trong các nghị định, quyết định của nhà nước về việc đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường trong sản xuất và kinh doanh ngành DMG. Với ngành giấy dép nói riêng, các doanh nghiệp sản xuất nên lưu ý phát triển theo định hướng của văn bản Quyết định số 6209/QĐ-BCT ngày 25 tháng 11 năm 2010, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Da - Giày Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, về phần bảo vệ môi trường có nêu như sau: Các cơ sở sản xuất giấy dép cần xây dựng các modul quy trình công nghệ xử lý chất thải dạng rắn, lỏng, khí trong thuộc da, sản xuất giấy dép và chế biến đồ da theo công nghệ tiên tiến, thân thiện và bảo vệ môi trường.

Tương tự với ngành dệt may nói riêng và DMG nói chung, ngành giấy dép cũng có những mối tương quan với môi trường tương tự. Do đây là một ngành sản xuất công nghiệp nên ít nhiều đều gây ảnh hưởng đến môi trường. Để đánh giá tác động của ngành công nghiệp giấy dép đến môi trường và sức khỏe con người chúng ta bắt đầu từ phân tích, đánh giá từ trình độ công nghệ, máy móc thiết bị mà các doanh nghiệp trong ngành giấy dép sử dụng theo các chỉ số kỹ thuật (T) sau: Mức độ hao mòn thiết bị (T1); Cường

độ vốn TBCN (T2); Mức độ đổi mới thiết bị, công nghệ (T3); Xuất xứ thiết bị, công nghệ (T4); Mức độ tự động hóa (T5); Tính đồng bộ trong TBCN (T6); Tỷ lệ chi phí năng lượng sản xuất (T7); Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu sản xuất (T8); Sản phẩm của dây chuyền sản xuất (T9); Chuyển giao ứng dụng công nghệ và sở hữu trí tuệ (T10)

Dựa trên số liệu cung cấp từ sở công thương Đồng Nai và phần mềm đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của sở khoa học công nghệ Đồng Nai, theo kết quả báo cáo năm 2015, nhóm các chỉ số kỹ thuật (T) của ngành công nghiệp DMG được biểu hiện cụ thể qua biểu số liệu sau:

*Bảng 18: Số liệu về các nhóm kỹ thuật ngành DMG*

| Ngành      | T1          | T2         | T3         | T4         | T5     | T6              | T7              | T8         | T9         | T10             |
|------------|-------------|------------|------------|------------|--------|-----------------|-----------------|------------|------------|-----------------|
| Đồng Nai   | 0,504<br>4  | 0,984<br>6 | 0,98<br>74 | 0,675<br>5 | 0,9874 | 0,325<br>5      | 0,75<br>92      | 0,59<br>70 | 0,808<br>9 | 0,357           |
| Ngành DMG  | 0,490<br>5  | 0,995<br>2 | 0,99<br>29 | 0,731<br>0 | 0,9929 | 0,258<br>9      | 0,73<br>93      | 0,66<br>67 | 0,857<br>1 | 0,344<br>6      |
| Chênh lệch | -<br>0,0139 | 0,010<br>6 | 0,00<br>55 | 0,055<br>5 | 0,0055 | -<br>0,066<br>6 | -<br>0,01<br>99 | 0,06<br>97 | 0,048<br>2 | -<br>0,012<br>4 |

*Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.*

Qua bảng số liệu về các nhóm kỹ thuật của ngành công nghiệp DMG, ta thấy có một số chỉ tiêu đạt mức trên bình quân chung toàn tỉnh, bao gồm: Mức độ hao mòn thiết bị (T1); Mức độ đổi mới thiết bị, công nghệ (T3); Xuất xứ thiết bị, công nghệ (T4); Mức độ tự động hóa (T5); Tỷ lệ chi phí năng lượng sản xuất (T7) và Sản phẩm của dây chuyền sản xuất (T9). Điều này có thể đánh giá trình độ kỹ thuật công nghệ ngành DMG chưa đáp ứng đủ các chỉ tiêu chuẩn để góp phần giảm thiểu ô nhiễm đến môi trường và con người, cụ thể như sau:

- Cường độ vốn TBCN (T2): Đầu tư vốn cho hoạt động sản xuất ngành công nghiệp DMG cao hơn mức bình quân chung của toàn tỉnh, điều này cũng tác động không tốt đến việc bảo vệ môi trường sống, đặc biệt nhất là ngành công nghiệp dệt là ngành sử dụng lượng hóa chất, thuốc nhuộm đặc biệt cao so với các ngành khác.

- Tính đồng bộ trong TBCN (T6): Hệ thống máy móc chưa được chú trọng đầu tư, tính đồng bộ trong các thiết bị công nghệ chưa cao, thấp hơn mức bình quân chung của toàn tỉnh, điều này làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động, cũng góp phần gây nên những ảnh hưởng nhất định đến môi trường và sức khỏe con người.



- Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu sản xuất (T8): Chi phí nguyên vật liệu sản xuất được đầu tư vào ngành và cao hơn mức trung bình toàn tỉnh Đồng Nai, điều này gây ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường vì các nguyên vật liệu dành cho ngành là tập trung phần lớn từ thiên nhiên.

- Chuyển giao ứng dụng công nghệ và sở hữu trí tuệ (T10): Chuyển giao ứng dụng công nghệ và sở hữu trí tuệ của ngành công nghiệp DMG thấp hơn so với mức bình quân toàn địa bàn, điều này cho thấy, các tiết bị máy móc công nghệ đã cũ kỹ, lạc hậu, thời gian sử dụng quá lâu, gây ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường cao hơn so với các thiết bị công nghệ mới hiện đại.

## **7. Sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành (CNHT).**

Cũng giống như Dệt may, ngành Da giày phụ thuộc hơn 50% vào nguyên liệu nhập khẩu: Theo Hiệp hội Da – Giày – Túi xách Việt Nam (Lefaso Vietnam), sản xuất da thuộc trong nước (sản xuất mũ giày, lót giày, túi cặp) trong năm 2014 đạt 210 triệu m<sup>2</sup>, đáp ứng được 24,4% nhu cầu về da thuộc. Sản xuất giả da trong nước cũng đáp ứng được 4,2% nhu cầu; sản xuất vải dệt (sản xuất mũ giày, túi cặp, ba lô) đáp ứng 17,5%; vải không dệt (làm lót, đệm mũ giày, túi) đáp ứng được 12,5%; carton (sản xuất đế trong) đáp ứng 16,7%; sản xuất đế giày các loại có tỷ lệ đáp ứng cao nhất - 58,7% nhu cầu. Riêng nhập khẩu da thuộc trong năm 2014 đạt 1,1 tỷ USD, tăng 37,7% so với năm 2013. Chưa kể nhập khẩu nguyên phụ liệu khác được gộp với ngành dệt may là 5 tỷ USD trong năm 2014. Hiện nay, chưa đến 20 doanh nghiệp 100% vốn Việt Nam đủ sức làm hàng FOB, khoảng 70% doanh nghiệp sản xuất da giày, túi xách của Việt Nam theo phương thức gia công. Nhà sản xuất không được chủ động tìm kiếm và đặt nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất mà phải theo chỉ định của khách hàng, thường là đối tác nước ngoài. Do đó, không tạo động lực cho lĩnh vực sản xuất nguyên phụ liệu phát triển. Chính vì thế, trong giai đoạn vừa qua, vốn đầu tư vào ngành CNHT da giày chỉ chiếm 3.41% tổng vốn đầu tư vào ngành CNHT. Bên cạnh đó, CNHT da giày cũng chỉ chiếm 13.95% tỷ trọng xuất khẩu của toàn ngành DMG, và nhập khẩu chiếm 7.27% giá trị nhập khẩu của toàn ngành.

## **8. Đánh giá về chất lượng sản phẩm ngành Giày dép.**

Theo nghiên cứu, chất lượng sản phẩm ngành giày dép mà tỉnh đạt được là tương đối tốt minh chứng bằng việc đạt được nhiều đơn đặt hàng từ các nước Đông Âu. Tuy nhiên về sản phẩm cao cấp thì còn hạn chế một số mặt về công nghệ thuộc da cũng như kỹ thuật tinh vi cho nên sức cạnh tranh của mặt hàng giày dép sẽ yếu hơn các mặt

hàng giày dép khác trên thế giới nếu không được cải thiện công nghệ kỹ thuật áp dụng vào quy trình sản xuất. Bên cạnh đó cũng như ngành dệt may, ngành giày dép cũng tồn tại những hạn chế như sản xuất tập trung theo quy mô nhỏ và vừa, chưa tập trung thành các cụm ngành chuyên biệt mà các ngành công nghiệp ở khắp nơi phân bố không tập trung làm cho sản phẩm từ khâu này chuyển sang khâu khác gặp nhiều khó khăn cũng như hư hỏng và tổn kém nhiều kinh phí nâng giá sản phẩm lên cao; thiết kế mẫu mã chưa thật sự khác biệt tạo nên tiếng vang và nhãn hiệu cho giày dép Việt Nam. Ngoài ra dù là ngành mũi nhọn nhưng lương của người dân không được cải thiện vẫn luôn ở mức thấp nằm trong top 5 có giá lao động thấp nhất thế giới làm cho người những người trực tiếp tạo ra sản phẩm thì sống thiếu thốn nhưng người không làm gì thì hưởng lợi thì ở một mức cao làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo trong cuộc sống của người dân.

### **9. Tổ chức và phân bố sản xuất**

Từ những phân tích về thị trường và tình hình phát triển của ngành giày dép trên thế giới và tại Việt Nam cho thấy ngành dệt may muốn tồn tại và đứng vững trong cạnh tranh thì hệ thống tổ chức sản xuất của ngành cần điều chỉnh tổ chức sản xuất và phân bố sản phẩm theo hướng sau đây:

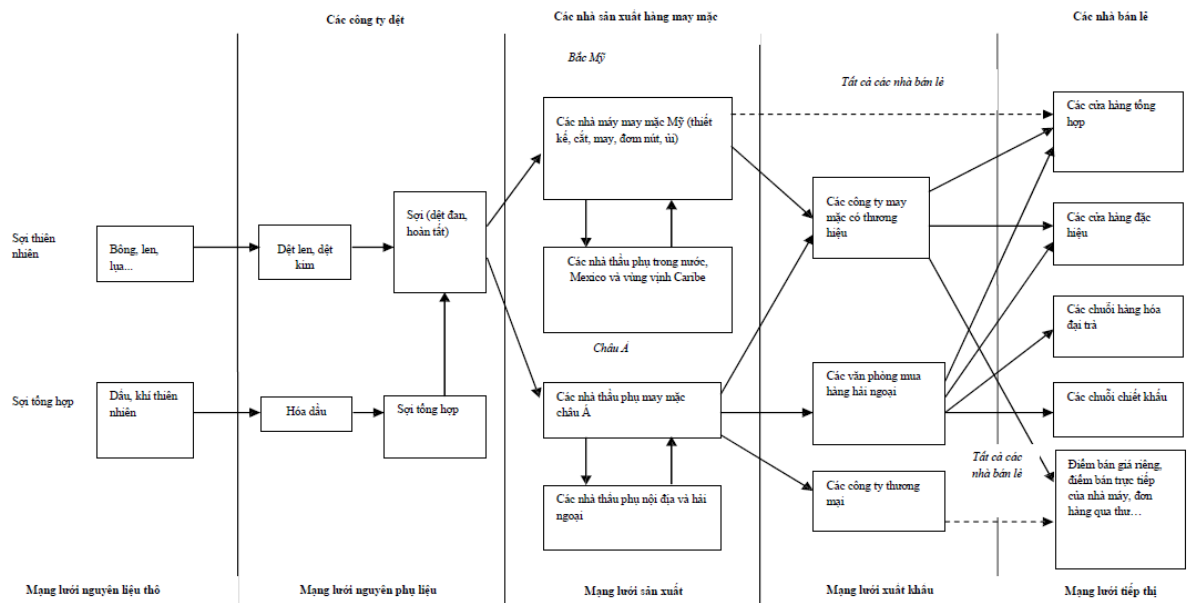
- Hiện nay, ngành giày dép xuất khẩu Việt Nam hiện chỉ mới mạnh nhất ở phân khúc tổ chức sản xuất gồm dây chuyền sản xuất, nguồn nhân lực và công nghệ tổ chức sản xuất. Do đó, để ngành giày dép Việt Nam có thể tăng trưởng mạnh, các doanh nghiệp cần gia tăng giá trị và sản lượng ở 3 phân khúc còn lại (thiết kế, nghiên cứu tạo sản phẩm mới; tạo năng lực sản xuất; phân phối sản phẩm).

- Theo cập nhật tình hình thế giới, hiện nay các nhà máy giày dép trên thế giới đang dần dịch chuyển về Việt Nam để tận dụng ưu thế nhân công giá rẻ và các chính sách hỗ trợ từ chính phủ. Để vận dụng tối đa lợi thế và cơ hội này khi các dây chuyền sản xuất được dịch chuyển sang Việt Nam, các doanh nghiệp Việt Nam cần có chiến lược cho sự phát triển rõ ràng để nắm bắt thời cơ.

- Phân bố sản xuất hiện nay các nhà máy sản xuất DMG trên địa bàn tỉnh tập trung vào các nơi đông dân cư như thành phố Biên Hòa, thị trấn và các khu công nghiệp đông đúc như Long Thành, Nhơn Trạch, Long Khánh. Để tránh một số hệ lụy về trật tự an ninh xã hội, môi trường và dân cư, cần quy hoạch các phân tán các nhà máy công xưởng ra nhiều huyện khác nhau và cách xa khu vực thành thị, dân cư.

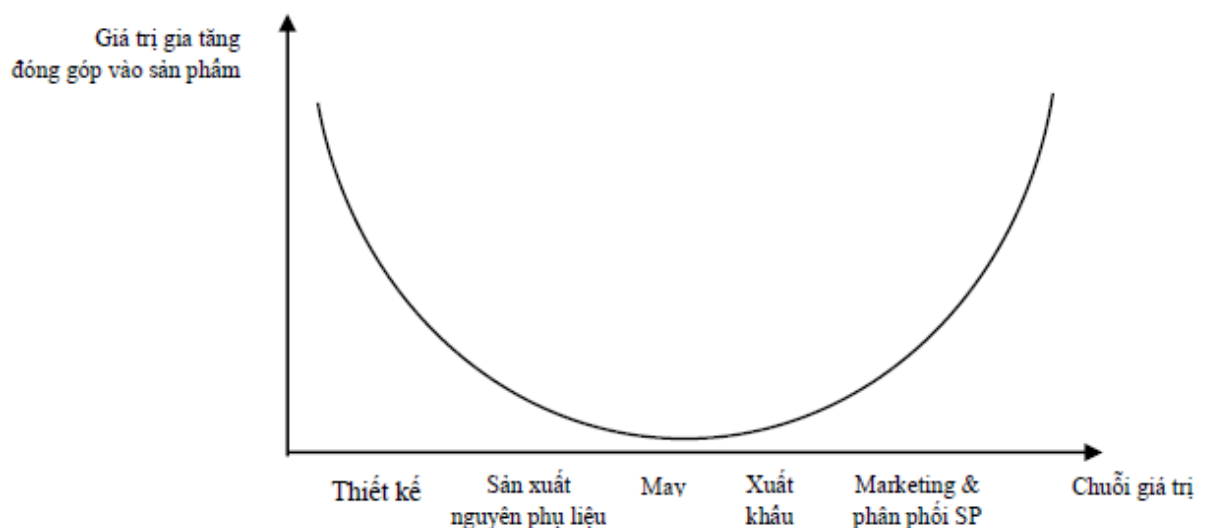
### III. Chuỗi giá trị ngành DMG Đồng Nai và mối liên hệ liên kết vùng

Hình Chuỗi giá trị toàn cầu



Ứng dụng lý thuyết đường cong nụ cười ( Nên, 2016), các nhà nghiên cứu đã biểu diễn chuỗi giá trị dệt may thế giới hiện nay gồm 5 mắt xích chính như trong Hình

Hình: Chuỗi giá trị gia tăng đóng góp vào sản phẩm



Đồ thị biểu diễn giá trị gia tăng của chuỗi giá trị dệt may gồm 5 mắt xích chính:

- Mắt xích 1- Thiết kế: Đây là khâu có tỷ suất lợi nhuận cao trong chuỗi giá trị và rất thâm dụng tri thức. Các nước đi trước trong ngành công nghiệp dệt may, sau khi đã dịch chuyển hoạt động sản xuất sang các nước đi sau thường chỉ tập trung vào khâu nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới nhằm tạo ra những thương hiệu nổi tiếng để đạt

được tỷ suất lợi nhuận cao nhất. Việc cạnh tranh thương hiệu đang rất khốc liệt trên thị trường dệt may thế giới, các thương hiệu cạnh tranh nhau bằng các mẫu thiết kế đẹp, sáng tạo. Yếu tố quan trọng để thâm nhập và “trụ” vững được ở mắt xích này đòi hỏi các doanh nghiệp cần có các nhà thiết kế có khả năng nắm được xu hướng, thị hiếu thời trang của người mua toàn cầu. Ngành DMG ở Đồng Nai hiện nay chưa đến 1% các doanh nghiệp là sản xuất theo OBM và tập trung vào khâu thiết kế này, cũng như có rất ít các công ty thiết kế và trình độ thiết kế của các công ty này cũng còn rất thấp chưa đáp ứng được nhu cầu của chuỗi giá trị ngành DMG toàn cầu. Do đó hiện nay ngành DMG Đồng Nai đang bỏ lỡ một trong những khâu mang lại giá trị gia tăng lớn nhất trong chuỗi giá trị. Tuy nhiên nếu muốn tập trung phát triển khâu này, đòi hỏi cần phải có một sự đầu tư dài hạn về đào tạo, chất xám cho các nhà thiết kế trong nước để nắm bắt được xu hướng thời trang và thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

**Mắt xích 2 - Sản xuất nguyên phụ liệu:** Đây là mắt xích quan trọng hỗ trợ cho ngành may mặc phát triển và là khâu thâm dụng đất đai và vốn. Đối với hàng may mặc, giá trị của phần nguyên phụ liệu chiếm tỷ trọng lớn và quyết định đến chất lượng sản phẩm. Nguyên phụ liệu trong ngành dệt may thường chia thành hai phần: nguyên liệu chính và phụ liệu. Nguyên liệu chính là thành phần chính tạo nên sản phẩm may mặc, chính là các loại vải. Phụ liệu là các vật liệu đóng vai trò liên kết nguyên liệu, tạo thẩm mỹ cho một sản phẩm may mặc, gồm có hai loại phụ liệu chính là chỉ may và vật liệu dụng. Vật liệu dụng là các vật liệu góp phần tạo dáng cho sản phẩm may như: khóa kéo, cúc, dây thun,... Ngành sản xuất nguyên phụ liệu và công nghiệp hỗ trợ cho ngành DMG ở tỉnh Đồng Nai chỉ mới trong giai đoạn đầu phát triển và chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất trong tỉnh và mối liên hệ liên kết vùng miền. Ngành DMG Đồng Nai hàng năm vẫn phải nhập lượng lớn nguyên phụ liệu từ nước ngoài để phục vụ sản xuất, chính vì thế trong thời gian tới, để có thể gia tăng giá trị trong chuỗi giá trị và giúp DMG Đồng Nai có thể tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, tỉnh cần có các đề án và chính sách thu hút đầu tư vào khâu này.

**Mắt xích 3 – May:** Đây là mắt xích thâm dụng lao động nhất nhưng lại có tỷ suất lợi nhuận thấp nhất chỉ chiếm khoảng 10-15% (Jocelyn Trần, 2011). May là khâu mà các nước mới gia nhập ngành thường chọn để thâm nhập đầu tiên vì nó không đòi hỏi đầu tư cao về công nghệ và rất thâm dụng lao động. Những nước đang tham gia ở khâu này thường thực hiện việc gia công lại cho các nước gia nhập trước, đây chính là đặc

điểm chung của khâu sản xuất trong ngành dệt may thế giới. Các quốc gia có ngành dệt may phát triển, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu từ lâu thường không còn thực hiện các công đoạn trong khâu này nữa mà hợp đồng gia công lại cho các quốc gia mới gia nhập ngành, có nguồn lao động giá rẻ và việc sản xuất nguyên phụ liệu đầu vào chưa phát triển như Bangladesh, Pakistan và Việt Nam. Đối với các doanh nghiệp tham gia hoạt động gia công, tỷ lệ giá trị thu về trong phân khúc may cũng sẽ khác nhau tùy theo phương thức xuất khẩu là CMT, FOB hay ODM. Hiện nay ở Đồng Nai có đến 90% doanh nghiệp là gia công lắp ráp và hoạt động trong mắt xích 3 này, ưu điểm là có thể tận dụng được lợi thế lao động giá rẻ, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho lao động phổ thông ở địa phương và góp phần vào công cuộc chuyển dịch cơ cấu lao động của tỉnh từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Và Đồng Nai nói riêng và Việt Nam nói chung đang đóng vai trò chủ đạo ở mắt xích 3 này trong chuỗi giá trị toàn cầu khi chúng ta đang là đơn vị gia công chủ yếu cho các nhãn hiệu thời trang lớn và uy tín trên thế giới.

Mắt xích 4 - Mạng lưới xuất khẩu: Đây là khâu thâm dụng tri thức, gồm các công ty may mặc có thương hiệu, các văn phòng mua hàng, và các công ty thương mại của các nước. Một trong những đặc trưng đáng lưu ý nhất của chuỗi dệt may do người mua quyết định là sự tạo ra các nhà buôn với các nhãn hiệu nổi tiếng, nhưng không thực hiện bất cứ việc sản xuất nào. Họ được mệnh danh là những “nhà sản xuất không có nhà máy” do hoạt động sản xuất được gia công tại hải ngoại, điển hình như các công ty Mast Industries, Nike và Reebok. Các công ty này đóng vai trò trung gian kết hợp chuỗi cung ứng giữa các nhà may mặc, các nhà thầu phụ với các nhà bán lẻ toàn cầu. Trong chuỗi dệt may toàn cầu, chính các nhà buôn (trader), các nhà cung cấp là các trung gian đóng vai trò then chốt và nắm giữ phần lớn giá trị trong chuỗi mặc dù họ không hề sở hữu nhà máy sản xuất nào. Hiện nay các nhà buôn, người mua ở Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc đang nắm đa số các điểm nút của mạng lưới này, đây được xem là “ba ông lớn” trong chuỗi cung ứng hàng dệt may thế giới. Đa số các doanh nghiệp DMG ở tỉnh hiện nay chưa chú trọng đến mắt xích này, cũng như các doanh nghiệp xuất khẩu ở Đồng Nai cũng chỉ mới dừng ở vai trò cầu nối giữa các doanh nghiệp sản xuất với các nhà buôn lớn trên thế giới, chứ chưa thực sự đóng vai trò điểm nút trong khâu phân phối và tiêu thụ sản phẩm trong chuỗi giá trị toàn cầu. Chính vì thế, các doanh nghiệp xuất khẩu Đồng Nai trong thời gian tới cần nỗ lực hơn nữa trong khâu xây dựng các mối quan hệ, thương hiệu và uy tín trên thương trường, để có thể đóng vai trò là mắt xích

quan trọng giúp đưa hàng DMG Đồng Nai tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu cũng như từng bước xây dựng được chỗ đứng vững chắc cho ngành DMG Đồng Nai và Việt Nam trên bản đồ ngành DMG thế giới.

Mắt xích 5 - Thương mại hóa: Mắt xích này bao gồm mạng lưới marketing và phân phối sản phẩm, đây cũng là khâu thâm dụng tri thức. Các nhà bán lẻ nổi tiếng trên thế giới đang nắm giữ khâu này và thu được nguồn lợi nhuận khổng lồ hàng năm. “Tại thị trường châu Âu, các nhà phân phối thường chính là nhà thiết kế, vì hơn ai hết, chính họ là người tường tận nhất nhu cầu và điều kiện để thỏa mãn thị hiếu của khách hàng. Các chuyên gia trong ngành dệt may ước tính, tới 70% lợi nhuận (tính trên một sản phẩm may mặc từ khâu đầu đến khâu cuối cùng của chuỗi giá trị) thuộc về các nhà phân phối lẻ này”. Đây là mắt xích có suất sinh lợi cao nhất, do các công ty lớn trên thế giới nắm giữ và họ thường tạo ra các rào cản gia nhập ngành nên các quốc gia mới gia nhập chuỗi giá trị rất khó để xâm nhập được khâu này. Các công ty trong khâu này không trực tiếp làm ra sản phẩm, chỉ thực hiện hoạt động phân phối đến người tiêu dùng cuối cùng nhưng họ đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và tác động đến chuỗi dệt may thế giới vì họ nắm rõ nhu cầu của những người tiêu dùng, cung cấp xu hướng thời trang cho các nhà thiết kế sản phẩm và nắm giữ hệ thống bán hàng, kênh phân phối trên toàn cầu. Mặc dù là khâu có giá trị gia tăng cao nhất trong chuỗi giá trị ngành DMG, nhưng ở khâu này dường như vắng bóng các doanh nghiệp DMG Việt Nam và Đồng Nai trong chuỗi giá trị toàn cầu, lý do như đã phân tích ở trên đó là rào cản gia nhập ngành, uy tín và thương hiệu, và việc gia nhập vào mắt xích này trong thời gian ngắn dường như là nhiệm vụ bất khả thi đối với ngành DMG còn non trẻ của Đồng Nai, tuy nhiên trong dài hạn, cần xác định đây là mục tiêu để các doanh nghiệp DMG và các nhà bán lẻ của Đồng Nai và Việt Nam hướng đến để từng bước xây dựng hệ thống bán lẻ, phát triển thương hiệu và tham gia mạnh mẽ hơn nữa vào chuỗi giá trị toàn cầu. Hiện nay các thị trường mới nổi trong khu vực như Việt Nam, Myanmar, Lào, Campuchia hiện vẫn còn rất sơ khai, tiềm năng và là cơ hội để chúng ta có thể thâm nhập và chiếm lĩnh các thị trường làm cơ sở để tiến đến các thị trường cấp cao hơn.

### **Định vị vị trí ngành dệt may Việt Nam trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu**

Để định vị vị trí của ngành dệt may Đồng Nai trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu, tác giả sẽ xác định các doanh nghiệp dệt may hiện nay đang là nhà cung cấp cấp mấy trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu thông qua phân tích luồng di chuyển sản phẩm

dệt may và đặc điểm các người mua mà các doanh nghiệp Đồng Nai đang giao dịch. Để làm được điều này tác giả sẽ phân tích đặc điểm và quá trình phát triển của ngành dệt may Đồng Nai trong từng phân đoạn cụ thể từ trồng bông đến phân phối sản phẩm cuối cùng.

## 1. Nguồn cung cấp bông, xơ và sợi

Ngành trồng bông và kéo sợi là khâu ở đoạn đầu của chuỗi dệt may và giữ vai trò trọng yếu trong việc cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các phân đoạn còn lại gồm dệt - nhuộm và may, nhưng cho đến nay khâu này vẫn chưa phát triển cân xứng với nhau. Trong nhiều năm qua Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng phải nhập khẩu hầu hết các sản phẩm bông, xơ để phục vụ nhu cầu nguyên liệu cho ngành sợi. Nguyên nhân chính dẫn tới sự kém phát triển của ngành bông, xơ ở Việt Nam và Đồng Nai là do nước ta không có lợi thế cạnh tranh tự nhiên và cũng không chú trọng đầu tư trong việc trồng bông và sản xuất xơ. Trồng bông là ngành rất thâm dụng đất đai, việc trồng bông chịu tác động nhiều bởi thời tiết, khí hậu, vì bông được trồng chủ yếu ở vụ 2 trong mùa mưa nhờ nước trời nên khó phù hợp với tất cả các vùng, dẫn tới diện tích trồng bông ở Việt Nam vẫn chưa cao và còn manh mún. Bên cạnh đó, trình độ thâm canh của nông dân chưa tốt, không có hệ thống thủy lợi hỗ trợ, điều kiện trồng trọt chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên, sản xuất thu hoạch bằng tay nên năng suất bông của nước ta kém xa các nước khác trên thế giới dẫn tới giá bán không cạnh tranh so với các nước khác ở Bắc Mỹ và Châu Phi. Nói riêng về Đồng Nai, xét trên giá trị mà cây bông mang lại so với các loại cây trồng khác nhìn chung là thấp, do đó chủ trương của tỉnh cũng là không khuyến khích trồng loại cây này mà chủ yếu là nhập khẩu từ các quốc gia khác để làm nguyên liệu sản xuất, đây là một chính sách hoàn toàn phù hợp với điều kiện đất đai thổ nhưỡng và về mặt hiệu quả kinh tế ở Đồng Nai.

Về hoạt động sản xuất sợi như đã phân tích ở phần thực trạng, ngành sợi là một ngành đã và đang phát triển ở Đồng Nai. Sự phát triển thuận lợi của ngành sợi những năm vừa qua xuất phát từ hai nguyên nhân chính. Thứ nhất, ngành sợi đã phát huy được lợi thế cạnh tranh về chi phí đầu vào thấp so với các nước mà cụ thể là chi phí nhân công và chi phí điện, nước và tiền thuê đất. Thứ hai, tận dụng được những yếu tố thuận lợi từ thị trường sợi thế giới đó là nhu cầu sợi của thị trường của thế giới tăng nhanh trong những năm gần đây và việc Hungary - nước nhập khẩu sợi lớn - áp dụng đánh thuế đối với các sản phẩm sợi từ Trung Quốc, Pakistan, Indonesia từ năm 2009 đã làm

tăng khả năng cạnh tranh của ngành sợi Việt Nam nói chung và ngành sợi ở Đồng Nai nói riêng. Tuy nhiên, ngành sợi phát triển như vậy nhưng vẫn đang tồn tại mâu thuẫn là đa số lượng sợi sản xuất trong nước được xuất khẩu trong khi các doanh nghiệp dệt trong nước lại nhập khẩu sợi từ nước ngoài. Theo Hiệp hội Sợi Việt Nam, nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do cung và cầu trong nước chưa phù hợp với nhau về số lượng và chất lượng sợi, do đó lượng sợi sản xuất được chủ yếu để xuất khẩu. Điều này đi ngược với mục tiêu đặt ra ban đầu khi thành lập ngành sợi là phục vụ cho chuỗi liên kết sợi-dệt-nhuộm-may trong nước.

Sản phẩm sợi của nước ta và ở Đồng Nai chưa đa dạng về chủng loại, chất lượng các sản phẩm sợi chưa cao và chỉ mới tập trung ở phân khúc sản phẩm cấp thấp, trung bình nên không đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp dệt may hàng cao cấp đòi hỏi nhiều loại nguyên liệu sợi khác nhau với các loại nguyên liệu đầu vào đặc biệt, thiết bị sản xuất hiện đại. Quá phụ thuộc vào nguồn cung bông từ các nước xuất khẩu trong khi biến động giá bông trên thị trường thế giới ngày càng phức tạp ảnh hưởng lớn tới hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sợi. Ngoài ra, do khả năng tài chính còn hạn chế nên đầu tư công nghệ của ngành sợi hiện không đáp ứng kịp những chuyển dịch về nhu cầu của thị trường trong tương lai, cũng như duy trì năng lực, vị thế cạnh tranh của sợi Việt Nam so với các quốc gia khác (Nguyen, 2016). Thêm vào đó, đặc tính của ngành may nước ta chủ yếu là gia công xuất khẩu, việc chọn nguyên liệu phải theo sự chỉ định của khách hàng, các doanh nghiệp không thể chủ động trong hoạt động đặt nguồn nguyên liệu vãi trong nước đã góp phần tạo ra thêm khó khăn cho ngành dệt, nhuộm, từ đó kéo theo tác động không tốt đến các doanh nghiệp sản xuất sợi trong nước.

Như vậy, năng lực cạnh tranh của ngành sợi Việt Nam hiện nay chủ yếu từ các yếu tố chi phí nhân công lao động và giá điện thấp. Đây hoàn toàn là những lợi thế so sánh mang tính ngắn hạn và không bền vững. Trong khi đó yếu tố đầu vào quan trọng nhất là bông xơ – chiếm đến trên 60% giá thành – thì chúng ta hoàn toàn phụ thuộc nguồn cung cấp từ nước ngoài và thị trường đầu ra trong nước – ngành dệt – vẫn không ổn định và chưa được khai thác tốt. Ngành trồng bông và ngành kéo sợi giữ vai trò quan trọng trong cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các phân đoạn dệt-nhuộm và may nên nếu Đồng Nai chủ động được nguồn bông và sợi bằng cách liên kết với các nước láng giềng đặt hàng họ trồng như Lào và Campuchia, hoặc các tỉnh khác trong mỗi liên kết vùng vẫn còn quỹ đất dồi dào như Bình Phước thì sẽ góp phần nâng cao giá trị gia tăng



cho các sản phẩm ở công đoạn sau của ngành dệt may Đồng Nai mà trực tiếp là khâu dệt nhuộm.

## **2. Hoạt động dệt, nhuộm và hoàn tất**

Trong khi ngành may nước ta và Đồng Nai đã có những bước tiến tương đối thì ngành dệt vải, in nhuộm và hoàn tất vẫn chưa phát triển được như mong muốn. Công đoạn này của Việt Nam “đang chậm hơn các nước trong khu vực 20%, nhất là công đoạn nhuộm với 30% máy móc thiết bị cần khôi phục, hiện đại hóa do đã sử dụng trên 20 năm. Những hạn chế này khiến năng suất dệt vải của Việt Nam rất thấp, nếu so với Trung Quốc chỉ bằng 30%.

Rõ ràng vai trò của ngành dệt đối với riêng ngành may và tổng thể ngành dệt may là rất lớn vì vải là yếu tố quan trọng quyết định đến chi phí và chất lượng cuối cùng của một sản phẩm may mặc. Mặc dù có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguyên liệu tại chỗ cho ngành may nhưng trên thực tế, ngành dệt Việt Nam chưa làm tốt vai trò đó. Hiện nay, các doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc Việt Nam đều không hài lòng về chất lượng vải nội vì không đáp ứng được yêu cầu về sản xuất hàng may mặc của họ.

Một số nguyên nhân chính dẫn đến sự yếu kém của ngành dệt trong mối liên kết với ngành may gồm có: sự mâu thuẫn trong chính sách của nhà nước về đầu tư ngành dệt nhuộm; quy mô doanh nghiệp dệt nhỏ, thiếu nhân lực quản lý giỏi; công nghệ lạc hậu và sự thiếu vắng cụm ngành công nghiệp dệt may để hỗ trợ phát triển.

Thứ nhất, sự mâu thuẫn trong chính sách của Nhà nước giữa việc khuyến khích đầu tư vào ngành dệt nhuộm và chính sách hạn chế các ngành công nghiệp gây ô nhiễm môi trường. Khác với đầu tư trong lĩnh vực may mặc chỉ cần lực lượng lao động đông, chi phí nhân công, và chi phí thiết bị thấp, cơ sở sản xuất linh hoạt, khả năng thu hồi vốn nhanh, an toàn; đầu tư các nhà máy dệt vải, nhuộm và hoàn tất đòi hỏi những yêu cầu rất lớn về vốn, công nghệ, nhân lực và những yêu cầu khắt khe về môi trường nhưng khả năng thu hồi vốn lại chậm. Các nhà máy in, nhuộm hoàn tất luôn gặp phải các vấn đề môi trường vì sử dụng nhiều hóa chất mà hóa chất thải ra cần phải có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn.

Thứ hai, quy mô doanh nghiệp dệt nhỏ nên vốn đầu tư ít, công nghệ ngành dệt rất lạc hậu, đây chính là hệ quả của việc đầu tư nhỏ lẻ và manh mún. Bên cạnh đó, công nghệ của ngành dệt may thế giới phát triển rất nhanh tạo áp lực cạnh tranh rất lớn cho các doanh nghiệp ngành dệt về chất lượng các loại vải vừa phải có các chức năng đặc biệt, vừa phải thân thiện với môi trường, an toàn cho người sử dụng. Ngoài ra, chúng ta cũng đang thiếu đội ngũ nhân lực quản lý và nhân lực kỹ thuật trình độ cao cho ngành dệt, nhuộm, đây chính là yếu tố quan trọng để ngành dệt nhuộm nâng cao năng suất và cải tiến chất lượng sản phẩm.

Thứ ba, ngành dệt may của nước ta đang thiếu một chuỗi cung ứng trong nước để hỗ trợ phát triển ngành từ trồng bông, dệt sợi, dệt vải, nhuộm đến khâu thiết kế, may mặc. Nhìn vào những mô hình thành công về công nghiệp dệt may trên thế giới, chúng ta thấy nổi lên vai trò của cụm ngành công nghiệp. Lấy trường hợp cụm ngành dệt may ở Quảng Đông, Trung Quốc làm ví dụ, họ đã hình thành được một cụm ngành may mặc để có thể tận dụng được các lợi thế lan tỏa ở mỗi khâu. Tham khảo mô hình cụm ngành dệt may ở Quảng Đông cho thấy, để ngành dệt phát triển được thì đòi hỏi một mạng lưới hỗ trợ rất đa dạng từ các định chế về tài chính, giáo dục, cơ sở hạ tầng cho đến các ngành cung cấp nguyên liệu đầu vào (bông, xơ, sợi, hóa chất...). Trong khi đó, trong trường hợp của Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng, chưa hề có một chính sách hay chiến lược nào cho sự phát triển của một cụm ngành dệt may đúng nghĩa. Ngành dệt, ngành may đang phát triển chủ yếu theo hướng “mạnh ai nấy làm”, chưa có sự gắn kết giữa các doanh nghiệp hoạt động trong các công đoạn khác nhau, ví dụ giữa doanh nghiệp có công nghệ sợi tốt với doanh nghiệp có công nghệ nhuộm, dệt tốt. Liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI cũng còn yếu, không học được công nghệ, quy trình quản lý.

Về dài hạn, để phát triển ngành dệt may hiệu quả, bền vững thì vẫn cần phải chủ động khâu nguyên liệu, đặc biệt khi mà hiện nay không chỉ ngành may thiếu nguyên liệu từ ngành dệt mà ngành dệt cũng thiếu nguyên liệu.

Từ phân tích trên cho thấy, ngành dệt có vị trí rất quan trọng đối với ngành may nói riêng và tổng thể ngành dệt may nói chung. Nhưng hiện nay, ngành dệt nước ta chưa thể hiện được vai trò đó, và mối liên kết dệt may còn nhiều yếu kém. Sự yếu kém của ngành dệt, đã tạo thành “nút thắt cổ chai” kìm hãm sự phát triển của ngành may, theo nghĩa, khiến giá trị gia tăng và sự chủ động của ngành may thấp. Từ phân tích trên cho

thấy, chính sách phát triển ngành dệt, nhuộm, hoàn tất không chỉ có ý nghĩa đối với bản thân ngành dệt mà còn hỗ trợ sự tăng trưởng ngành may và tổng thể ngành dệt may.

### **3. Hoạt động may**

Như đã phân tích ở phần thực trạng, hoạt động may và gia công là hoạt động chính của các ngành DMG ở Đồng Nai và hiện đang rất phát triển, nguyên nhân chủ yếu là chúng ta tận dụng được nguồn lao động giá rẻ, tiền thuê đất thấp và các chính sách hỗ trợ từ nhà nước và tỉnh.

Nếu so sánh mắt xích sản xuất ngành dệt may Đồng Nai so với thế giới, ta có thể thấy trong khi mắt xích sản xuất của ngành dệt may Việt Nam đang ở mức may gia công là chủ yếu thì các nhà sản xuất trên thế giới đang cạnh tranh với nhau bằng cách dịch chuyển lên phương thức sản xuất FOB cấp III hay ODM nhằm đáp ứng những thay đổi quan trọng trên thị trường dệt may thế giới.

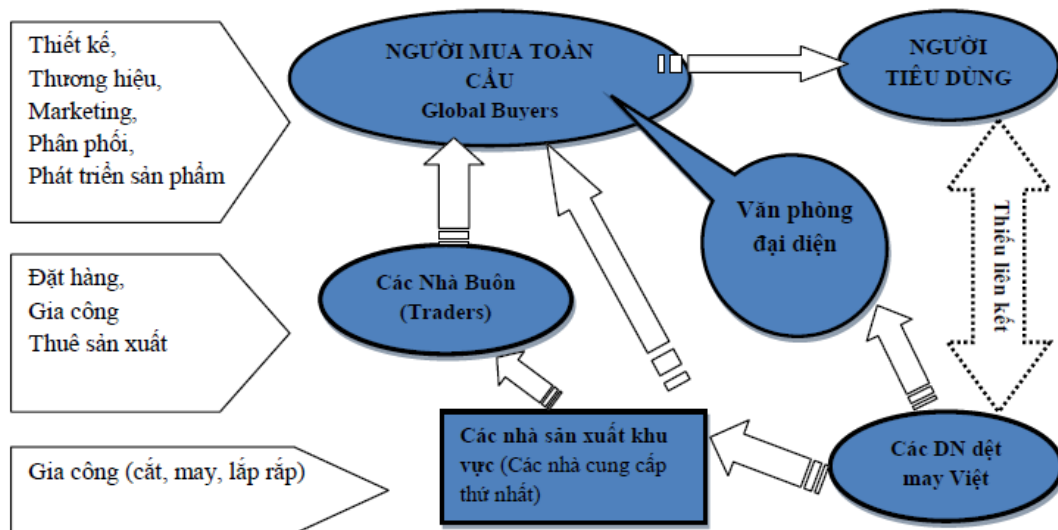
Những phân tích ở trên cho thấy cần phải khắc phục các điểm còn hạn chế để nâng cao năng lực sản xuất của ngành may Đồng Nai ngay từ thời điểm này là điều kiện cần thiết để ngành may mặc Đồng Nai nâng cấp vị thế của mình trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Muốn thâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu thì các doanh nghiệp cần phải sản xuất dưới dạng FOB, ODM.

### **4. Hoạt động marketing và phân phối**

Hoạt động phân phối của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam hiện nay vẫn chưa phát triển và đang phụ thuộc vào các nhà buôn nước ngoài. Mạng lưới các nhà mua này bao gồm: các doanh nghiệp bán lẻ, các nhà sản xuất, và các nhà buôn. Những doanh nghiệp bán lẻ, đa số thuộc thị trường EU, Nhật và Mỹ, họ sở hữu những thương hiệu hàng đầu quốc tế, những siêu thị, cửa hàng bán sỉ và bán lẻ. Những nhà sản xuất nhập sản phẩm (buyer) từ Việt Nam bao gồm các nhà may mặc quốc tế và khu vực, các nhà buôn trong khu vực thường từ Hồng Kông, Đài Loan và Hàn Quốc. Trong khi đó, các nhà buôn đóng vai trò rất quan trọng là trung gian trong chuỗi cung ứng hàng dệt may của Việt Nam ra thế giới. Các doanh nghiệp bán lẻ lớn tin cậy vào các nhà buôn (chủ yếu từ Hồng Kông) để phát triển mạng lưới cung ứng của họ ở Việt Nam nhằm giảm chi phí giao dịch. Các doanh nghiệp đầu tư may mặc nước ngoài hiếm khi liên hệ trực tiếp với các khách hàng quốc tế ở Việt Nam, vì nhà cung ứng của họ thường có văn

phòng đại diện đặt ở Hồng Kông, Đài Loan hay Hàn Quốc. Do vậy các doanh nghiệp Việt Nam (đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ) phụ thuộc rất lớn vào các nhà buôn nhỏ trong khu vực (Nadvi và Thoburn, 2004).

Hình: Các doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu



Nguồn: Dang Nhu Van (2005), *Vietnamese T&G Firms in the Global Value Chain*

Các doanh nghiệp dệt may Việt Nam và Đồng Nai vẫn phải thông qua các nhà cung cấp khu vực để có các hợp đồng gia công, rất ít doanh nghiệp dệt may có được các hợp đồng trực tiếp từ các nhà bán lẻ để cung cấp sản phẩm của mình. Một số doanh nghiệp dệt may thì thông qua các văn phòng đại diện ở Việt Nam và Đồng Nai của các thương hiệu nổi tiếng để cung cấp sản phẩm. Nói cách khác, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam vẫn rất thiếu liên kết với những người tiêu dùng sản phẩm cuối cùng mà chỉ thực hiện các hợp đồng gia công lại cho các nhà sản xuất khu vực.

Đó vừa là nguyên nhân vừa là kết quả khiến đa số các công ty gia công ở Việt Nam và Đồng Nai thường không biết điểm đến cuối cùng của các sản phẩm mà họ đã sản xuất. Hơn một nửa doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc tư nhân đã nói rằng họ không biết về thị trường cuối cùng nơi mà các sản phẩm của họ được tiêu thụ. Thậm chí một vài doanh nghiệp xuất khẩu lớn dệt may lớn ở Đồng Nai và trong mối liên kết vùng là thành phố Hồ Chí Minh cũng nói rằng họ có mối liên kết với các nhà buôn ở Hàn Quốc và Đài Loan, nhưng họ cũng không biết các cửa hàng tiêu thụ sản phẩm của họ ở đâu trên thế giới. Chính khoảng cách rất xa giữa các nhà sản xuất Việt Nam và Đồng Nai với các doanh nghiệp bán lẻ cuối cùng có thể tác động mạnh lên các nhà sản

xuất ở địa phương, làm chúng ta khó khăn hơn trong việc nắm bắt yêu cầu của thị trường để đáp ứng một cách nhanh chóng sự thay đổi nhu cầu của người mua cũng như xu hướng thời trang mới trên thế giới.

Như vậy, hoạt động marketing và phân phối đang là khâu yếu của ngành dệt may Việt Nam và Đồng Nai, điều này là do chúng ta chủ yếu thực hiện các đơn hàng gia công ở mức CMT và FOB cấp I nên Việt Nam và Đồng Nai ít có các sản phẩm mang thương hiệu riêng của mình để tiếp cận với các nhà bán lẻ trên toàn cầu. Một khi chúng ta còn chưa nắm được các mắt xích ở thượng nguồn để chủ động trong hoạt động sản xuất với các mẫu thiết kế và thương hiệu riêng thì ngành dệt may Việt Nam vẫn khó có thể xâm nhập được mạng lưới xuất khẩu và tiếp thị trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Phân tích các mắt xích trong chuỗi giá trị dệt may Việt Nam và Đồng Nai cho thấy, sau nhiều năm gia nhập chuỗi giá trị dệt may toàn cầu mặc dù kim ngạch xuất khẩu cao nhưng ngành dệt may Việt Nam và Đồng Nai vẫn chỉ tập trung xuất khẩu các sản phẩm may mặc theo phương thức gia công – vị trí đáy của chuỗi giá trị toàn cầu – với giá trị gia tăng tương đối thấp. Hạn chế lớn nhất của ngành là sự phát triển không đồng đều ở các khâu đặc biệt là ở công đoạn đầu trong chuỗi giá trị dệt may bao gồm: trồng bông, dệt, nhuộm và hoàn tất. Sự phát triển yếu và chậm các khâu này đã cản trở sự phát triển, làm giảm giá trị gia tăng ở khâu kéo sợi và sản xuất hàng may mặc. Bên cạnh đó mạng lưới xuất khẩu và tiếp thị vẫn đang là điểm yếu lớn trong chuỗi giá trị của ngành dệt may Việt Nam và Đồng Nai, hạn chế sự xâm nhập vào các khâu cao hơn trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu. Như vậy, thách thức của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam và Đồng Nai là để thành công, họ phải chuyển sang sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn bằng cách nâng cấp năng lực cạnh tranh của mình.

#### **IV. Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch giai đoạn trước**

##### **1. Đánh giá giữa chỉ tiêu quy hoạch và thực tế**

###### *1.1. Về tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp*

*Bảng 19: Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2008-2015*

| Danh mục               | Giá trị (tỉ đồng) |         | Tăng trưởng bq (%) |           |
|------------------------|-------------------|---------|--------------------|-----------|
|                        | 2010              | 2015    | 2008-2010          | 2010-2015 |
| Toàn ngành công nghiệp | 325.690           | 594.685 | 25,5%              | 23,5%     |

|                  |        |         |       |       |
|------------------|--------|---------|-------|-------|
| Ngành DMG tỉnh   | 74.014 | 134.248 | 33,4% | 26,4% |
| - Ngành Dệt      | 34.513 | 59.472  | 34,6% | 25,6% |
| - Ngành May      | 8.248  | 12.015  | 27,4% | 18,8% |
| - Ngành Giấy dếp | 31.253 | 62.761  | 33,7% | 29,1% |

*Nguồn: Sở công thương tỉnh Đồng Nai*

*Bảng 31: Mục tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp dệt tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2008-2015*

| Danh mục               | Giá trị (tỷ đồng) |         | Tốc độ tăng trưởng (%) |           |
|------------------------|-------------------|---------|------------------------|-----------|
|                        | 2010              | 2015    | 2008-2010              | 2011-2015 |
| <b>Toàn ngành CN</b>   | 98.820            | 221.327 | 15,9                   | 12,0      |
| <b>Công nghiệp DMG</b> | 23.750            | 40.020  | 13,0                   | 11,0      |
| Công nghiệp Dệt:       | 10.673            | 19.477  | 14,8                   | 12,8      |

*Nguồn: Sở công thương tỉnh Đồng Nai*

So với chỉ tiêu đặt ra về tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, tính đến năm 2016, ngành DMG tỉnh Đồng Nai nói riêng hầu hết phát triển vượt mức chỉ tiêu đặt ra. So sánh số liệu từ hai bảng, chúng ta thấy rằng đến năm 2010, giá trị sản xuất công nghiệp ngành dệt đạt 34.513 tỷ đồng, chiếm 46,6% trong cơ cấu ngành công nghiệp DMG và chiếm 9,6% trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp, vượt mức 10.673 tỷ với dự tính. Đến năm 2015, thực tế ngành dệt đạt 59.472 tỷ đồng, tăng hơn 19.477 tỷ đồng so với mục tiêu đặt ra. Đây là những thành tựu rất đáng ghi nhận của toàn ngành DMG của tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn vừa qua, góp phần không nhỏ vào sự phát triển ngành công nghiệp của toàn tỉnh và của cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước.

*Ngành công nghiệp may*

*Bảng 3220: Mục tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp may tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2008-2015*

| Danh mục               | Giá trị (tỷ đồng) |         | Tốc độ tăng trưởng (%) |           |
|------------------------|-------------------|---------|------------------------|-----------|
|                        | 2010              | 2015    | 2008-2010              | 2011-2015 |
| <b>Toàn ngành CN</b>   | 98.820            | 221.327 | 15,9                   | 17,5      |
| <b>Công nghiệp DMG</b> | 23.750            | 40.020  | 13,0                   | 11,0      |
| Công nghiệp May        | 2.846             | 4.980   | 13,3                   | 11,8      |

Nguồn: Sở công thương tỉnh Đồng Nai

Năm 2015, thực tế ngành may đạt 12.015 tỷ đồng, tăng hơn gần gấp 3 lần so với mục tiêu đặt ra là 4.980 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng ngành may trong giai đoạn 2011-2015 là 18,8%, tăng hơn 7% so với dự tính.

*Ngành công nghiệp giấy dếp*

*Bảng 33: Mục tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giấy dếp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2008-2015*

| Danh mục               | Giá trị (tỷ đồng) |         | Tốc độ tăng trưởng (%) |           |
|------------------------|-------------------|---------|------------------------|-----------|
|                        | 2010              | 2015    | 2008-2010              | 2011-2015 |
| <b>Toàn ngành CN</b>   | 98.820            | 221.327 | 15,9                   | 12,0      |
| <b>Công nghiệp DMG</b> | 23.750            | 40.020  | 13,0                   | 11,0      |
| <b>CN Giấy dếp</b>     | 10.231            | 15.563  | 11,1                   | 8,8       |

Nguồn: Sở công thương tỉnh Đồng Nai

Năm 2015, thực tế ngành giấy dếp đạt 62.761 tỷ đồng, tăng hơn gấp 4 lần so với mục tiêu đặt ra là 15.536 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng ngành giấy dếp trong giai đoạn 2011-2015 là 29.1%, tăng hơn 20.3% so với dự tính năm 2007.

*1.2. Kim ngạch xuất khẩu*

*Bảng 34: Mục tiêu Kim ngạch xuất khẩu ngành DMG giai đoạn 2008-2015*

| Danh mục           | Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD) |       |       | Tăng trưởng bình quân (%) |           |
|--------------------|---------------------------------|-------|-------|---------------------------|-----------|
|                    | 2008                            | 2010  | 2015  | 2008-2010                 | 2010-2015 |
| <b>CN DMG</b>      | 2.719                           | 2.475 | 4.442 | -4,6%                     | 10,3%     |
| <b>CN Dệt may</b>  | 1.297                           | 1.405 | 1.813 | 4,1%                      | 6,9%      |
| <b>CN Giấy dếp</b> | 1.422                           | 1.070 | 2.629 | -13,3%                    | 13,1%     |

Nguồn: Sở công thương tỉnh Đồng Nai

Vào năm 2015, kim ngạch xuất khẩu ngành dệt là may là 2.035 triệu USD, tăng hơn 204 triệu USD so với ước tính đạt được. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu ngành giấy dếp là 5.376 USD tăng trưởng vượt bậc và tăng gấp 2.5 lần so với mục tiêu đề ra.

Năm 2016 tăng trưởng xuất khẩu chung cả nước khó đạt mục tiêu 10%, trong đó riêng ngành dệt may 06 tháng đầu năm ước 10,7 tỷ USD tăng 5,1% cùng kỳ (tăng trưởng thấp).

Nguyên nhân: do thuế suất của chúng ta vào thị trường Mỹ và EU còn cao, Hiệp định TPP giữa 2018 mới có hiệu lực, chúng ta chưa có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nội địa; Tình hình Anh rút khỏi EU (trong khi Anh là thị trường mở cửa cao đối với hàng xuất khẩu VN); Ảnh hưởng của kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ (không ủng hộ TPP), với những nguyên nhân trên dự báo sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hàng hóa xuất khẩu của VN trong thời gian tới

## **2. Đánh giá nguyên nhân ảnh hưởng đến quy hoạch của địa phương**

Mặc dù đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ trong thời gian qua, và kết quả thực hiện luôn vượt xa chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên ngành DMG tỉnh vẫn còn một số hạn chế và những bất cập ảnh hưởng đến quy hoạch về cơ cấu, chất lượng cũng như phát triển bền vững của ngành. Nguyên nhân ảnh hưởng đến quy hoạch của địa phương chủ yếu do nhiều khó khăn còn tồn tại trong các lĩnh vực năng lực sản xuất, trình độ lao động, công nghệ kém,

Năng lực sản xuất chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, rất thấp doanh nghiệp có quy mô vừa và ít doanh nghiệp nào sản xuất với quy mô lớn cho thấy có thể sản xuất ra được nhiều thành phẩm nhưng chất lượng thành phẩm tạo ra không giống nhau, không những thế sẽ có những bất cập trong kinh doanh, cũng như tính cách của người Việt Nam trong kinh doanh cùng mặt hàng nên dễ xảy ra tranh chấp, hạ gục các đối thủ nhỏ hơn nhưng doanh nghiệp của mình cũng không thể mở rộng. Hơn thế nữa các doanh nghiệp trên 100 tỷ đồng chủ yếu là các doanh nghiệp nước ngoài nên các hợp đồng lớn thường đổ vào các công ty này, và không đem lại nguồn lợi cho doanh nghiệp trong nước mà còn giúp làm giàu cho các nước khác nên việc quy hoạch, hợp tác để phát triển ngành là rất cần thiết, đặc biệt cần chú trọng hơn nữa cả chính sách hỗ trợ phát triển cho các doanh nghiệp DMG trong nước bên cạnh việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào ngành này.

Trình độ lao động thường có mức học vấn trung cấp chuyên biệt hay trung học phổ thông thấp hơn nhiều ngành nghề khác nên mức chi phí doanh nghiệp bỏ ra trả cho người lao động không thể cao làm cho đời sống người dân trở nên bấp bênh, gây ra nhiều hậu quả cho xã hội. Nên khi quy hoạch theo cụm từng địa phương các doanh nghiệp sẽ giúp người công nhân được đi đào tạo chuyên sâu, học hỏi, chia sẻ nhiều kinh



nghiệm của công ty khác để đào tạo người lao động tạo ra những sản phẩm tốt hơn hiện tại, phù hợp với yêu cầu không chỉ khách hàng trong nước và quốc tế.

Công nghệ chủ yếu là các máy móc nhập khẩu tại Trung Quốc, Đài Loan dễ hư hỏng, hạn sử dụng thấp từ 2 đến 3 năm (khấu hao nhanh), máy không còn được các công ty nước ngoài sử dụng nên việc quy hoạch theo địa phương giúp cho các công ty biết được đâu là người mình nên hợp tác để cùng phát triển khi thiếu kinh phí đầu tư cho các thiết bị mới.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

Trong giai đoạn năm 2008-2015, việc thực hiện mục tiêu quy hoạch ngành sản xuất giấy dếp nhìn chung đã đạt được những thành tựu đáng kể. Hầu hết ngành giấy dếp tỉnh Đồng Nai đều đạt vượt mức các chỉ tiêu đã đặt ra trong giai đoạn 2008-2015. Tuy nhiên, vẫn còn một số mặt hạn chế tồn tại và cần lấy đó làm bài học kinh nghiệm để phát triển ngành sản xuất giấy dếp tốt hơn trong giai đoạn mới, giai đoạn 2015-2025 tầm nhìn đến năm 2030. Một số bài học kinh nghiệm được tổng hợp sau khi có đánh giá dựa trên tình hình quy hoạch năm 2008-2015 là:

1/ Quy hoạch chưa tính đến việc phát triển các cơ sở sản xuất theo định hướng phát triển bền vững, đa số 65-70% nguyên liệu cho ngành giấy dếp vẫn lấy từ nguồn nhập khẩu, điều này gây khó khăn cho việc giảm chi phí đầu vào và gia tăng giá trị sản xuất cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành. Trong giai đoạn này, nhưng chính sách chú trọng phát triển ngành CNHT cho ngành sản xuất giấy dếp chưa thực sự mang lại hiệu quả.

2/ Sau khi thực hiện quy hoạch ngành giấy dếp giai đoạn 2008-2015, nhiều dự án chủ yếu vẫn còn mang nặng hình thức gia công, giá trị gia tăng thấp, thu hút nhiều lao động nhưng trình độ lao động chưa cao và mức lương dành cho lao động nằm ở mức trung bình. Ở nhiều doanh nghiệp người lao động chưa hưởng chính sách bảo hiểm, thất nghiệp, y tế. Cần cải thiện những tồn tại này nhất là trình độ lao động, yếu tố quyết định để sản xuất giấy dếp đạt được những thành tựu vượt bậc, vì rằng, dẫu các doanh nghiệp có đầu tư vào máy móc thiết bị cao cấp, công nghệ hiện đại, nhưng lao động không đủ trình độ đáp ứng sẽ không tận dụng hết được tính năng của máy móc công nghệ, điều này gây ra sự lãng phí, và cuối cùng dẫn đến một lối mòn là doanh nghiệp tiếp tục bóc lột sức lao động của lao động để phục vụ sản xuất. Do vậy chỉ có một con đường để cải thiện đời sống cho lao động và cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng

cho sản phẩm ngành giấy dếp thì buộc phải đào tạo nhân lực tốt hơn với trình độ phù hợp với máy móc và công nghệ hiện đại trong các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất.

3/ Những doanh nghiệp và cụm/khu công nghiệp ngành giấy dếp sau giai đoạn quy hoạch 2008-2015 vẫn tập trung đông đảo tại các huyện và thành phố lớn, đông dân cư chứ chưa dịch chuyển về các huyện khác. Việc di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cụm/khu công nghiệp sản xuất ngành giấy dếp về các huyện khác mang lại nhiều lợi ích đáng kể, vừa là giúp cho các thành phố lớn, huyện xã tập trung đông dân cư mà đa số là lao động cho các khu doanh nghiệp giảm bớt áp lực về môi trường và an ninh xã hội; vừa là giúp cho các huyện lân cận có cơ hội phát triển về kinh tế và về mặt quản lý xã hội.

4/ Khu CN Xuân Lộc thuộc địa bàn vùng xa của tỉnh Đồng Nai nhưng vẫn thu hút được Tập Đoàn Phong Thái (Đài Loan) đầu tư để sản xuất giấy thể thao xuất khẩu, thu hút 18.000 lao động. Điều đó cho thấy rằng, các huyện của tỉnh Đồng Nai có tiềm năng phát triển ngành, đồng thời, điều quan trọng là chính sách thu hút đầu tư của chính quyền.

## **V. Đánh giá chung**

### **1. Kết quả đạt được.**

Các sản phẩm của ngành công nghiệp dệt, may và giấy dếp ở khu vực tỉnh Đồng Nai đã đạt được nhiều kết quả nhất định. Đây là nơi có ngành công nghiệp dệt, may và giấy dếp lớn của cả nước, thu hút nhiều nhất vốn đầu tư nước ngoài, ngoài ra các ngành công nghiệp khác đều phát triển rất mạnh và nhanh chóng. Sự phát triển của ngành công nghiệp DMG thời gian qua đã đóng góp đáng kể của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cụ thể:

+ Ngành công nghiệp DMG duy trì tốc độ tăng trưởng cao, giai đoạn 2011-2012 tăng 19,07% ( theo Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015) cao hơn mức bình quân toàn ngành là 16,93%

Trên địa bàn tỉnh hiện nay, quy mô của các doanh nghiệp, công ty ngày càng được mở rộng, chú trọng đầu tư phát triển về công nghệ cũng như nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên, áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào quá trình sản xuất. Giải quyết khó khăn về nạn thất nghiệp, tỷ lệ người lao động có trình độ ngày càng tăng cao. Chất lượng sản phẩm ngày càng được chú trọng hơn, ngoài ra việc mở rộng quy mô theo chiều rộng và chiều sâu của các doanh nghiệp tạo môi trường cạnh tranh, đòi

hỏi doanh nghiệp phải đẩy mạnh sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiếp cận thị trường, áp dụng khoa học công nghệ và các tiến bộ trong khoa học đẩy mạnh kỹ thuật sản xuất tiết kiệm chi phí nâng cao lợi nhuận.

Được sự quan tâm của nhà nước cũng như các nhà đầu tư nước ngoài thông qua việc góp vốn, đầu tư vốn để đầu tư phát triển về cả máy móc thiết bị, nhân công. Từ đó, đưa Đồng Nai trở thành tỉnh có ngành công nghệ cao, và đặc biệt đưa ngành công nghiệp dệt, may và giày dép trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn trên địa bàn tỉnh.

## **2. Khó khăn, tồn tại, nguyên nhân**

### **a. Khó khăn, tồn tại**

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn tồn đọng không ít những khó khăn về công nghệ sản xuất, phụ thuộc nguồn nguyên liệu nhập khẩu, lao động có kiến thức chuyên sâu chưa nhiều, các hoạt động quảng cáo về sản phẩm chưa được chú trọng cũng như tìm kiếm thị trường mới. Tuy có nhiều cải tiến trong máy móc thiết bị nhưng hiệu quả sản xuất kinh doanh vẫn còn thấp.

Nguồn vốn đầu tư vào nhiều nhưng hiệu quả còn thấp, chưa chú trọng đến việc nâng cao tiêu chuẩn chất lượng hướng đến các sản phẩm cao cấp, gây dựng thương hiệu lớn trên thị trường trong và ngoài nước.

Dân số trẻ chiếm tỷ lệ cao nhưng trình độ chuyên môn không có hoặc có nhưng không cao, kinh nghiệm chưa có, ngoài ra chưa chú trọng đến việc đào tạo kỹ năng hoặc đào tạo chưa chuyên sâu khiến hiệu quả đạt được chưa cao, năng lực hạn chế. Thiếu nghiêm trọng nguồn nhân lực cho việc phát triển ngành, kể cả lao động kỹ thuật và lao động phổ thông.

### **b. Tồn tại**

Về cơ cấu ngành: Những năm qua ngành dệt may chỉ phát triển mạnh về lĩnh vực may mặc do lĩnh vực này cần ít vốn, thời gian thu hồi vốn nhanh; còn lĩnh vực dệt phát triển chưa tương xứng cả về qui mô, trình độ, năng lực cạnh tranh rất thấp không đáp ứng được nhu cầu của ngành may; đặc biệt là công nghiệp phụ trợ có quy mô còn khá nhỏ bé, đa số nguyên phụ liệu đầu vào cho ngành dệt may đều được nhập khẩu từ các thị trường khác. Có thể nói rằng ngành công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may hiện nay chưa đáp ứng đủ nhu cầu phát triển ngành: nguyên phụ liệu phải nhập khẩu chiếm 46%. Vì vậy ngành Dệt - May chỉ thiên về làm gia công giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế thấp. Xu thế phân tích đã chỉ rõ cần đẩy mạnh phát triển công nghiệp dệt và công nghiệp phụ

trợ để tạo ra ngành có cơ cấu Dệt - May - công nghiệp phụ trợ cân đối và tăng tính chủ động cũng như hiệu quả trong phát triển ngành.

Về qui mô sản xuất và mối liên hệ sản xuất: Như đã phân tích ở mục quy mô và năng lực sản xuất của ngành Dệt may, thấy rằng hiện nay, số cơ sở sản xuất tư nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu thành phần sản xuất nhưng lại có xu hướng hoạt động lên xuống không ổn định. Do vậy, cần tạo điều kiện liên kết giữa các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất với nhau trên cơ sở vừa hợp tác vừa cạnh tranh để thúc đẩy thành phần sản xuất tư nhân phát triển mạnh. Ngoài ra, như đã đề cập, các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất ngành Dệt may hầu hết tập trung vào gia công may mặc chứ chưa chú trọng phần phụ trợ sản xuất ra nguyên vật liệu đầu vào. Bên cạnh đó, mang đến giá trị sản xuất ngành cao nhất cho tỉnh là khu công nghiệp đầu tư nước ngoài. Do vậy, cần thu hút các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài nhằm làm tăng giá trị sản xuất cho ngành.

Vấn đề chuyên môn hoá sản xuất: Để mở rộng khả năng hợp tác giữa các nhà sản xuất cũng như khả năng hoàn thiện sản phẩm đòi hỏi các nhà sản xuất phải đẩy mạnh sản xuất theo hướng chuyên môn hoá. Mỗi doanh nghiệp cần đi sâu làm chủ một vài công nghệ, từ đó định hướng đầu tư những máy móc chuyên dùng để tập trung sản xuất chuyên sâu theo từng nhóm sản phẩm: sợi, dệt, riêng khâu may mặc nên chuyên môn hoá hẹp hơn theo các sản phẩm như: sản phẩm quần áo, áo sơ mi, quần áo trẻ em, quần áo thể thao...

Tình trạng xảy ra cũng tương tự đối với ngành giấy dếp khi vẫn còn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu bên ngoài, khâu gia công lắp ráp vẫn chiếm tỷ trọng cao, các doanh nghiệp tư nhân sản xuất còn manh mún với quy mô nhỏ và quá trình chuyên môn hóa sản xuất cũng như kết nối các khâu trong chuỗi giá trị còn nhiều hạn chế

#### c. Nguyên nhân

Phần lớn các nguyên vật liệu dùng cho sản xuất được nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan, đặc biệt là các nguyên liệu chuyên dùng cho ngành dệt may và giấy dếp. Một số ít các nguyên liệu được cung cấp trong nước tuy nhiên về chất lượng cũng như số lượng chưa được đảm bảo, không đáp ứng được nhu cầu sản xuất hàng xuất khẩu, nhất là các lô hàng đòi hỏi cao về số lượng và chất lượng. Các ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành DMG trong nước nhìn chung chưa được chú trọng đầu tư phát triển, chưa đáp ứng được các nhu cầu cần thiết cho ngành.

Năng lực sản xuất và quy mô sản xuất chiếm chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp trong nước do hạn chế về nguồn vốn, trình độ

kỹ thuật và hạn chế về các thiết bị sản xuất, chất lượng quản lý chưa hiệu quả nên nhiều doanh nghiệp phải gia công cho các công ty liên doanh hoặc công ty có vốn đầu tư nước ngoài, rất ít tự sản xuất.

Cơ cấu vùng lãnh thổ chưa hợp lý và chưa có sự chuyển dịch, phát triển ngành DMG đến các vùng xa để giải quyết nạn thất nghiệp và áp lực về thiếu lao động ở các địa bàn có ngành công nghiệp phát triển. Công nghiệp chủ yếu tập trung ở các địa phương như TP. Biên Hòa, Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom với giá trị sản xuất công nghiệp lần lượt là 287.416 tỷ đồng, 77.626 tỷ đồng, 61.493 tỷ đồng, 59.691 tỷ đồng năm 2014 (giá năm 2010)

Một số doanh nghiệp chưa chú trọng đến việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Còn nhiều khó khăn trong việc tiếp cận khoa học kỹ thuật, công nghệ cao. Các doanh nghiệp chưa có chiến lược phát triển dài hạn, bền vững, thị trường còn hạn chế, chỉ tập trung ở một số thị trường nhất định, phụ thuộc nhiều vào các đơn đặt hàng gia công và chưa xem trọng thị trường tiềm năng trong nước.

Tóm lại, hiện trạng ngành Công nghiệp DMG trên địa bàn tỉnh thời gian qua cho thấy, ngành công nghiệp DMG là một trong những ngành hết sức quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm áp lực về việc làm... Tuy nhiên, trong thời gian qua, cũng còn tồn đọng nhiều khó khăn cần phải có những biện pháp, và định hướng cụ thể để tiếp tục phát triển bền vững và lâu dài trong thời gian tới.

## **PHẦN II**

# **DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIÀY DÉP TỈNH ĐỒNG NAI TRONG THỜI KỲ QUY HOẠCH**

## **CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIÀY DÉP**

### **I. Phân tích dự báo các yếu tố môi trường quốc tế**

#### **1. Các yếu tố môi trường quốc tế**

Ở thời điểm hiện tại, diễn biến kinh tế thế giới có những chuyển biến phức tạp. Ứng với mỗi diễn biến, Việt Nam có những thuận lợi và thách thức riêng. Trong có, yếu tố hội nhập kinh tế quốc tế mang lại những thuận lợi về thị trường tiêu thụ cũng như giá các yếu tố đầu vào, bên cạnh đó cũng tạo nên thách thức về khía cạnh cạnh tranh, đòi hỏi Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng nâng cao chất lượng sản phẩm và và dịch vụ để thâm nhập tốt vào các thị trường sẵn có, tiếp cận và tạo ấn tượng tốt với mọi khách hàng về sản phẩm, từ đó tạo nên thương hiệu bền vững cho các nhãn hàng may mặc và giày dép của Việt Nam.

Bên cạnh đó, những diễn biến tiêu cực trên thế giới cũng tạo nên những ảnh hưởng nhiều chiều lên ngành dệt may giày da Việt Nam. Điển hình là sự kiện nước Anh tách khỏi EU gần đây, sự kiện này khiến đồng Bảng Anh bị mất giá liên tục. Việc giảm giá đồng Bảng Anh sẽ khiến các sản phẩm của Việt Nam đắt đỏ hơn ở Anh, trong khi sản phẩm của Anh lại có lợi thế trên thị trường toàn cầu. Với Trung Quốc, một nước có thị trường tiêu dùng hàng hóa dệt may được dự báo là lớn nhất thế giới vào năm 2025, thay thế thị trường EU, thì những vấn đề mâu thuẫn gay gắt về biển Đông hiện nay với Trung Quốc sẽ tạo nên những bất lợi cho việc tận dụng thị trường tiêu thụ trong tương lai.

Vào tháng 3/2016, các cơ quan quốc tế lớn như WB, IMF, Liên Hợp Quốc đều dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới (GDP) năm 2016 sẽ cao hơn năm 2015 bất chấp các số liệu điều chỉnh gần đây thấp hơn so với các con số mà các cơ quan này đã đưa ra trước đó. Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 01/2016 của WB dự báo, tốc độ tăng GDP thế giới năm 2016 ở mức 2,9%, cao hơn mức 2,4% của năm 2015; con số này trùng khớp với dự báo của Liên Hợp Quốc. Theo IMF, tăng trưởng kinh tế toàn cầu ước tăng 3,1% trong năm 2015, dự báo tăng lên 3,4% năm 2016. Các thị trường tiêu thụ dệt may – da giày hàng đầu của Việt Nam là Mỹ, EU và Nhật Bản đều có tăng trưởng kinh

tế năm 2016 cao hơn năm 2015 nhờ chính sách tiền tệ nới lỏng, giá dầu giảm, thu nhập tăng lên. Đây là 1 trong những yếu tố tích cực thúc đẩy tiêu dùng hàng dệt may – da giày năm 2016.

Các hiệp định thương mại tự do (FTA) giúp đơn hàng sản xuất và vốn đầu tư chảy mạnh vào ngành Dệt may – Da giày Việt Nam: Trong năm 2015, Việt Nam đã ký kết và kết thúc đàm phán 4 Hiệp định quan trọng với các khu vực thị trường lớn. Trong đó, Việt Nam kết thúc đàm phán 2 hiệp định lớn là TPP và FTA Việt Nam - EU; ký kết 2 hiệp định gồm FTA Việt Nam - Liên minh kinh tế Á Âu (VCUFTA) và FTA Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA). Cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu dệt may – da giày từ các mức trên 10% về 0% của các thị trường tiêu thụ sẽ giúp giá sản phẩm của Việt Nam cạnh tranh hơn các quốc gia đối thủ khác, từ đó Việt Nam có cơ hội thu hút nhiều đơn hàng sản xuất hơn. Nguồn vốn đầu tư và các dự án đầu tư từ nước ngoài vào ngành dệt may giày dép cũng là một nguồn quan trọng giúp ngành dệt may giày dép phát triển với việc áp dụng những công nghệ cao vào quy trình chế tạo sản phẩm, thay vì quy trình sử dụng hầu hết là nhân công như hiện tại. Các quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” hoặc “từ vải trở đi” quy định trong các hiệp định cũng sẽ thúc đẩy dự án đầu tư vào ngành công nghiệp phụ trợ dệt may – da giày vốn đang rất yếu của Việt Nam. Tóm lại, các yếu tố quốc tế là các yếu tố cốt lõi đóng vai trò quan trọng tạo động lực và cơ hội cho ngành dệt may giày dép phát triển tại Việt Nam.

Lợi thế về lao động giá rẻ trong ngành dệt may–giày dép tại Việt Nam đang đối mặt với thách thức vô cùng lớn với lí do thứ nhất là yếu tố tự động hóa trong sản xuất đang thay thế dần các công nhân đứng dây chuyền sản xuất; lí do thứ hai là sự cạnh tranh về giá lao động từ các nước khác trong khu vực. Giá lao động là một yếu tố trọng yếu không thể bỏ qua khi nói đến ngành dệt may – giày dép. Trong khi nhiều quốc gia có xu hướng giảm lương tối thiểu thì Việt Nam cùng với Indonesia và Trung Quốc là 3 nước có mức lương tối thiểu tăng<sup>5</sup>. Đáng chú ý, Việt Nam là quốc gia có mức lương tối thiểu tăng cao nhất. Theo đó, thực tế hiện nay các doanh nghiệp tại Việt Nam đang phải chi trả chi phí nhân công cao hơn nhiều so với trước đây. Bên cạnh đó các nước có lao động rẻ hơn Việt Nam như Campuchia, Myanmar,... sẽ cạnh tranh với Việt Nam trong việc thu hút các đơn hàng của thế giới, ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu của Việt Nam và Đồng Nai. Do vậy, trong ngành dệt may – giày dép nếu giữ lao động tiếp tục

---

<sup>5</sup>Báo cáo phát triển kinh tế của ADB 2015

nằm ở tình trạng “giản đơn” thì đó sẽ trở thành một điểm yếu để ngành cạnh tranh với các nước khác đặc biệt ở hiện tại và tương lai.

## **2. Hội nhập kinh tế**

Trong năm 2015, hoạt động các hiệp định kinh tế được kí kết và bắt đầu có hiệu lực, trong đó một số hiệp định có những chuyển biến rõ rệt đối với ngành DMG Việt Nam trong thời gian sắp tới như: Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), FTA với Liên minh châu Âu, FTA Việt Nam – Hàn Quốc, đặc biệt là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) mang lại cho ngành DMG không ít những cơ hội cũng như thách thức trong giai đoạn 2016-2020.

### **a. Tác động theo hướng tích cực**

Theo các chuyên gia kinh tế, TPP sẽ làm thay đổi thương mại dệt may toàn cầu. Khi tham gia TPP, thuế suất dệt may cũng giảm xuống còn 0% là cơ hội rất lớn để ngành dệt may đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước TPP, mang lại lợi nhuận cao hơn cho ngành DMG Việt Nam, đặc biệt là thị trường Hoa Kỳ. Hoa Kỳ là thị trường có mức tiêu thụ hàng năm lớn, chiếm 1/5 trên toàn thế giới. Do đó, một khi thuế nhập khẩu mặt hàng DMG tại thị trường này giảm xuống 0%, sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá cho ngành hàng DMG Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng.

Ngành DMG hiện nay đang thu hút được số lượng lớn các dự án đầu tư từ Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc.... Hầu hết những dự án đầu tư được chọn lọc và phát triển trong các lĩnh vực sản xuất còn yếu kém, đặc biệt là ngành công nghiệp phụ trợ như kéo sợi, dệt và nhuộm tạo điều kiện xây dựng chuỗi sản xuất khép kín. Ngoài ra, việc thu hút các dự án đầu tư giúp mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao năng suất lao động và đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực lành nghề có chuyên môn cao. Việc đầu tư phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, cung cấp đủ nguồn nguyên liệu sản xuất và đáp ứng đủ “từ sợi trở đi”, giúp cho doanh nghiệp Việt Nam hưởng được mức lãi suất ưu đãi và quy định tối huệ quốc từ thị trường EU.

Khi tham gia TPP, những quy định về minh bạch đối xử công bằng trong TPP được thực hiện, nên các doanh nghiệp khu vực tư nhân có cơ hội học hỏi, thay đổi và nâng cao khả năng cạnh tranh. Bên cạnh đó, với sức ép này, chính quyền buộc phải đẩy mạnh chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nhằm tăng hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp DMG, qua đó thay đổi sự phụ thuộc của các doanh nghiệp nhà nước và chính sách, giúp doanh nghiệp thay đổi lối tư duy, cách thức quản lý mới và



vận hành kinh doanh một cách phù hợp với thị trường, tránh được những sự lãng phí về tài lực và nhân lực, sự công kênh của bộ máy tổ chức quản lý và trì trệ trong công việc.

b. Tác động theo hướng tiêu cực

Tuy thuế quan xuất khẩu vào các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU sẽ được giảm nhanh chóng, nhưng các rào cản phi thuế quan cũng sẽ được gia tăng một cách tương ứng. Trên thực tế, TPP sẽ giúp sản phẩm DMG Việt Nam cạnh tranh về giá, sản lượng xuất khẩu sản phẩm vào thị trường Hoa Kỳ đột biến, điều này sẽ khiến cho các doanh nghiệp Việt Nam đứng trước nguy cơ bị áp dụng các chính sách chống bán phá giá và chống trợ cấp. Theo những quy định về nền kinh tế thị trường do Mỹ thiết lập thì thị trường Việt Nam không được xem là nền kinh tế thị trường. Điều này sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp trong những vụ kiện chống bán phá giá, đặc biệt là khi các doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế nhiều về tài lực, vật lực và nhân lực nên khả năng thắng kiện trong các vụ kiện chống bán phá giá là vô cùng khó.

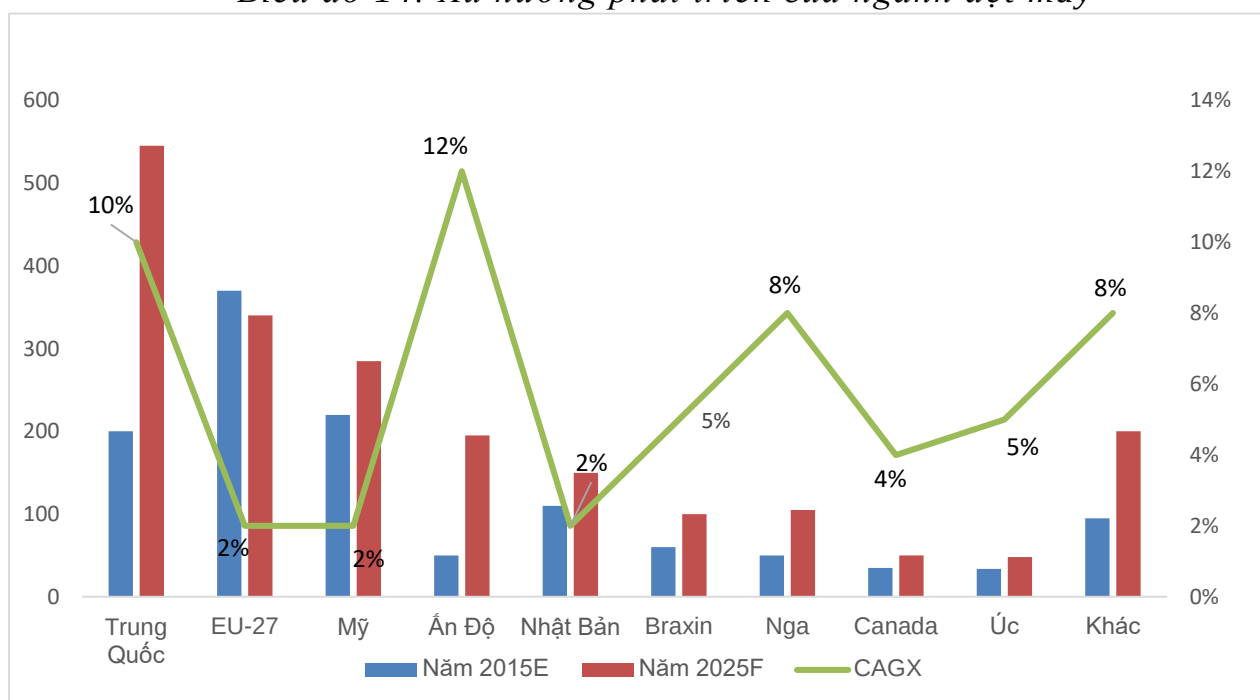
Tình hình chính trị các nước trong khu vực và Thế giới cũng có tác động to lớn đến sự dịch chuyển các ngành công nghiệp giữa các nước trong khu vực và thế giới, dựa trên các lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực, vị trí địa lý, tình hình chính trị. Việt Nam là nước có lực lượng lao động đông, giá nhân công thấp, đây được xem là lợi thế cạnh tranh của ngành. Tuy nhiên, nhân công Việt Nam đông nhưng không đáp ứng được nhu cầu về trình độ kỹ thuật. Trong khi đó tại các thị trường như Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU luôn luôn đòi hỏi sản phẩm chất lượng cao với phân khúc thị trường cao và sản phẩm thường xuyên được kiểm tra. Do đó, nguồn lực lao động chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam luôn được xem là khó khăn lớn của ngành. Ngoài ra, theo xu hướng phát triển toàn cầu hóa, thu nhập của công nhân ngày càng tăng để đáp ứng nhu cầu chi tiêu, do đó nhân công giá thấp sẽ dần không còn là lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng.

Công nghệ máy móc thiết bị của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam chủ yếu đạt trình độ trung bình, nên sản phẩm sản xuất ra còn hạn chế về chất lượng và sự đồng đều, năng suất cũng có hạn, năng lực tài chính của các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế, là một trong những nguyên nhân gây hạn chế đến việc đầu tư phát triển, việc vay vốn ngân hàng cũng khát khe, điều kiện cho vay chưa thuận lợi với doanh nghiệp vừa và nhỏ, khó cạnh tranh với thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

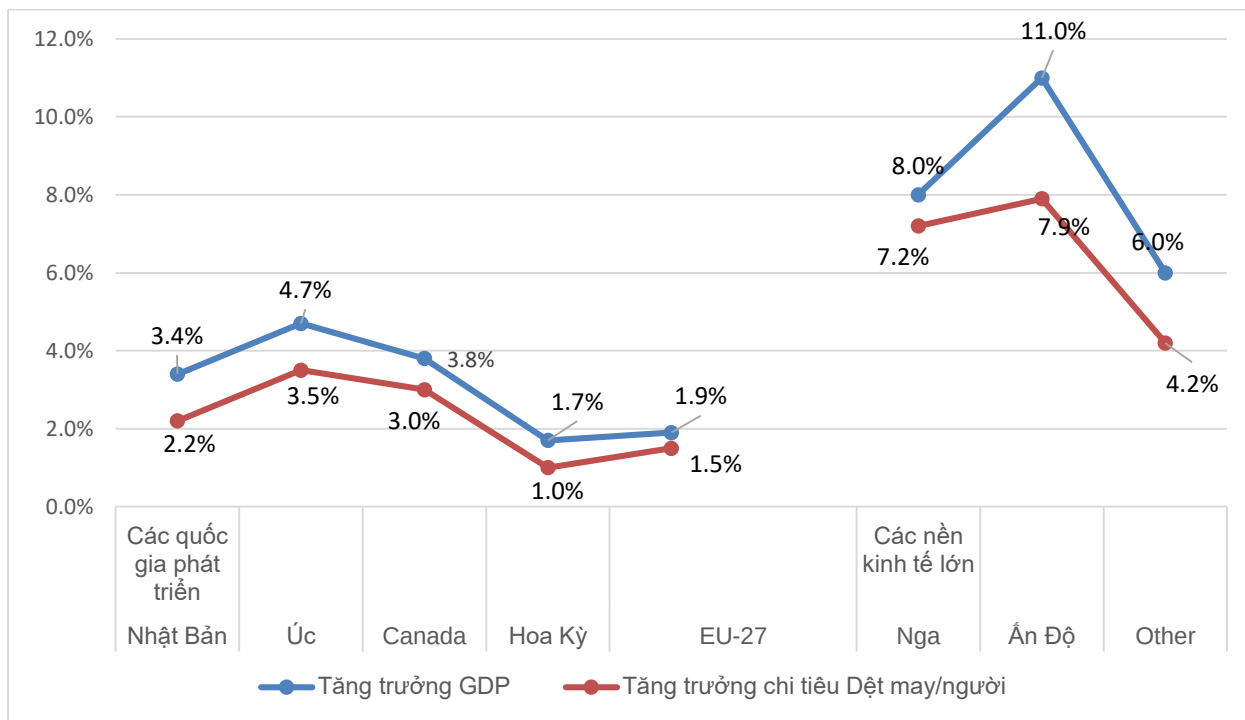
### 3. Phân tích cung, cầu sản phẩm Dệt may – Giày dép và tình hình cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới.

Theo dự báo đến năm 2025 (bằng tốc độ tăng trưởng lũy kế dựa trên số liệu của (CAGX) của Công ty tư vấn tiêu dùng Wasir Advisors), Trung Quốc sẽ trở thành thị trường lớn nhất với giá trị 540 tỷ USD, do tăng trưởng CAGR giai đoạn 2015- 2025 dự báo lớn hơn 10%/năm so với tốc độ 2%/năm của EU. Các thị trường có số lượng tiêu thụ lớn tiếp theo là EU-27, Hoa Kỳ, Ấn Độ. Trong đó, số lượng tiêu thụ tại thị trường Ấn Độ tăng trưởng nhanh chóng, vượt qua Nhật Bản giữ vị trí thứ 4 (CAGX là 12%).

*Biểu đồ 14: Xu hướng phát triển của ngành dệt may*



Năm 2012, bình quân 1 người tiêu khoảng 153 USD cho các hàng hóa từ ngành dệt, may. Dự báo đến năm 2025, mức chi tiêu này sẽ tăng lên 247 USD. Trong đó, Úc là quốc gia có chi tiêu trong ngành dệt, may cao nhất với 1.050 USD/năm, trong khi đó Ấn Độ chỉ bằng khoảng 3% mức chi tiêu của Úc và bằng 23,5% mức chi tiêu dệt may trung bình của thế giới. Mặc dù được dự báo sẽ có tốc độ tăng trưởng cao nhất, nhưng mức chi tiêu dệt may bình quân đầu người của Ấn Độ vẫn chỉ bằng khoảng 40% Trung Quốc và 8% của Úc vào năm 2025.



Nguồn: Wazir Advisor

*Biểu đồ 15: Tốc độ tăng trưởng GDP và chi tiêu dệt may/người  
2012-2025*

Năm 2012, Trung Quốc là quốc gia có giá trị xuất khẩu lớn nhất thế giới cả sản phẩm dệt và sản phẩm may, chiếm 40% tổng mậu dịch dệt, may toàn cầu, Việt Nam cũng là 1 trong 10 khu vực xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới (Trung Quốc, EU-27, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Bangladesh, Việt Nam, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Pakistan và Indonesia) đạt khoảng 15,1 tỷ USD giá trị xuất khẩu năm 2012.

Theo các chuyên gia kinh tế dự báo, đến năm 2025 thương mại ngành dệt, may sẽ tăng 708 tỷ (năm 2012) lên 1.700 tỷ với tốc độ tăng trưởng CAGR 6,5%/ năm. Tỷ trọng giá trị ngành dệt, may Trung Quốc có xu hướng giảm từ 40% xuống còn 35%, đây sẽ là điều kiện cho các quốc gia sản xuất khác như Việt Nam có cơ hội phát triển tốt trong ngành dệt, may này.

## **II. Phân tích dự báo các yếu tố và nguồn lực trong nước**

### **1. Xác định vị trí, vai trò của ngành công nghiệp Dệt may – Giày dép**

Ngành Dệt may – Da giày có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Tính đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu dệt may – giày dép đạt 41,7 tỷ USD, chiếm 25,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Về xuất khẩu, năm 2015, lĩnh vực hàng dệt may có kim ngạch xuất khẩu 22,8 tỷ USD lớn thứ 2 chỉ sau lĩnh vực điện thoại các loại và linh kiện (30,2 tỷ USD); lĩnh vực giày dép có kim ngạch xuất khẩu 12 tỷ USD – lớn thứ 4. Tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành Dệt may – Giày dép (xơ sợi, hàng dệt may,

giày dép, túi ví..., nguyên phụ liệu) đạt 41,7 tỷ USD, chiếm 25,7% kim ngạch xuất khẩu cả nước, xếp số 1 trong số các ngành đóng góp lớn nhất vào tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Về doanh thu thuần, số liệu năm 2013 của Cục thống kê cho thấy, tổng doanh thu thuần của ngành Dệt may – Giày dép đạt 534.844 tỷ đồng, chiếm 12,1% doanh thu của toàn lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; lớn thứ 3 chỉ sau doanh thu thuần của ngành chế biến thực phẩm và sản xuất điện tử. Về nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh, tổng nhu cầu vốn năm 2013 đạt 398.362 tỷ đồng, lớn thứ 2 trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.

Ngoài vai trò quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam, ngành Dệt may – Giày dép của Việt Nam cũng có vị trí quan trọng trên thị trường dệt may – giày dép thế giới. Cụ thể, Việt Nam nằm trong top 5 quốc gia xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới, chiếm 3,8% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may toàn cầu; có vị thế lớn thứ 3 thế giới về sản xuất, thứ 2 về xuất khẩu giày dép với tỷ trọng lần lượt là 3,7% và 9,2%. Thương mại giày dép toàn cầu năm 2014 đạt 255 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 133 tỷ USD, nhập khẩu đạt 122 tỷ USD. Về nhập khẩu, Mỹ là nước nhập khẩu lớn nhất thế giới chiếm 20,5% về số lượng và 21,8% về trị giá. Các nước phát triển ở châu Âu là Anh, Đức, Pháp, Italia, Hà Lan, Nga... cũng là những nước nhập khẩu lớn tiếp theo. Top 10 nước nhập khẩu lớn nhất thế giới năm 2014 chiếm 56% về số lượng và 64% về tổng trị giá nhập khẩu giày dép toàn cầu.

## **2. Các yếu tố và nguồn lực trong nước.**

Ngành công nghiệp DMG Việt Nam có những bước tiến đáng kể trong thời gian qua, với năng lực sản xuất tốt, tốc độ xuất khẩu tăng trưởng nhanh chóng. Tuy nhiên, ngành DMG cần phải tập trung phát triển lợi thế so sánh sản phẩm, chứ không nên chỉ dựa vào thuận lợi của các hiệp định kinh tế FTA bao gồm:

- Lợi thế so sánh về nguồn lao động: Việt Nam là một trong những quốc gia có lượng lao động ở mức dân số vàng, với lực lượng lao động lớn, chi phí nhân công rẻ. Bên cạnh đó, trình độ lao động kỹ thuật của lao động ngành DMG ngày càng được cải thiện, đội ngũ cán bộ có kỹ năng quản trị tốt, thông qua việc học hỏi từ các hợp tác kinh tế với các doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, nguồn nhân lực được đào tạo bài bản và nguồn nhân lực trình độ học vấn đại học, cao đẳng vẫn đang còn hạn chế, chỉ chiếm một phần nhỏ trên tổng lượng lao động toàn ngành, vẫn còn thấp hơn so với các nước trong khu vực.

- Lợi thế so sánh về nguyên vật liệu: So với các nước có công nghiệp DMG cạnh tranh với Việt Nam như Thái Lan, Trung quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Indonesia, nhìn chung nguyên phụ liệu nước ta chưa đáp ứng được yêu cầu trong nước, phần lớn phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Tuy nhiên, những dự án đầu năm 2015, tập trung đầu tư vào các khối ngành công nghiệp phụ trợ sản xuất sợi, dệt vải, nhuộm vải... đang hứa hẹn sẽ cải thiện tình hình phụ thuộc nguyên vật liệu của Việt Nam, đồng thời giảm được chi phí vận chuyển nguyên vật liệu nâng cao tính cạnh tranh cho sản phẩm Việt Nam.

- Lợi thế so sánh về công nghệ kỹ thuật, máy móc thiết bị: nhìn chung đây là vấn đề nan giải nhất mà doanh nghiệp Việt Nam gặp phải, vì phần lớn doanh nghiệp quy mô nhỏ, không có khả năng đầu tư những chuỗi sản xuất tự động, các mô hình sản xuất khép kín. Tuy nhiên, sự tăng trưởng nhanh chóng của các hợp đồng hợp tác kinh tế- kỹ thuật của các công ty dệt may Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài đã mang lại làn sóng công nghệ mới trong ngành sản xuất. Bên cạnh đó, một số nhà máy cơ khí trong nước đã có những nỗ lực sản xuất máy móc thiết bị, phục vụ cho ngành công nghiệp DMG, tuy chất lượng còn hạn chế nhưng đây là những bước tiến quan trọng trong ngành công nghiệp DMG.

### **3. Phân tích cung, cầu sản phẩm Dệt may – Giày dép và tình hình cạnh tranh trên thị trường trong nước.**

Thị trường Việt Nam được xem là thị trường tiêu thụ dệt may, giày dép rộng lớn, với hơn 90 triệu dân số năm 2015. Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam đang phát triển nhanh chóng, thu nhập GDP bình quân đầu người gia tăng, đời sống vật chất ngày được nâng cao, do đó nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng theo, đặc biệt là trong lĩnh vực thực phẩm và may mặc, cụ thể hàng năm chỉ số tiêu thụ của ngành DMG trong nước tăng từ 10-15%. Theo nghiên cứu của chuyên gia ANZ, dự báo đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam sẽ tăng từ 1200 USD lên đến 3000USD. Điều này cho thấy tiềm năng của thị trường tiêu thụ dệt may, giày dép trong giai đoạn 2016-2020, đặc biệt là phân khúc thị trường cấp trung và cấp cao.

Ngành bán lẻ phát triển là một trong những điều kiện thuận lợi giúp tiêu thụ hàng sản phẩm dệt may. Theo số liệu nghiên cứu của Công ty Nghiên cứu thị trường BMI cho thấy, doanh thu thị trường bán lẻ của Việt Nam năm 2015 là 102 tỷ USD. Dự báo năm 2020, con số này sẽ tăng lên mức 179 tỷ USD. Hiện các kênh mua sắm hiện đại mới chỉ “phủ sóng” được 25% thị trường với 700 siêu thị và trung tâm mua sắm,

132 trung tâm thương mại. Dự báo đến năm 2020, mức độ “phủ sóng” của các kênh bán lẻ hiện đại này sẽ tăng lên mức 45% với 1.200 – 1.500 siêu thị, 180 trung tâm thương mại và 157 trung tâm mua sắm. Sự phát triển nhanh chóng của ngành bán lẻ cho thấy đây là sẽ là thị trường tiềm năng trong việc phân phối sản phẩm dệt may trong nước.

Hiện nay, Châu Á đã dần mất đi ưu thế về nhân công giá rẻ khi đời sống kinh tế được cải thiện và tình trạng những xưởng sản xuất bóc lột sức lao động đang ngày càng giảm bớt. Dẫu vậy, khu vực này vẫn là trung tâm của ngành dệt may khi các doanh nghiệp dần chuyển hướng sang sử dụng kỹ thuật công nghệ nhằm hạ chi phí trước xu thế giá nhân công ngày một leo thang. Yếu tố tự động hóa trong ngành dệt may trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến phát triển ngành dệt may, giày dép Việt Nam và Đồng Nai, khả năng các robot sẽ thay thế công nhân trong lĩnh vực này là rất lớn, nhu cầu lao động cho ngành dệt may, giày dép gần như không còn nhiều, dẫn đến dịch chuyển luồng đầu tư đến các nước phát triển thay vì các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Các công nghệ tiên tiến như công nghệ in ấn 3D cũng những kỹ thuật tiên tiến khá có thể giúp đáp ứng được nhu cầu của khách hàng với một tốc độ vượt xa so với sử dụng lao động thủ công. Do vậy nếu các doanh nghiệp không bắt kịp xu hướng, không cải tiến máy móc, áp dụng kỹ thuật công nghệ mới sẽ gặp khó khăn trong việc giảm giá thành để cạnh tranh với các nước khác. Mặt khác, với sự hội nhập diễn ra như hiện nay, các mặt hàng từ nước ngoài lưu thông vào Việt Nam trong có có các sản phẩm dệt may – giày dép với giá thành cạnh tranh và mẫu mã đẹp sẽ khiến cho các doanh nghiệp có thể đánh mất một phần thị trường nội địa nếu không thể giảm chi phí để cạnh tranh.

## **CHƯƠNG 4: DỰ BÁO NHU CẦU MỘT SỐ SẢN PHẨM CHỦ YẾU NGÀNH DỆT MAY – GIÀY DÉP**

### **I. Các phương pháp dự báo**

#### **1. Phương pháp ngoại suy**

Phương pháp ngoại suy là kéo dài quy luật đã hình thành trong quá khứ để làm dự báo cho tương lai. Giả thiết cơ bản của phương pháp này là sự bảo toàn nhịp điệu, quan hệ và những quy luật phát triển của đối tượng dự báo trong quá khứ cho tương lai. Thông tin cung cấp cho phương pháp ngoại suy là số liệu về động thái của đối tượng dự báo trong quá khứ qua một số năm nhất định, thông thường yêu cầu thời khoảng quá khứ có số liệu phải lớn hơn nhiều lần thời khoảng làm dự báo. Áp dụng vào đề án, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy OLS để ước lượng mối tương quan giữa các biến trong đề án nhằm dự đoán xu hướng phát triển của toàn ngành DMG giai đoạn 2016-2025 và tầm nhìn đến 2030. Sử dụng dự báo kết quả bằng phương pháp OLS (Ordinary Least Squares – bình phương bé nhất) mô hình tự hồi qui với độ trễ sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian từ năm 2005 đến năm 2015 về tình hình phát triển ngành DMG trên địa bàn tỉnh, điển hình gồm kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, kim ngạch nhập khẩu nguyên vật liệu, giá trị sản xuất và lực lượng lao động,... Cơ sở lựa chọn mô hình là dựa trên các nghiên cứu thực nghiệm trước đó của ADB và Worldbank về phát triển ngành DMG thế giới (Goel và Goel, 2014; Sheoran và Kumari, 2015). Dựa vào các mô hình dự báo ta được xu hướng phát triển của ngành DMG tỉnh Đồng Nai trong những năm tiếp theo. Từ đó đề ra giải pháp và xây dựng mô hình quy hoạch thích hợp.

#### **2. Phương pháp tạo phiếu điều tra khảo sát**

Phương pháp tạo phiếu điều tra khảo sát nhằm thực hiện khảo sát để thu thập thông tin về đối tượng nghiên cứu. Áp dụng vào đề án, chúng tôi thiết kế bảng khảo sát gồm những câu hỏi liên quan đến tình hình sản xuất dành cho các doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành DMG và khảo sát chọn mẫu 50 doanh nghiệp DMG trên đại bàn tỉnh. Phương pháp này được áp dụng có hiệu quả cho những đối tượng thiếu (hoặc chưa đủ) số liệu thống kê, phát triển có độ bất ổn lớn hoặc đối tượng của dự báo phức tạp không có số liệu nền. Kết quả của phương pháp dự báo này chủ yếu phục vụ cho việc đánh giá thực trạng hoạt động và đề ra phương hướng tạo động lực thúc đẩy sản xuất và thu hút vốn đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất thích hợp.

### **3. Phương pháp mô hình hoá**

Phương pháp mô hình hóa là kế thừa hai phương pháp nói trên. Cách thức tiếp cận của phương pháp này là dùng hệ thức toán học để mô tả mối liên hệ giữa đối tượng dự báo với các yếu tố có liên quan. Khó khăn của phương pháp này là phải viết được chính xác hệ thức toán học nói trên. Phương pháp này yêu cầu số liệu của nhiều yếu tố hữu quan trong quá khứ trong khi đó, phương pháp ngoại suy chỉ yêu cầu một loại số liệu. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có ưu điểm, đó là có thể giải thích được kết quả dự báo và có thể phân tích ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến kết quả dự báo.

### **4. Phương pháp dự báo dựa trên các kịch bản dự phóng**

Nhóm nghiên cứu từ kết quả các mô hình có được, sẽ tiến hành xây dựng ba kịch bản dự phóng kết quả dự báo. Bao gồm phương án thấp, trung bình và cao dự báo về sự phát triển của ngành DMG tỉnh Đồng Nai. Sau đó, xây dựng các kịch bản phát triển ngành tương ứng với các phương án dự báo. Các phương án này dựa trên các số liệu thực trạng, và dựa trên những dự báo tác động về phía cung và phía cầu của ngành DMG trong thời gian tới để đưa ra kịch bản phù hợp.

## **II. Dự báo nhu cầu một số sản phẩm Dệt may – Giày dép chủ yếu**

Ngành dệt may giày dép Việt Nam trong nhiều năm qua luôn là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Với sự phát triển của công nghệ kỹ thuật, đội ngũ lao động có tay nghề ngày càng chiếm tỷ lệ lớn và sự ưu đãi từ các chính sách nhà nước, ngành dệt may đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, vừa tạo ra giá trị hàng hóa xuất khẩu, vừa đảm bảo nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Hiện nay, ngành dệt may đang đẩy mạnh xuất khẩu trên cơ sở phát triển vững chắc thị trường nội địa. Thị trường nội địa với hàng triệu khách hàng tiềm năng đang là cơ hội lớn với các doanh nghiệp dệt may. Các sản phẩm may mặc nội địa ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng. Những năm gần đây, hàng dệt may tiêu thụ nội địa tăng trung bình 10-15%/năm. Riêng tiêu thụ nội địa hàng dệt may trong năm 2014 đã đạt 70 ngàn tỷ đồng.

Theo nghiên cứu xu hướng thị trường diễn ra trong thời gian gần đây, nhóm nghiên cứu đưa ra nhu cầu về một số DMG tại một số thị trường chủ yếu như sau:

Ngành quần áo thời trang: Năm 2014, quần áo thời trang nổi lên là một xu hướng lớn trong giới phụ nữ trẻ. Các mặt hàng thời trang phổ biến năm 2014 bao gồm áo ấm dài tay, váy thắt eo cao, tất... Xu hướng này phản ánh một phần xu hướng lâu đời vì quan điểm thời trang của người Nhật đã thay đổi kể từ trận động đất năm 2011 và phụ



nữ cảm thấy tiện lợi hơn khi thay thế các sản phẩm thời trang theo phong cách văn phòng bằng những bộ đồ thể thao.

Quần áo thể thao: Trên thị trường thời trang toàn cầu, có một xu hướng mới nổi gọi là “Athleisure”, dùng cho các sản phẩm dệt may và giày dép có thể được mặc với cả mục đích thể thao và hoạt động thông thường. Mức độ phổ biến của các sản phẩm thời trang này càng tăng lên khi phụ nữ tham gia nhiều hơn các môn thể thao. Ngày càng có nhiều phụ nữ cảm thấy thoải mái hơn khi đi dạo phố với các bộ đồ thể thao thời trang. Vì thế, nhu cầu của phụ nữ đối với quần áo thể thao thời trang được dự báo sẽ tăng lên ở nhiều thị trường trên khắp thế giới. Mặc dù thuật ngữ “athleisure” vẫn chưa được sử dụng phổ biến trên thị trường Nhật Bản, mức độ phổ biến của hàng thể thao thời trang cho thấy những tín hiệu lạc quan về tăng trưởng trong những năm tới. Các nhà sản xuất và các nhà bán lẻ nên nghiên cứu thêm các thương hiệu mới và các cửa hàng hướng đến nhu cầu này.

Quần áo trẻ em: Các nhãn hiệu thời trang mở rộng danh mục hàng dệt may cho trẻ em Các nhãn hiệu thời trang nói chung hướng tới việc cạnh tranh trong lĩnh vực hàng dệt may dành cho trẻ em mặc dù tỷ lệ sinh của Nhật giảm. Số lượng trẻ em trong độ tuổi từ 0 đến 14 tuổi tiếp tục giảm trong năm 2014, giảm 1% xuống còn 16,1 triệu. Mặc dù số lượng trẻ em giảm, đồ thời trang dành cho trẻ em vẫn tiếp tục tăng trong năm 2014 do tổng chi tiêu dành cho trẻ em tăng lên. Một động lực thúc đẩy tăng trưởng là số lượng phụ nữ đi làm và có thu nhập khả dụng tăng lên. Mức tuổi trung bình của các bà mẹ khi sinh con đầu tiên tăng lên 30,4 tuổi. Thêm vào đó, ngày càng nhiều phụ nữ lựa chọn tiếp tục đi làm sau khi sinh con. Những bà mẹ này có xu hướng nhạy cảm hơn với các xu hướng thời trang và sẵn sàng chi tiêu cho con cái của họ. Tình hình cạnh tranh giữa các nhãn hiệu thời trang nói chung và các thương hiệu chuyên về thời trang trẻ em sẽ ngày càng khốc liệt. Do số lượng các bà mẹ nhạy cảm với xu hướng thời trang ngày càng tăng, các nhãn hiệu thời trang nói chung sẽ có lợi khi cung cấp sản phẩm cho trẻ em cùng thương hiệu với các bà mẹ. Thêm vào đó, xu hướng sinh con muộn sẽ tiếp tục tăng và số lượng các bà mẹ với thu nhập khả dụng cao cũng sẽ tăng. Do đó, quần áo trẻ em cao cấp sẽ là một trong những mặt hàng có nhiều hứa hẹn. Để đáp ứng nhu cầu này, Isetan Shinjuku, một trong những trung tâm thương mại có uy tín nhất ở Nhật Bản, đã thông báo kế hoạch giới thiệu các khu dành riêng cho quần áo trẻ em từ 10 thương hiệu quốc tế như Kate Spade New York vào năm 2015.

Hiện nay thị trường giày dép thể giới được phân đoạn thành giày nam, giày nữ và giày trẻ em. Trong đó, giày nam là phân đoạn có thị phần lớn nhất (52%). Dự báo giày trẻ em có tốc độ tăng trưởng hàng năm là 3,7% do nhu cầu tiêu thụ về giày trẻ em thuận tiện và thời trang ngày càng tăng mạnh. Cho đến năm 2018, dự báo doanh số giày dép các loại ở thị trường Châu Á Thái Bình Dương đạt khoảng 88.000 triệu đôla Mỹ. Thị trường giày dép thể thao được dự báo sẽ có tốc độ tăng trưởng hàng năm giai đoạn 2011-2018 là 1,8% và đạt mức doanh thu 84,4 triệu đôla Mỹ vào năm 2018. Thị trường giày dép thể thao cho người không phải vận động viên cũng là phân đoạn thị trường lớn, có tốc độ tăng trưởng hàng năm dự kiến cao hơn so với thị trường giày dép thể thao. Châu Á Thái Bình Dương cũng là khu vực chiếm thị phần lớn trong tổng thị phần giày dép thể thao thế giới (42%) và dự báo có tốc độ tăng trưởng hàng năm giai đoạn 2011-2018 là 1,7%. Các yếu tố tác động lên phân đoạn thị trường này gồm nhận thức ngày càng cao về cuộc sống lành mạnh và năng động, nhu cầu sử dụng các loại giày dép tiện dụng, với các mẫu mã thiết kế sáng tạo và mang tính công nghệ, tốc độ tăng dân số và mức thu nhập khả năng cao.

Cụ thể ở một số thị trường giày dép như Canada, Giày dép có đế bằng cao su, nhựa, da hoặc hỗn hợp da được nhập khẩu nhiều nhất với kim ngạch nhập khẩu là 542,7 triệu đôla Mỹ, trong đó nhập từ Việt Nam chiếm 166.251 nghìn đôla Mỹ (năm 2010), nhập nhiều nhất từ Trung Quốc 1.358.768 nghìn đôla Mỹ. Một quốc gia khác được nhắc đến là UAE. UAE là một quốc gia có số dân khoảng 7.1 triệu người. Mặc dù dân số ở quốc gia này không lớn nhưng thị trường giày dép lại sôi nổi với các hoạt động sản xuất và xuất khẩu, vì thế có rất nhiều chủng loại, mẫu mã giày dép với mức giá khác nhau. Có 2 loại giày chính được nhập khẩu vào UAE là giày giá trung bình và giày giá rẻ. Giày giá trung bình nam, nữ và trẻ em được nhập khẩu từ nhiều nước. Giày phụ nữ có cả những kiểu dáng đơn giản và màu sắc được trang trí với hạt cườm và vàng. Phụ nữ Ả rập bản địa thường mua những đôi giày hợp mốt. Người Ả rập sẽ mua giày phù hợp với trang phục của họ. Phụ nữ ở đây không đi giày đế bằng hoặc đế thấp. Mặt khác, phụ nữ nước ngoài sống tại Ả rập và những người đến từ châu Âu, Nhật Bản, Ấn Độ, Philippin, Libăng và Xiry lại chuộng những kiểu dáng giày cổ điển hoặc giày thời trang châu Âu. Những kiểu dáng giày nam cổ điển cũng được khách nước ngoài và khách du lịch mua nhiều. Loại giày này được xuất khẩu sang các nước láng giềng. Giày đế mềm có thương hiệu cũng được ưa chuộng tại đây. Một điều đáng lưu ý là thị trường giày dép tại UAE chủ yếu là sản phẩm nhập khẩu do sản xuất ít. Chỉ có 7 công ty sản xuất

giày tại UAE. Tại Ấn Độ, giày dép phụ nữ dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng hàng năm kép nhanh nhất là 11% về doanh số bán lẻ trong giai đoạn 2014-2019, tiếp theo là giày dép trẻ em - 7% và giày dép nam giới - 3%. Sự gia tăng các mặt hàng giày dép phụ nữ có thương hiệu ở thị trường Ấn Độ trong giai đoạn 2014-2019 cùng với sự phát triển của hoạt động bán lẻ qua Internet dự kiến sẽ giúp đạt được mức tăng trưởng đó.

### **III. Dự báo về khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu**

Ngành dệt may- giày dép Việt Nam đã được khai sinh từ cách đây hơn 500 năm và có bề dày lịch sử khá phong phú. Tuy nhiên đến năm 1987, ngành dệt may giày dép Việt Nam mới thực sự trở thành ngành kinh tế kỹ thuật độc lập. Sau nhiều thập kỷ hình thành và phát triển, ngành DMG đã đạt sự tăng trưởng thường xuyên và đạt được nhiều thành công đáng ghi nhận. Đặc biệt trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đã bước vào hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, DMG trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển hàng tiêu dùng hướng ra xuất khẩu và có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế của Việt Nam. Trong đó giày dép là mặt hàng chủ lực của ngành DMG Việt Nam với những lợi thế cạnh tranh vượt trội so với các nước. Chính vì thế, vấn đề nâng cao khả năng cạnh tranh của mặt hàng giày dép Việt Nam trở lên hết sức cấp thiết trong quá trình hội nhập nền kinh tế. Nhờ có chỗ đứng/vị thế trên thị trường DMG quốc tế cũng như trong nước, ngành DMG đang có tình hình tiêu thụ và sản xuất rất khả quan, với tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu phần lớn ở mức 2 con số trong những năm gần đây. Cụ thể, tổng giá trị xuất khẩu DMG tăng bình quân 17,5%/năm trong giai đoạn 2010- 2015. Tại thị trường nội địa, doanh thu dệt may chỉ tính riêng Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex) đã tăng tốc mạnh trong năm 2015, đạt quy mô 26.327 tỷ đồng, tăng trưởng 19,5% - mức ấn tượng sau thời kỳ chỉ tăng trưởng 1 con số (năm 2014 tăng 5,8%, năm 2013 tăng 5,6%, năm 2012 tăng 8%). Đầu ra thuận lợi cũng đã giúp sản lượng lĩnh vực dệt tăng bình quân 18,6%/năm kể từ năm 2013; sản lượng trang phục tăng 9,4%/năm; sản lượng giày dép tăng 19,1%/năm. Nhập khẩu nguyên phụ liệu đầu vào năm 2015 đạt quy mô 18,3 tỷ đô la Mỹ, bằng 43,9% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may – da giày, tăng trưởng giai đoạn 2010 – 2015 trung bình đạt 13,6%/năm.

Các sản phẩm DMG chủ yếu của Việt Nam hiện nay có khả năng cạnh tranh cao với các nước lớn trên thế giới. Điều đó được chứng minh qua ví trị xuất khẩu DMG Việt Nam đang nắm giữ và thị phần xuất khẩu của Việt Nam trên thế giới. Mặt khác, người tiêu dùng trên thị trường này ngày càng khó tính, cho nên để sản xuất ra những sản phẩm làm hài lòng mọi khách hàng, ngành DMG Việt Nam cần đa dạng hóa phân

cấp các sản phẩm và đẩy mạnh áp dụng công nghệ để có thể sản xuất những sản phẩm hoàn mỹ nhất. Bên cạnh đó, một vấn đề đặt ra về phía cầu cho ngành DMG do tình hình khủng hoảng và suy thoái kinh tế diễn ra trên quy mô toàn cầu, người tiêu dùng ngày càng thắt chặt chi tiêu, cho nên các doanh nghiệp sản xuất ngành DMG cần tối ưu hóa chi phí sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm có giá cả hợp lý phù hợp với xu hướng người tiêu dùng.

#### **IV. Phân tích ma trận SWOT**

##### **Điểm mạnh**

Ngành Dệt may, giày dép Việt Nam không chỉ phát triển mạnh mẽ ở thị trường trong nước, mà còn xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản. Hơn thế nữa, còn chiếm tỷ trọng lớn trên tổng kim ngạch nhập khẩu dệt may và giày dép của các thị trường này, cụ thể Mỹ (dệt may và da giày đều có thị phần lớn thứ 2); EU (dệt may đứng 4, da giày đứng thứ 2), Nhật Bản.

Với nguồn lao động dồi dào, Việt Nam đang là quốc gia có tháp dân số vàng. Ngoài ra, lao động Việt Nam có chi phí thấp hơn một số quốc gia cạnh tranh là Trung Quốc (lương cơ bản năm 2013 khoảng 410 USD/tháng), Thái Lan (390 USD/tháng), Indonesia (210 USD/tháng), trong khi của Việt Nam là 180 USD/tháng. Tuy nhiên, lợi thế này đang dần mất đi do một số thị trường xuất khẩu mới nổi đang có mức chi phí thấp hơn so với Việt Nam, cụ thể cao hơn mức lương tối thiểu tại một số nước như Bangladesh (67 USD/tháng), Myanmar (82,96 USD/tháng), Mông Cổ (96,34 USD/tháng), Pakistan (93,5-112,2 USD/tháng), Campuchia (124,21 USD/tháng)...

##### **Điểm yếu**

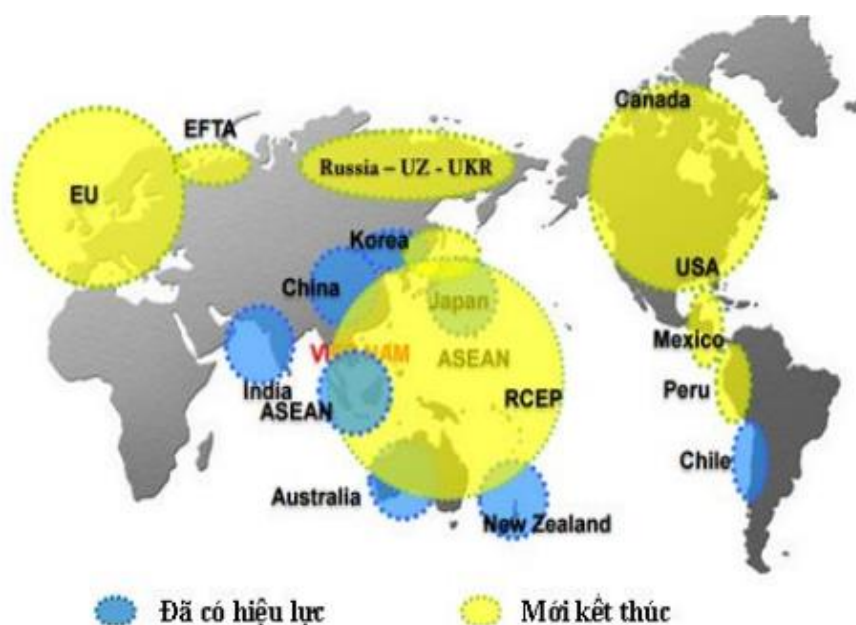
Các mắt xích sản xuất trong ngành DMG của nước ta vẫn còn yếu, phụ thuộc phần lớn vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu, khâu nhuộm hoàn tất còn kém phát triển do trình độ công nghệ thấp, thiếu hụt khâu thiết kế sản xuất sản phẩm, sản xuất hầu hết theo phương thức gia công (CMT), không chú trọng mảng tiếp thị, phân phối và bán hàng. Do đó, tỷ suất sinh lợi còn thấp.

Phần lớn quy mô các doanh nghiệp Dệt may Việt Nam vừa và nhỏ, thiếu hụt về nguồn lực tài chính, trình độ công nghệ thấp, năng lực quản lý doanh nghiệp còn kém, gặp khó khăn trong việc dịch chuyển nhanh sang các mắt xích có hàm lượng giá trị gia tăng cao.

##### **Cơ hội**

Trong năm 2015, Việt Nam đã ký kết và kết thúc đàm phán 4 hiệp định kinh tế quan trọng với các thị trường lớn, Trong đó, Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình

Dương (TPP) và FTA Việt Nam-EU được xem là những bước ngoặt phát triển nền kinh tế Việt Nam. Cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu dệt may – da giày từ các mức trên 10% về 0% của các thị trường tiêu thụ sẽ giúp giá sản phẩm của Việt Nam cạnh tranh hơn các nước khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia.... Đặc biệt Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản đang là những thị trường tiêu thụ sản lượng dệt may, giày dép lớn nhất của Việt Nam.

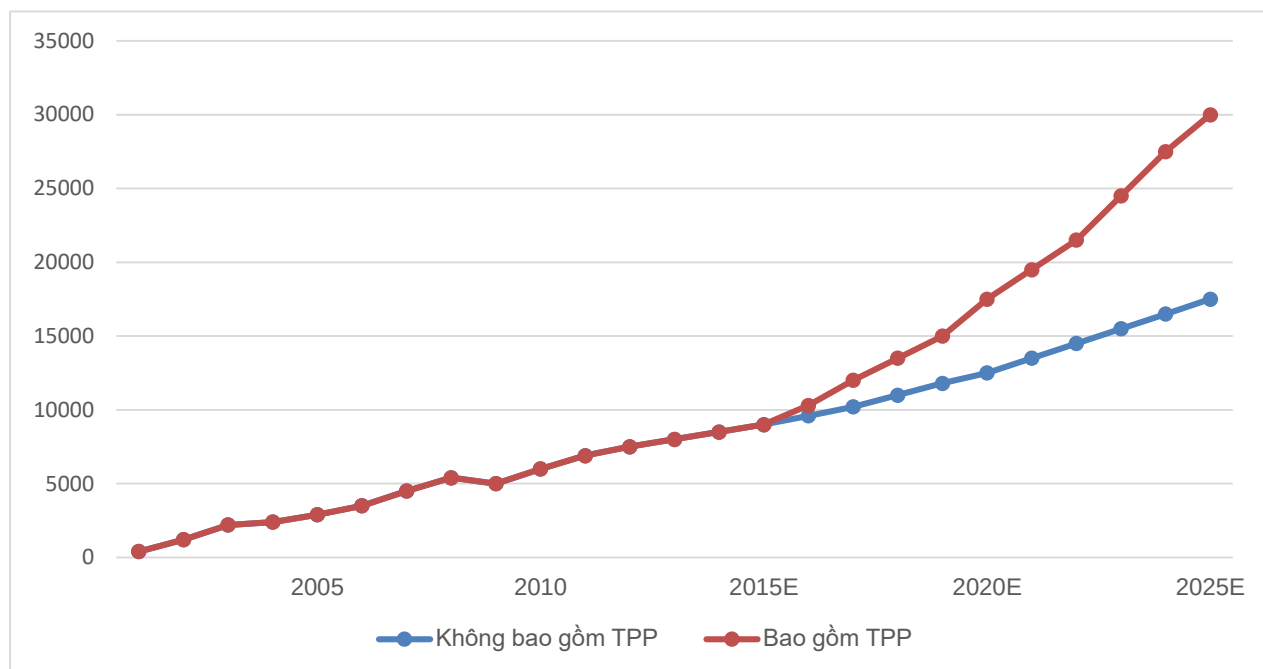


Hình 1: Các thị trường đã kí hoặc mới kí hiệp định thương mại với Việt Nam

Hàng năm, Việt Nam xuất khẩu khoảng 1.000 dòng sản phẩm dệt may vào Hoa Kỳ với thuế suất bình quân 17-18%. Hiệp định TPP được kỳ vọng sẽ cắt giảm mức thuế quan này dần về 0%. Theo dự báo của Hiệp hội dệt may Việt Nam (VITAS), với những thuận lợi trong điều khoản TPP, sẽ giúp tăng tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu trung bình lên đến 12-13% và có thể đạt 30 tỷ USD vào năm 2025, đẩy quy mô xuất khẩu toàn ngành năm 2025 đạt khoảng 55 tỷ USD. Bên cạnh đó, nếu TPP thúc đẩy tốt vào lĩnh vực đầu tư sản xuất phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ sản xuất nguyên vật liệu như dự kiến của VITAS, thì tỷ lệ nội địa hóa của ngành sẽ được tăng cao, kim ngạch xuất khẩu Việt Nam sẽ tăng trưởng nhanh chóng. Dự kiến đến năm 2015, tỷ lệ nội địa hóa ngành dệt may đạt 60%, tăng tiếp tục đến 70% năm 2020.

Tuy nhiên, để được hưởng thuế suất 0%, các doanh nghiệp dệt may phải đáp ứng yêu cầu “từ sợi trở đi”, có nghĩa các khâu từ kéo sợi, dệt - nhuộm - hoàn tất và may phải được thực hiện tại các nước thành viên TPP. Tuy nhiên, phần lớn nguồn nhập khẩu nguyên phụ liệu quốc tế của nước ta không thuộc các quốc gia trong TPP. Điều này mang đến thách thức cho các doanh nghiệp sản xuất phải tìm kiếm nguồn hàng khác,

đồng thời phải tăng cao chất lượng sản phẩm, trình độ lao động để phù hợp với những nguyên vật liệu sản xuất.



Nguồn: VITAS

*Biểu đồ 16: Dự đoán kim ngạch xuất khẩu sản phẩm dệt may sang Mỹ*

Khi FTA EU – Việt Nam chính thức có hiệu lực, mức thuế hiện tại mà EU áp dụng đối với mặt hàng may mặc Việt Nam sẽ giảm từ 11,6% xuống 0%. Theo đó, 5 mặt hàng may mặc xuất khẩu sang thị trường EU nhiều nhất sẽ được hưởng lợi là: com-lê nữ, nam; áo khoác nam, nữ và hàng dệt kim. Nhờ đó, giá trị xuất khẩu dệt may của Việt Nam vào EU tăng trưởng trung bình 6%/năm sau khi FTA chính thức có hiệu lực. Cũng theo kết quả mô phỏng của MUTRAP, cho thấy Việt Nam sẽ tăng đáng kể thu nhập quốc gia trong giai đoạn triển khai đến năm 2025. Kim ngạch xuất khẩu sang EU ước tính sẽ tăng đến 110% năm 2020 nếu như FTA EU- Việt Nam được thông qua.

### **Thách thức**

Việt Nam đang gặp khó khăn trong việc đáp ứng các quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” của hiệp định TPP, “từ vải trở đi” của FTA Việt Nam – EU. Trong khi đó, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu nguyên liệu từ các nước ngoài hiệp định là Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Ấn Độ...

Các doanh nghiệp DMG trong nước ngày càng gặp khó khăn trong việc cạnh tranh với các doanh nghiệp vốn FDI, về cả quy mô kinh tế, chất lượng sản phẩm và thiết kế sản phẩm. Bên cạnh đó, hầu hết sản phẩm DMG được xuất khẩu theo đơn đặt hàng, nên các doanh nghiệp Việt Nam sẽ dễ bị cạnh tranh hơn nữa.

Ngành DMG Việt Nam đang được định hướng phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, do đó, các doanh nghiệp cần phải đảm bảo tuân thủ chính sách phát triển, bảo vệ môi trường.

### **PHẦN III**

## **QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIÀY DÉP TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

### **CHƯƠNG 5: CÁC PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN**

#### **I. Luận chứng các phương án phát triển ngành**

Cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển ngành DMG của tỉnh căn cứ quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt về Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 6209/QĐ-BCT ngày 25 tháng 11 năm 2010, Bộ trưởng Bộ Công Thương về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Da - Giày Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Theo đó, với mục tiêu phát triển ngành DMG trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn của cả nước, tỉnh Đồng Nai dựa vào các tiềm lực của tỉnh và tận dụng cơ hội từ việc hội nhập kinh tế toàn cầu, cần xây dựng và lựa chọn một trong các phương án phát triển sau làm kịch bản để xây dựng mục tiêu cụ thể nhằm hoàn thành mục tiêu chung đã đặt ra của ngành Dệt may – giày dép Đồng Nai và góp phần hoàn thành mục tiêu của ngành Dệt may – giày dép cả nước.

Bên cạnh đó, hoạch định các phương án phát triển cũng căn cứ vào tình hình thực tiễn và dự báo ở các chương trước để xây dựng phương án phát triển cho phù hợp.

#### **II. Lựa chọn phương án phát triển**

##### Phương án 1: (Phương án phát triển tốt)

Các doanh nghiệp dệt may giày dép tỉnh Đồng Nai tập trung đầu tư cho các giai đoạn cho quá trình phát triển từ giai đoạn phát triển các nguồn nguyên phụ liệu như vải, da,... đến hình thành sản phẩm bán ra thị trường từ các doanh nghiệp trong nước nhằm hạn chế nhập siêu nguyên phụ liệu từ các doanh nghiệp nước ngoài cũng như tận dụng thời cơ nhận các hợp đồng lớn từ các nước trong hiệp định TPP hay các nước trong khối EU mang lại giá trị lớn cho ngành dệt may giày dép trong tỉnh tạo cơ hội việc làm cho nhiều người và phát triển kinh tế trong nước. Để có thể thực hiện cho quá trình phát triển các hợp đồng trong nước các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ trong tỉnh phải cùng nhau liên kết, mở rộng hình thành nên nhiều doanh nghiệp lớn để có thể tạo lòng tin cho các doanh nghiệp quốc tế khác tin tưởng kí các hợp đồng với doanh nghiệp dệt may giày dép trong tỉnh.

Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, từng bước thực hiện mục tiêu xanh hóa sản xuất. Ưu tiên thu hút dự án công nghiệp phục vụ



phát triển dệt may giày dép đặc biệt là các dự án thân thiện môi trường; dự án công nghiệp có tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm cao, góp phần gia tăng chuỗi giá trị sản phẩm và thúc đẩy phát triển nhiều doanh nghiệp ở tỉnh. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành dệt may giày dép và sản phẩm của ngành để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên, tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường.

Phát triển các khu công nghiệp dệt may giày dép theo mô hình phát triển xanh có hạ tầng đồng bộ và dịch vụ thuận tiện phục vụ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và điều kiện sinh hoạt của người lao động, tạo tiền đề phát triển đô thị hóa. Với các khu công nghiệp dệt may giày dép mới thành lập, tập trung kêu gọi đầu tư theo hướng chuyên ngành để tạo ra chuỗi các dự án có khả năng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Với các khu công nghiệp dệt may giày dép đang hoạt động, hỗ trợ di dời ra các huyện lân cận, xúc tiến kêu gọi đầu tư chiều sâu để nâng giá trị gia tăng các sản phẩm, cải thiện điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành các cụm công nghiệp dệt may giày dép đã được quy hoạch. Xây dựng các cụm công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đảm bảo điều kiện về môi trường và hạ tầng kết nối trong, ngoài. Ưu tiên, tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của doanh nghiệp nhỏ và vừa vào cụm công nghiệp.

Thu hút nguồn vốn từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước đổ vào các doanh nghiệp dệt may giày dép tỉnh Đồng Nai giúp cho quá trình phát triển ngành công nghiệp chủ lực này của tỉnh mang lại giá trị tăng đứng thứ hạng cao trong nước và vươn tầm ra thị trường thế giới mạnh mẽ hơn.

Nguồn nhân công được các doanh nghiệp đào tạo tay nghề có khả năng phát triển trong toàn bộ các giai đoạn của quá trình sản xuất có thể thực hiện tốt các công việc trong doanh nghiệp.

Đối với phương án này, ngành dệt may giày dép tỉnh Đồng Nai cần đạt được những mục tiêu sau:

*Bảng 35: Mục tiêu phát triển ngành dệt may- giày dép tỉnh Đồng Nai*

| Chỉ tiêu                     |               | 2016-2020      | 2021-2025    | 2026-2030    |
|------------------------------|---------------|----------------|--------------|--------------|
|                              | Ngành dệt may |                |              |              |
| Tăng trưởng giá trị sản xuất |               | 10% - 11% /năm | 7% - 8%/năm  | 5% - 7%/năm  |
| Tăng trưởng xuất khẩu        |               | 6% - 8% /năm   | 6% - 8% /năm | 5% - 7% /năm |

|                              |                |               |              |
|------------------------------|----------------|---------------|--------------|
| Tăng trưởng nội địa          | 10% - 12% /năm | 9%-10%/năm    | 8% - 9% /năm |
|                              | Ngành giấy dếp |               |              |
| Tăng trưởng giá trị sản xuất | 14% - 16% /năm | 10% - 12%/năm | 6% - 9%/năm  |
| Tăng trưởng xuất khẩu        | 7% - 8% /năm   | 6% - 7% /năm  | 5% - 7% /năm |
| Tăng trưởng nội địa          | 9% - 10% /năm  | 9% - 10% /năm | 8% - 9% /năm |

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan

### Phương án 2: (Phương án phát triển trung bình)

Các doanh nghiệp tiếp tục hoạt động như những gì mình vẫn làm và không đổi mới. Không tận dụng các cơ hội từ các hiệp định được kí kết và phát triển ở mức bình thường. Không tạo sự liên kết giữa các doanh nghiệp với nhau để thực hiện các dự án lớn chỉ tập trung phát triển các sản phẩm của doanh nghiệp mình, cũng như vấp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trong khu vực.

Không đầu tư vào các nguồn nguyên vật liệu và phát triển ngành CNHT mà chủ yếu nhập khẩu từ các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kong,....

Với phương án phát triển này, tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu duy trì ở mức hiện tại đạt được trong giai đoạn 2008-2015 hoặc có thể thấp hơn vì đi thụt lùi với xu hướng phát triển ngành.

### Phương án 3: (Phương án kém phát triển)

Không có nguồn đầu tư nên các doanh nghiệp Việt khó khăn trong việc mở rộng hay phát triển doanh nghiệp, lấy lợi nhuận lên hàng đầu phải chia cho các doanh nghiệp khác nên các doanh nghiệp không có khả năng phát triển.

Các doanh nghiệp duy trì kinh doanh ở quy mô nhỏ không có các phương án phát triển với quy mô lớn, chưa đầu tư và hướng đến các hợp đồng sản xuất với quy mô lớn.

Hiệp định TPP không được thông qua và các cơ hội mở ra cho ngành DMG Đồng Nai khi tham gia vào hiệp định này bị đóng lại.

### Kết luận:

*Để phát triển ngành dệt may giấy dếp theo chủ trương của tỉnh và xu hướng phát triển ngành của cả nước, chúng tôi đề xuất lựa chọn Phương án 1 (Phương án phát triển tốt) là phát triển với quy mô lớn gắn liền với tình hình phát triển của tỉnh và*

*thực trạng ngành dệt may giấy dếp trong tỉnh, để làm được điều này, cần có sự nỗ lực rất lớn không chỉ từ doanh nghiệp DMG trên địa bàn mà cần có sự hỗ trợ tích cực từ các cơ quan chức năng và nhà nước, bên cạnh đó cần có sự quy hoạch đồng bộ, khoa học và các giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp để đạt được phương án trên. Quy hoạch và giải pháp này được nhóm nghiên cứu trình bày ở chương giải tiếp theo của đề án nhằm đạt được kịch bản phát triển tốt của ngành.*

### **III. Lựa chọn các sản phẩm chủ lực**

#### **1. Ngành dệt may**

Dựa trên sản lượng và kim ngạch xuất khẩu, sản lượng và giá trị sản xuất, các ọi thể hiện tại của tỉnh về trình độ nhân công, máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu vật tư cung cấp cho từng sản phẩm cũng như dự báo nhu cầu thị trường trong thời gian tới, Nhóm nghiên cứu đề ra danh mục các sản phẩm chủ lực của ngành Dệt may như sau:

1/ Sản phẩm vải các loại

2/ Sản phẩm quần áo: áo Jacket, áo thun, quần, áo sơmi

#### **2. Ngành giấy dếp**

1/ Giày thể thao.

2/ Giày dếp trẻ em.

2/ Các mẫu giày, dếp thời trang dành cho nam và nữ

3/ Da tổng hợp: Dự báo đến năm 2030, sản lượng sản xuất sản phẩm da tổng hợp đạt 3,591,913 ngàn cái, tăng 17.79 lần so với năm 2015, có tốc độ tăng trưởng trung bình 21.15%/năm

4/ Da thuộc: Dự báo đến năm 2030, sản lượng sản xuất sản phẩm da thuộc đạt 1.086.830 ngàn mét, tăng 17,78 lần so với năm 2015, có tốc độ tăng trưởng trung bình 21,16%/năm.

5/ Sản phẩm valy: Với dự báo đến năm 2030, sản lượng sản xuất sản phẩm Valy dự báo đạt 4.457 ngàn sản phẩm, tăng 11,11 lần so với năm 2015, có tốc độ tăng trưởng trung bình là 17,52%/năm.

6/ Sản phẩm túi xách: Với dự báo đến năm 2030, sản lượng sản xuất sản phẩm túi xách đạt 111.900 ngàn cái, tăng 8,94 lần so với năm 2015, có tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 15,42%/năm..

Trong đó tập trung mặt hàng chủ lực là sản phẩm quần áo công sở, thời trang nam nữ và sản phẩm giày dếp da thuộc.



## **CHƯƠNG 6: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN**

### **I. Ngành công nghiệp Dệt may.**

#### **1. Quan điểm.**

Quan điểm phát triển ngành Dệt, may Việt Nam theo “Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến 2025, định hướng đến năm 2030” được phê duyệt tại quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bao gồm những nội dung chính sau đây:

Thứ nhất, phát triển ngành dệt may Việt Nam theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, nhằm tạo ra những bước nhảy vọt về chất và lượng của sản phẩm. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm, đồng thời đảm bảo nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu. Tạo điều kiện tiền đề giúp tăng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay, đặc biệt là sau khi Cộng đồng kinh tế AEC đã chính thức có hiệu lực, và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương đã được kí kết.

Thứ hai, lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành, nhưng vẫn đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu. Qua đó nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất trong ngành, cũng như đáp ứng được những quy tắc “từ sợi” trong TPP, giảm thiểu mức độ phụ thuộc Trung Quốc của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam

Thứ ba, thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường xuyên suốt quá trình phát triển, đồng thời gia tăng xu thế chuyển dịch lao động nông nghiệp, nông thôn. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp sợi, dệt, nhuộm theo các cụm và khu công nghiệp, để giúp cho việc xử lý và khắc phục các vấn đề ô nhiễm môi trường dễ dàng và hiệu quả hơn. Chuyển dịch các doanh nghiệp dệt may sử dụng nhiều lao động về các vùng nông thôn, đồng thời phát triển thị trường thời trang dệt may tại các đô thị và thành phố lớn.

Thứ tư, tăng cường phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho sự phát triển bền vững của ngành dệt may. Trong đó chú trọng đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề nhằm tạo ra đội ngũ doanh nhân giỏi, cán bộ, công nhân lành nghề, chuyên sâu, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng của các doanh nghiệp.

Thứ năm, đa dạng hóa sở hữu và loại hình doanh nghiệp trong ngành Dệt May, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư phát triển Dệt May Việt Nam.

Thứ 6, DMG sẽ phát triển theo hướng đáp ứng thị trường toàn cầu, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Bên cạnh đó đặt mục tiêu cho chuyển đổi nhanh từ phương thức sản xuất gia công sang tự sản xuất, kinh doanh theo lộ trình 10 năm tới. Tập trung hỗ trợ để phát triển mạnh CNHT cho 2 ngành này để giảm nhanh lệ thuộc nguồn NPL nhập khẩu, nâng cao giá trị gia tăng trên từng công đoạn.

Trong đó, chú trọng kêu gọi những nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào những lĩnh vực mà các nhà đầu tư trong nước còn yếu và thiếu kinh nghiệm. Thực hiện các hợp đồng liên kết kinh tế- kỹ thuật, nhằm học hỏi kinh nghiệm quản lý, sản xuất.

Trên cơ sở quan điểm phát triển ngành dệt may Việt Nam và hiện trạng phát triển ngành DMG Đồng Nai, “Quan điểm phát triển công nghiệp Dệt, may và giày dép trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2025, tầm nhìn đến năm 2030” như sau:

Thứ nhất, xác định ngành công nghiệp Dệt, may là một ngành đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội cho tỉnh , là một trong những ngành công nghiệp xuất khẩu chủ lực , giải quyết các vấn đề việc làm, tăng thu nhập và giải quyết các vấn đề xã hội cho khu vực.

Thứ hai, phát triển ngành công nghiệp dệt may theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, tạo bước nhảy vọt về chất và lượng sản phẩm, tăng nhanh tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu. Tập trung giải quyết và phát triển công nghệ, khoa học kỹ thuật, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư chiều sâu, cải tạo, đầu tư mở rộng và đầu tư mới. Đẩy mạnh việc chuyển từ hình thức gia công sang sản xuất, xuất khẩu trực tiếp nhằm gia tăng giá trị, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Thứ ba, ưu tiên phát triển ngành công nghiệp Dệt, đẩy mạnh đầu tư tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Định hướng phát triển hợp lý và triển khai các dự án đầu tư trong ngành. Phát triển thành những khu, cụm công nghiệp gắn liền với việc bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế-xã hội Đồng Nai bền vững.

Thứ tư, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành DMG thông qua việc đa dạng hóa sở hữu và phát triển kinh tế nhiều thành phần; đa dạng hóa quy mô và loại hình doanh nghiệp. Trong đó, cần chú trọng kêu gọi những nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào ngành công nghiệp phụ trợ , chế tạo nguyên phụ liệu và những lĩnh vực mà các nhà đầu tư trong nước còn yếu và thiếu kinh nghiệm.

## 2. Mục tiêu.

### 1.1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành dệt may Đồng Nai trở thành một trong những ngành kinh tế trọng điểm, sản lượng xuất khẩu hàng đầu, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của thị trường trong nước. Ngoài ra, tạo nhiều việc làm cho xã hội, giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập phát triển vững chắc trong tiến trình toàn cầu hóa hiện nay.

*Bảng 36: Chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng 2016 - 2030*

| Tốc độ tăng trưởng                       | Giai đoạn<br>2016-2020 | Giai đoạn<br>2021-2030 | Giai<br>đoạn<br>2026-<br>2030 |
|------------------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------------|
| - Tăng trưởng sản xuất hàng năm (%/năm)  | 11-14                  | 8-11                   | 6-8                           |
| - Tăng trưởng xuất khẩu hàng năm (%/năm) | 7-8                    | 7-8                    | 5-7                           |

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan

### 1.2. Mục tiêu cụ thể.

Dựa theo phương án phát triển tốt, Đối với quy hoạch ngành dệt may giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030, tỉnh Đồng Nai đặt ra những mục tiêu cụ thể cần hoàn thành sau đây:

Bảng 37: Mục tiêu phát triển ngành dệt may tỉnh Đồng Nai theo phương án phát triển tốt

| Chỉ tiêu                                | Tốc độ tăng trưởng |                   |                 |                 |
|-----------------------------------------|--------------------|-------------------|-----------------|-----------------|
|                                         | 2008-2015          | 2016-2020         | 2021-2025       | 2026-2030       |
| Tốc độ tăng trưởng GTSXCN ngành dệt may | 15 %/ năm          | 10% - 11%<br>/năm | 7% -<br>8%/năm  | 5% -<br>7%/năm  |
| Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu  | 8%/ năm            | 6% - 8%<br>/năm   | 6% - 8%<br>/năm | 5% - 7%<br>/năm |

|                             |                                     |                                    |                                   |                                    |
|-----------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|
| hàng công<br>nghiệp dệt may |                                     |                                    |                                   |                                    |
| Thu hút lao<br>động         | 128 nghìn (tăng bình quân 8%/ năm ) | 163 nghìn (tăng bình quân 5%/ năm) | 199 nghìn(tăng bình quân 4%/ năm) | 242 nghìn(tăng bình quân 4 %/ năm) |

### 3. Định hướng phát triển

#### 3.1. Định hướng về thị trường

Trên cơ sở định hướng trên và hiện trạng phát triển ngành dệt may tại Đồng Nai, “Định hướng phát triển công nghiệp dệt, may và giày dép trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2025, tầm nhìn đến năm 2030”, định hướng thị trường ngành Dệt may như sau:

##### a. Thị trường trong nước

Cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, sự tăng trưởng GDP, nhu cầu về các sản phẩm dệt may tại thị trường trong nước ngày càng tăng cả về số lượng cũng như chất lượng, đa dạng hóa về chủng loại sản phẩm. Hiện nay, sản phẩm may mặc nhập khẩu tại thị trường nội địa vẫn đang duy trì rất lớn, do đó mục tiêu phát triển ngành Dệt may tỉnh Đồng Nai là thay thế hàng nhập khẩu trong nước. Tuy nhiên, sản lượng sản xuất của ngành Dệt hiện nay còn tương đối thấp, chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất đối với các doanh nghiệp May trong nước dẫn đến tình trạng nhập khẩu sản phẩm nguyên vật liệu. Do đó, các doanh nghiệp Dệt cần đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao cả về sản lượng và chất lượng, cũng như đa dạng hóa mặt hàng, đáp ứng được thị hiếu và nhu cầu của mọi tầng lớp nhân dân, đồng thời giảm phụ thuộc nhập khẩu nguyên vật liệu vào các nước khác. Riêng ngành may, từng bước nâng cao thị phần sản phẩm may mặc trong nước, nhất là các sản phẩm may mặc, thời trang; đa dạng hoá sản phẩm.

##### b. Những thị trường xuất khẩu lớn

Định hướng phát triển ngành dệt may theo hướng xuất khẩu là một trong những tiêu chí ưu tiên hàng đầu. Theo quá trình toàn cầu hóa, Việt Nam hiện nay đang dần hội nhập với môi trường quốc tế thông qua các hiệp định kinh tế thương mại AFTA, TPP hay sự gia nhập tổ chức kinh tế thế giới WTO. Do đó, các doanh nghiệp Dệt may cần tập trung khai thác lợi thế này, đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường lớn và có tiềm năng. Ngoài ra, tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường nhập khẩu sản phẩm Dệt may Việt Nam lớn như: Thị trường Hoa Kỳ, Thị trường EU, Thị trường Nhật Bản...



*Thị trường Hoa Kỳ:* là thị trường nhập khẩu sản phẩm dệt may lớn nhất của Việt Nam, chiếm 48% trên tổng sản lượng kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành năm 2015, tốc độ gia tăng sản phẩm nhập khẩu đều từ 12-13%. Hiện nay, Việt Nam và Trung Quốc đang là những nhà xuất khẩu sản phẩm may mặc lớn vào thị trường Mỹ, trong đó Việt Nam chỉ chiếm khoảng 9%. Theo các dự báo, trong giai đoạn 2015-2025, sản lượng dệt may xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ sẽ tăng đột biến nhờ những điều kiện thuận lợi trong TPP- Hiệp định kinh tế xuyên Thái Bình Dương. Theo điều khoản trong hiệp định TPP, các sản phẩm Việt Nam khi xuất khẩu sang Mỹ với thuế xuất giảm dần xuống còn gần 0% khi đáp ứng được yêu cầu “xuất sứ từ sợi”. Nhờ vào khoản thuế xuất ưu đãi này, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường Hoa kỳ cao hơn so với các doanh nghiệp Trung Quốc.

*Thị trường EU:* là thị trường lớn thứ hai trong các thị trường xuất khẩu sản phẩm dệt may của Việt Nam. Trong những năm vừa qua, quy mô nhập khẩu mặt hàng dệt may Việt Nam của thị trường EU không ngừng tăng trưởng. Tuy nhiên mặt hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU chỉ mới chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng kim ngạch nhập khẩu của mặt hàng này trên thị trường. Bên cạnh đó, từ khi FTA Việt Nam - EU được ký kết, thuế suất nhập khẩu vào EU của Việt Nam giảm từ 12% hiện nay về 0% sẽ tạo ra sức cạnh tranh lớn cho hàng dệt may xuất khẩu vào thị trường này. Do đó, EU tiếp tục là thị trường xuất khẩu trọng điểm của ngành dệt may Việt Nam trong giai đoạn 2015-2030.

*Thị trường Nhật Bản:* Mặc dù chiếm tỷ trọng không cao trên tổng sản lượng nhập khẩu nhưng đây vẫn là thị trường chính xếp thứ ba của ngành dệt may Việt Nam. Nhật Bản là một trong những thị trường khó tính, đòi hỏi các sản phẩm chất lượng cao. Ngoài ra xu hướng thời trang tại Nhật Bản thường theo mùa, nên hầu hết các đơn đặt hàng từ Nhật Bản thường không mang giá trị cao. Do đó, nếu đáp ứng được những nhu cầu về kỹ thuật, chất lượng, tính độc đáo và khác biệt thì Nhật Bản là sẽ là thị trường tiềm năng cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Ngoài lợi thế được hưởng thuế suất ưu đãi từ FTA, chính sách giảm nhập khẩu từ Trung Quốc của Nhật Bản cũng là cơ hội giúp dệt may Việt Nam thâm nhập và mở rộng hơn vào thị trường này. Bên cạnh đó, sau khi hiệp định TPP được ký kết, nhiều doanh nghiệp Nhật Bản đã chủ động đầu tư vào các lĩnh vực dệt, nhuộm và hoàn tất. Vì vậy, trong thời gian sắp tới sản phẩm dệt may Việt Nam sẽ có những chuyển biến tích cực trong chất lượng sản phẩm, đáp ứng được nhu

cầu của doanh nghiệp trên thị trường. Từ đó, nâng cao giá trị xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Nhật Bản.

Thị trường quần áo trẻ em Hàn Quốc, là thị trường có tiềm năng, với mức độ tăng trưởng ổn định trong giai đoạn vừa qua, đây là thị trường mục tiêu nhắm đến của những thương hiệu thời trang lớn trên thế giới.

Thị trường áo sơ mi nam giới Canada: đàn ông ngày càng tiêu nhiều tiền hơn vào các mặt hàng đắt tiền như áo khoác truyền thống hay áo sơ mi, trong khi vẫn dành một phần thu nhập khả dụng của họ để nhìn bảnh bao hơn. Đây được xem là thị trường tiêu thụ tiềm năng cho các mặt hàng sơ mi thời trang của công ty như An Phước.

### c. Dự báo kim ngạch xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp dệt may luôn được xem là ngành công nghiệp xuất khẩu mũi nhọn của Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng. Tuy nhiên, ngành xuất khẩu dệt may vẫn còn nhiều hạn chế về biến động giá cả, mất giá đồng tiền nội tệ làm giá nguyên liệu tăng cao,...Theo báo cáo ngành dệt may năm 2015, những thị trường xuất khẩu chính như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc, chiếm hơn 85% sản phẩm dệt may xuất khẩu. Trong giai đoạn 2016-2020, các doanh nghiệp trong nước tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường trên.

*Bảng 38: Dự báo kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may và DMG năm 2020-2030*

*ĐVT: Triệu USD*

|      | Ngành Dệt may |
|------|---------------|
| 2016 | 1958          |
| 2017 | 2115          |
| 2018 | 2284          |
| 2019 | 2467          |
| 2020 | 2664          |
| 2021 | 2877          |
| 2022 | 3107          |
| 2023 | 3356          |
| 2024 | 3624          |

|      |      |
|------|------|
| 2025 | 3914 |
| 2026 | 4149 |
| 2027 | 4398 |
| 2028 | 4662 |
| 2029 | 4942 |
| 2030 | 5238 |

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan

Thị trường xuất khẩu: tiếp tục đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tiếp tục phát triển các thị trường xuất khẩu chính: thị trường Mỹ, EU... Dự báo kim ngạch xuất khẩu như sau:

*Bảng 39: Dự báo tốc độ gia tăng trung bình kim ngạch xuất khẩu ngành DM giai đoạn 2020 - 2030*

| Danh mục            | Tốc độ tăng trưởng (%) |            |
|---------------------|------------------------|------------|
|                     | 2016-2020              | 2021- 2030 |
| Công nghiệp dệt may | 7%-8%                  | 5%-8%      |

*Nguồn:* Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan

Đến năm 2020, kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may đạt 2.664 triệu USD, tỷ trọng xuất khẩu sẽ chiếm 41% trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm của ngành DMG. Dự báo tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp dệt may giai đoạn 2016-2020 đạt mức bình quân 10%/năm.

Đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu đạt 3.914 triệu USD, tỷ trọng xuất khẩu sẽ chiếm 41% trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm của ngành DMG. Dự báo tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp dệt may giai đoạn 2021-2025 đạt mức bình quân 7%/năm.

Đến năm 2030, kim ngạch xuất khẩu đạt 5.238 triệu USD, tỷ trọng xuất khẩu sẽ chiếm 41% trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm của ngành DMG. Dự báo tốc độ

tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp dệt may giai đoạn 2026 – 2030 đạt mức bình quân 6%/năm.

### 3.2. Định hướng về sản phẩm.

#### a. Dự báo sản lượng sản xuất sản phẩm

*Bảng 40: Dự báo sản lượng sản xuất sản phẩm Dệt May năm 2020-2030*

|      | Bông xơ<br>(Tấn) | Xơ, sợi các<br>loại<br>(Tấn) | Vải các loại<br>(1000 mét) | Trang phục<br>may sẵn<br>(1000 SP) |
|------|------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------------------|
| 2020 | 598              | 1.361                        | 363                        | 360.027                            |
| 2021 | 646              | 1.384                        | 378                        | 376.908                            |
| 2022 | 695              | 1.403                        | 394                        | 393.759                            |
| 2023 | 746              | 1.420                        | 409                        | 410.579                            |
| 2024 | 797              | 1.434                        | 424                        | 427.369                            |
| 2025 | 850              | 1.446                        | 439                        | 444.129                            |
| 2026 | 903              | 1.455                        | 454                        | 460.858                            |
| 2027 | 958              | 1.464                        | 469                        | 477.558                            |
| 2028 | 1.014            | 1.471                        | 484                        | 494.227                            |
| 2029 | 1.070            | 1.477                        | 499                        | 510.867                            |
| 2030 | 1.128            | 1.482                        | 514                        | 527.476                            |

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan

Tính đến năm 2030, tổng sản lượng bông xơ cần sử dụng là 1.128 tấn, tăng gấp 3,04 lần so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng trung bình 7,71%/năm; tổng sản lượng sản phẩm xơ, sợi các loại là 1.482 tấn, tăng 317 tấn so với năm 2015, có tốc độ tăng trưởng trung bình là 1,62%; tổng sản lượng sản xuất vải ngành dệt may tỉnh Đồng Nai đạt 514 ngàn mét vải, tăng 228 ngàn mét so với năm 2015, có tốc độ tăng trưởng trung bình là 3,99%; sản lượng sản xuất sản phẩm quần áo đạt 527.475 ngàn sản phẩm, tăng 1.91 lần so với năm 2015, có tốc độ tăng trưởng hàng năm 4.43%/năm.

#### b. Định hướng phát triển sản phẩm

Tiếp tục chuyển dịch hình thức sản xuất từ phương thức gia công thành hình thức chủ động hoàn toàn ở các khâu, từ sản xuất nguyên phụ liệu, thiết kế sản phẩm, mẫu mã... đến thành phẩm cuối cùng, không còn phụ thuộc nhiều vào các nguyên liệu nhập khẩu nước ngoài. Đẩy mạnh sản xuất sản phẩm theo chiều sâu, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm Việt trên thị trường quốc tế, tăng tỷ trọng các mặt hàng sản phẩm chất lượng cao.

- Giai đoạn 2016 – 2020: Tập trung vào các sản phẩm như quần, áo Jacket, quần áo thể thao, quần áo trẻ em, sợi tổng hợp, sợi polyester, khăn bông các loại. Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, tăng tỷ trọng các sản phẩm chất lượng cao; từng bước hình thành và phát triển ngành công nghiệp thời trang. Phát triển mạnh sản phẩm xuất công nghiệp phụ trợ.

- Giai đoạn 2021 – 2030: Duy trì một số dòng sản phẩm ở giai đoạn trước đồng thời mở rộng một số sản phẩm mới, đặc biệt chú trọng sản phẩm quần áo thể thao; các loại vải cao cấp, quần áo thời trang. Quan tâm đến thời trang mang thương hiệu Việt.

Tập trung thu hút các dự án đầu tư nguồn vốn nước ngoài vào các ngành yếu kém, tốc độ phát triển chậm, năng lực sản xuất thấp, cũng như công nghệ máy móc, thiết bị trong ngành lạc hậu. Bên cạnh đó, đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt may, trong đó phối hợp với các ngành cơ khí chế tạo, tự động hóa, công nghệ tin học... để nắm thể chủ động trong việc nghiên cứu cải tiến công nghệ, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành cũng như cải tiến chất lượng, thay đổi mẫu mã sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của các thị trường nhập khẩu khó tính.

Giai đoạn 2016-2020: Dự báo đến năm 2020, sản phẩm dệt may gia công (CMT) chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 70-80%, thành phẩm sản xuất từ khâu sản xuất nguyên liệu đến khâu thành phẩm (FOB) chiếm 20-30%, sản phẩm từ khâu thiết kế đến sản xuất thành phẩm (ODM) và phương thức sản xuất OBM chiếm 0-5% trên tổng sản lượng sản xuất ngành. Dự báo ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp sản xuất nguyên vật liệu đáp ứng 65% nhu cầu sản xuất của ngành công nghiệp may. Sản xuất sản phẩm chất lượng cao chiếm 2% trên tổng sản lượng sản xuất của toàn ngành.

Giai đoạn 2021-2025: Dự báo đến năm 2020, sản phẩm dệt may gia công (CMT), thành phẩm sản xuất từ khâu sản xuất nguyên liệu đến khâu thành phẩm (FOB), sản phẩm từ khâu thiết kế đến sản xuất thành phẩm (ODM) cộng với phương thức sản xuất OBM chiếm tỷ trọng trên tổng sản lượng sản xuất của ngành lần lượt là 65-70%, 25-30% và 0-10% . Dự báo ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp sản xuất nguyên vật liệu đáp ứng 70% nhu cầu sản xuất của ngành công nghiệp may.

Giai đoạn 2026-2030: Dự báo đến năm 2020, sản phẩm dệt may gia công (CMT), thành phẩm sản xuất từ khâu sản xuất nguyên liệu đến khâu thành phẩm (OBM), sản phẩm từ khâu thiết kế đến sản xuất thành phẩm (ODM) cộng với phương thức sản xuất OBM chiếm tỷ trọng trên tổng sản lượng sản xuất của ngành lần lượt là 50-60%, 20-30% và 10-20%. Dự báo ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp sản xuất nguyên vật liệu đáp ứng 75% nhu cầu sản xuất của ngành công nghiệp may.

### 3.3. Định hướng phát triển nguồn nhân lực.

Trong giai đoạn 2016-2030, ngoài việc tuyển dụng, củng cố nguồn nhân lực lao động, cần định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ, có khả năng tiếp cận với công nghệ, dây chuyền máy móc hiện đại, đẩy mạnh mở các trường trung cấp, cao đẳng, liên kết với nước ngoài để đào tạo nguồn nhân lực cho ngành trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành có chuyên môn và có chất lượng.

*Bảng 41: Dự báo nhu cầu về lao động cho phát triển sản ngành công nghiệp DMG với tốc độ tăng trưởng bình quân 4%/năm*

|                           |                        |           | Đơn vị tính: Nghìn Người |
|---------------------------|------------------------|-----------|--------------------------|
| Khu vực kinh tế\Ngành\Năm | Toàn ngành công nghiệp | Ngành DMG | Ngành giày dép           |
| 2016                      | 692                    | 354       | 212                      |
| 2017                      | 720                    | 368       | 221                      |
| 2018                      | 749                    | 383       | 230                      |
| 2019                      | 778                    | 399       | 239                      |
| 2020                      | 810                    | 415       | 248                      |
| 2021                      | 842                    | 431       | 258                      |
| 2022                      | 876                    | 448       | 269                      |
| 2023                      | 911                    | 466       | 279                      |

|      |      |     |     |
|------|------|-----|-----|
| 2024 | 947  | 485 | 290 |
| 2025 | 985  | 504 | 302 |
| 2026 | 1024 | 524 | 314 |
| 2027 | 1065 | 545 | 327 |
| 2028 | 1108 | 567 | 340 |
| 2029 | 1152 | 590 | 353 |
| 2030 | 1198 | 614 | 368 |

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan

### *3.4. Định hướng về khoa học và công nghệ.*

Cần xác định quy mô đầu tư, các dự án đầu tư cần phải có trình độ công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện nước ta trong vòng 5-7 năm tới, đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật theo quy định, thân thiện với môi trường. Ưu tiên quan tâm ứng dụng công nghệ tự động hoá, giảm sử dụng nhều lao động và áp dụng các phần mềm thiết kế mẫu. Đẩy nhanh việc ứng dụng khoa học quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, thực hiện tốt các yêu cầu đối với người lao động theo tiêu chuẩn SA 8000..., cụ thể:

Đối với ngành dệt

- Về đầu tư thiết bị ngành dệt trong giai đoạn sắp tới cần có sự hợp lí dựa trên cơ sở sản xuất sản phẩm và thị trường tiêu thụ thành phẩm. Đối với các doanh nghiệp lớn, hướng đến thị trường xuất khẩu, cần thiết sao cho thành phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu của các doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sản xuất thị trường nội địa, có thể tập trung đầu tư một số các thiết bị có trình độ công nghệ trung bình, tiên tiến , nhằm giúp hạ thấp giá thành sản phẩm, phục vụ tối ưu thị trường trong nước.

- Tập trung đầu tư phát triển các khâu nhuộm hoàn tất, in hoa nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mẫu mã. Loại bỏ các thiết bị cũ, công nghệ lỗi thời của các doanh nghiệp, cải thiện việc gây ô nhiễm môi trường tại các thành phố lớn. Đầu

tư vào các thiết bị dệt may cao cấp với năng suất lao động cao, đồng thời chất lượng sản phẩm tốt tạo tiền đề phát triển ngành xuất khẩu sản phẩm dệt may.

Đối với ngành may

- Đẩy mạnh phát triển thiết bị, công nghệ theo hướng tự động hóa từ khâu chuẩn bị đến khâu sản xuất: đầu tư các thiết bị trải và cắt vải tự động. Đặc biệt chú trọng đến việc đầu tư phát triển vào lĩnh vực thiết kế thời trang, đa dạng mẫu mã nhằm đáp ứng thị hiếu ngày càng tăng của người tiêu dùng trong nước và ngoài nước.

- Khâu cắt ráp sản phẩm: bên cạnh thay đổi dần một số thiết bị đã cũ bằng máy mới, song song với máy may một, hai kim đứng và ngồi. Đặc biệt đầu tư vào một số thiết bị chuyên dùng như cắt chỉ, lại mũi tự động,... thiết bị chuyên môn hóa vào dây chuyền sản xuất cho từng loại sản phẩm để tăng năng suất lao động và đa dạng hóa sản phẩm..

- Khâu hoàn thiện sản phẩm: Đầu tư một số thiết bị chuyên dùng cao ở khâu ủi, mài sản phẩm,... các thiết bị định hình sản phẩm, đính cúc tự động.

### 3.5. Định hướng sản xuất nguyên phụ liệu (CNHT).

Định hướng các ngành công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may có thể được xem xét qua một số ngành như sau:

Phát triển ngành công nghiệp cơ khí: Gồm các chi tiết thiết bị, phụ tùng cơ khí thay thế trong quá trình vận hành bảo dưỡng, sản phẩm cơ khí sử dụng phụ trợ cho công nghiệp dệt may, như: Các chi tiết thiết bị, phụ tùng cơ khí thay thế trong quá trình vận hành bảo dưỡng gồm: bánh răng, trục truyền động, các chi tiết dẫn sợi, suốt sắt kéo dài, các loại gá lắp, suốt chỉ, kéo cắt vải, kéo cắt chỉ... Tuy nhiên, hiện nay nhu cầu cho thay thế các sản phẩm này rất lớn nhưng chủ yếu vẫn nhập khẩu là chính. Ngoài ra cũng có một số doanh nghiệp trong nước sản xuất (hoặc tự doanh nghiệp thực hiện) những chi tiết đơn giản như khung, gá lắp, kéo cắt chỉ, lược dệt

Phát triển ngành công nghiệp nhựa: Các sản phẩm nhựa phụ trợ cho ngành dệt may bao gồm: Ống nhựa cho ngành dệt, sợi tổng hợp, móc áo cho ngành may, các loại ghim cài, kẹp nhựa... Ở Đồng Nai các sản phẩm phụ trợ này chủ yếu là sợi tổng hợp.

Phát triển ngành công nghiệp hóa chất: Các sản phẩm phụ trợ chủ yếu cho ngành dệt, gồm: Các loại thuốc nhuộm; chất trợ, hóa chất cơ bản, chế phẩm sinh học... chủ yếu nhập khẩu là chính.



Phát triển ngành công nghiệp phụ liệu: Các sản phẩm phụ trợ chủ yếu cho ngành may: Chỉ các loại (may, thêu,...); nhãn mác, logo; khóa kéo các loại; nút áo các loại... Nhìn chung đã có sản xuất tại Đồng Nai như nhãn, khoá kéo, nút áo, lót áo, chỉ may... và các loại bao gói.

### 3.6. Định hướng về không gian (địa bàn đầu tư).

Việc bố trí các dự án ngành dệt may được thực hiện theo định hướng thu hút đầu tư tại của UBND tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025, các dự án dệt may được quy hoạch vào từng vùng theo các giai đoạn như sau:

Bảng 42: Định hướng không gian quy hoạch từng vùng ngành Dệt may

| Vùng quy hoạch                                                                                           | Định hướng phát triển ngành Dệt may theo vùng lãnh thổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Dự kiến Quy hoạch sử dụng đất trong các khu cụm công nghiệp (ha) | Dự kiến Quy hoạch sử dụng đất ngoài các khu cụm công nghiệp (ha) |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| <b>Vùng I:</b> gồm các địa bàn thành phố Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch, huyện Long Thành, huyện Trảng Bom.  | Đầu tư chiều sâu các cơ sở sản xuất hiện có; Hạn chế thu hút các dự án sử dụng nhiều lao động; Thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, tự động hóa, ít sử dụng lao động, ít tác động môi trường; Đối với các dự án Dệt may quy mô nhỏ và siêu nhỏ theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP, ít gây ô nhiễm môi trường, xem xét bố trí ngoài các khu cụm công nghiệp theo từng dự án cụ thể | 100                                                              | 20                                                               |
| <b>Vùng II:</b> gồm thị xã Long Khánh và 06 huyện còn lại: Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Cửu, Thống | Khuyến khích đầu tư phát triển ngành công nghiệp dệt may về địa bàn các huyện thuộc Vùng II (gồm các huyện Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Cửu, Tân Phú và Định Quán),                                                                                                                                                                                                      | 260                                                              | 30                                                               |

|                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |    |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
| Nhất, Tân<br>Phú, Định<br>Quán, Xuân<br>Lộc, Cẩm<br>Mỹ | nhằm đảm bảo nguồn lao động phục vụ ngành, khai thác tiềm năng và góp phần phát triển kinh tế địa phương;<br><br>Đối với các dự án Dệt may quy mô nhỏ và siêu nhỏ theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP, ít gây ô nhiễm môi trường, xem xét bố trí ngoài các khu cụm công nghiệp theo từng dự án cụ thể. |     |    |
| Tổng cộng:                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 360 | 50 |

Các dự án dệt may, da giày được bố trí không gian theo hướng gần các trục giao thông để thuận tiện vận chuyển hàng hóa và gần khu vực nông thôn để thu hút lực lượng lao động. Theo đó, phân bố không gian của ngành dệt may, da giày theo hướng như sau:

- Ngành kéo sợi: Đặt tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực có hạ tầng kỹ thuật tốt để đảm bảo vấn đề môi trường, thuận tiện giao thông.

- Ngành dệt: đầu tư một số dự án dệt quy mô lớn tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được quy hoạch cho ngành dệt may và nơi gần nguồn nhân lực từ các khu vực nông thôn.

- Ngành thêu: Phát triển tại một số làng nghề truyền thống. Trong thời gian tới, việc phát triển các làng nghề thêu cần được ưu tiên nhằm phát huy những lợi thế tiềm năng của địa phương.

- Ngành tẩy, nhuộm hoàn tất: Bố trí tập trung đảm bảo các yêu cầu về môi trường và sử dụng chung cơ sở hạ tầng dịch vụ, thuận lợi về điện, nước (khu công nghiệp).

- Ngành may: Ưu tiên vào các vùng có nhiều nguồn nhân lực, cụ thể là các vùng nông thôn; bố trí về các cụm công nghiệp tại các huyện, xã thuần nông.

- Ngành da giày: Bố trí chủ yếu ở các khu, cụm công nghiệp khu vực nông thôn nơi gần nguồn lao động. Khu vực thành phố Biên Hòa sẽ tập trung làm dịch vụ, cung cấp nguyên phụ liệu, công nghệ mẫu mốt và hướng tới hình thành trung tâm xúc tiến thương mại và phát triển thời trang giày dép, đồ da.

Giai đoạn 2016-2020

- Thu hút các dự án đầu tư vào ngành công nghiệp dệt may, công nghiệp phụ trợ ngành dệt may vào địa bàn các huyện Cẩm Mỹ, Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú và Thống Nhất.

- Đối với các địa bàn trung tâm đô thị, tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp như thành phố Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, thị xã Long Khánh chỉ ưu tiên khuyến khích đầu tư mở rộng các dự án hiện hữu trong điều kiện mặt bằng sản xuất cho phép. Khuyến khích đầu tư vào phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất thay vì đầu tư theo chiều rộng.

#### Giai đoạn 2021-2030

- Đẩy mạnh việc thu hút các dự án đầu tư hơn vào ngành công nghiệp dệt may, công nghiệp phụ trợ ngành giấy dép vào địa bàn các huyện Cẩm Mỹ, Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú và Thống Nhất. Tiếp tục đẩy nhanh việc quy hoạch các cụm công nghiệp ở các địa phương này để thu hút các dự án ngành dệt may.

- Đối với các địa bàn trung tâm đô thị, tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp như thành phố Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, thị xã Long Khánh hạn chế cấp phép đầu tư cho các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đẩy mạnh đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, tạo ra các sản phẩm đạt chất lượng, tiêu chuẩn.

#### **4. Luận chứng lựa chọn các chương trình, dự án đầu tư chủ yếu; Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

Dựa vào thực trạng hiện nay và các dự báo được chạy từ mô hình, chúng tôi đưa ra một số dự án nhằm thu hút vốn đầu tư cho ngành công nghiệp DMG như sau:

- Các dự án về sản xuất sản phẩm: các sản phẩm đồ da như balo, túi xách, vali; các sản phẩm dệt may như quần áo thời trang nam nữ, quần áo trẻ em; các sản phẩm giày dép như giày thể thao, giày dép đế cao su,... là một trong số những sản phẩm thiết yếu của thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Ngoài ra, nguồn cung về da trong nước khá lớn và ngày càng được chú trọng đầu tư phát triển.

- Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hoàn thiện cuối cùng phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Hiện nay các doanh nghiệp đã bắt đầu quan tâm đến thương hiệu và bao bì mẫu mã cho sản phẩm, vì vậy việc xây dựng đầu tư vào sản xuất bao bì, nhãn mác, phụ kiện trang trí đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các thương hiệu nổi tiếng đang hoạt động trên cả nước và địa bàn tỉnh nói riêng.

- Các dự án về sản xuất các sản phẩm phụ trợ cho ngành: Dựa vào tình hình thực tế và kết quả được chạy từ mô hình, khi Việt Nam là thành viên của rất nhiều tổ chức trên thế giới, đặt biệt gần đây nhất là hiệp định TPP như một lời khẳng định lại, chúng ta cần chú trọng đầu tư vào ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành để giảm thiểu tối đa chi phí cho ngành, nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Các dự án xây dựng chuỗi cung ứng nguyên liệu: Hiệp định TPP được ký kết, như một lần nữa nhắc nhở chúng ta đầu tư hơn nữa vào xây dựng chuỗi cung ứng nguyên liệu cho ngành. Trước đó là hiệp định FTA, đến nay là TPP, với những ưu đãi về thuế quan kèm theo điều kiện xuất xứ của sản phẩm xuất khẩu, đây là một điểm yếu chúng ta cần khắc phục để tăng cao giá trị xuất khẩu của ngành DMG. Đứng trước tình thế đó, đây là dự án rất có tiềm năng khi các nguồn cung ứng nguyên liệu cho các doanh nghiệp tại Việt Nam và Đồng Nai nói riêng hiện nay đều là từ nước ngoài.

- Một số dự án sản xuất nguyên phụ liệu như vải giả da, chế biến nguyên liệu da, đế cao su, nhựa phụ trợ...đang được xem trọng vì nhu cầu ngày càng tăng cao, cạnh tranh ngày càng gay gắt mà các nguyên phụ liệu này chúng ta đều nhập từ nước ngoài, khiến cho chi phí tăng cao, giá thành cao mà chất lượng đôi khi lại không phù hợp với giá cả. Mặt khác, với hiệp định TPP, thị trường nguyên phụ liệu của ngành sẽ bị hạn chế do những định về nguồn gốc được nêu ra trong hiệp định, do đó cần hơn nữa sự chủ động trong nguyên phụ liệu sẽ giúp ngành đạt được hiệu quả hơn trong sản xuất.

Chú trọng đầu tư vào các doanh nghiệp sản xuất hiện tại theo hướng chuyên sâu, áp dụng công nghệ cao, sản xuất các sản phẩm chất lượng cao phục vụ nhu cầu nội địa và xuất khẩu. Bên cạnh đó, ưu tiên quy hoạch, xây dựng các cụm công nghiệp dệt may mới mở rộng quy mô sản xuất, gia tăng sản lượng nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng của ngành. Khuyến khích các dự án từ đầu tư trong và ngoài nước hỗ trợ hoàn thành xây dựng các CCN dệt may mới giúp nhanh chóng đưa các công trình vào hoạt động.

- Xem phân bổ các dự án tại phụ lục Bản vẽ bản đồ.

## **II. Ngành công nghiệp Giấy dếp.**

### **1. Quan điểm.**

Quan điểm phát triển ngành công nghiệp giấy - dếp tỉnh Đồng Nai được xây dựng dựa vào Quyết định số 6209/QĐ-BCT ngày 25 tháng 11 năm 2010, phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Da - Giấy Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, ngành Da - Giấy Đồng Nai như sau:

- Phát triển ngành Giày – dép Đồng Nai phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Nai.
- Huy động các thành phần kinh tế, các nguồn lực trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài để xây dựng và phát triển ngành Giày – dép Đồng Nai theo hướng phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, tăng việc làm, tăng thu nhập đi đôi với cải thiện đời sống người lao động.
- Phát triển mạnh sản xuất nguyên phụ liệu và công nghiệp hỗ trợ ngành Da - Giày nhằm giảm nhập siêu nguyên vật liệu, nâng cao giá trị gia tăng, tham gia sâu vào chuỗi giá trị gia tăng của thị trường sản phẩm cả nước;
- Phát triển ngành Giày – dép Đồng Nai nhanh, ổn định và bền vững theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hoá, ứng dụng công nghệ mới hiện đại với thiết bị tiên tiến, thân thiện với môi trường nhằm tạo ra năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao, ổn định và từng bước chuyển đổi phương thức sản xuất từ gia công sang tự sản xuất, kinh doanh;
- Nâng cao năng lực tự thiết kế mẫu mã và phát triển sản phẩm mới, ưu tiên ứng dụng công nghệ tự động hoá trong thực hiện công nghệ và tổ chức quản lý sản xuất. Điểm mới của Quy hoạch giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 so với giai đoạn trước (2008-2015) là việc quan tâm đến việc nâng cao khả năng thiết kế mẫu mã sản phẩm và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực giày dép nói chung và thời trang nói riêng.
- Với quy hoạch theo vùng lãnh thổ, bố trí sản xuất và đầu tư của ngành giày dép trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được xác định quy hoạch các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất giày da thành các cụm công nghiệp ở các huyện có mức độ tập trung khu công nghiệp thấp nhất trong các huyện tại địa bàn.

## **2. Mục tiêu.**

### **2.1. Mục tiêu chung.**

Xây dựng ngành giày dép tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 thành một ngành công nghiệp xuất khẩu mũi nhọn quan trọng của tỉnh. Tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội trên cơ sở thu nhập của người lao động ngày càng được nâng cao, thực hiện trách nhiệm xã hội ngày càng tốt, số lượng lao động được qua đào tạo ngày càng tăng.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể.**

Đối với quy hoạch ngành giấy dép tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến 2030, dựa vào yêu cầu cần hoàn thành của ngành dệt may – giấy dép tỉnh Đồng Nai đặt ra và dự báo các yếu tố tác động đến tình hình hoạt động của ngành và phương án phát triển đã nêu trên, để đạt được mục tiêu chung của ngành giấy – dép, cần đáp ứng những mục tiêu cụ thể sau đây:

*Bảng 43: Mục tiêu phát triển ngành giấy dép tỉnh Đồng Nai*

| Chỉ tiêu                                                         | Tốc độ tăng trưởng           |                             |                             |                              |
|------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                                  | 2008-2015                    | 2016-2020                   | 2021-2025                   | 2026-2030                    |
| Tốc độ tăng trưởng GTSXCN ngành giấy dép                         | 22%/ năm                     | 14% - 16% /năm              | 10% - 12%/năm               | 6% - 9%/năm                  |
| Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp giấy dép | 10%/ năm                     | 7% - 8% /năm                | 6% - 7% /năm                | 5% -7% /năm                  |
| Thu hút lao động (1000 người/tăng %)                             | 201 nghìn lao động (7%/năm ) | 257 nghìn lao động (5% năm) | 312 nghìn lao động (4% năm) | 380 nghìn lao động (4%/ năm) |

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan

### 3. Định hướng phát triển

So sánh với phần dự báo phát triển ngành giấy dép, thấy được mục tiêu cụ thể được đặt ra cao hơn vì phải hoàn thành mục tiêu chung toàn ngành dệt may – giấy dép của tỉnh. Cho nên, để đạt được mục tiêu cụ thể đặt ra cho ngành giấy dép, cần quan tâm đến những định hướng phát triển ngành sau:

#### 3.1. Định hướng về thị trường.

##### a. Thị trường trong nước

Theo thống kê, một người Việt Nam sử dụng 2 đến 3 đôi/năm, với dân số 90,5 triệu người sẽ dùng hết khoảng 181 đến 271,5 triệu đôi/năm. Tuy nhiên, phần lớn các công ty giấy dép ở Việt Nam quá chú trọng đầu tư cho thị trường xuất khẩu mà không chú trọng đến thị trường tiềm năng nội địa của mình, trong khi đó thị trường xuất khẩu lại cạnh tranh gay gắt, chủ yếu nhờ vào giá trị gia công, giá trị thực lãi thấp (do chi phí đầu vào cao như: điện, nước, và các nguyên phụ liệu chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài).

Hiện tại sản xuất trong nước mới chỉ đáp ứng khoảng 60 - 90 triệu đôi/năm, trong khi nhu cầu là khoảng từ 181 đến 271,5 triệu đôi/năm. Những yếu tố làm cho các công ty giày dép chưa được quan tâm đúng mức đến thị trường nội địa, như: Mẫu mã chưa được chú trọng, chưa được đa dạng, không có xu hướng theo mùa, thời tiết trong năm, chỉ chú trọng sản xuất đại trà gây lỗi, chưa chú trọng xây dựng thương hiệu vững mạnh, có uy tín để thu hút người tiêu dùng; quảng cáo chưa được xem trọng dẫn đến mạng lưới phân phối còn hạn hẹp, sản phẩm không đến được với người tiêu dùng; Giá thành còn quá cao, chưa đa dạng về chủng loại.

Ngành giày dép tỉnh Đồng Nai cần tập trung sản xuất các sản phẩm chiến lược như giày thể thao, giày dép da thời trang và cặp túi ví chất lượng cao phục vụ thị trường mới, thị trường cao cấp và thị trường nội địa. Bên cạnh đó tập trung sản xuất da thuộc với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường phục vụ chiến lược sản xuất giày dép da thời trang, cặp túi ví có chất lượng cao để phục vụ xuất khẩu và thị trường nội địa. Đầu tư sản xuất da thuộc được gắn liền với việc phát triển đàn gia súc góp phần giảm nhập siêu và chủ động trong sản xuất.

Nhu cầu tiêu dùng trong nước ngày càng tăng, do đó đây là một thị trường có tiềm năng rất, đáng quan tâm, chú trọng đầu tư của ngành giày dép ở Đồng Nai. Bên cạnh đó với mục tiêu tăng tỷ lệ nội địa hóa cho các sản phẩm, ngành giày dép của tỉnh cần có những định hướng cụ thể trong thời gian tới về việc duy trì và mở rộng thị trường nội địa nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, tạo sự ổn định làm bàn đạp để phát triển thị trường xuất khẩu. Dự kiến tăng tỷ trọng thị trường trong nước từ **15% năm 2015 lên 23% năm 2030**.

#### **b. Thị trường xuất khẩu tiềm năng**

Định hướng về thị trường ngành giày dép tương tự như định hướng về thị trường của ngành dệt may.

Ngoài ra cần tập trung củng cố và tạo dựng thương hiệu tại các thị trường truyền thống và có giá trị gia tăng cao như Mỹ, Châu Âu, bên cạnh đó, tập trung tìm kiếm, thăm dò và phát triển các thị trường mới tiềm năng như Nhật Bản, Trung Đông, Nga và Châu Phi.

#### **c. Dự báo kim ngạch xuất khẩu**

*Bảng 44: Dự báo kim ngạch xuất khẩu giày dép*

| Năm | Ngành giày dép |
|-----|----------------|
|-----|----------------|

|      |      |
|------|------|
| 2016 | 2839 |
| 2017 | 3066 |
| 2018 | 3312 |
| 2019 | 3577 |
| 2020 | 3863 |
| 2021 | 4172 |
| 2022 | 4506 |
| 2023 | 4866 |
| 2024 | 5255 |
| 2025 | 5676 |
| 2026 | 6016 |
| 2027 | 6377 |
| 2028 | 6760 |
| 2029 | 7166 |
| 2030 | 7596 |

*Bảng 45: Dự báo kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 – 2030*

| Danh mục        | Tốc độ tăng trưởng (%) |           |           |           |
|-----------------|------------------------|-----------|-----------|-----------|
|                 | 2016-2020              | 2021-2025 | 2026-2030 | 2016-2030 |
| Công nghiệp DMG | 7-8                    | 7-8       | 5-7       | 6-8       |
| CN Giấy dép     | 7-8                    | 7-8       | 5-7       | 6-8       |

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Cục Thống kê Đồng Nai.*

Đến năm 2020, kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp giấy dép dự báo đạt 3.863 triệu USD, tỷ lệ xuất khẩu sẽ chiếm 59% kim ngạch xuất khẩu hàng năm của



ngành DMG. Dự báo tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp giày dép giai đoạn 2016 – 2020 ở mức bình quân 8%/năm.

Đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu đạt 5.676 triệu USD, tỷ lệ xuất khẩu sẽ chiếm 59% kim ngạch xuất khẩu năm của ngành DMG. Dự báo tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp giày dép giai đoạn 2021 – 2025 ở mức bình quân 8%/năm.

Đến năm 2030, kim ngạch xuất khẩu đạt 7.596 triệu USD, tỷ lệ xuất khẩu sẽ chiếm 59% kim ngạch xuất khẩu hàng năm của ngành DMG. Dự báo tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp giày dép giai đoạn 2026 – 2030 duy trì mức bình quân 6%/năm.

### 3.2. Định hướng về sản phẩm.

Dự báo giá trị sản xuất theo sản phẩm

Giá trị sản xuất sản phẩm ngành Giày dép năm 2030 như sau:

*Bảng 46: Sản lượng sản phẩm ngành giày dép năm 2030*

| Năm  | SP giày<br>dép<br>(1000<br>đôi) | Valy<br>(1000<br>SP) | Túi xách<br>(1000 SP) | Balo<br>(1000<br>SP) | Ví<br>(1000<br>SP) | Sp da tổng<br>hợp<br>(1000 SP) | SP da<br>Thuộc<br>(1000<br>mét) |
|------|---------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| 2020 | 193.174                         | 927                  | 77005                 | 945                  | 3.587              | 551.961                        | 166,981                         |
| 2021 | 203.749                         | 1.089                | 84.076                | 945                  | 4.347              | 669.014                        | 202,395                         |
| 2022 | 214.796                         | 1.278                | 89.931                | 945                  | 5.259              | 809.488                        | 244,897                         |
| 2023 | 226.335                         | 1.498                | 94.780                | 945                  | 6.352              | 978.071                        | 295,903                         |
| 2024 | 238.388                         | 1.754                | 98.795                | 945                  | 7.665              | 1.180.386                      | 357,118                         |
| 2025 | 250.978                         | 2.052                | 102.120               | 945                  | 9.240              | 1.423.183                      | 430.582                         |
| 2026 | 264.128                         | 2.398                | 104.873               | 945                  | 11.129             | 1.714.563                      | 518.748                         |
| 2027 | 277.864                         | 2.802                | 107.153               | 945                  | 13.396             | 2.064.245                      | 624.558                         |
| 2028 | 292.211                         | 3.272                | 109.042               | 945                  | 16.116             | 2.483.897                      | 751.541                         |
| 2029 | 307.198                         | 3.820                | 110.605               | 945                  | 19.380             | 2.987.519                      | 903.937                         |
| 2030 | 322.852                         | 4.457                | 111.900               | 945                  | 23.296             | 3.591.913                      | 1.086.830                       |

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan  
**Sản phẩm giày dép các loại**

### *Giai đoạn 2016-2020*

- Từng bước sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh, giảm gia công, tập trung các sản phẩm có lợi thế so sánh là giày thể thao và giày dép.

- Điều chỉnh cơ cấu các loại sản phẩm trong quá trình đầu tư nhằm định hướng đúng cho ngành phát triển bền vững, chú trọng phát triển sản phẩm mới, đặc biệt giày dép da.

### *Giai đoạn 2020-2025*

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước ngành giày dép chuyển hướng đầu tư từ hình thức gia công sang sản xuất sản phẩm cuối cùng, xây dựng thương hiệu riêng để gia tăng giá trị sản phẩm.

- Tập trung đầu tư chiều sâu tổng thể, ổn định và đưa dần các phần mềm ứng dụng vào sản xuất (như ở phần thiết kế, phần may mũ giày và ở công đoạn gò ráp, công đoạn trau chuốt trong thuộc da...). Tổ chức quản lý sản xuất ở các doanh nghiệp phải ứng dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9000, ISO 14000; đồng thời chú trọng đầu tư mạnh sản phẩm giày da cao cấp để có nhiều mặt hàng mới, đáp ứng được các mục tiêu đề ra.

- Chú trọng việc xây dựng thương hiệu phát triển sản phẩm, đó là cả một quá trình lâu dài, việc nắm bắt được xu hướng phát triển của thời trang, cách đóng gói sản phẩm, quảng cáo, xúc tiến thương mại, bán sản phẩm là các kỹ năng cần thiết đòi hỏi phải có để thực hiện tiếp thị các sản phẩm có thương hiệu.

### *Giai đoạn 2020-2030*

Sản xuất sản phẩm tập trung vào hàng cao cấp, chất lượng cao, hàng thời trang. Các doanh nghiệp ngành giày dép chủ yếu sản xuất thành phẩm cuối cùng và xuất khẩu trực tiếp, hình thức gia công chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Chủ động về nguyên phụ liệu, thiết kế sản phẩm, mẫu mã,... không còn phụ thuộc nhiều vào các nhà nhập khẩu nước ngoài. Bên cạnh đó tập trung phát triển khâu thiết kế, khâu bán hàng đến người tiêu dùng cuối cùng và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

### *3.3. Định hướng phát triển nguồn nhân lực.*

Tương tự như ngành Dệt may, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có tay nghề, đáp ứng nhu cầu hội nhập, bên cạnh đó tập trung đào tạo nguồn nhân

lực ở các khâu tạo ra giá trị gia tăng cao cho ngành như khâu nghiên cứu, thiết kế sản phẩm.

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo như: đào tạo từ các trường của Nhà nước, của tư nhân, doanh nghiệp tự đào tạo, cá nhân tự đào tạo, liên kết với các trường đại học và viện nghiên cứu để đào tạo, có chính sách khen thưởng động viên các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và nghiên cứu kỹ thuật. Mở rộng hệ thống dạy nghề của Tỉnh.

### *3.4. Định hướng về khoa học và công nghệ.*

#### **Giai đoạn 2016-2020**

Đầu tư các máy móc thiết bị hiện đại bên cạnh đó, thay thế dần các máy móc không đảm bảo an toàn, vận hành không tốt. Đầu tư thêm một số máy móc, thiết bị, đảm bảo vận hành tốt, tiến tới chuyển đổi đồng bộ các máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Trình độ máy móc thiết bị đầu tư bổ sung phải phù hợp với điều kiện sản xuất ngành hàng trong nước, đạt mức trung bình chung so với toàn tỉnh.

Trong giai đoạn này, Tiếp tục đầu tư hơn nữa và đồng bộ dây chuyền sản xuất, nhằm khai thác tối đa năng lực hiện có, tập trung đầu tư đổi mới ở các khâu quyết định như cắt chặt nguyên liệu, gò ráp, thiết kế mẫu mới, sản xuất đế giày và sản xuất giày dép da,... Thúc đẩy các ngành cơ khí chế tạo, tự động hoá, công nghệ tin học,... để chủ động trong việc nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị, phụ tùng chuyên ngành giày dép.

#### **Giai đoạn 2021-2030**

Tập trung đầu tư đào sâu vào các mặt hàng chủ yếu, đặc biệt giày thể thao, giày dép với thiết bị, công nghệ cần quan tâm ứng dụng công nghệ tự động để giảm việc sử dụng nhiều lao động, tăng năng suất.

Ứng dụng các công nghệ kỹ thuật cao vào sản xuất giày dép, nhất là khâu nguyên liệu để sản xuất những sản phẩm chất lượng và có giá trị gia tăng cao.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào trong các khâu pha cắt nguyên liệu, thiết kế mẫu mã sản phẩm. Ứng dụng khoa học quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, thực hiện tốt các yêu cầu đối với người lao động theo tiêu chuẩn SA 8000

### *3.5. Định hướng sản xuất nguyên phụ liệu (CNHT)*

Định hướng phát triển các dự án công nghiệp phụ trợ ngành đầu tư về các địa bàn nông thôn các huyện miền núi theo quy hoạch ngành thông qua hỗ trợ về cơ sở hạ

tăng, đào tạo nguồn nhân lực, nhằm tạo việc làm và góp phần phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn các huyện.

Thúc đẩy mối quan hệ liên ngành giữa các ngành công nghiệp, tăng sự chủ động về nguyên vật liệu đầu vào nhằm giảm thiểu các tác động từ bên ngoài, giảm chi phí sản xuất và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm; đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước và phát triển xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu nguyên phụ liệu từ nước ngoài.

Tập trung xây dựng các nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu, khuyến khích xây dựng các trung tâm cung ứng nguyên phụ liệu hoặc phối hợp với các tỉnh trong vùng hình thành các trung tâm cung ứng nguyên phụ liệu để tăng khả năng cung ứng về nguyên phụ liệu cho các doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của việc sản xuất DMG xuất khẩu.

Cần tập trung phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao, tự động hóa cao nhằm phục vụ gia tăng năng suất cho ngành giày dép cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm.

### 3.6. Định hướng về không gian (địa bàn đầu tư).

Việc bố trí các dự án ngành giày dép được thực hiện theo định hướng thu hút đầu tư tại của UBND tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, việc bố trí sản xuất và đầu tư của ngành giày dép trên địa bàn tỉnh được phân kỳ theo các giai đoạn, tạo ra sự phát triển phù hợp theo vùng và lãnh thổ, nhằm tận dụng, khai thác lợi thế về nhân công, đất đai của từng địa bàn:

Bảng 47: Định hướng không gian quy hoạch từng vùng ngành Giày dép

| Vùng quy hoạch                                                             | Định hướng phát triển ngành Giày dép theo vùng lãnh thổ                                                                                                        | Dự kiến Quy hoạch sử dụng đất trong các khu cụm công nghiệp (ha) | Dự kiến Quy hoạch sử dụng đất ngoài các khu cụm công nghiệp (ha) |
|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| <b>Vùng I:</b> gồm các địa bàn thành phố Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch, huyện | Đầu tư chiều sâu các cơ sở sản xuất hiện có; Hạn chế thu hút các dự án sử dụng nhiều lao động; Thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, tự động hóa, ít sử dụng | 90                                                               | 15                                                               |

|                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
| Long Thành, huyện Trảng Bom.                                                                                          | lao động, ít gây ô nhiễm môi trường;<br>Đối với các dự án Giày dép quy mô nhỏ và siêu nhỏ theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP, ít gây ô nhiễm môi trường, xem xét bố trí ngoài các khu cụm công nghiệp theo từng dự án cụ thể                                                                                                                                                                                                                                                  |     |    |
| <b>Vùng II:</b> gồm thị xã Long Khánh và 06 huyện còn lại: Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ | Khuyến khích đầu tư phát triển ngành công nghiệp giày dép về địa bàn các huyện thuộc Vùng II (gồm các huyện Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú và Định Quán), nhằm đảm bảo nguồn lao động phục vụ ngành, khai thác tiềm năng và góp phần phát triển kinh tế địa phương;<br>Đối với các dự án Giày dép quy mô nhỏ và siêu nhỏ theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP, ít gây ô nhiễm môi trường, xem xét bố trí ngoài các khu cụm công nghiệp theo từng dự án cụ thể. | 150 | 25 |
| <b>Tổng cộng:</b>                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 240 | 40 |

### **Giai đoạn 2016-2020**

- Thu hút các dự án đầu tư vào ngành công nghiệp giày dép, công nghiệp phụ trợ ngành giày dép vào địa bàn các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, Vĩnh Cửu.

- Đối với các địa bàn trung tâm đô thị, tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp như thành phố Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, thị xã Long Khánh chỉ ưu tiên khuyến khích đầu tư mở rộng các dự án hiện hữu trong điều kiện mặt bằng sản

xuất cho phép. Khuyến khích đầu tư vào phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm thay vì đầu tư theo chiều rộng.

#### **Giai đoạn 2021-2030**

- Đẩy mạnh việc thu hút các dự án đầu tư hơn vào ngành công nghiệp giấy dếp, công nghiệp phụ trợ ngành giấy dếp vào địa bàn các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, Vĩnh Cửu. Tiếp tục đẩy nhanh việc quy hoạch các cụm công nghiệp ở các địa phương này để thu hút các dự án ngành giấy dếp.

- Đối với các địa bàn trung tâm đô thị, tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp như thành phố Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, thị xã Long Khánh không cấp phép đầu tư cho các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đẩy mạnh đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, tạo ra các sản phẩm đạt chất lượng, tiêu chuẩn.

- Định hướng về địa bàn đầu tư được thể hiện tại biểu đồ quy hoạch DMG tại phụ lục Bản vẽ, bản đồ.

#### **4. Luận chứng lựa chọn các chương trình, dự án đầu tư chủ yếu; Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

Dựa vào thực trạng hiện nay và các dự báo được chạy từ mô hình và phương án đầu tư đã lựa chọn, chúng tôi đưa ra một số dự án nhằm thu hút vốn đầu tư cho ngành công nghiệp DMG như sau:

Các dự án về sản xuất sản phẩm: các sản phẩm đồ da như balo, túi xách, vali... đây là một trong số những sản phẩm thiết yếu của thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Ngoài ra, nguồn cung về da trong nước khá lớn và ngày càng được chú trọng đầu tư phát triển.

Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hoàn thiện cuối cùng phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Hiện nay các doanh nghiệp đã bắt đầu quan tâm đến thương hiệu và bao bì mẫu mã cho sản phẩm, vì vậy việc xây dựng đầu tư vào sản xuất bao bì, nhãn mác, phụ kiện trang trí đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các thương hiệu nổi tiếng đang hoạt động trên cả nước và địa bàn tỉnh nói riêng.

Các dự án về sản xuất các sản phẩm phụ trợ cho ngành: Dựa vào tình hình thực tế và kết quả được chạy từ mô hình, khi Việt Nam là thành viên của rất nhiều tổ chức trên thế giới, đặt biệt gần đây nhất là hiệp định TPP như một lời khẳng định lại, chúng

ta cần chú trọng đầu tư vào ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành để giảm thiểu tối đa chi phí cho ngành, nâng cao khả năng cạnh tranh.

Các dự án xây dựng chuỗi cung ứng nguyên liệu:.

Một số dự án sản xuất nguyên phụ liệu như vải giả da, chế biến nguyên liệu da, đế cao su, nhựa phụ trợ...đang được xem trọng vì nhu cầu ngày càng tăng cao, cạnh tranh ngày càng gay gắt mà các nguyên phụ liệu này chúng ta đều nhập từ nước ngoài, khiến cho chi phí tăng cao, giá thành cao mà chất lượng đôi khi lại không phù hợp với giá cả. Mặt khác, với hiệp định TPP, thị trường nguyên phụ liệu của ngành sẽ bị hạn chế do những quy định về nguồn gốc được nêu ra trong hiệp định, do đó cần hơn nữa sự chủ động trong nguyên phụ liệu sẽ giúp ngành đạt được hiệu quả hơn trong sản xuất.

Hiện nay, ngành giày dép được quy hoạch phát triển theo mô hình tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, với việc thu hút vốn đầu tư (nước ngoài và trong nước), phát huy lợi thế nguồn lao động dồi dào, giá rẻ, khai thác tối đa tài nguyên thiên nhiên, khơi dậy mọi tiềm năng hiện có của tỉnh, tập trung quy hoạch xây dựng các CCN sản xuất giày dép mới theo căn cứ nhu cầu sử dụng đất. Ngoài ra, đưa các doanh nghiệp DMG có sẵn vào quy hoạch theo chiều sâu, áp dụng công nghệ cao, tự động hóa sản xuất, giảm sử dụng lao động phổ thông và gia tăng giá trị thặng dư trong sản xuất; tận dụng lợi thế đã tồn tại một thời gian, áp dụng chiêu thị nhằm mở rộng thị trường nội địa, nắm vững thị trường nội địa, nâng cao năng suất và hiệu quả cạnh tranh ngay trên thị trường nội địa.

Xem phân bổ các dự án tại phụ lục Bản vẽ bản đồ.

### **III. Nhu cầu sử dụng đất**

Căn cứ vào Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2016 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai và hiện trạng đất đai tỉnh Đồng Nai theo Danh mục quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013-2020, Nhóm nghiên cứu đưa ra dự báo nhu cầu sử dụng đất cho việc quy hoạch ngành DMG như sau:

Quyết định số 1107/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 nêu rằng, giai đoạn đến năm 2020, hoàn thiện về cơ bản mạng lưới khu công nghiệp trên toàn lãnh thổ Việt Nam với tổng diện tích các khu công nghiệp đạt khoảng 80.000 ha vào năm 2020.

Theo Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai, diện tích đất điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cho Khu công nghiệp là 11.992 ha, cho các cụm công nghiệp là 1.600 ha.

Dựa vào những căn cứ nêu trên, để đạt yêu cầu thực hiện mục tiêu phát triển ngành dệt may – giày dép tỉnh Đồng Nai, chúng tôi đề xuất tập trung quy hoạch ngành vào 5 huyện bao gồm Cẩm Mỹ, Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú và Thống Nhất, đồng thời vẫn dành một quỹ đất nhất định từ các huyện, thị xã và thành phố còn lại trên địa bàn tỉnh để phát triển ngành DMG, tổng cộng khoảng 600 ha dành cho phân bố các dự án dệt may - giày dép. Trong đó đề xuất sử dụng 360 ha dành cho quy hoạch ngành dệt may, 240 ha dành cho quy hoạch ngành sản xuất giày dép. Trong giai đoạn 2016-2020, đối với ngành dệt may thực hiện quy hoạch 200 ha và 160 ha còn lại quy hoạch vào giai đoạn 2021-2030. Trong giai đoạn 2016-2020, đối với ngành sản xuất giày dép, thực hiện quy hoạch 140 ha và 100 ha còn lại quy hoạch vào giai đoạn 2021-2030. Cần tập trung tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm trên địa bàn tỉnh, bao gồm cả hạ tầng giao thông nhằm thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư ngành DMG. Di dời các cơ sở sản xuất thuộc ngành dệt may – giày dép ra khỏi các thành phố lớn hoặc các huyện có KCN, cụm CN ra các vùng lân cận nhằm giải tỏa lượng dân cư tập trung vào một địa điểm; giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, bụi, nguồn nước cho các thành phố và khu đông dân cư. Mặt khác, tạo điều kiện cho các huyện tận dụng lợi thế về nhân lực, về nguồn cung cấp nguyên phụ liệu, giao thông. Duy trì và phát triển các trung tâm mua sắm các mặt hàng DMG hiện có tại các đô thị và thành phố lớn, các trung tâm thương mại, thiết kế mẫu mới, dịch vụ công nghệ có giá trị gia tăng cao.

Trừ 4 huyện, TP: Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom hạn chế thu hút đầu tư các dự án lớn DMG (trên 1000 Lao động – xem cụ thể trong QĐ 2163); còn các địa bàn khác không cần hạn chế thu hút các dự án lớn ngành DMG.



## CHƯƠNG 7: NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

### I. Nhu cầu vốn đầu tư

Căn cứ vào mô hình dự báo nhu cầu vốn đầu tư ( tại Phụ lục biểu về nhu cầu vốn đầu tư phát triển ngành dệt, may, giấy dép giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030), chúng tôi đưa ra bảng nhu cầu vốn đầu tư cho ngành DMG tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 đến năm 2030 như sau:

*Bảng 48: Nhu cầu vốn đầu tư cho ngành DMG tỉnh Đồng Nai*

Đơn vị: tỷ đồng

| STT | Hạng mục                                                                            | Giai đoạn<br>2016-2020 | Giai đoạn<br>2021-2025 | Giai đoạn<br>2026-<br>2030 | Toàn giai<br>đoạn 2016-<br>2030 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|----------------------------|---------------------------------|
| 1   | Ngành dệt                                                                           | 14.437                 | 22.641                 | 25.342                     | 62.420                          |
| 2   | Ngành may                                                                           | 4.220                  | 6.675                  | 8.195                      | 19.090                          |
| 3   | Ngành giấy - dép                                                                    | 11.343                 | 15.684                 | 20.893                     | - 47.920                        |
| 4   | <b>Tổng vốn đầu tư cho<br/>công nghiệp Dệt may<br/>– giấy dép tỉnh Đồng<br/>Nai</b> | <b>30.000</b>          | <b>45.000</b>          | <b>54.430</b>              | <b>129.430</b>                  |
| 5   | Tổng vốn đầu tư toàn<br>ngành công nghiệp<br>tỉnh đồng nai                          | 144.338                | 151.425                | 177.687                    | 473.450                         |
| 6   | Tỷ trọng vốn Dệt may<br>– giấy dép/Toàn<br>ngành CN (%)                             | 20,7%                  | 29,7%                  | 30,6%                      | 27,7%                           |

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố khác có liên quan

Theo dự báo, tổng vốn đầu tư cho công nghiệp DMG tỉnh Đồng Nai giai đoạn tiếp theo 2016-2030 cần huy động là 129.430 tỷ đồng chiếm 27,7% tổng vốn đầu tư toàn ngành công nghiệp. Trong đó ngành dệt là ngành cần thu hút vốn đầu tư cao nhất 62.420 tỷ đồng, chiếm 48% toàn ngành DMG, tiếp theo đó là ngành giấy dép cần huy động 47920 tỷ đồng, chiếm 37% toàn ngành DMG. Với ngành dệt, chủ trương thu hút nguồn vốn FDI để phát triển ngành với những sản phẩm vải, sợi chuẩn mực, kèm theo

đó, với những máy móc thiết bị công nghệ và dây chuyền hiện đại, sẽ hạn chế được những vấn đề ô nhiễm môi trường từ các khâu sản xuất hóa chất và thuốc nhuộm. Với ngành may và ngành sản xuất giấy dếp, thu hút vốn tư nhân, tạo điều kiện các doanh nghiệp trong nước phát triển và hỗ trợ giảm sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài trên địa bàn và trong thị trường nội địa.

## II. Dự kiến cơ cấu vốn đầu tư

Dựa vào thực trạng nguồn tài chính và nguồn lực về vốn của Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, nhóm nghiên cứu đưa ra hai phương án cơ cấu huy động vốn như sau:

*Bảng 49: Phương án cơ cấu huy động vốn đầu tư*

| Phương án                      | <b>1. Vốn trong nước (Vốn ngân sách; Vay trong nước; Vốn tự có)</b>                                                                  | <b>2. Vốn nước ngoài (Vốn FDI)</b> |
|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1. Cơ cấu vốn theo phương án 1 | 50%<br>(trong đó Vốn ngân sách đối ứng chiếm 30% thông qua góp vốn theo hình thức tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng, vốn tự có chiếm 20%) | 50%                                |
| 2. Cơ cấu vốn theo phương án 2 | 70%<br>(trong đó vốn của tư nhân chiếm 30%)                                                                                          | 30%                                |
| 3. Cơ cấu vốn theo phương án 3 | 0%                                                                                                                                   | 100%                               |

Với phương án 1, Tỉnh Đồng Nai cấp đất cho thuê và kêu gọi đầu tư nước ngoài với tỷ lệ Vốn ngân sách chiếm 30%, vốn tự có chiếm 20% và vốn FDI chiếm 50%. Với việc thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư nước ngoài (50%), chính quyền và ban quản lý ngành DMG tỉnh Đồng Nai cần có những chính sách sử dụng hiệu quả nguồn vốn này. Bên cạnh đó, nên hướng ưu tiên của tỉnh vào nguồn vốn FDI “chất lượng cao”, tức là các dự

án với công nghệ sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, có khả năng tham gia vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Nếu tận dụng được đặc điểm này, tỉnh Đồng Nai sẽ thúc đẩy tăng trưởng hiệu quả mạnh mẽ về cả hai kinh tế và xã hội. Đó cũng là xu hướng thu hút vốn và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài của nhà nước hiện nay. Mặt khác, về phía các nhà đầu tư, không tránh khỏi những hạn chế như các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sẽ ồ ạt đầu tư vào ngành DMG tỉnh để tận dụng nguồn nhân công và tài nguyên giá rẻ, đưa máy móc, dây chuyền sản xuất cũ sang đưa vào sử dụng, chế xuất gây ô nhiễm môi trường.

Với phương án 2, Tỉnh Đồng Nai cấp đất cho thuê và thu hút doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp tư nhân cùng đầu tư với tỷ lệ vốn trong nước là 70% trong đó, vốn tư nhân chiếm 30%, vốn FDI chiếm 30%. Với phương án này, doanh nghiệp trong nước có ưu thế là giảm được áp lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp nước ngoài trên địa bàn, nhận các chính sách hỗ trợ phát triển từ nhà nước nhưng cũng phải đối mặt với thách thức là không ngừng học hỏi và cải tiến sản xuất, buộc các doanh nghiệp áp dụng công nghệ cao, máy móc sản xuất tiên tiến, sản xuất chuyên sâu và chuyên môn hóa, để nhằm giảm tối đa chi phí đầu vào, hạ giá thành ở mức tối đa mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm để cạnh tranh với các dòng sản phẩm nước ngoài sẽ cạnh tranh trong thời gian tới.

Phương án 3, Tỉnh Đồng Nai cấp đất cho thuê và kêu gọi 100% vốn đầu tư nước ngoài, với phương án này, ngành DMG tỉnh có thể tận dụng được nguồn vốn, công nghệ và quy trình quản lý chuyên nghiệp của nước ngoài. Mặt khác, với tỷ lệ vốn nước ngoài cao tuyệt đối như vậy, ngành DMG tỉnh Đồng Nai sẽ gần như hoàn toàn phụ thuộc vào nước ngoài, tỉnh sẽ cần xây dựng những chính sách quản lý phù hợp hơn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong nước sẽ gặp khó khăn và chịu áp lực cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp nước ngoài.

Cả 3 phương án đều có những ưu nhược điểm riêng và tùy vào tình hình thực tế, cũng như nhu cầu của nhà đầu tư theo từng thương vụ đầu tư cụ thể mà tỉnh và nhà đầu tư có thể thỏa thuận lựa chọn phương án đầu tư phù hợp. Tuy nhiên trong tình hình hiện nay và để khuyến khích quá trình chuyển giao công nghệ, đề án đề xuất nên ưu tiên thực hiện phương án 2.

Dựa trên kết quả phân tích các phương án và tình hình thực tiễn đã nêu, chúng tôi xét chọn phương án 2, với nguồn vốn trong nước chiếm 70% và vốn nước ngoài

chiếm 30%, là phương án dự kiến nguồn vốn đầu tư phù hợp nhất dành cho ngành Dệt may – Giày dép tỉnh Đồng Nai.

## CHƯƠNG 8: CÁC GIẢI PHÁP VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

### I. CÁC GIẢI PHÁP

#### 1. Giải pháp về đầu tư.

Cần có những chính sách kêu gọi các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước, nhằm huy động mọi nguồn vốn vào những ngành cần thiết, đặc biệt là các ngành còn yếu kém, trong đó cần tập trung vào một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, đề ra danh mục các dự án đầu tư cụ thể nhằm mục đích kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong thời kỳ hội nhập, khuyến khích và thúc đẩy mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn từ nhân dân vào ngành dệt may giấy dép thông qua các mô hình công ty cổ phần, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, sản xuất nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành công nghiệp may và công nghiệp sản xuất giấy dép. Chọn xây dựng 1-2 KCN dệt nhằm tạo chuỗi liên kết và cung ứng đồng bộ, xem xét bổ sung quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành DMG. Cần quy hoạch một đến hai khu công nghiệp dệt may trên địa bàn tỉnh với quy mô lớn, trong đó có sợi, dệt, nhuộm, may, phụ liệu,... ; có hệ thống xử lý nước thải được kiểm soát để sẽ tạo chuỗi liên kết và cung ứng đồng bộ. Các dự án đầu tư về dệt, nhuộm phải đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường, sản xuất theo hướng xanh, sạch, an toàn, công nghệ hiện đại, thân thiện với con người và phát triển bền vững.

Thứ hai, đầu tư theo chiều sâu thay cho các dự án mở rộng quy mô, trong đó bao gồm đầu tư phát triển chuỗi công nghệ sản xuất khép kín, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động. Bên cạnh đó, đẩy mạnh phát triển sản phẩm tại các thị trường cao cấp. Khuyến khích liên kết, liên doanh giữa các doanh nghiệp khác với nhau nhằm đẩy mạnh đầu tư sản xuất nguyên phụ liệu cung cấp cho ngành, từ đó giảm tỷ trọng nhập khẩu nguyên vật liệu và hạn chế phụ thuộc vào ngành dệt may nước ngoài.

Thứ ba, khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm trong ngành như các loại quần áo thời trang cho giới trẻ, trẻ em, chú trọng sản xuất giấy dép, túi xách, balo để đạt tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và ngoài nước, đặc biệt là các thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU, Hàn Quốc. Dịch chuyển cụm công nghiệp và các khu công nghiệp về các khu vực địa phương, nhằm giải quyết được vấn đề về lao động, đồng thời tăng thêm thu nhập cho địa phương. Khuyến khích tạo môi trường

thuận lợi như về các thủ tục hành chính, các ưu đãi về thuế, các thông tin doanh nghiệp để thu hút nguồn vốn đầu tư trong nhân dân đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua các công ty cổ phần...

Thứ tư, hiện nay các doanh nghiệp trong ngành DMG phân bố không đồng đều, đa số tập trung ở địa bàn Biên Hòa, Nhơn Trạch, Trảng Bom, vì vậy cần đẩy mạnh việc quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho phát triển công nghiệp, nhất là hạ tầng các cụm công nghiệp; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư vào cụm công nghiệp, nhằm tạo điều kiện về mặt bằng đất đai cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành may mặc, giày dép có điều kiện phát triển, chuyển dịch ngành may mặc, giày dép về vùng nông thôn, giải quyết việc làm cho người lao động.

Bên cạnh các biện pháp thu hút các dự án đầu tư như trên, cần có các biện pháp khuyến khích cụ thể dựa trên các chính sách hiện hành cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư và ưu đãi đầu tư như sau:

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động ba năm đối với dự án thuộc lĩnh vực DMG.

- Xây dựng ưu đãi về chính sách tài chính như về thuế thu nhập doanh nghiệp; về thuế xuất nhập khẩu: Miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải và hàng hóa khác để thực hiện dự án đầu tư DMG tại tỉnh; Thu nhập từ hoạt động chuyển giao công nghệ đối được miễn thuế thu nhập. Và chuyển lỗ đối với các doanh nghiệp đầu tư vào ngành DMG, hỗ trợ vay vốn ngân hàng với lãi suất ưu đãi dành cho các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp FDI đầu tư vào ngành DMG...theo các quy định hiện hành của nhà nước như

- +Tại Khoản 4, Điều 44 của Luật chuyển giao công nghệ (2006) quy định: Cơ sở sản xuất, kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong bảy năm tiếp theo.

- + Tại Khoản 2, Điều 32 của Nghị định 133/2008/NĐ-CP quy định: Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ, đổi mới công nghệ, bao gồm máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, phương tiện vận tải trong nước chưa sản xuất được, công nghệ trong nước chưa tạo ra được; tài liệu, sách báo khoa học.

+ Tại Khoản 5, Điều 32 của Nghị định 133/2008/NĐ-CP quy định: Doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ để thực hiện dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thì được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa phục vụ việc thay thế, đổi mới công nghệ và nguyên liệu, vật tư, linh kiện dùng để sản xuất trong thời hạn năm năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất theo công nghệ mới.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư vào ngành DMG như hỗ trợ về chuyển giao công nghệ, hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực và hỗ trợ đầu tư phát triển và dịch vụ đầu tư, về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao,...

## **2. Giải pháp về thị trường.**

Đề xuất chính quyền xem xét ban hành các chính sách khuyến khích phát triển thị trường trong nước, doanh nghiệp lưu ý thúc đẩy chiêu thị để nâng cao tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm dệt may – giấy dép trong nước. Bên cạnh đó, cần khuyến khích các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn trong ngoài nước hình thành các chuỗi cung ứng hàng DMG.

Tăng cường quỹ xúc tiến thương mại để đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và tiếp thị xuất khẩu để phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu đối với mặt hàng DMG

- Đẩy mạnh xuất khẩu các thị trường truyền thống và thị trường mới; đa dạng hoá thị trường; quan tâm và phát triển thị trường nội địa. Tăng cường các mối quan hệ hợp tác với nước ngoài và xúc tiến thương mại qua các hiệp hội, các cơ quan thương mại. Tham gia các hoạt động hội chợ quốc tế, các diễn đàn chuyên ngành để có điều kiện tham gia vào sự phân công lao động quốc tế.

### **2.1. Về phía doanh nghiệp**

Về phía doanh nghiệp, để nâng cao năng lực cạnh tranh và vươn lên trong chuỗi giá trị dệt may – da giấy toàn cầu, phải mạnh dạn đầu tư vào máy móc thiết bị để đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản lý, tiếp thị, đảm nhận được các khâu có giá trị gia tăng cao từ xây dựng thương hiệu, thiết kế, đến tự chủ về nguyên liệu và bán thành phẩm.

#### **2.1.1. Thị trường trong nước**

Việt Nam là thị trường tiềm năng đối với hầu hết các mặt hàng tiêu dùng, do có thị trường tiêu thụ rộng lớn với hơn 90 triệu dân số. Do vậy, các doanh nghiệp Đồng Nai cần quan tâm tập trung khai thác nhiều hơn đối với thị trường nội địa, đặc biệt là khu vực phía Nam tại các vùng kinh tế phát triển như Vũng Tàu, Cần Thơ và vùng kinh tế Đông Nam Bộ. Nhìn chung, đời sống người dân trong khu vực này tương đối tốt, kinh tế phát triển ổn định, do đó nhu cầu về tiêu dùng ngày càng được nâng cao. Hầu hết, sản phẩm may mặc tiêu thụ trong khu vực này là sản phẩm chất lượng thấp và trung bình, phù hợp với điều kiện sản xuất của một số doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Đồng Nai.

Để khai thác hiệu quả thị trường nội địa, cần phải có chiến lược tập trung phát triển sản phẩm riêng biệt cụ thể đối với từng vùng, từng mặt hàng sản phẩm và từng đối tượng khách hàng. Cụ thể, các doanh nghiệp Đồng Nai cần có những khâu thiết kế chuyên phục vụ thị trường trong nước, bên cạnh đó việc đẩy mạnh nghiên cứu và khảo sát thị trường nhằm nắm bắt nhu cầu của thị trường là vô cùng quan trọng. Chú trọng đến đồng phục ở các doanh nghiệp, công sở, trường học, nhu cầu quần áo may sẵn của người tiêu dùng ở thành phố, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Các sản phẩm cần lưu ý như: váy kiêu, váy công sở, áo sơ mi; Quần jean, kaki; các sản phẩm vải dệt; Đồng phục học sinh, công sở, đồng phục trong doanh nghiệp; Giày thể thao, các loại giày sandal, dép kiêu.

Tuy là cạnh tranh trực tiếp trên thị trường nội địa, nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn dễ thua thiệt so với các doanh nghiệp nước ngoài vì vẫn chưa thực sự nắm bắt được thị trường nội địa. Vì vậy, để phát triển tốt thị trường nội địa, các doanh nghiệp cần đi sâu nghiên cứu, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường nội địa, cụ thể như sau:

Thu nhập quốc dân và phân phối thu nhập quốc dân: Thực tế cho thấy, hiện nay khi thu nhập quốc dân tăng lên thì đời sống vật chất và tinh thần cũng được cải thiện, thấp nhu cầu tiến lên một nấc mới nên nhu cầu cũng tăng lên đáng kể, chi tiêu dùng cũng sẽ tăng lên, và khối lượng sức mua cũng tăng lên đáng kể. Do đó, các doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở việc sản xuất sản phẩm, mà luôn luôn phải đổi mới sản phẩm về mẫu mã, hình dáng và chất lượng...

Phân tích cơ cấu dân số về mặt phân bố dân số theo khu vực, theo địa hình... nhằm định hướng phát triển sản phẩm cho từng doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu thị hiếu sản phẩm theo giới tính và độ tuổi cũng giúp cho các doanh nghiệp định hướng quy mô và số lượng sản xuất theo từng quý. Nhu cầu sản phẩm tiêu dùng ở nông thôn và thành thị khác nhau về cả mẫu mã, hình dáng, chất lượng và giá tiền, tương tự



như vậy nhu cầu tiêu dùng giữa nam và nữ cũng sẽ khác nhau về số lượng và chất lượng. Phân tích đầy đủ và đúng đắn yếu tố này sẽ giúp cho ngành DMG có điều kiện tốt phục vụ ngày càng tốt hơn cho nhu cầu tiêu dùng nội địa.

Ngoài ra, giá bán hàng hóa là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu và sức mua của người tiêu dùng trong nước, ở các mức thu nhập khác nhau, người tiêu dùng có nhu cầu khác nhau về sản phẩm từ đó ảnh hưởng ngược trở lại đối với sản xuất, do đó giá phải cạnh tranh. Dù sản phẩm dệt may là nhu cầu thiết yếu của mỗi con người nhưng nhu cầu tiêu dùng là khác nhau vì thế giá cả sản phẩm rất được quan tâm. Vì vậy, việc định giá sản phẩm hợp lý sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng và từ đó thúc đẩy ngành dệt may phát triển. Các doanh nghiệp cần đặt biệt quan tâm đến yếu tố này, xác định được đối tượng phục vụ và tùy theo chất lượng sản phẩm sản xuất mà có mức giá bán hợp lý và cạnh tranh để doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển.

Cần đầu tư và phát triển thêm vào khu vực R&D, nhằm nghiên cứu thị hiếu người tiêu dùng theo mức thu nhập, mức chi tiêu cho hàng DMG, từng đối tượng ngành nghề, và khu vực địa lý (nông thôn và thành thị...), trên khắp cả nước, để có kế hoạch tổ chức sản xuất phù hợp, tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm. Tập trung vào các khu vực thành thị, khu dân cư đông đúc với mức thu nhập và mức sống cao cho các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt, cạnh tranh với các thương hiệu nước ngoài; đẩy mạnh phân phối sản phẩm ở các trung tâm thương mại, siêu thị, mở rộng các kênh phân phối như cửa hàng, đại lý, siêu thị đối với khu vực này. Các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, chú trọng vào các sản phẩm giá trị thấp hơn, phù hợp với thị hiếu và mức chi tiêu cho các sản phẩm DMG.

Ngoài việc đầu tư về đầu ra, doanh nghiệp cần phải chú trọng đến chất lượng sản phẩm tạo ra, các mặt hàng phải đa dạng, đẩy mạnh công tác quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, đưa ra các khẩu hiệu hướng người tiêu dùng đến với lựa chọn các sản phẩm Việt. Giảm tối đa đến mức có thể đối với các chi phí sản xuất, quản lý... để hạ giá thành sản phẩm, mang đến một sản phẩm tốt, chất lượng cao, giá cả hợp lý.

#### *2.1.2. Thị trường xuất khẩu*

Ngành DMG là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực trong khu vực Đồng Nai, đóng góp lớn vào phát triển kinh tế, tăng thu nhập khu vực và mang lại nguồn ngoại tệ lớn giúp cho việc giao thương với những quốc gia khác đặc biệt là trong tiến

trình hội nhập. Chính vì vậy, cần có những chính sách phù hợp, nhằm nghiên cứu, phân tích và phát triển ngành DMG trong dài hạn:

Thứ nhất, cần đưa ra những chiến lược phát triển sản phẩm chuyên biệt hóa đối với từng thị trường, sao cho phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và văn hóa của từng khu vực. Qua đó, các doanh nghiệp cũng cần biết phải chọn cho mình một phân khúc thị trường hợp lý từ đó đưa ra những định hướng phát triển doanh nghiệp cụ thể. Cụ thể, đối với những thị trường tiêu thụ khó tính như thị trường tiêu thụ Nhật Bản, các doanh nghiệp sản xuất cần phải sản xuất sản phẩm thông qua máy móc thiết bị công nghệ cao kết hợp với những chi tiết phức tạp nhờ vào trình độ thủ công nhằm đưa ra sản phẩm chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu của thị trường và thị hiếu của người dùng. Ngoài ra khâu mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm cũng hết sức quan trọng, các doanh nghiệp nên lưu ý, xem xét để tham khảo đối với những hệ thống phân phối và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm da của các bạn hàng, đặc biệt là Mỹ, Nhật và Hàn Quốc.

Thứ hai, phát triển kênh phân phối khép kín: Tuy nhiên, các hoạt động xuất khẩu dệt may, giày dép của các doanh nghiệp hầu hết thông qua các nhà bán buôn, môi giới hoặc thương lái hoặc thông qua các đơn đặt hàng. Do đó các mặt hàng xuất khẩu chưa thực sự mang lại giá trị lợi nhuận cao, đồng thời chưa nắm bắt cụ thể nhu cầu thị hiếu của thị trường. Do đó, cần có những chính sách hợp lý xây dựng được hệ thống phân phối riêng, từ đó giúp tăng thêm thu nhập trên từng sản phẩm, đồng thời thúc đẩy nghiên cứu được thị hiếu người dùng, từ đó phát triển bền vững và dài hạn.

Thứ ba, duy trì và phát triển thị trường truyền thống, các thị trường xuất khẩu vốn có của ngành DMG Đồng Nai: EU, Nhật Bản, Đông Âu, Đài Loan, Hàn Quốc, Mỹ. Tuy nhiên, đây cũng là thị trường xuất khẩu của các mặt hàng sản phẩm Trung Quốc, Đài Loan, Indonesia... do đó đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ muốn xuất khẩu có thể chọn việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nhằm giảm thiểu rủi ro khi quá phụ thuộc vào một thị trường cụ thể, đồng thời tìm kiếm những thị trường tiềm năng cho những mặt hàng dệt may khác. Doanh nghiệp cần năng động tăng cường tìm kiếm và khai thác các thị trường tiềm năng như Trung Đông, châu Phi trong đó cần tiếp tục làm tốt công tác tìm kiếm các đối tác phân phối hàng hoá đối với các nước để ngành càng mở rộng thị trường.

Thứ tư, cần nỗ lực hơn nữa, có các kế hoạch cụ thể, chiến lược nhằm đưa sản phẩm Việt Nam ra thương trường quốc tế một cách có tổ chức, bài bản, có tính cạnh tranh cao, chú trọng đến những vấn đề bản quyền và sở hữu trí tuệ. Các doanh nghiệp

phối hợp với các nước láng giềng, các nước cung cấp nguyên liệu chính như Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và các nước là thị trường nhập khẩu chính (EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản,...), thị trường nhập khẩu tiềm năng để có thể sớm tiếp cận với rào cản kỹ thuật của các nước này đối với mặt hàng giấy dép và tìm phương thức bán hàng cũng như thanh toán thuận tiện nhất.

Thứ năm, cần tăng cường kiểm soát thông tin, xây dựng hệ thống thông tin chuyên nghiệp, xử lý và cung cấp thông tin một cách chính xác nhất: từ khách hàng, hệ thống Nhà nước, sách báo, internet; đảm bảo nguồn thông tin chính xác, dễ tiếp cận nhất đối với các doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập hiện tại; các bài báo, bài viết cần cô đọng, đảm bảo thông tin truyền đạt ngắn gọn dễ hiểu... Cuối cùng, tăng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm trong ngành DMG vào các thị trường ngoài thì khâu tìm hiểu và thăm dò thị trường là không thể thiếu. Ngoài ra, thúc đẩy các DN tham dự các hội chợ trong nước, hội chợ triển lãm thế giới, các buổi hội thảo giới thiệu sản phẩm... qua đó để thị trường biết được vị trí sản phẩm của mình và mình cũng có thể nhận biết thị hiếu chung của từng nước để cải tiến chất lượng, mẫu mã, ứng dụng công nghệ.

Ngoài việc xác định các yếu tố trên để không ngừng tăng lượng hàng hóa xuất khẩu, cần quan tâm đến các yếu tố sau :

Thứ nhất, uy tín của sản phẩm là yếu tố quan trọng nhất có thể giúp cho thương hiệu doanh nghiệp sống mãi trong lòng khách hàng và tồn tại bền vững, do đó việc tạo dựng uy tín cho sản phẩm trên thị trường quốc tế là một điều vô cùng khó khăn và cần thực hiện trong thời gian dài (thường sẽ từ 5-10 năm cho mỗi thương hiệu). Việc tạo dựng uy tín sản phẩm cũng giống như tạo dựng thương hiệu cho một mặt hàng cụ thể, nó yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện dài hạn và xuyên suốt trong cả quá trình hoạt động của doanh nghiệp trên thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, các hoạt động xuất khẩu trong ngành chỉ dừng lại ở các hình thức CMT và FOB nên việc đưa thương hiệu doanh nghiệp đến khách hàng là điều vô cùng khó khăn.

Thứ hai, tiến độ giao hàng là nhân tố giúp cho các doanh nghiệp duy trì được một quan hệ lâu dài với các nhà phân phối nước ngoài. Do ngành DMG phục vụ nhiều loại đối tượng khác nhau ở thị trường quốc tế, đây đều là những thị trường khó tính; Mặt khác, sản phẩm ngành DMG phụ thuộc nhiều yếu tố khác nhau như: mẫu mã, thời gian, mùa, thị hiếu... Vì thế, việc đảm bảo tiến độ giao hàng là một lợi thế cạnh tranh, nó thể hiện uy tín của doanh nghiệp còn thể hiện được sự chuyên nghiệp trong sản xuất và kinh doanh. Đặc biệt trong thời gian qua, các hoạt động kinh doanh trong chuỗi sản

xuất khép kín thì việc giao hàng đúng thời gian sẽ thể hiện được mối quan hệ làm ăn giữa các doanh nghiệp. Khi một doanh nghiệp không đáp ứng được yêu cầu này sẽ bỏ lỡ mất những đơn đặt hàng lớn, hoặc tồi tệ hơn là bồi thường những khoảng hợp đồng.

Thứ ba, quan hệ chính trị ảnh hưởng đến quan hệ thương mại rất lớn, đây là tiền đề cho việc xuất khẩu sản phẩm doanh nghiệp trong nước sang thị trường bất kỳ nào khác. Quan hệ thương mại là một phần trong quan hệ chính trị giữa các quốc gia, nó chịu sự ảnh hưởng sâu sắc của quan hệ chính trị. Có thể nói, quan hệ chính trị những bước đệm cho quan hệ thương mại phát triển, gia tăng lượng thu ngoại tệ, kích thích kinh tế phát triển bền vững và ổn định. Thông qua hoạt động ngoại thương, nhiều nước đã tham gia vào sự phân công lao động quốc tế trên phạm vi toàn cầu và trong khu vực, và chính sự tham gia đó đã đảm bảo cho sự phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân và thu được ngoại tệ về cho đất nước.

Thứ tư, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đầu tư để ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất nguyên phụ liệu, nghiên cứu tìm hiểu về các nguyên liệu thay thế; sản phẩm với mẫu mã mới thời trang, chủ động trong các thiết kế, đi trước tạo ra xu hướng thông qua sáng tạo trong sản phẩm, mẫu mã, kiểu dáng. Các doanh nghiệp cần có sự nghiên cứu đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm. Hiện các công ty, doanh nghiệp chưa đầu tư đúng mức cho đội ngũ kỹ thuật, quản lý, thiết kế mẫu,... ; phần lớn chỉ dựa vào hợp đồng gia công cho các hãng nổi tiếng như Nike, Adidas, Channel...

Có chiến lược cụ thể cho các sản phẩm thông qua việc nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước để có những chính sách thích hợp đáp ứng được nhu cầu phù hợp với khả năng sản xuất của công ty từ các mặt hàng có giá trị thấp đến cao. Cụ thể hơn các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm để có những sản phẩm giá trị cao

Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm bao gồm những chỉ tiêu đếm được (chỉ tiêu kỹ thuật) và những tính chất không đếm được (thẩm mỹ, thời trang...). Đẩy mạnh nghiên cứu thiết kế, sản xuất thử sản phẩm mới, sản phẩm phẩm chất lượng, tạo ra nhãn hiệu riêng.

## 2.2. Về phía nhà nước

Từ việc phân tích các yếu tố thị trường nội địa thị trường xuất khẩu, tình hình thực tại của Việt Nam và kết quả dự báo như trên, địa phương cần có những chính sách cụ thể và biện pháp thực tiễn nhằm hỗ trợ thị trường trong và ngoài nước của ngành DMG. Sự chủ động và đầu tư đúng mức sẽ là cách để doanh nghiệp có thể rút ngắn

chênh lệch khoảng cách với doanh nghiệp FDI. Ngay lúc này, rất cần những chính sách đúng đắn từ phía Nhà nước, cụ thể như sau:

Thứ nhất, hiện nay tuy đã là thành viên của nhiều tổ chức trên thế giới, nhưng thị trường Việt Nam còn nhiều hạn chế về mọi mặt, vì vậy việc cần thiết đầu tiên là đẩy mạnh mối quan hệ ngoại giao tốt với các thị trường xuất khẩu chính, tạo các mối quan hệ thân thiết như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc... Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh xuất khẩu, cũng như các thị trường tiềm năng khác, tạo mọi điều kiện về các thủ tục hành chính. Thành lập những diễn đàn kinh tế, khuyến khích các doanh nghiệp tham dự, tổ chức những hội chợ, triển lãm quốc tế, nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước có cơ hội học hỏi về công nghệ, sản phẩm, tiếp cận được thị trường mới. Tích cực tham gia các hoạt động hội chợ quốc tế, các diễn đàn chuyên ngành để có điều kiện tham gia vào sự phân công lao động quốc tế. Đẩy mạnh các công tác tiếp thị, tìm hiểu thị trường nhằm đưa ra những chính sách phân phối thích hợp, đồng thời mở rộng các đại lý bán hàng ở nước ngoài. Thành lập những cơ quan đại diện của ngành tại thị trường các nước tiêu biểu.

Thứ hai, hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký bản quyền về thương hiệu, tạo ra giá trị riêng cho doanh nghiệp, hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước; đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa ở nước ngoài trong thị trường hội nhập như hiện nay. Các doanh nghiệp cần có “chỗ đứng” trên thị trường nên đây là giải pháp quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của các doanh nghiệp trong nước. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện cải tiến, đầu tư mạnh vào thiết bị sản xuất hiện đại; đổi mới, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Thứ ba, tăng cường các biện pháp quản lý thị trường, nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực của công tác chống hàng giả, hàng nhái trong thị trường nội địa, tổ chức tốt thương mại trong nước, nhất là các mạng lưới tiêu thụ, đại lý... Kiểm soát chặt chẽ các yếu tố hình thành giá các sản phẩm độc quyền kiểm tra, kiểm soát thị trường, phát hiện và xử lý mạnh các vi phạm Kinh doanh không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc không đúng với nội dung đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Các hành vi cạnh tranh bất hợp pháp.

### **3. Giải pháp về nguồn nhân lực.**

Dự báo đến năm 2030 lao động ngành DMG là 614 nghìn người, chiếm phần lớn toàn ngành công nghiệp. Ngành công nghiệp DMG Đồng Nai mỗi năm cần thêm

một số lượng lớn lao động để phục vụ sản xuất, mỗi năm cần tăng thêm khoảng 20 nghìn lao động cho toàn ngành. Tuy nhiên, lượng lao động ngành DMG đang gặp nhiều khó khăn về năng lực sản xuất, trình độ kỹ thuật đồng thời năng lực quản lý doanh nghiệp. Do đó, trong giai đoạn 2016 – 2030, cả chính phủ cũng như doanh nghiệp cần đưa ra những chính sách phát triển phù hợp nhằm đáp ứng được nhu cầu về số lượng cũng như chất lượng của lực lượng lao động trong ngành, đồng thời nâng cao trình độ kỹ thuật của lao động trong toàn ngành:

Thứ nhất, ngành giáo dục phổ thông cần có những biện pháp giáo dục, hướng nghiệp cho học sinh sớm, định hướng chọn nghề trong tương lai phù hợp với khả năng của mỗi cá nhân, đồng thời tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận ngành, thông qua việc phân tích đặc điểm từng ngành. Bên cạnh đó, Tỉnh cần có những biện pháp đa dạng hình thức đào tạo thông qua các trường Đại học, cao đẳng, trường nghề và các trung tâm giáo dục thường xuyên, nhằm cung cấp những khóa học, khóa đào tạo ngắn hạn dành cho lao động nâng cao tay nghề và các nhà quản trị nâng cao khả năng quản lý doanh nghiệp.

Thứ hai, trong các trường cao đẳng, trung cấp nghề cần phát triển thêm những ngành kỹ thuật dệt may, cung cấp các lớp học đào tạo ngành chính quy: Dệt, hóa chất, nhuộm, môi trường, cơ khí, công nghệ may, thiết kế mẫu, vi tính,... Đối với ngành DMG, củng cố, nâng cao chất lượng các lớp trung học kỹ thuật và cao đẳng về ngành dệt may giày dép. Tổ chức các khóa học nhằm đào tạo và đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật, lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của ngành, kịp thời cập nhật tiến bộ khoa học kỹ thuật. Mở rộng hệ thống dạy nghề của Tỉnh về quy mô chiều sâu và chiều rộng; khuyến khích đưa dệt may về các vùng nông thôn để từng bước góp phần công nghiệp hóa nông thôn, khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia hệ thống đào tạo nghề. Thường xuyên Tổ chức thi nâng bậc, thi tay nghề giỏi để công nhân tự rèn luyện tay nghề nhằm ngày càng có nhiều công nhân có tay nghề cao, có thể sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng cao.

Thứ ba, cần có sự phối hợp giữa các doanh nghiệp và ngành giáo dục trong việc đào tạo nguồn nhân lực, cần có kế hoạch cụ thể trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp, tránh trường hợp có ngành quá tải nguồn nhân công trong khi có ngành lại thiếu hụt làm giảm chất lượng và hiệu quả hoạt động của ngành. Chú trọng việc đào tạo công nhân có tay nghề cao, năng động sáng tạo. Tổ chức, phối hợp tạo điều kiện

cho các trường Đại học, Trường dạy nghề liên kết với các doanh nghiệp ngành công nghiệp DMG để các sinh viên được thực tập và làm việc tại doanh nghiệp.

Thứ năm, hỗ trợ kinh phí trong việc đào tạo nghề cho các doanh nghiệp ngành DMG đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, có các chương trình đào tạo nghề cho lao động vùng nông thôn. Tiếp tục nghiên cứu triển khai các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp như đưa rước công nhân, phát triển mạnh các loại hình dịch vụ phục vụ cho người lao động trong các khu công nghiệp nói chung, ngành DMG nói riêng.

Thứ sáu, như đã nêu ở phần thực trạng quy mô đào tạo, hiện nay tại Đồng Nai, khu vực Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh có nhiều cơ sở đào tạo ngành công nghệ may từ trình độ cơ bản – tay nghề đến trình độ nâng cao - trung cấp, cao đẳng và đại học. Để thay thế lượng cán bộ, công nhân nghỉ hưu, công nhân nghỉ việc, cần có biện pháp liên kết với các trường đào tạo đã nêu. Ngoài ra cần thu hút thêm nguồn nhân lực từ tỉnh ngoài về làm việc, để thực hiện, các doanh nghiệp phải xây dựng các chính sách đãi ngộ phù hợp về lương, thưởng, trợ cấp cho lao động, cũng như quan tâm đến việc chăm lo ổn định đời sống, việc làm cho người lao động ngoại tỉnh. Chú ý khâu đào tạo nguồn nhân lực và áp dụng các giải pháp quản lý, công nghệ tiên tiến nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất.

#### **4. Giải pháp về khoa học - công nghệ.**

Có những kế hoạch đào tạo nâng cao về kiến thức khoa học công nghệ, khuyến khích phát triển ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất, tạo điều kiện hiện đại hóa công nghiệp hóa nâng cao cạnh tranh trong giai đoạn hội nhập. Hiện nay, địa bàn tỉnh đã có những chính sách đầu tư, phát triển khoa học công nghệ nhưng chưa thật sự được chú trọng và chưa thu hút các doanh nghiệp. Thuê các chuyên gia trong ngành tư vấn về cải tiến, đào tạo; đầu tư các thiết bị nghiên cứu, kiểm tra chất lượng sản phẩm. Một số chính sách được nhắc đến nhằm tạo điều kiện phát triển nghiên cứu khoa học, nâng cao việc chuyển giao công nghệ như sau:

Thứ nhất, hỗ trợ kinh phí cho việc phát triển nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất, mở các khóa học đào tạo, tìm hiểu về nghiên cứu khoa học. Tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp phát triển các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu, cải tiến, đổi mới thiết bị công nghệ để tiết kiệm chi phí, nghiên cứu thay thế các nguyên liệu nhập khẩu bằng các nguyên liệu tương đương với chất lượng vượt trội, ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất.

Thứ hai, tăng cường nguồn vốn cho Quỹ khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ của tỉnh, hỗ trợ lãi suất từ các Quỹ để thực hiện nghiên cứu khoa học, sử dụng đúng mục đích nghiên cứu. Có các chính sách hỗ trợ không hoàn lại, hoặc đề ra mức hỗ trợ đối với các dự án phát triển ngành, phát triển công nghệ khoa học, các mức cho vay được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 9872/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Thứ ba, các doanh nghiệp DMG được hỗ trợ, xây dựng và áp dụng các hệ thống thiết bị sản xuất tiên tiến, hiện đại; tạo điều kiện xây dựng hệ thống quản lý, kiểm soát có chất lượng cao. Hỗ trợ trong việc đăng ký bản quyền trong quá trình hội nhập TPP và ASEAN (nhãn hiệu, kiểu dáng công nghệ, bằng sáng chế, chất lượng sản phẩm...) theo quy định tại chương trình số 8395/CTr-HTQT và số 8396/CTr-HTQT ngày 26/12/2005 của Ban Hợp tác Kinh tế Quốc tế tỉnh.

Thứ tư, các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm DMG thuộc nhóm chủ lực, ưu tiên được hỗ trợ xây dựng quản lý chất lượng, hệ thống kiểm soát, ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Nâng cao năng lực quản lý, hợp lý hóa sản xuất, hạ giá thành sản phẩm; đầu tư nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới; đổi mới thiết bị sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiết kiệm nguyên vật liệu phục vụ sản xuất...

Thứ năm, ưu tiên hỗ trợ khuyến công theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/05/2012 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, áp dụng khoa học - công nghệ như: chuyển giao công nghệ, công nghệ sản xuất thử nghiệm...

Thứ sáu, cung cấp thông tin về công nghệ, đầu tư thiết bị cho các doanh nghiệp DMG nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới, sản xuất những sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường. Phối hợp với các Viện nghiên cứu để thực hiện hỗ trợ các kỹ thuật sản xuất, tổ chức các hội thảo giới thiệu về công nghệ, các sử dụng, các đặc tính của các thiết bị hiện đại... cho các doanh nghiệp DMG.

## **5. Giải pháp về công nghiệp hỗ trợ**

- Tập trung xây dựng một số khu, cụm CNHT có trang thiết bị, công nghệ tiên tiến gắn với ngành sản xuất giấy dếp. Dồn hết mọi khả năng để kêu gọi FDI đầu tư vào việc sản xuất trong các ngành CNHT cho ngành DMG. Cụ thể là chỉ định một số khu công nghiệp để ưu tiên giải quyết ngay và triệt để các mặt về hạ tầng, về thủ tục hành chính, về cung cấp nguồn nhân lực cần thiết, v.v... và đặt ra các đội chuyên trách thường



xuyên theo dõi hoạt động đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài để phát hiện ngay các vướng mắc và giải quyết ngay.

- Tăng cường đào tạo cán bộ kỹ thuật các ngành thiết kế, chế tạo máy, điều khiển tự động, điện tử tin học để làm chủ các công nghệ được chuyển giao, nghiên cứu thiết kế tạo ra công nghệ nguồn và kiểu dáng sản phẩm riêng của DMG Đồng Nai. Thu hút sự hỗ trợ của chính phủ các nước phát triển như Nhật Bản, EU... để đào tạo nguồn nhân lực cho CNHT ngành DMG. Hiện nay, Nhật Bản và một số nước khác đang có chế độ gửi những người đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng còn sức khỏe và ý chí muốn đem kinh nghiệm của mình đến giúp các nước đang phát triển. Đồng Nai có thể tận dụng nguồn lực quốc tế này để nhanh chóng tăng sức cạnh tranh của các ngành phụ trợ công nghiệp. Bên cạnh đó, đặc biệt khuyến khích các doanh nghiệp FDI tham gia vào công tác đào tạo nguồn nhân lực; Tạo điều kiện đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở nghiên cứu, chủ động đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên ngành, cũng như hợp tác nghiên cứu với các đối tác nước ngoài trong một số chương trình đào tạo nguồn nhân lực để phát triển CNHT DMG.

- Kết nối các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nội địa trong việc phát triển sản xuất hỗ trợ thông qua các chương trình giới thiệu nhu cầu phát triển và sử dụng sản phẩm phụ trợ và hợp đồng kinh tế giữa các doanh nghiệp này; Xây dựng các chương trình hợp tác dài hạn với các đối tác chiến lược - các công ty, tập đoàn đa quốc gia về CNHT cho ngành DMG nói riêng ở tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030; đồng thời củng cố và nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành DMG, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ làm đầu mối liên kết doanh nghiệp sản xuất DMG, đại diện cho ngành tìm kiếm, tiếp nhận tài trợ thực hiện các giải pháp phát triển ngành, đầu mối xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, đề xuất các cơ chế chính sách phát triển CNHT cho ngành DMG;

- Xây dựng các trang web chuyên ngành CNHT ngành DMG, xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phụ trợ, kênh thông tin cho các công ty nguyên phụ liệu và các nhà sản xuất FDI, SOE... để làm cơ sở cho việc giới thiệu, tìm kiếm các mối liên kết ngang; Tổ chức và hỗ trợ thành lập các trung tâm tiếp thị tìm kiếm thị trường tiêu thụ và đối tượng cung cấp sản phẩm phụ trợ trong và ngoài nước, làm cầu nối giữa các doanh nghiệp.

- Phát triển công nghiệp phụ trợ DMG trên cơ sở ưu tiên khuyến khích phát triển các chuyên ngành công nghiệp, như: ngành cơ khí sản xuất linh kiện phụ tùng; sản xuất

các loại sợi cho ngành DMG, nguyên phụ liệu,... đảm bảo phục vụ cho ngành DMG phát triển bền vững, gắn với bảo vệ môi trường. Khuyến khích các dự án công nghiệp phụ trợ ngành DMG đầu tư về các địa bàn nông thôn các huyện miền núi theo quy hoạch ngành thông qua hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, nhằm tạo việc làm và góp phần phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn các huyện.

- Tăng cường sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp ngành hàng khi thực hiện các đơn hàng lớn và khi đàm phán mua nguyên vật liệu, tăng cường sử dụng các nguyên liệu trong nước. Đối với các nguyên phụ liệu khác như vải, đế, lót đế, dây kéo, vật liệu trang trí như ren, nơ,... cần được hình thành một cụm công nghiệp chuyên sản xuất nguyên phụ liệu phục vụ cho ngành DMG.

## **6. Giải pháp về môi trường.**

Ngành DMG, trong đó ngành dệt, nhuộm là ngành có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường rất cao do sử dụng nhiều nước và hoá chất tạo ra nhiều chất thải lỏng nhất; Do đó, thời gian tới, để phát triển bền vững cần tập trung một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, đầu tư vào đổi mới công nghệ ngành DMG, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng các thiết bị đạt chuẩn, thân thiện với môi trường để giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Hiện nay, theo khảo sát thực tế và các báo cáo, trình độ công nghệ tham gia vào việc sản xuất trong ngành DMG Đồng Nai nhìn chung chưa cao; vì vậy một khi trình độ công nghệ được nâng lên sẽ giúp cho ngành sản xuất được những mặt hàng có chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước, tạo lợi thế cạnh tranh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đối với ngành dệt nói riêng, việc nâng cao trình độ công nghệ, sử dụng các loại máy móc hiện đại để hạn chế các tác động đến môi trường, nhờ đó có thể sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng cao, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Thứ hai, nhà nước cần đưa ra các quy định, tiêu chuẩn chung về các tiêu chí kỹ thuật, trình độ công nghệ cần phù hợp với đặc thù kinh tế của Việt Nam. Trình độ công nghệ máy móc phải đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước. Cần có các giấy chứng nhận hợp lệ từ phía nhà nước thì mới có thể nhập khẩu các thiết bị máy móc nêu trên.

Thứ ba, khi thực hiện các dự án đầu tư, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đánh giá những tác động của dự án đối với môi trường và khi lập dự án đầu tư xin cấp phép đầu tư, các doanh nghiệp phải đầu tư nguồn vốn cho các thiết bị, công trình xử lý nước thải, chất thải, trước khi đưa ra môi trường để

bảo vệ môi trường. Khuyến khích doanh nghiệp trích kinh phí hàng năm từ lợi nhuận của doanh nghiệp để thực hiện trùng tu, sửa chữa, bổ sung, đầu tư, đổi mới đối với hệ thống thiết bị bảo vệ môi trường. Các cơ quan chức năng, cơ quan nhà nước cần làm đúng với chức năng, nghiêm túc trong việc thanh kiểm tra các hoạt động của các doanh nghiệp trong việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường.

Thứ tư, đẩy mạnh kèm theo hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong ngành tiếp cận và ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường đáp ứng tiêu chuẩn ISO 14000 và các tiêu chuẩn chất lượng khác. Ngoài ra, trong thị trường hội nhập như hiện nay, ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, địa phương các cấp cần chú trọng triển khai thực hiện, hỗ trợ cho doanh nghiệp tiếp cận, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ năm, ưu tiên hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi, cho vay trong thời hạn dài từ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp DMG để đầu tư vào các hạng mục công trình, đầu tư vào các thiết bị nhằm bảo vệ môi trường như đầu tư vào công nghệ máy móc xử lý nước thải, chất thải nguy hại hoặc đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm, sử dụng các thiết bị công nghệ thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh việc đầu tư của các doanh nghiệp vào việc xây dựng hệ thống xử lý chất thải trong các khu công nghiệp. Tăng cường công tác quản lý của nhà nước đối với các hoạt động của doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến việc bảo vệ môi trường.

## **7. Giải pháp về tài chính.**

Huy động nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư phát triển, khuyến khích đầu tư trực tiếp, liên doanh, liên kết để tìm kiếm nguồn vốn đầu tư.

Thành lập Quỹ phát triển cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để ưu tiên phát triển các dịch vụ cung cấp tài chính, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, quản trị kinh doanh, quản lý tài chính, khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, đào tạo kỹ năng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Kết nối các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài để kêu gọi vốn từ các quỹ này cũng như nhận được tư vấn về tài chính từ các quỹ. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp DMG lớn có thể xem xét niêm yết trên thị trường chứng khoán để kêu gọi vốn đầu tư.

## **8. Giải pháp về quản lý ngành và phối hợp triển khai thực hiện quy hoạch.**

### *8.1. Giải pháp về quản lý ngành.*

Vào thời điểm hiện tại, việc nâng cao chất lượng quản lý trong ngành, ý thức về tầm quan trọng của ngành công nghiệp DMG, đưa ngành đi đúng định hướng và đường lối mà Đảng và Nhà nước đã vạch ra thông qua một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo ngành, các khóa học đào tạo ngắn hạn về quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn, công tác quản lý có sự phân chia rõ ràng và phối hợp giữa các cấp, đảm bảo việc thực hiện quản lý, nhằm nâng cao khả năng, trình độ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Hỗ trợ và hoàn thiện công tác quản lý ngành.

Thứ hai, cần làm rõ ràng và cụ thể hơn với các quy định quản lý có sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các ngành. Ngoài ra, trong công tác quản lý ngành chưa có sự phối hợp, liên kết và hỗ trợ nhau giữa các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các doanh nghiệp trong ngành... Vì vậy cần phải tăng cường công tác quản lý, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế chính sách, các quy định và có sự phối hợp trong việc quản lý, tăng hiệu quả trong hoạt động, đánh giá, có định hướng phát triển rõ ràng, cụ thể.

Thứ ba, nâng cao hoạt động của các doanh nghiệp trẻ, vừa và nhỏ, mới phát sinh ở Đồng Nai bằng các hỗ trợ thiết thực để các doanh nghiệp có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp vốn FDI; Hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đầu tư và phát triển, các thủ tục hành chính liên quan: đề xuất với Cơ quan chức năng, sửa đổi, bổ sung những vấn đề có liên quan đến cơ chế chính sách, thủ tục... để tạo thuận lợi, điều kiện để phát triển ngành; khuyến khích tổ chức các buổi huấn luyện cho các doanh nghiệp. Tranh thủ sự ủng hộ và đầu tư của các nước trên thế giới để học hỏi, tìm hiểu những cách thức quản lý, tăng khả năng cạnh tranh.

Thứ tư, hỗ trợ từ hệ thống thông tin, thu thập và lưu trữ thông tin về ngành bao gồm các số liệu chi tiết về thông tin tên các doanh nghiệp, các thông tin liên lạc... để thực hiện công bố, khai báo minh bạch trên truyền thông để các doanh nghiệp dễ dàng trong việc thu thập thông tin.

Thứ năm, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, sáng tạo trong sản xuất đi đôi với việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm chi phí và duy trì được truyền thống văn hóa tốt đẹp. Có các dự án phát triển, đổi mới, sáng tạo trong quy hoạch phát triển của ngành, hướng dẫn các nhà đầu tư đi đúng hướng, phù hợp với mục tiêu đề ra, tránh lãng phí thời gian.

## *8.2. Giải pháp về công tác phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch*

Để hỗ trợ thực hiện công tác quy hoạch, nhóm nghiên cứu đề ra các giải pháp sau:

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính, tăng cường trách nhiệm các cấp các ngành trong giải quyết và xử lý công việc. Tổ chức triển khai quy hoạch ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác thực hiện quy hoạch. Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, đơn vị có liên quan, giữa tỉnh và thị xã... để công tác quản lý nhà nước về công nghiệp ngày càng được tăng cường và nâng cao hiệu lực trong việc phát triển ngành công nghiệp.

## **9. Giải pháp hoàn thiện chuỗi giá trị DMG ở tỉnh Đồng Nai và xây dựng mối liên kết vùng**

Kết quả phân tích ở trên cho thấy, ngành dệt may Đồng Nai cần phải có những cải cách sâu rộng và triệt để hơn trên nhiều khía cạnh về chiến lược phát triển để nâng cao vị thế của ngành trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu phù hợp với năng lực và lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp dệt may Đồng Nai.

### **Chuyển dần hoạt động sản xuất từ phương thức CMT sang FOB, ODM**

Phương thức sản xuất CMT đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển ban đầu của ngành dệt may Đồng Nai. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, các yếu tố mang lại lợi thế cạnh tranh cho phương thức sản xuất CMT như chi phí lao động thấp, chi phí được hỗ trợ như điện, nước, đất đai sẽ dần dần mất đi. Cùng với đó, thách thức toàn cầu đã đặt các nhà sản xuất dệt may Đồng Nai dưới áp lực cạnh tranh, đòi hỏi phải có khả năng cung cấp trọn gói, chất lượng ngày càng cao, giá thành cạnh tranh và thời hạn giao hàng theo nhu cầu của người mua trong chuỗi giá trị toàn cầu. Do vậy, các doanh nghiệp dệt may Đồng Nai cần thực hiện việc dịch chuyển dần từ gia công với tỷ trọng nhập khẩu nguyên liệu cao sang hình thức xuất khẩu theo FOB và ODM để đáp ứng yêu cầu người mua và tạo giá trị gia tăng cao hơn.

Sự dịch chuyển từ phương thức sản xuất CMT sang FOB và ODM đòi hỏi các doanh nghiệp phải có sự chủ động đối với nguồn nguyên phụ liệu. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, mất xích sản xuất nguyên phụ liệu là mất xích còn yếu của ngành dệt may Đồng Nai. Do đó, sự dịch chuyển từ phương thức sản xuất CMT sang FOB và ODM đòi hỏi một chiến lược phù hợp trong cả ngắn hạn và dài hạn.

Trong ngắn hạn, các doanh nghiệp may vẫn chủ yếu dựa vào nguồn nguyên phụ liệu nước ngoài, vì vậy để đảm bảo sự chủ động với nguồn nguyên phụ liệu đòi hỏi các doanh nghiệp phải có một mối liên kết chặt chẽ với các nhà cung cấp nguyên phụ liệu nước ngoài. Sự liên kết chặt chẽ này chỉ có thể có được nếu chính quyền địa phương và ngành DMG tỉnh làm được các vấn đề sau: Thứ nhất, cần thiết phải xây dựng mạng lưới thông tin sẵn có về các nhà cung cấp nguyên phụ liệu không chỉ ở trong địa bàn tỉnh mà phải xét trên mối liên hệ liên kết giữa các tỉnh lân cận và vùng, để các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với nhà cung cấp có khả năng cung cấp các loại nguyên liệu đặc biệt và phải tin cậy về chất lượng, thời gian giao hàng. Thứ hai, cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp để nâng cao vị thế của từng doanh nghiệp trong mối quan hệ với các nhà cung cấp. Điều này đòi hỏi vai trò quan trọng của hiệp hội dệt may trong việc đại diện tiếng nói cho các doanh nghiệp. Thứ ba, chính quyền địa phương và chính phủ Việt Nam nói chung cần đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy mối liên kết giữa các doanh nghiệp với các nhà cung cấp thông qua các hiệp định hợp tác và xúc tiến thương mại với các nước của nhà cung cấp.

Trong dài hạn, để thực hiện tốt các đơn hàng FOB và ODM, ngành dệt may Đồng Nai nhất thiết phải dịch chuyển sang phân khúc sản xuất nguyên phụ liệu. Điều này một mặt giúp các doanh nghiệp chủ động hoàn toàn nguồn nguyên phụ liệu, nâng cao lợi thế cạnh tranh mặt khác giúp nâng cao giá trị gia tăng cho ngành dệt may Đồng Nai. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần chuẩn bị tốt khả năng tài chính để thực hiện hoạt động thu mua và vận chuyển nguyên phụ liệu. Đặc biệt để thực hiện tốt các hợp đồng FOB, ODM doanh nghiệp cần phải nâng cấp trình độ đội ngũ nhân lực và trình độ quản lý nhằm quản lý và ứng phó được với các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng nhằm đảm bảo uy tín với các nhà mua trên thế giới.

Vai trò của Chính phủ và chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp dịch chuyển sản xuất theo hướng FOB, ODM có thể được thể hiện trong các khía cạnh sau: thứ nhất, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn tín dụng ưu đãi với lãi suất hợp lý. Thứ hai, hỗ trợ và phối hợp với các doanh nghiệp trong việc đào tạo nguồn nhân lực trong ngành dệt may để nâng cao khả năng của đội ngũ kỹ thuật và quản lý. Thứ ba, hỗ trợ phát triển các khâu thượng nguồn trong chuỗi giá trị để các doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất qua chính sách phát triển tốt cụm ngành dệt may.

## **Nâng cấp chuỗi giá trị dệt may Đồng Nai theo hướng phát triển khâu cung ứng nguyên phụ liệu dệt may**

Xu hướng của các nhà mua hàng lớn tại Mỹ, Nhật Bản và các nước châu Âu là chọn những doanh nghiệp có khả năng sản xuất trọn gói thay vì đặt hàng theo phương thức gia công để rút ngắn thời gian cho ra sản phẩm mới. Rút ngắn được thời gian thực hiện đơn hàng, đồng nghĩa với doanh nghiệp sẽ có lợi thế cạnh tranh hơn về chi phí và tăng doanh thu. Để làm được điều này, ngành dệt may Việt Nam cần di chuyển lên thượng nguồn trong chuỗi giá trị dệt may, nắm giữ các khâu trong phân khúc sản xuất nguyên phụ liệu, đây là chiến lược dài hạn để duy trì và nâng cao lợi thế cạnh tranh trong xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam. Một lý do khác để ủng hộ cho việc dịch chuyển lên thượng nguồn là hiện tại ngành dệt may Việt Nam chưa đủ khả năng để dịch chuyển lên phân khúc mạng lưới xuất khẩu và marketing, kinh nghiệm từ các nước cho thấy, phải nắm được tất các khâu ở thượng nguồn thì mới có khả năng thực hiện tốt hoạt động ở mạng lưới xuất khẩu và marketing.

Dịch chuyển lên các phân khúc sản xuất nguyên phụ liệu đòi hỏi một chiến lược đồng bộ và hài hòa trong từng khâu của chuỗi giá trị dệt may, mà cụ thể cần có chính sách phát triển cả khâu bông, xơ; sợi và dệt, nhuộm, hoàn tất.

Việc xây dựng và phát triển được nguồn nguyên phụ liệu cho ngành dệt may Đồng Nai đòi hỏi sự đầu tư rất lớn về vốn, công nghệ, đặc biệt là khả năng quản lý hiệu quả. Để giải quyết tốt các vấn đề này, Chính phủ và chính quyền địa phương cần có các chính sách thu hút các nhà đầu tư nước ngoài để tận dụng nguồn vốn FDI trong việc phát triển ngành công nghiệp dệt may như đã đề xuất ở các giải pháp trên.

### **Xây dựng cụm ngành công nghiệp về dệt may và môi liên kết vùng**

Phân tích mô hình thành công của các nước có ngành dệt may phát triển, ví dụ như Trung Quốc, chúng ta thấy nổi lên vai trò của cụm ngành dệt may trong việc thúc đẩy ngành này phát triển. Do đó, nhóm thực hiện đề án nhận thấy rằng để khắc phục những yếu điểm hiện tại của ngành dệt may Đồng Nai đó là sự phát triển thiếu đồng bộ giữa các phân khúc trong toàn chuỗi cung ứng như đã nêu ở trên, việc xây dựng cụm ngành dệt may hoàn chỉnh là hết sức cần thiết. Sự hình thành và phát triển cụm ngành dệt may ở Đồng Nai sẽ giúp thúc đẩy năng suất và hiệu quả của các doanh nghiệp thông qua tăng khả năng tiếp cận dịch vụ và nguồn nguyên liệu; tăng tốc độ và giảm chi phí giao dịch giữa các doanh nghiệp; tăng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, qua đó thúc đẩy nâng cao chất lượng. Ngoài ra, cụm ngành sẽ giúp các doanh nghiệp tiếp cận các

thông tin dễ dàng, từ đó thúc đẩy thương mại và quá trình đổi mới trong các doanh nghiệp. Tóm lại, cụm ngành sẽ giúp các doanh nghiệp trong ngành dệt may Đồng Nai không chỉ tăng khả năng cạnh tranh mà còn tăng cường hợp tác và tạo tác động lan tỏa thúc đẩy sự phát triển toàn ngành.

### **Vai trò của chính phủ cho sự hình thành cụm ngành dệt may Việt Nam**

Chính phủ, chính quyền địa phương cần phối hợp cùng Hiệp Hội Dệt May, Tập đoàn Dệt May Việt Nam, các chính quyền địa phương ở các tỉnh lân cận để lên chiến lược xây dựng cụm ngành dệt may và liên kết sản xuất giữa các tỉnh và vùng nhằm tận dụng lợi ích của cụm công nghiệp như: tăng cạnh tranh, tăng hợp tác và tạo tác động lan tỏa của các doanh nghiệp trong cụm ngành. Cụm ngành dệt may không chỉ bao gồm các doanh nghiệp sợi, dệt, nhuộm và may mặc mà còn bao gồm các doanh nghiệp thuộc ngành hạ nguồn như các kênh phân phối, bán lẻ đến người tiêu dùng; các nhà sản xuất sản phẩm phụ trợ, nhà cung cấp hạ tầng chuyên dụng, các tổ chức đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực, trung tâm nghiên cứu và hỗ trợ kỹ thuật như các trường đại học, cơ quan nghiên cứu chính sách, trường dạy nghề. Ngoài ra, các cơ quan quản lý nhà nước cũng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của cụm ngành dệt may.

Xây dựng cụm ngành dệt may ở Đồng Nai liên quan đến chính sách công nghiệp, do đó vai trò của chính phủ là hết sức quan trọng. Nhóm thực hiện đề án nhận thấy rằng, để thúc đẩy sự hình thành và phát triển của cụm ngành dệt may Đồng Nai trong mối liên hệ liên kết vùng, tỉnh cần thể hiện vai trò trong ba vấn đề sau:

Thứ nhất, đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi để thúc đẩy cạnh tranh, hợp tác và tạo tác động lan tỏa giữa các doanh nghiệp. Về cơ bản ngành dệt may Việt Nam đã có lịch sử lâu dài, qui mô thị trường tương đối lớn và các thiết chế thị trường đã được hình thành một cách cơ bản.

Thứ hai, đảm bảo sự tiếp cận của doanh nghiệp đến nguồn lực và nhân tố sản xuất: mục đích của biện pháp này là nhằm giúp các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực sản xuất dễ dàng với chi phí thấp nhất, qua đó hạ giá thành sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ ba, thu hút đầu tư vào khâu sản xuất nguyên phụ liệu, đặc biệt là khâu dệt, nhuộm và hoàn tất. Rõ ràng, khâu sản xuất nguyên phụ liệu là khâu quan trọng và có giá trị gia tăng cao nhưng đang là khâu yếu kém nhất của ngành DMG. Do đó, để thúc đẩy sự phát triển của ngành DMG, tỉnh phải thực hiện chính sách thu hút đầu tư như đã



đề xuất ở các phần trên (trong và ngoài nước) vào khâu sản xuất nguyên phụ liệu để khắc phục tình trạng yếu kém ở khâu này.

### **10. Giải pháp về đất đai**

Để có thể thu hút tốt nguồn vốn đầu tư, tỉnh đặc biệt là sở kế hoạch đầu tư và sở tài nguyên môi trường cần có các giải pháp phát triển thêm quỹ đất để mở rộng các khu, cụm công nghiệp ở các huyện hẻo lánh nhằm thực hiện công tác chuyển dịch đầu tư của tỉnh cũng như đảm bảo thực hiện quy hoạch ngành DMG theo đề án này. Bên cạnh đó, cần có các chính sách ưu đãi về tiền thuê đất trong các cụm, khu công nghiệp mới nằm ở vùng sâu vùng xa để khuyến khích đầu tư, mở rộng đường xá đến khu công nghiệp để việc vận chuyển hàng hóa được thuận lợi, đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng khu và cụm công nghiệp đồng bộ, đặc biệt chú trọng phát triển quy trình xử lý nước thải, chất thải rắn và xây dựng hệ thống quan trắc chất thải tự động trong cụm khu công nghiệp nhằm đảm bảo an toàn môi trường và hệ sinh thái xung quanh, tránh làm tác động đến đời sống và kinh tế của người dân xung quanh các khu, cụm công nghiệp.

## **II. MỘT SỐ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH**

Với tình hình phát triển ngành DMG hiện nay, để đảm bảo thực hiện tốt theo xu hướng phát triển ngành DMG đã đề ra, tỉnh Đồng Nai cần ban hành một số chính sách sau:

- Chính sách hỗ trợ không hoàn lại, hoặc đề ra mức hỗ trợ đối với các dự án phát triển ngành, phát triển công nghệ khoa học, các mức cho vay được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 9872/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

- Chính sách tín dụng đầu tư phát triển: Áp dụng mức lãi suất cho vay thấp đối với các doanh nghiệp trong ngành, hỗ trợ lãi suất cho các khoản vay trong 1 hoặc 2 năm đầu kèm theo các điều kiện như các khoản vay trả nợ trước hạn hoặc đúng hạn tại thời điểm hỗ trợ lãi suất.

- Chính sách hỗ trợ chi phí di dời vào cụm công nghiệp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh DMG tập trung trong các thành phố và cụm công nghiệp ra ngoài vùng ven nhằm giảm áp lực về dân cư và môi trường.

- Quan trọng nhất, tỉnh cần chủ trương xây dựng dự thảo Quyết định ban hành kèm theo Quy định về một số chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp DMG đầu tư vào các

khu cụm công nghiệp tại địa bàn các huyện vùng sâu vùng xa của tỉnh; chính sách hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp CNHT phục vụ tạo ra nguyên phụ liệu đầu vào cho ngành DMG phát triển mạnh làm tiền đề phát triển ngành DMG của tỉnh theo hướng bền vững và độc lập.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Công Thương:** Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp Dệt May và Giày dép trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được duyệt; chỉ đạo các Trung tâm trực thuộc, gồm: Trung tâm Khuyến công, Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Chi Cục Quản lý thị trường phối hợp với địa phương, doanh nghiệp để lập kế hoạch triển khai hàng năm về các nội dung của Đề án; công bố, chỉ đạo triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, là đầu mối chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp DMG trên địa bàn tỉnh đã được duyệt; cụ thể hoá Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn; chỉ đạo thực hiện quy hoạch thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho cộng đồng, các doanh nghiệp ngành công nghiệp để có định hướng và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với Quy hoạch. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình, xây dựng chương trình kêu gọi, thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp theo đúng định hướng, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở ngành liên quan hỗ trợ các doanh nghiệp, các địa phương trong việc triển khai Quy hoạch đã được phê duyệt. Rà soát các cụm công nghiệp đã được quy hoạch để kêu gọi đầu tư các dự án phát triển ngành dệt may - giày dép.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục đầu tư, thủ tục đăng ký mở rộng sản xuất kinh doanh và các thủ tục liên quan để phát triển ngành DMG,... Tăng cường kêu gọi, thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp DMG, những dự án công nghệ cao và các dự án chuyển giao công nghệ; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng các cơ chế hỗ trợ, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển công nghiệp.

**3. Sở Khoa học và Công nghệ:** Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện việc hỗ trợ phát triển ngành DMG đối với các hoạt động về phát triển khoa học công nghệ như nhãn mác, thương hiệu, sở hữu trí tuệ, hệ thống quản lý chất lượng,... Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ các

doanh nghiệp trong hoạt động, nghiên cứu đổi mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ; chủ trì, nghiên cứu, xem xét nâng mức hỗ trợ tài chính cho hoạt động nghiên cứu đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp công nghiệp.

**4. Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề:** Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương, các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện việc hỗ trợ đối với các hoạt động về phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành DMG.

**5. Sở Tài chính:**phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành liên quan, xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ và cân đối nguồn vốn thực hiện hỗ trợ phát triển ngành DMG.

**6.Sở Tài Nguyên Môi Trường:** đưa ra đề xuất, đóng góp ý kiến vào việc phân bổ, quản lý tài nguyên đất đối với quy hoạch xây dựng KCN DMG mới. Sở TNMT chỉ đạo thực hiện hoạt động tuyên truyền và vận động các DN cùng chung tay bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Sở TNMT phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm soát ô nhiễm môi trường, kiểm soát hệ thống xả thải và đảm bảo các DN, cơ sở sản xuất trong hoạch các KCN, cụm CN mới thực hiện đúng quy định về xây dựng hệ thống xử lý chất thải.

**7. Sở Xây dựng:** tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các KCN, cụm CN được quy hoạch về các lĩnh vực: xây dựng, hạ tầng kỹ thuật KCN, khu công nghệ cao (bao gồm : Kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng, công viên cây xanh, chất thải rắn trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao), vật liệu xây dựng và thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

**8.Sở Giao thông vận tải:** Quản lý về hệ thống giao thông vận tải trên đại bàn tỉnh, có những cơ chế quản lý giao thông trong KCN, cụm CN và giao thông hàng hóa từ KCN, CCN đến Cảng, vụ, thị trường nhằm đảm bảo quá trình lưu thông hàng hóa được dễ dàng, an toàn và có kiểm soát.

**9. Ban quản lý các KCN:** chủ động thực hiện các giải pháp thúc đẩy và phát triển đầu tư vào các KCN mới được quy hoạch; tạo môi trường hoạt động tích cực cho lao động trong KCN; tham gia ý kiến trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch có liên quan đến hoạt động đầu tư, phát triển KCN trong quá trình thực hiện quy hoạch hóa KCN; phối hợp với UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chuyên môn để thực hiện

các nhiệm vụ và quyền hạn được giao trong quá trình thực hiện quy hoạch ngành DMG trên địa bàn theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông.

**10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, UBND địa phương các huyện như Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Xuân Lộc:** cụ thể hoá Quy hoạch phát triển ngành dệt, may và giày dép trên địa bàn địa phương: quản lý; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho cộng đồng các doanh nghiệp ngành công nghiệp dệt, may và giày dép để có định hướng và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với Quy hoạch. Tham gia phối hợp với Sở Công thương, các ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quy hoạch được phê duyệt để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nghiên cứu, đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước điều chỉnh các chính sách, cơ chế để phát triển ngành công nghiệp dệt, may và giày dép theo Quy hoạch. Thực hiện đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp thu hút đầu tư ngành DMG theo đúng định hướng.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cho việc phát triển công nghiệp, đề ra các chính sách hỗ trợ cụ thể nhằm tạo điều kiện về mặt bằng đất đai cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mở rộng địa bàn hoạt động của ngành may mặc, giày dép về vùng nông thôn, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Hỗ trợ cho các ngành nghề truyền thống duy trì và phát triển như nghề dệt thổ cẩm, dệt các loại vải thô... tạo việc làm cho người lao động, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

- Chú trọng đến phát triển nghiên cứu khoa học công nghệ; đầu tư về cơ sở hạ tầng, cũng như hỗ trợ để phát triển nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn.

- Lắng nghe ý kiến của các doanh nghiệp về những khó khăn, những hỗ trợ cần thiết thông qua việc tổ chức khảo sát, thực tế đến các doanh nghiệp.

**11. Các Hiệp hội, các doanh nghiệp ngành DMG:** Thực hiện vai trò kết nối giữa các khâu trong chuỗi giá trị ngành DMG trên đại bàn tỉnh và trong mối liên kết vùng. Bên cạnh đó thường xuyên tổ chức các chương trình kết nối doanh nghiệp, giới thiệu

sản phẩm của ngành DMG Đồng Nai ra thị trường thế giới, giúp ngành DMG Đồng Nai tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu

**12.**Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề trong Quy hoạch không còn phù hợp thì các đơn vị đề xuất trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch theo định hướng phát triển.

## **PHẦN IV**

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **I. KẾT LUẬN**

Ngành hàng Dệt may và ngành sản xuất Giày dép gọi chung trong đề án là ngành DMG hiện nay là một trong những động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế Việt Nam. Dù ngành sản xuất quần áo và giày dép may sẵn có truyền thống lâu đời tại Việt Nam, nhưng vào khoảng hơn một thập kỉ trở lại đây, ngành hàng này mới thật sự phát triển và tăng trưởng mạnh, đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của nền kinh tế cả nước và đã đạt được những thành tựu lớn trong suốt một quá trình phát triển không ngừng. Hiện tại, Việt Nam đứng thứ tư thế giới về xuất khẩu may mặc, chỉ sau Trung Quốc, Bangladesh và Ấn Độ và có đang có khả năng vượt lên Bangladesh chiếm vị trí thứ ba. Với ngành sản xuất giày dép, Việt Nam đã là nhà xuất khẩu giày dép và túi xách lớn thứ ba thế giới (sau Trung Quốc và Italy) và kim ngạch xuất khẩu sẽ còn tăng trong thời gian tới. Với những triển vọng trên và những thuận lợi cũng như thách thức trong giai đoạn đầu hội nhập với các khu vực kinh tế thế giới, ngành Dệt may giày dép cần được chú trọng quy hoạch phát triển một cách hợp lý để tận dụng triệt để những lợi thế quốc gia đã tạo ra và đang nắm giữ. Việc lập quy hoạch phát triển ngành Dệt may giày dép của tỉnh Đồng Nai đồng nghĩa với việc đánh giá đúng thực trạng phát triển của ngành trong tỉnh gắn liền với thực trạng phát triển ngành DMG của cả nước và thế giới, xác định đúng mặt hàng chủ lực, dự báo xu hướng phát triển của ngành hàng DMG trong giai đoạn sắp tới, định vị đúng vai trò và vị trí, khả năng đóng góp và sự phát triển tiềm năng của ngành hàng DMG của tỉnh. Vấn đề quan trọng hơn nữa là việc lập quy hoạch giúp tỉnh Đồng Nai định hướng được mục tiêu, chiến lược đúng đắn từ đó tỉnh có thể thực hiện quy hoạch dễ dàng trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng và thế mạnh của mình áp dụng vào ngành hàng chủ đạo được thực hiện quy hoạch. Với ý nghĩa quan trọng như vậy, thông qua vận dụng một cách tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, đề án đã luận giải những vấn đề thực tiễn phát triển ngành gắn liền với xu thế hội nhập làm chủ đạo, dựa trên cơ sở đó đưa ra các dự báo mang tính chính xác cao và tiến hành lập quy hoạch phát triển ngành Dệt may giày dép tỉnh Đồng Nai giai đoạn năm 2016-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Đề án đã đạt được những kết quả sau:

- Khái quát tổng quan hiện trạng ngành Dệt may- giày dép tỉnh Đồng Nai.
- Dự báo các nhân tố tác động đến sự phát triển của ngành Dệt may - giày dép tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

- Xây dựng bộ giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển của ngành Dệt may - giày dép tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

- Đề ra quy hoạch tổng thể về phát triển của ngành Dệt may - giày dép tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

## **II. KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với địa phương**

- Cần xem xét dự án hình thành Trung tâm nguyên phụ liệu chuyên dụng cho ngành DMG phục vụ chung cho toàn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hoặc một số vùng lân cận như Bình Dương, TP Hồ Chí Minh có ngành DMG phát triển. Trung tâm nắm bắt các nhu cầu trong nước, tiến hành điều phối, lập kế hoạch nhập khẩu đối với các nguyên liệu cần nhập khẩu, cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp trong địa bàn. Ngoài ra, cần kêu gọi đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực như: Thiết kế, Sx phụ liệu... để hỗ trợ thúc đẩy phát triển ngành CNHT của tỉnh.

- Kiến nghị UBND tỉnh Đồng Nai chỉ đạo các huyện, các ngành chức năng có liên quan đẩy mạnh việc quy hoạch và xây dựng hạ tầng cho phát triển công nghiệp, nhất là hạ tầng các cụm công nghiệp; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư vào cụm công nghiệp, nhằm tạo điều kiện về mặt bằng đất đai cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành may mặc, giày dép có điều kiện phát triển, góp phần chuyển dịch ngành may mặc, giày dép về vùng nông thôn, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Xem xét dự án chuỗi liên kết ngành từ khâu thiết kế, nguyên phụ liệu đến việc xuất khẩu và phát triển công nghiệp hỗ trợ để doanh nghiệp trong nước có thể chủ động được nguồn cung nguyên phụ liệu, hạn chế sự phụ thuộc vào nhập khẩu.

- Sớm xây dựng, đổi mới công nghệ sản xuất trong ngành trên cơ sở bảo vệ môi trường, không ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật sản phẩm, phù hợp với các đặc trưng vùng miền và thông lệ quốc tế.

### **2. Đối với trung ương**

- Cần kêu gọi, ủng hộ đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực dệt, nhuộm/in/hoàn tất để có những sản phẩm vải đủ tiêu chuẩn may xuất khẩu. Ngoài ra, Chính phủ cần có chỉ đạo các địa phương thống nhất hành động trong việc lựa chọn các dự án FDI về dệt may, da giày. Bên cạnh đó, cơ quan quản lý nhà nước phải thường xuyên lắng nghe và giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp để tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do.

- Xem xét tăng mức lương tạo động lực cho lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống trong tình hình kinh tế xã hội. Xem xét, trưng cầu ý kiến của người lao động về công việc, mức lương và các đề nghị của người lao động và doanh nghiệp. Thường xuyên có các khảo sát, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của các doanh nghiệp để hoàn thiện các chính sách, hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát triển.

- Kiến nghị Bộ Công Thương sớm xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ trong ngành DMG theo hướng thân thiện với môi trường để các địa phương vận dụng. Sớm xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm dệt may phù hợp và hài hoà với pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thông lệ quốc tế.

-



## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Báo cáo ngành dệt may 2015 Lienvietpostbank

Báo cáo ngành dệt may 2015 Việt Nam Viettinbank

Căn cứ Quyết định số 55/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công thương ban hành Quy định nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển lĩnh vực công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu;

Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai V/v phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí Quy hoạch phát triển ngành Dệt may – Giấy dếp tỉnh Đồng Nai năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/04/2014 của Bộ Công Thương, về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 36/2007/QĐ-BCN ngày 06/08/2007 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành da -giày đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.;

Quyết định số 3924/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2007-2015, tầm nhìn đến năm 2020;

Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025;

Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 8/10/2014 của Bộ Công thương, về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Nguyễn, T. N. H. (2016). *Chiến lược xuất khẩu hàng dệt may của Tổng công ty may 10 giai đoạn 2012–2017* (Doctoral dissertation, Đại học quốc gia Hà nội).

Raju, K. V., & Kumar, D. P. (2016). A Study on Impulse Buying Behaviour in the Backdrop of Customer Perception towards Visual Merchandising and Other Service Attributes at Organized Retail Outlets in Hyderabad. *Indian Journal of Science and Technology*, 9(35).

Nên, N. V. (2016). Những rào cản đối với các doanh nghiệp dệt may Việt Nam khi tham gia vào chuỗi giá trị dệt may toàn cầu. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 19(1Q), 102-110.

Goel, N., & Goel, M. (2014). Trade Liberalization and its Impact on the Indian Textile Industry's Export Performance Vis-a-Vis other Competing

Countries. *Arthshastra: Indian Journal of Economics & Research*, 3(4), 41-46.

Sheoran, A., & Kumari, J. (2015). Impact of Make in India on Textile Industry. *Impact of Make in India'Efforts on Management of Business*, 118.

## PHỤ LỤC

### 1. Phụ lục về lựa chọn và phân bổ các chương trình, dự án đầu tư chủ yếu

#### 1.1. Ngành dệt may

| Stt | Dự án đầu tư                                                                 | Số vốn dự kiến             | Địa điểm đầu tư                                   |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | Các Dự án về sản xuất sản phẩm dệt may và chuỗi cung ứng nguyên liệu dệt may | Từ 50-100 tỷ đồng/ 1 dự án | Huyện Cẩm Mỹ, Định Quán, Xuân Lộc, và Thống Nhất  |
| 2   | Các Dự án về sản xuất các sản phẩm phụ trợ cho ngành dệt may,                | Từ 50 tỷ đồng/ 1 dự án     | Huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, và Thống Nhất |
| 3   | Các dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ như cơ khí, nhựa                     | Từ 100 tỷ đồng/ 1 dự án    | Huyện Thống Nhất, Định Quán, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc     |

#### 1.2. Ngành giấy dếp

| Stt | Dự án đầu tư                                                                                                            | Số vốn dự kiến                                                   | Địa điểm đầu tư                                   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | Các Dự án về sản xuất sản phẩm dệt may và chuỗi cung ứng nguyên liệu giấy dếp                                           | Từ 50-100 tỷ đồng/ 1 dự án                                       | Huyện Cẩm Mỹ, Định Quán, Xuân Lộc, và Thống Nhất  |
| 2   | Các Dự án về sản xuất các sản phẩm phụ trợ cho ngành giấy dếp, các dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ như cơ khí, nhựa | Từ 50 tỷ đồng đến 1000 tỷ đồng/ 1 dự án<br><br>Tổng cộng 2 dự án | Huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, và Thống Nhất |
| 3   | Các dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ như cơ khí, nhựa                                                                | Từ 100 tỷ đồng đến 2000 tỷ đồng/ 1 dự án                         | Huyện Thống Nhất, Định Quán, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc     |

### 2. Phụ lục biểu về dự báo ngành dệt, may, giấy dếp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 – 2025.

#### a. Dự báo kim ngạch xuất khẩu Dệt may

*Bảng 50: Kim ngạch nhập khẩu ngành Dệt may*

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7      |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 135858.561 | 1  | 135858.561 | F( 1, 5) = 6.28        |  |  |
| Residual | 108137.439 | 5  | 21627.4879 | Prob > F = 0.0541      |  |  |
|          |            |    |            | R-squared = 0.5568     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.4682 |  |  |
|          |            |    |            | Root MSE = 147.06      |  |  |
| Total    | 243996     | 6  | 40666      |                        |  |  |

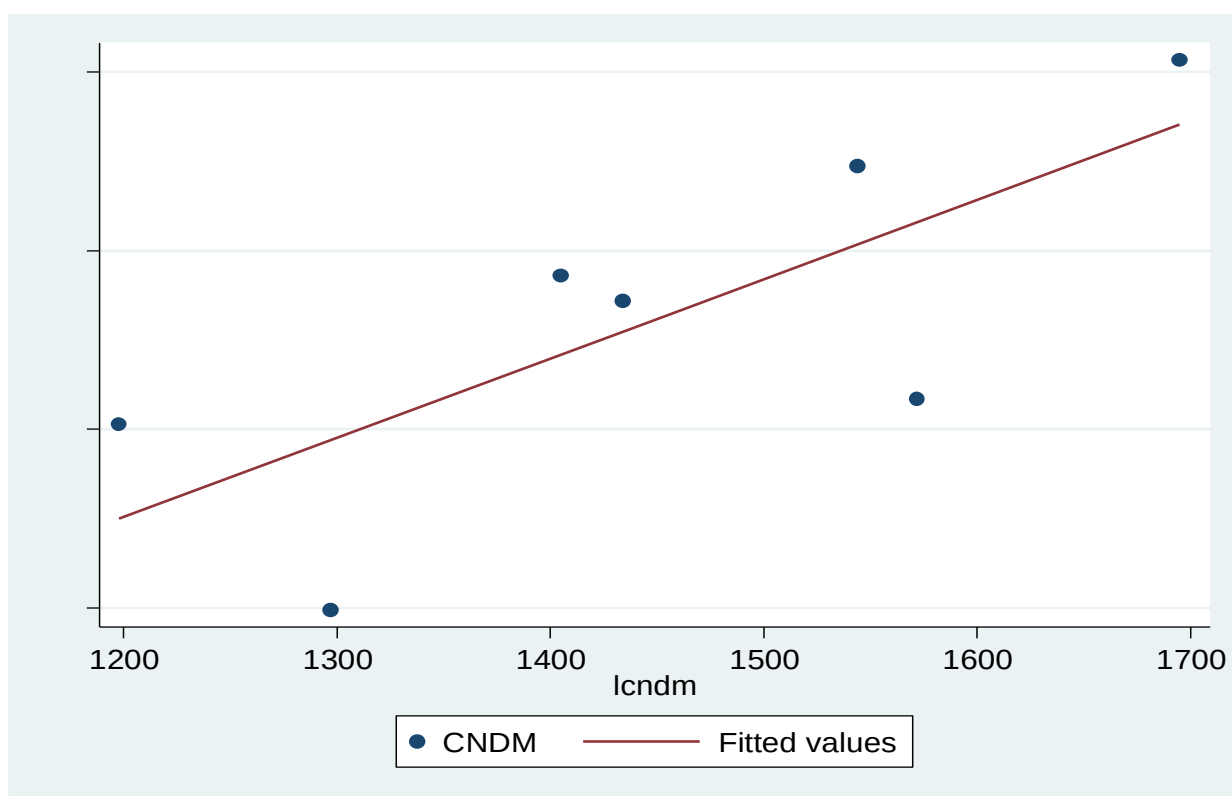
| cndm     | Coef.    | Std. Err. | t    | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|----------|----------|-----------|------|-------|----------------------|----------|
| cndm L1. | .8863424 | .3536397  | 2.51 | 0.054 | -.0227175            | 1.795402 |
| _cons    | 238.4366 | 515.5303  | 0.46 | 0.663 | -1086.776            | 1563.65  |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của ngành công nghiệp Dệt may dựa vào các số liệu quá khứ. Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau

Trong đó:

là kim ngạch xuất khẩu năm  $i+1$

X là kim ngạch xuất khẩu năm  $i$



*Biểu đồ 17: Biểu đồ thể hiện kim ngạch xuất khẩu sản phẩm Dệt May*

Đồ thị kim ngạch xuất khẩu của ngành công nghiệp dệt may tỉnh cho thấy các giá trị nằm cách xa đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành của tỉnh. Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình ở mức trung bình, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là

46,82% tức là biến độc lập giải thích được 46,82% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả vừa phải.

b. Dự báo giá trị sản xuất sản phẩm

Sản phẩm bông xơ

Bảng 51: Sản lượng sản xuất sản phẩm Bông xơ

| Source   | SS         | df | MS         |                 |        |  |
|----------|------------|----|------------|-----------------|--------|--|
| Model    | 57063.6648 | 1  | 57063.6648 | Number of obs = | 7      |  |
| Residual | 4631.76381 | 5  | 926.352762 | F( 1, 5) =      | 61.60  |  |
|          |            |    |            | Prob > F =      | 0.0005 |  |
|          |            |    |            | R-squared =     | 0.9249 |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = | 0.9099 |  |
|          |            |    |            | Root MSE =      | 30.436 |  |
| Total    | 61695.4286 | 6  | 10282.5714 |                 |        |  |

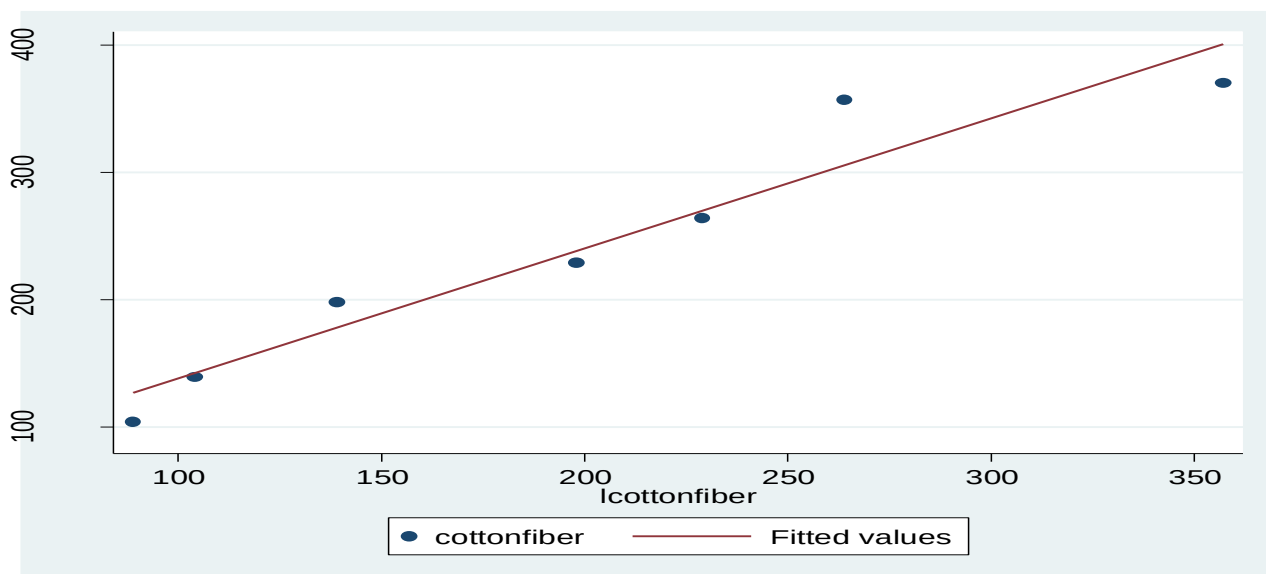
| cottonfiber     | Coef.    | Std. Err. | t    | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|-----------------|----------|-----------|------|-------|----------------------|----------|
| cottonfiber L1. | 1.02053  | .1300272  | 7.85 | 0.001 | .6862845             | 1.354776 |
| _cons           | 36.09551 | 28.09688  | 1.28 | 0.255 | -36.12981            | 108.3208 |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng trưởng sản lượng sản xuất sản phẩm bông xơ dựa vào các số liệu quá khứ....Kết quả nghiên cứu phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là sản lượng sản xuất năm  $i+1$

X là sản lượng sản xuất năm  $i$



Biểu đồ 18: Biểu đồ thể hiện sản lượng sản xuất Bông xơ

Đồ thị biểu hiện sản lượng sản xuất sản phẩm bông xơ cho thấy các giá trị nằm sát đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng giá trị sản xuất ngành dệt may của tỉnh. Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 92.49% tức là biến độc lập giải thích được 92.49% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao.

Đến năm 2030, tổng sản lượng sản xuất sản phẩm Xơ, sợi các loại là 1.482 tấn, tăng 317 tấn so với năm 2015, có tốc độ tăng trưởng trung bình là 1,62%.

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = | 7      |
|----------|------------|----|------------|-----------------|--------|
| Model    | 270536.33  | 1  | 270536.33  | F( 1, 5) =      | 52.20  |
| Residual | 25915.6699 | 5  | 5183.13397 | Prob > F =      | 0.0008 |
| Total    | 296452     | 6  | 49408.6667 | R-squared =     | 0.9126 |
|          |            |    |            | Adj R-squared = | 0.8951 |
|          |            |    |            | Root MSE =      | 71.994 |

| fiber     | Coef.    | Std. Err. | t    | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|-----------|----------|-----------|------|-------|----------------------|----------|
| fiber L1. | .8451804 | .1169857  | 7.22 | 0.001 | .544459              | 1.145902 |
| _cons     | 233.7242 | 89.93259  | 2.60 | 0.048 | 2.545176             | 464.9033 |

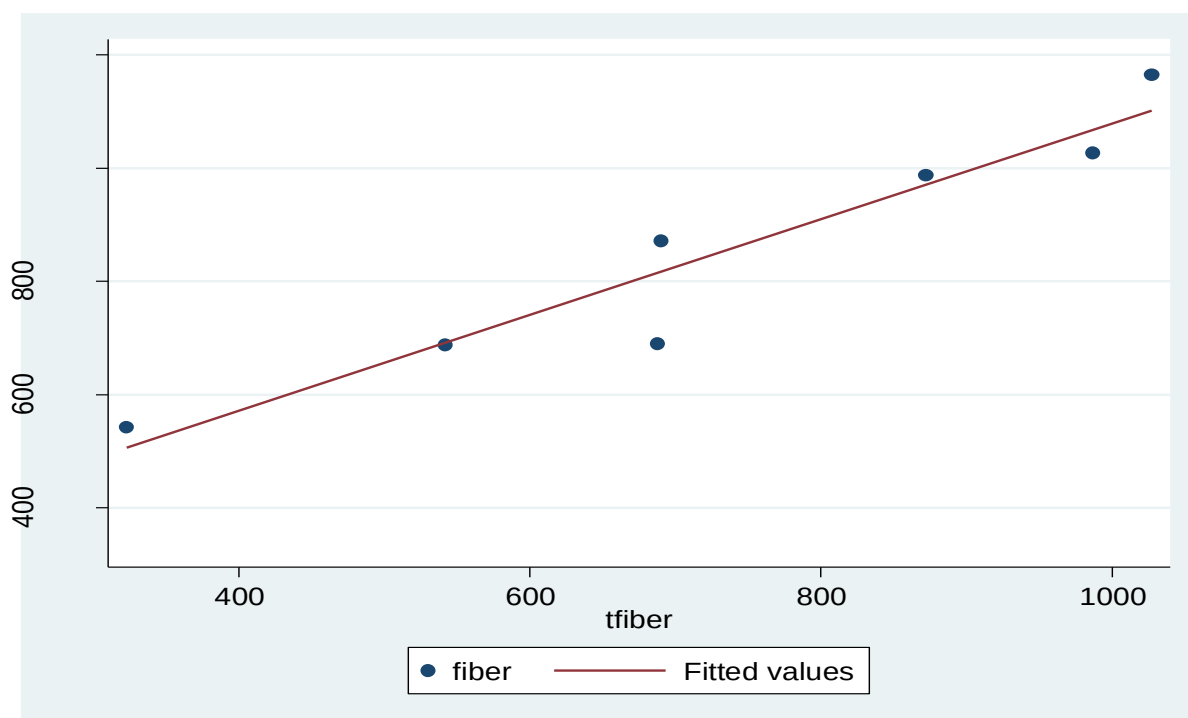
Bảng 52: Sản lượng sản phẩm sợi các loại

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng trưởng sản lượng sản xuất xơ, sợi các loại dựa vào các số liệu quá khứ....Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau

Trong đó:

là sản lượng sản xuất năm  $i+1$

X là sản lượng sản xuất năm  $i$



*Biểu đồ 19: Biểu đồ thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm vải*

Đồ thị sản lượng sản xuất sản phẩm Xơ sợi các loại cho thấy các giá trị nằm sát đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng giá trị sản xuất ngành dệt may của tỉnh. Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 91,26% tức là biến độc lập giải thích được 91,26% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao.

Sản phẩm vải các loại

*Bảng 53: Sản lượng sản xuất sản phẩm vải các loại*

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7      |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 5418.05212 | 1  | 5418.05212 | F( 1, 5) = 169.98      |  |  |
| Residual | 159.376448 | 5  | 31.8752896 | Prob > F = 0.0000      |  |  |
| Total    | 5577.42857 | 6  | 929.571429 | R-squared = 0.9714     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.9657 |  |  |
|          |            |    |            | Root MSE = 5.6458      |  |  |

| tfabric     | Coef.    | Std. Err. | t     | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|-------------|----------|-----------|-------|-------|----------------------|----------|
| tfabric L1. | .9969079 | .0764646  | 13.04 | 0.000 | .8003494             | 1.193466 |
| _cons       | 16.40249 | 17.1521   | 0.96  | 0.383 | -27.68838            | 60.49337 |

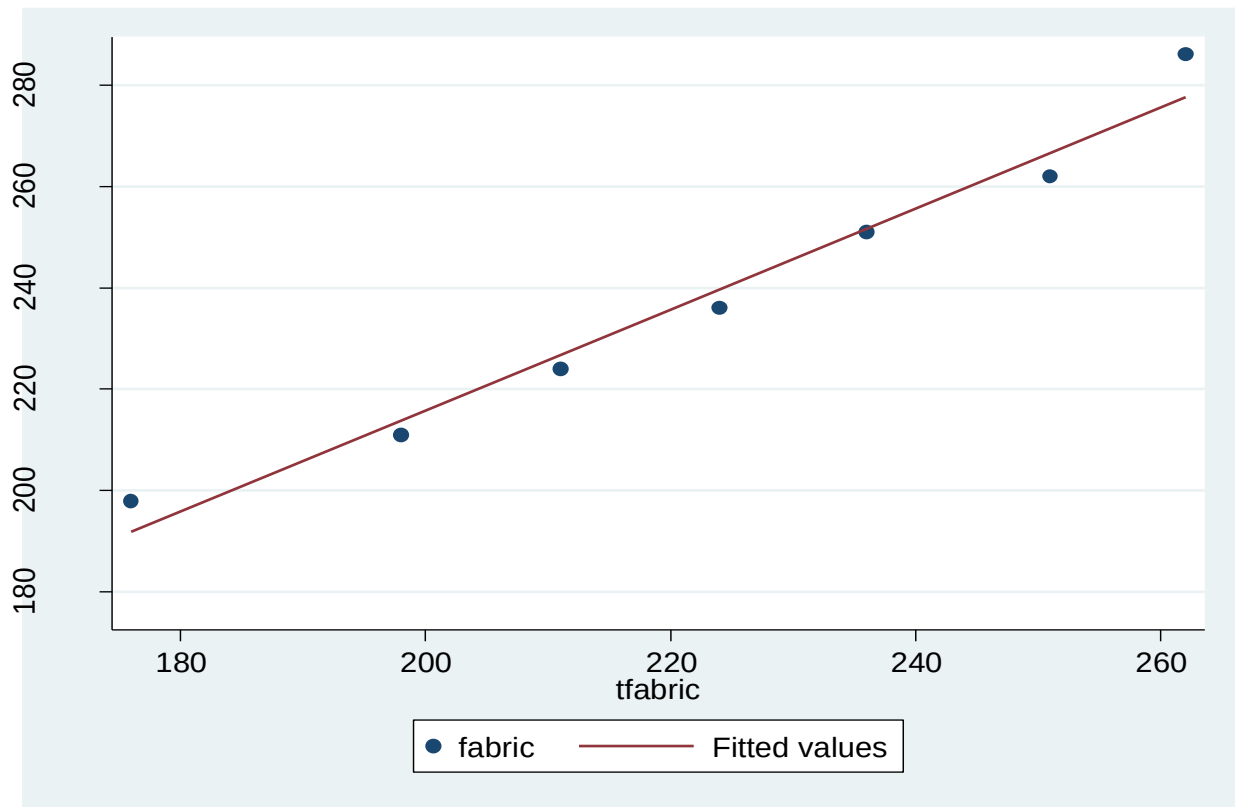
Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng trưởng sản lượng sản xuất vải dựa vào các số liệu quá khứ....Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau:



Trong đó:

là sản lượng sản xuất năm  $i+1$

X là sản lượng sản xuất năm  $i$



*Biểu đồ 20: Biểu đồ thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm vải các loại*

Đồ thị sản lượng sản xuất sản phẩm vải các loại cho thấy các giá trị nằm sát đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng giá trị sản xuất ngành dệt may của tỉnh. Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 96,84% tức là biến độc lập giải thích được 96,84% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao.

Sản phẩm quần áo

*Bảng 54: Sản lượng sản xuất sản phẩm quần áo may sẵn*

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7      |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 8.0649e+09 | 1  | 8.0649e+09 | F( 1, 5) = 107.22      |  |  |
| Residual | 376095597  | 5  | 75219119.4 | Prob > F = 0.0001      |  |  |
| Total    | 8.4410e+09 | 6  | 1.4068e+09 | R-squared = 0.9554     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.9465 |  |  |
|          |            |    |            | Root MSE = 8672.9      |  |  |

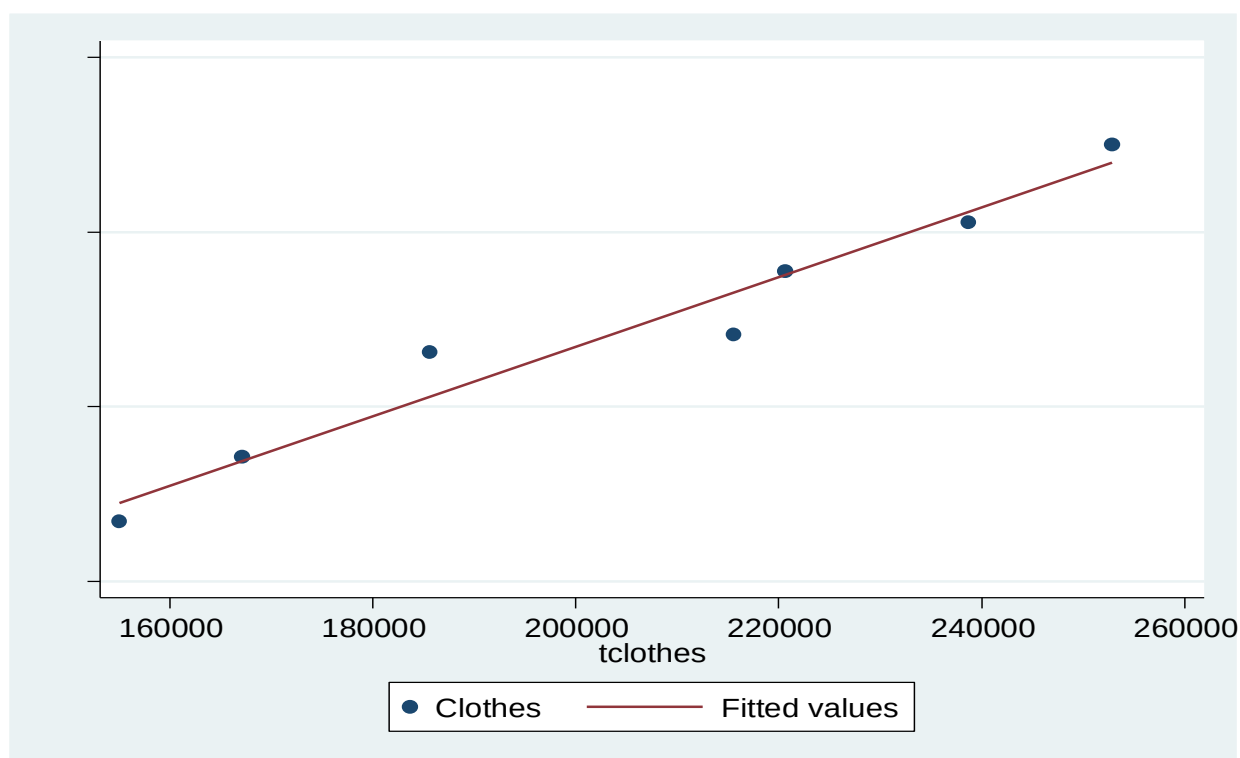
| clothes     | Coef.    | Std. Err. | t     | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|-------------|----------|-----------|-------|-------|----------------------|----------|
| clothes L1. | .9981995 | .0964009  | 10.35 | 0.000 | .7503932             | 1.246006 |
| _cons       | 17529.25 | 20039.79  | 0.87  | 0.422 | -33984.67            | 69043.16 |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng trưởng sản lượng sản xuất sản phẩm quần áo dựa vào các số liệu quá khứ....Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là sản lượng sản xuất năm  $i+1$

X là sản lượng sản xuất năm  $i$



*Biểu đồ 21: Biểu đồ thể hiện sản lượng sản xuất quần áo may sẵn các loại*

Đồ thị sản lượng sản xuất sản phẩm quần áo cho thấy các giá trị nằm sát đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng giá trị sản xuất ngành dệt may của tỉnh. Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 94,65% tức là biến độc lập giải thích được 9,65% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao.

*Bảng 55: Dự báo khối lượng sản xuất các sản phẩm dệt may*

| Tên sản phẩm | Bông xơ    | Sợi các loại | Vải các loại     | Quần áo may sẵn |
|--------------|------------|--------------|------------------|-----------------|
| <b>ĐVT</b>   | <b>Tấn</b> | <b>Tấn</b>   | <b>Triệu mét</b> | <b>1000 cái</b> |

|      |          |          |         |        |
|------|----------|----------|---------|--------|
| 2016 | 413,692  | 1218,359 | 301,518 | 292198 |
| 2017 | 458,280  | 1263,458 | 316,988 | 309201 |
| 2018 | 503,784  | 1301,574 | 332,411 | 326173 |
| 2019 | 550,222  | 1333,789 | 347,785 | 343115 |
| 2020 | 597,614  | 1361,016 | 363,112 | 360027 |
| 2021 | 645,979  | 1384,029 | 378,392 | 376908 |
| 2022 | 695,336  | 1403,478 | 393,625 | 393759 |
| 2023 | 745,707  | 1419,916 | 408,810 | 410579 |
| 2024 | 797,112  | 1433,810 | 423,948 | 427369 |
| 2025 | 849,572  | 1445,552 | 439,040 | 444129 |
| 2026 | 903,109  | 1455,476 | 454,085 | 460858 |
| 2027 | 957,745  | 1463,864 | 469,083 | 477558 |
| 2028 | 1013,503 | 1470,954 | 484,035 | 494227 |
| 2029 | 1070,406 | 1476,945 | 498,941 | 510867 |
| 2030 | 1128,477 | 1482,010 | 513,801 | 527476 |

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan

### c. Dự báo lực lượng lao động

Sau khi tiến hành, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Lực lượng lao động ngành công nghiệp dệt

*Bảng 56: Lực lượng lao động ngành Dệt*

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7      |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 171097358  | 1  | 171097358  | F( 1, 5) = 81.32       |  |  |
| Residual | 10519514.9 | 5  | 2103902.98 | Prob > F = 0.0003      |  |  |
|          |            |    |            | R-squared = 0.9421     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.9305 |  |  |
|          |            |    |            | Root MSE = 1450.5      |  |  |
| Total    | 181616873  | 6  | 30269478.8 |                        |  |  |

| det     | Coef.    | Std. Err. | t    | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|---------|----------|-----------|------|-------|----------------------|----------|
| det L1. | .9967186 | .1105258  | 9.02 | 0.000 | .7126029             | 1.280834 |
| _cons   | 2635.402 | 3549.452  | 0.74 | 0.491 | -6488.755            | 11759.56 |

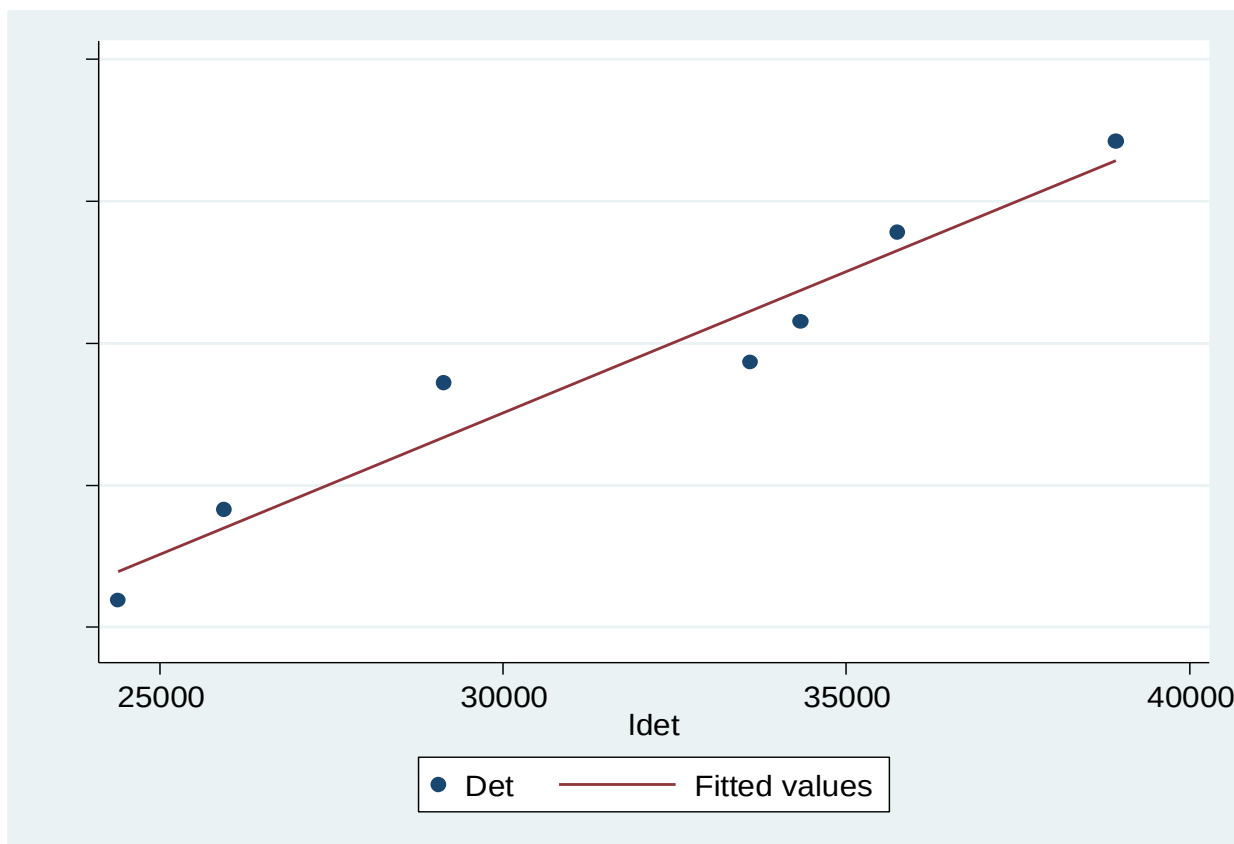
Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp DMG dựa vào các số liệu quá khứ,,Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là lực lượng lao động năm  $i+1$

X là lực lượng lao động năm  $i$

Hàm hồi quy mẫu cho giá trị sản xuất ngành May của Đồng Nai giảm trung bình 1,15 lần so với năm trước đó



Biểu đồ 22: Đồ thị lực lượng lao động ngành Dệt

Đồ thị lực lượng lao động ngành dệt tỉnh Đồng Nai khu vực tư nhân cho thấy các giá trị nằm gần đường thẳng tiếp tuyến biến động trên lực lượng lao động toàn ngành công nghiệp của tỉnh, Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 94,21% tức là biến độc lập giải thích được 94,21% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao trong việc dự báo,

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7      |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 1.0814e+09 | 1  | 1.0814e+09 | F( 1, 5) = 66.04       |  |  |
| Residual | 81879328.2 | 5  | 16375865.6 | Prob > F = 0.0005      |  |  |
| Total    | 1.1633e+09 | 6  | 193876720  | R-squared = 0.9296     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.9155 |  |  |
|          |            |    |            | Root MSE = 4046.7      |  |  |

| may     | Coef.    | Std. Err. | t    | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|---------|----------|-----------|------|-------|----------------------|----------|
| may L1. | 1.043007 | .1283513  | 8.13 | 0.000 | .7130699             | 1.372945 |
| _cons   | 2907.069 | 8080.549  | 0.36 | 0.734 | -17864.64            | 23678.78 |

Bảng 57: Dự báo giá trị sản xuất ngành công nghiệp DMG Đồng Nai năm 2016-2030

Đơn vị: tỷ đồng

| NĂM  | Ngành công nghiệp | Ngành DMG | Ngành Dệt | Ngành May | Ngành giày dép |
|------|-------------------|-----------|-----------|-----------|----------------|
| 2016 | 660,325           | 146,311   | 63,535    | 12,431    | 71,082         |
| 2017 | 728,862           | 158,104   | 67,275    | 12,768    | 79,955         |
| 2018 | 800,424           | 169,634   | 70,718    | 13,040    | 89,417         |
| 2019 | 875,145           | 180,906   | 73,888    | 13,261    | 99,508         |
| 2020 | 953,163           | 191,926   | 76,805    | 13,440    | 110,268        |
| 2021 | 1,034,625         | 202,700   | 79,491    | 13,584    | 121,743        |
| 2022 | 1,119,683         | 213,234   | 81,964    | 13,701    | 133,979        |
| 2023 | 1,208,494         | 223,531   | 84,240    | 13,796    | 147,028        |
| 2024 | 1,301,226         | 233,599   | 86,335    | 13,873    | 160,944        |
| 2025 | 1,398,050         | 243,442   | 88,264    | 13,935    | 175,783        |
| 2026 | 1,499,149         | 253,064   | 90,039    | 13,986    | 191,607        |
| 2027 | 1,604,709         | 262,472   | 91,674    | 14,026    | 208,482        |
| 2028 | 1,714,928         | 271,669   | 93,178    | 14,059    | 226,477        |
| 2029 | 1,830,012         | 280,661   | 94,563    | 14,086    | 245,667        |
| 2030 | 1,950,176         | 289,452   | 95,838    | 14,108    | 266,131        |

*(Giá so sánh 2010)*

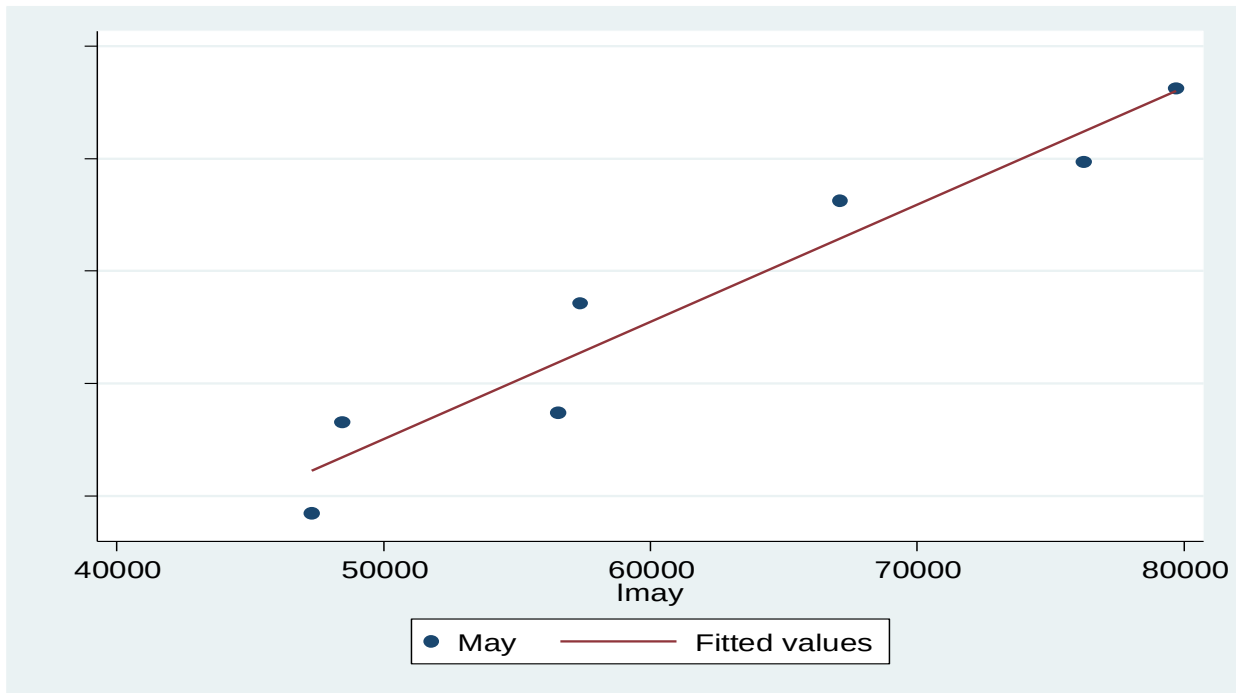
Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng trưởng lực lượng lao động của ngành công nghiệp may dựa vào các số liệu quá khứ,,Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là số lượng lao động năm  $i+1$

X là số lượng lao động năm  $i$



*Biểu đồ 23: Đồ thị thể hiện số lượng lao động ngành May*

Đồ thị lực lượng lao động ngành may của tỉnh Đồng Nai khu vực tư nhân cho thấy các giá trị nằm gần đường thẳng tiếp tuyến biến động trên lực lượng lao động toàn ngành công nghiệp của tỉnh, Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 91,21% tức là biến độc lập giải thích được 94,21% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao trong việc dự báo,

*Bảng 58: Dự báo lực lượng lao động ngành dệt may Đồng Nai giai đoạn 2016-2030*

*Đơn vị: Người*

| Khu vực kinh tế\Ngành\Năm | Toàn ngành công nghiệp | Ngành DMG | Ngành Dệt | Ngành May |
|---------------------------|------------------------|-----------|-----------|-----------|
| 2016                      | 692,080                | 354,319   | 44,616    | 92,870    |
| 2017                      | 749,826                | 380,890   | 47,105    | 99,771    |
| 2018                      | 816,711                | 409,577   | 49,586    | 106,969   |
| 2019                      | 894,183                | 440,547   | 52,059    | 114,476   |
| 2020                      | 983,917                | 473,983   | 54,523    | 122,306   |
| 2021                      | 1,087,853              | 510,081   | 56,980    | 130,473   |
| 2022                      | 1,208,239              | 549,052   | 59,428    | 138,992   |
| 2023                      | 1,347,680              | 591,126   | 61,869    | 147,877   |
| 2024                      | 1,509,191              | 636,549   | 64,301    | 157,143   |
| 2025                      | 1,696,265              | 685,588   | 66,725    | 166,809   |
| 2026                      | 1,912,948              | 738,532   | 69,142    | 176,890   |

|      |           |         |        |         |
|------|-----------|---------|--------|---------|
| 2027 | 2,163,926 | 795,690 | 71,550 | 187,404 |
| 2028 | 2,454,628 | 857,398 | 73,951 | 198,371 |
| 2029 | 2,791,341 | 924,019 | 76,344 | 209,809 |
| 2030 | 3,181,348 | 995,943 | 78,729 | 221,740 |

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan

#### d. Dự báo về kim ngạch xuất khẩu giày dép

Bảng 59: Kim ngạch xuất khẩu ngành Giày Dép

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7 |        |  |
|----------|------------|----|------------|-------------------|--------|--|
| Model    | 1275595.84 | 1  | 1275595.84 | F( 1, 5) =        | 15.00  |  |
| Residual | 425083.016 | 5  | 85016.6031 | Prob > F =        | 0.0117 |  |
|          |            |    |            | R-squared =       | 0.7501 |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared =   | 0.7001 |  |
| Total    | 1700678.86 | 6  | 283446.476 | Root MSE =        | 291.58 |  |

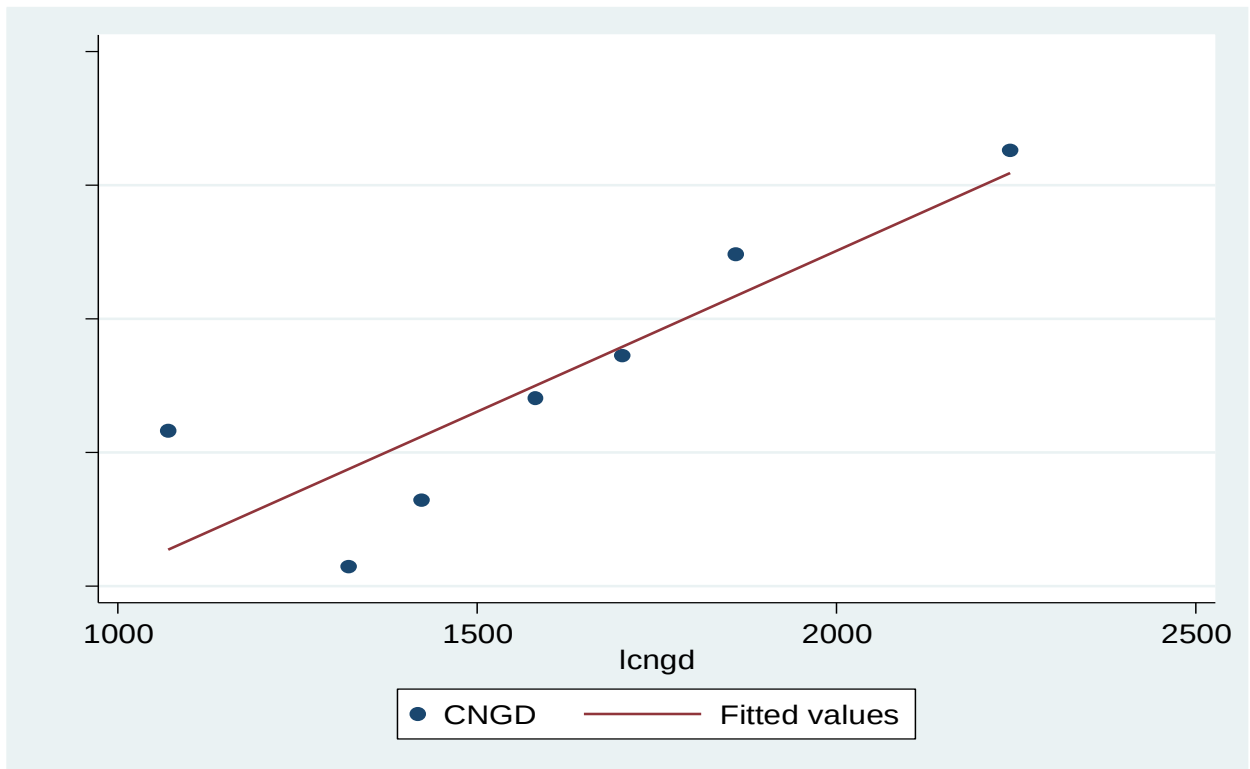
| cngd     | Coef.     | Std. Err. | t     | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|----------|-----------|-----------|-------|-------|----------------------|----------|
| cngd L1. | 1.203317  | .3106529  | 3.87  | 0.012 | .4047584             | 2.001876 |
| _cons    | -152.8206 | 509.0288  | -0.30 | 0.776 | -1461.321            | 1155.68  |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của ngành công nghiệp giày dép dựa vào các số liệu quá khứ, Kết quả nghiên cứu phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là kim ngạch xuất khẩu năm  $i+1$

X là kim ngạch xuất khẩu năm  $i$



Biểu đồ 24: Đồ thị thể hiện kim ngạch xuất khẩu ngành Giày Dép

Đồ thị kim ngạch xuất khẩu của ngành công nghiệp giày dép tỉnh cho thấy các giá trị nằm gần đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành của tỉnh, Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 70,01% tức là biến độc lập giải thích được 70,01% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao,

#### e. Dự báo định hướng về sản phẩm giày dép

Bảng 60: Sản lượng sản phẩm giày dép các loại

| Source   | SS         | df | MS         |                        |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 1.7130e+09 | 1  | 1.7130e+09 | Number of obs = 7      |  |  |
| Residual | 113013361  | 5  | 22602672.3 | F( 1, 5) = 75.79       |  |  |
| Total    | 1.8260e+09 | 6  | 304339188  | Prob > F = 0.0003      |  |  |
|          |            |    |            | R-squared = 0.9381     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.9257 |  |  |
|          |            |    |            | Root MSE = 4754.2      |  |  |

| giaydep     | Coef.    | Std. Err. | t    | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|-------------|----------|-----------|------|-------|----------------------|----------|
| giaydep L1. | 1.044534 | .1199834  | 8.71 | 0.000 | .7361072             | 1.352962 |
| _cons       | 1973.162 | 13989.3   | 0.14 | 0.893 | -33987.47            | 37933.79 |

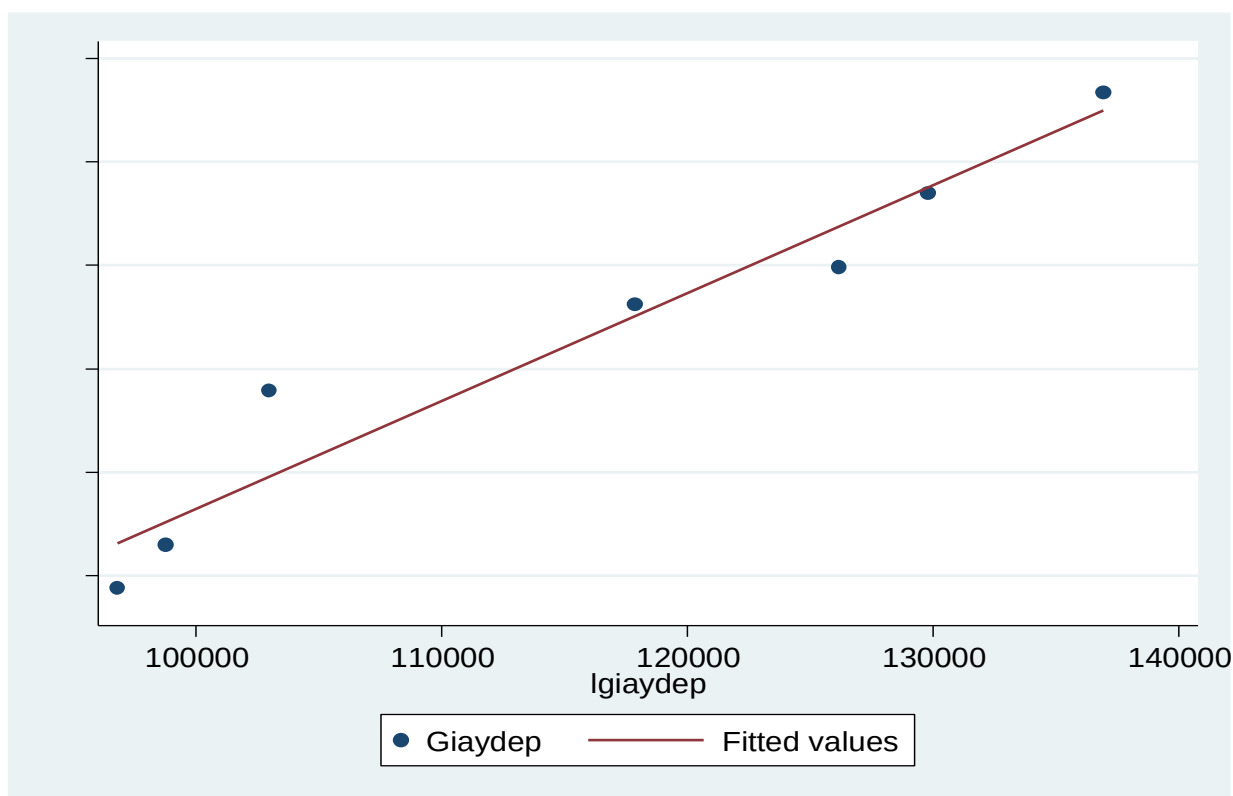
Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự sản phẩm giày dép các loại dựa vào các số liệu quá khứ,,,Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau:



Trong đó:

là sản lượng sản xuất năm  $i+1$

X là sản lượng sản xuất năm  $i$



*Biểu đồ 25: Đồ thị thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm giấy dép*

Đồ thị sản lượng sản xuất sản phẩm giấy dép các loại cho thấy các giá trị nằm sát đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng giá trị sản xuất ngành dệt của tỉnh, Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 93,81% tức là biến độc lập giải thích được 93,81% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao,

### **Sản phẩm va ly**

Đến năm 2030, sản lượng sản xuất sản phẩm Valy dự báo đạt 4,457 ngàn sản phẩm, tăng 11,11 lần so với năm 2015, có tốc độ tăng trưởng trung bình là 17,52%/năm,

*Bảng 61: Sản lượng sản xuất sản phẩm valy*

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7      |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 54444.4667 | 1  | 54444.4667 | F( 1, 5) = 22.88       |  |  |
| Residual | 11900.3905 | 5  | 2380.07809 | Prob > F = 0.0050      |  |  |
|          |            |    |            | R-squared = 0.8206     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.7848 |  |  |
| Total    | 66344.8571 | 6  | 11057.4762 | Root MSE = 48.786      |  |  |

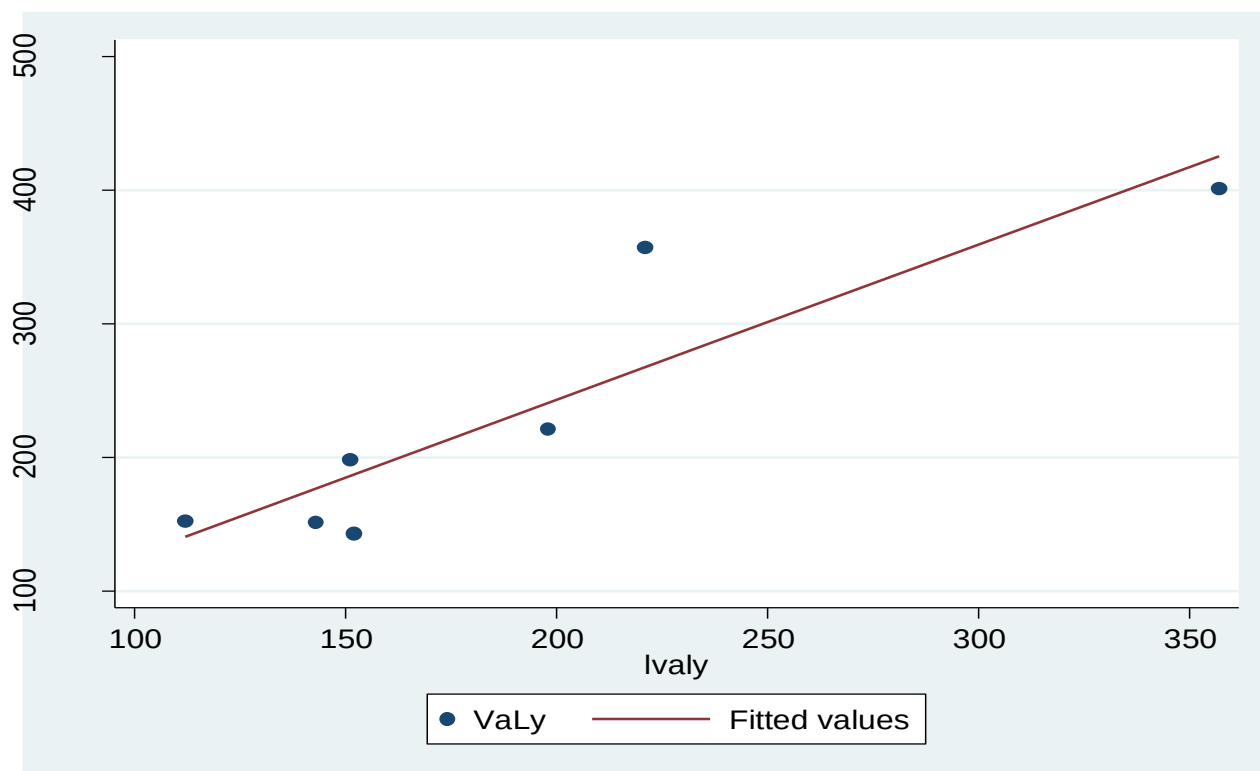
| valy     | Coef.    | Std. Err. | t    | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|----------|----------|-----------|------|-------|----------------------|----------|
| valy L1. | 1.1642   | .2434144  | 4.78 | 0.005 | .5384832             | 1.789916 |
| _cons    | 9.993933 | 49.91835  | 0.20 | 0.849 | -118.3253            | 138.3131 |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng sản lượng sản xuất sản phẩm dựa vào các số liệu quá khứ,,,,Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là sản lượng sản xuất năm  $i+1$

X là sản lượng sản xuất năm  $i$



*Biểu đồ 26: Đồ thị thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm Valy*

Đồ thị sản lượng sản xuất sản phẩm valy cho thấy các giá trị nằm sát đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng giá trị sản xuất ngành dệt của tỉnh, Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 82,06% tức là biến độc lập giải thích được 82,06% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao,

## Sản phẩm Balo

Bảng 62: Sản lượng sản xuất sản phẩm Balo

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7      |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 25066.487  | 1  | 25066.487  | F( 1, 5) = 1.65        |  |  |
| Residual | 76152.9416 | 5  | 15230.5883 | Prob > F = 0.2558      |  |  |
|          |            |    |            | R-squared = 0.2476     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.0972 |  |  |
|          |            |    |            | Root MSE = 123.41      |  |  |
| Total    | 101219.429 | 6  | 16869.9048 |                        |  |  |

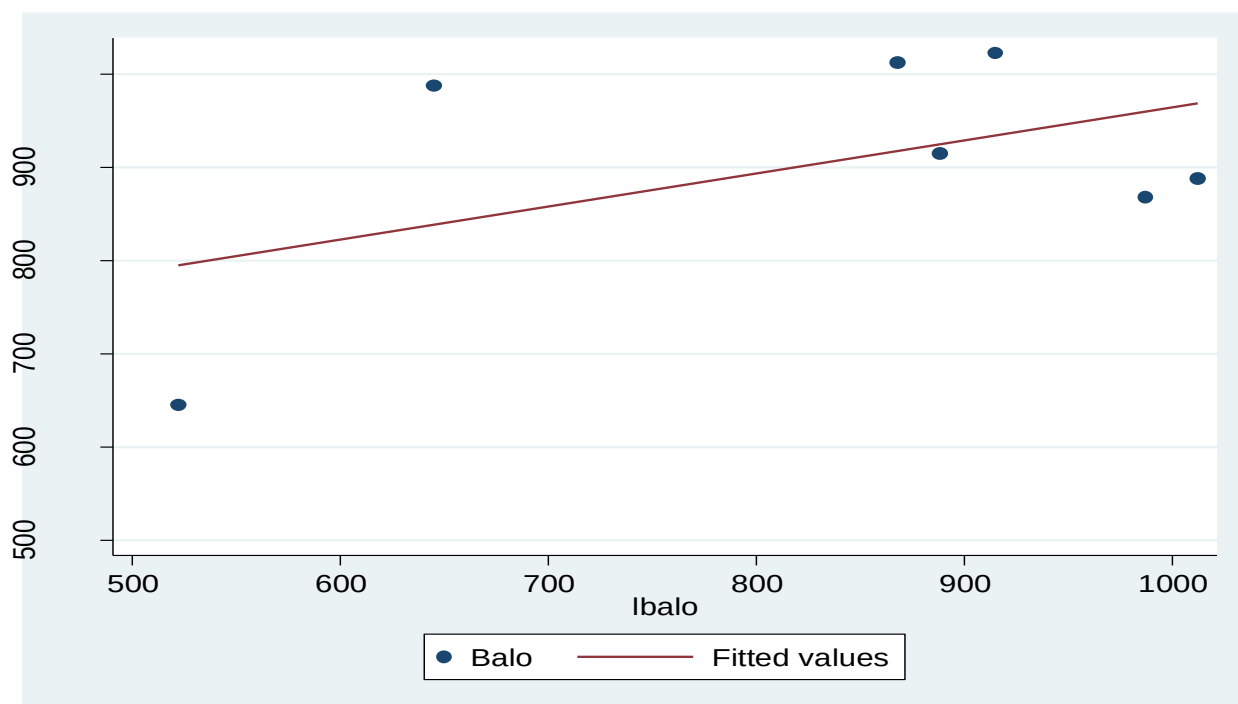
| balo     | Coef.    | Std. Err. | t    | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|----------|----------|-----------|------|-------|----------------------|----------|
| balo L1. | .3550983 | .2767962  | 1.28 | 0.256 | -.3564291            | 1.066626 |
| _cons    | 609.1845 | 235.4748  | 2.59 | 0.049 | 3.877375             | 1214.492 |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng sản lượng sản xuất sản phẩm balo dựa vào các số liệu quá khứ,,,Kết quả nghiên cứu phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là sản lượng sản xuất năm  $i+1$

X là sản lượng sản xuất năm  $i$



Biểu đồ 27: Đồ thị thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm balo

Đồ thị sản lượng sản phẩm balo cho thấy các giá trị nằm cách xa đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng giá trị sản xuất ngành dệt của tỉnh, Các quan sát thực tế nằm xa đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình không cao,

ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 9,72% tức là biến độc lập giải thích được 9,72% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả dự báo thấp,

### Sản phẩm túi xách

Bảng 63: Sản lượng sản xuất sản phẩm túi xách

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = | 7      |
|----------|------------|----|------------|-----------------|--------|
| Model    | 478162.231 | 1  | 478162.231 | F( 1, 5) =      | 111.71 |
| Residual | 21401.4836 | 5  | 4280.29672 | Prob > F =      | 0.0001 |
|          |            |    |            | R-squared =     | 0.9572 |
|          |            |    |            | Adj R-squared = | 0.9486 |
| Total    | 499563.714 | 6  | 83260.619  | Root MSE =      | 65.424 |

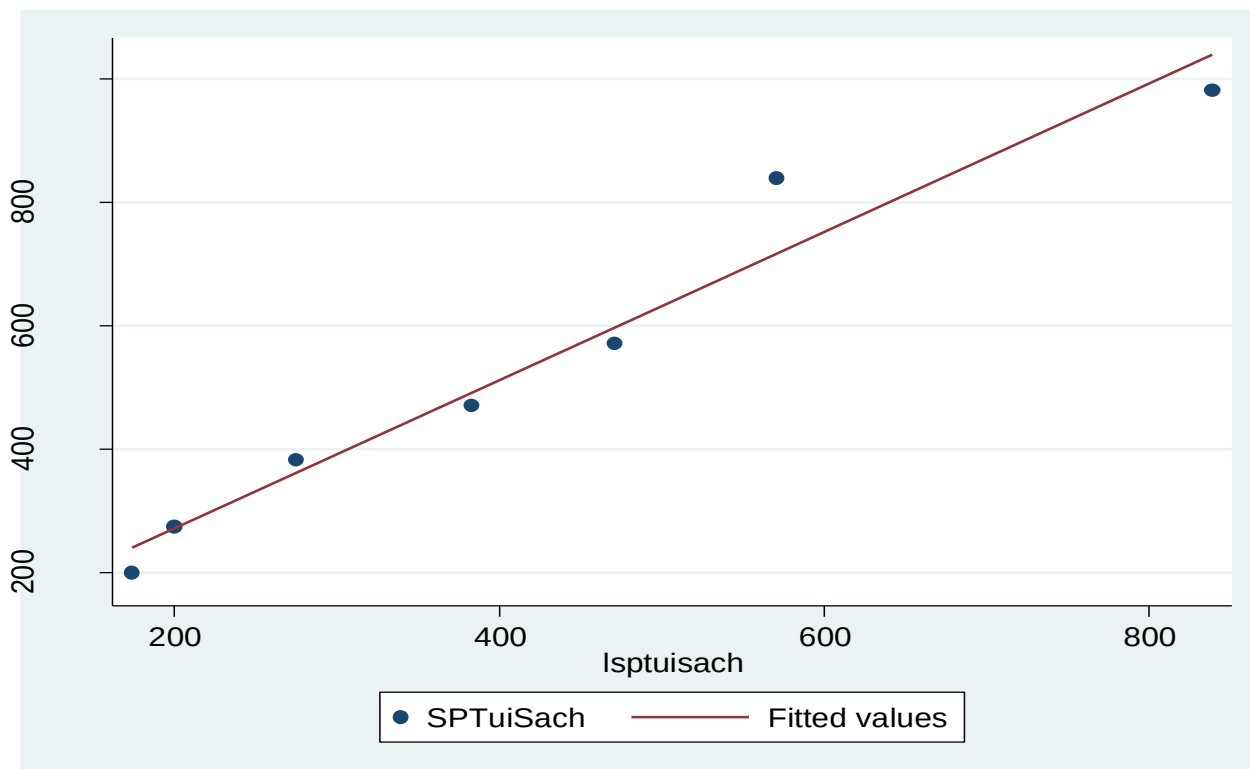
| sptuisach        | Coef.    | Std. Err. | t     | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|------------------|----------|-----------|-------|-------|----------------------|----------|
| sptuisach<br>L1. | 1.199798 | .1135161  | 10.57 | 0.000 | .9079957             | 1.491601 |
| _cons            | 32.14115 | 53.31966  | 0.60  | 0.573 | -104.9214            | 169.2037 |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng trưởng sản lượng sản xuất sản phẩm túi xách dựa vào các số liệu quá khứ,,Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là sản lượng sản xuất năm  $i+1$

X là sản lượng sản xuất năm  $i$



Biểu đồ 28: Đồ thị thể hiện sản lượng sản xuất sản phẩm túi xách

Đồ thị sản lượng sản xuất sản phẩm túi xách cho thấy các giá trị nằm sát đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng giá trị sản xuất ngành dệt của tỉnh, Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 95,72% tức là biến độc lập giải thích được 95,72% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao,

### Sản phẩm da tổng hợp

Bảng 64: Sản lượng sản phẩm da tổng hợp

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7 |        |  |
|----------|------------|----|------------|-------------------|--------|--|
| Model    | 2.0272e+10 | 1  | 2.0272e+10 | F( 1, 5) =        | 112.25 |  |
| Residual | 902992585  | 5  | 180598517  | Prob > F =        | 0.0001 |  |
|          |            |    |            | R-squared =       | 0.9574 |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared =   | 0.9488 |  |
| Total    | 2.1175e+10 | 6  | 3.5292e+09 | Root MSE =        | 13439  |  |

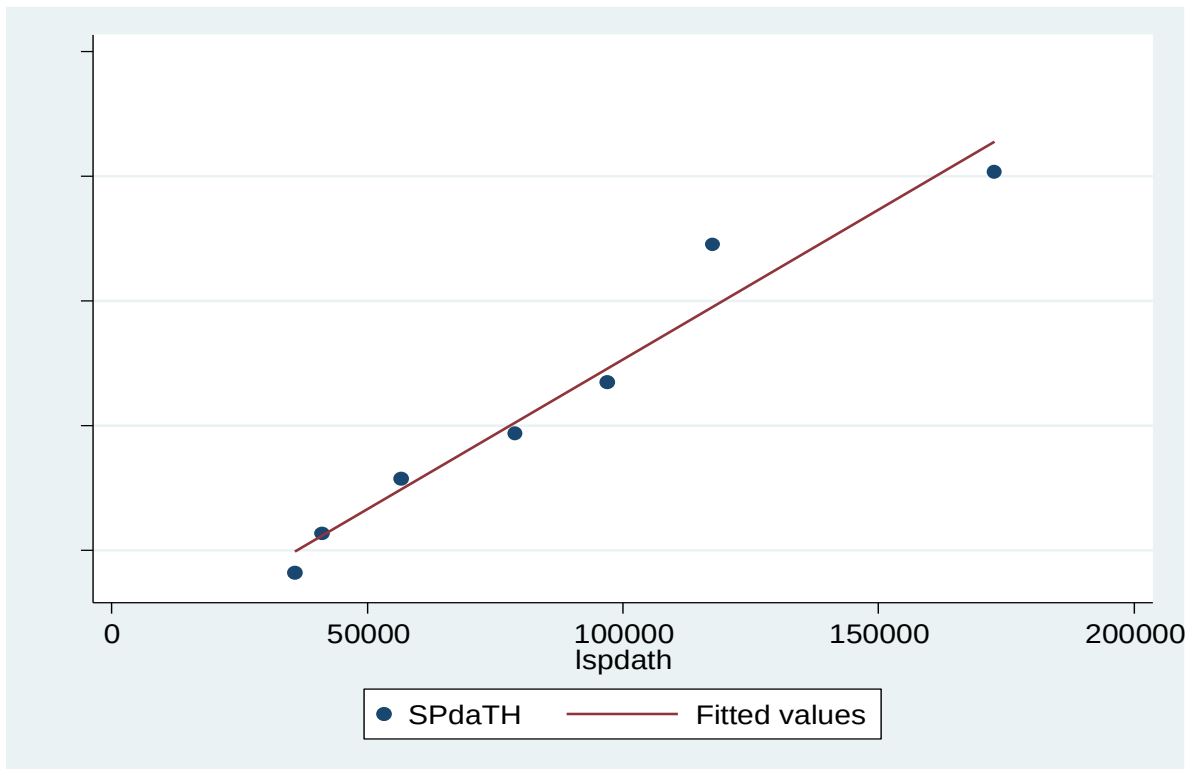
| spdath     | Coef.    | Std. Err. | t     | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|------------|----------|-----------|-------|-------|----------------------|----------|
| spdath L1. | 1.200094 | .1132713  | 10.59 | 0.000 | .9089206             | 1.491267 |
| _cons      | 6608.968 | 10949.7   | 0.60  | 0.572 | -21538.12            | 34756.06 |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng trưởng sản lượng sản xuất sản phẩm da tổng hợp dựa vào các số liệu quá khứ,,,Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là sản lượng sản xuất năm  $i+1$

X là sản lượng sản xuất năm  $i$



*Biểu đồ 29: Đồ thị thể hiện sản lượng sản phẩm da tổng hợp*

Đồ thị sản lượng sản xuất sản phẩm da tổng hợp cho thấy các giá trị nằm sát đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng giá trị sản xuất ngành dệt của tỉnh, Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 95,74% tức là biến độc lập giải thích được 95,74% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao,

### **Đa thuộc**

*Bảng 65: Sản lượng sản xuất sản phẩm da thuộc*

| Source   | SS         | df | MS         |                        |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 1.8550e+09 | 1  | 1.8550e+09 | Number of obs = 7      |  |  |
| Residual | 82659906.4 | 5  | 16531981.3 | F( 1, 5) = 112.21      |  |  |
|          |            |    |            | Prob > F = 0.0001      |  |  |
|          |            |    |            | R-squared = 0.9573     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.9488 |  |  |
|          |            |    |            | Root MSE = 4066        |  |  |
| Total    | 1.9377e+09 | 6  | 322951563  |                        |  |  |

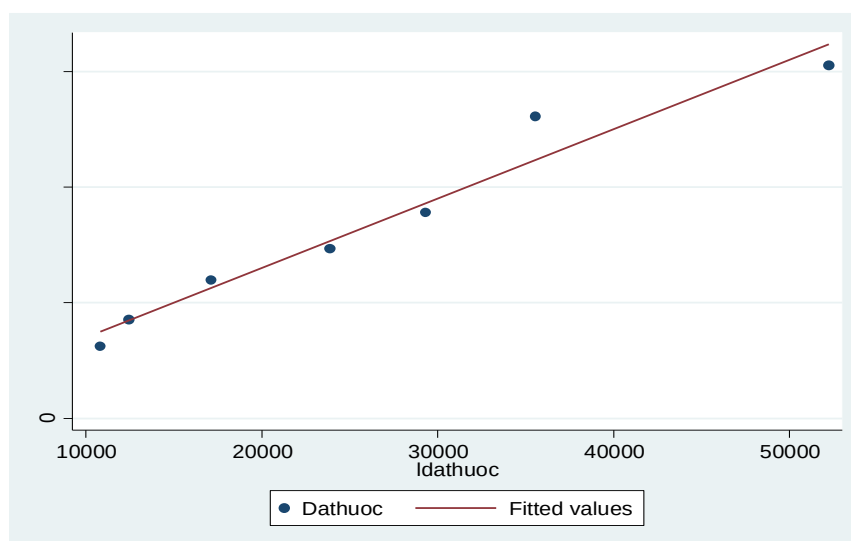
| dathuoc     | Coef.    | Std. Err. | t     | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|-------------|----------|-----------|-------|-------|----------------------|----------|
| dathuoc L1. | 1.200118 | .1132945  | 10.59 | 0.000 | .9088854             | 1.491351 |
| _cons       | 1998.685 | 3312.886  | 0.60  | 0.573 | -6517.359            | 10514.73 |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo sự tăng trưởng sản lượng sản xuất sản phẩm da thuộc May dựa vào các số liệu quá khứ, Kết quả nghiên cứu phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là sản lượng sản xuất năm  $i+1$

X là sản lượng sản xuất năm  $i$



*Biểu đồ 30: Biểu đồ thể hiện sản lượng sản phẩm da thuộc*

Đồ thị sản lượng sản xuất sản phẩm da thuộc cho thấy các giá trị nằm sát đường thẳng tiếp tuyến biến động trên tổng giá trị sản xuất ngành dệt của tỉnh, Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 96,84% tức là biến độc lập giải thích được 96,84% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao.

*Bảng 66: Dự báo khối lượng sản xuất các sản phẩm thuộc ngành giấy dếp giai đoạn 2016-2030*

| Tên sản phẩm | Giày dếp các loại | Va ly    | Túi xách | Ba lô    | Ví       | Các sản phẩm tương tự túi xách | Sản phẩm khác bằng da thuộc hoặc da tổng hợp | Da thuộc            |
|--------------|-------------------|----------|----------|----------|----------|--------------------------------|----------------------------------------------|---------------------|
| ĐVT          | 1000 đôi          | 1000 cái | 1000 cái | 1000 cái | 1000 cái | 1000 cái                       | 1000 cái                                     | 1000 m <sup>2</sup> |
| 2016         | 155191            | 477      | 30667    | 972      | 1620     | 1209                           | 248996                                       | 75322,3             |
| 2017         | 164075            | 565      | 45704    | 954      | 1986     | 1483                           | 305427                                       | 92394,3             |
| 2018         | 173355            | 668      | 58155    | 948      | 2426     | 1811                           | 373150                                       | 112883              |
| 2019         | 183048            | 788      | 68466    | 946      | 2954     | 2205                           | 454424                                       | 137471              |
| 2020         | 193174            | 927      | 77005    | 945      | 3587     | 2678                           | 551961                                       | 166981              |
| 2021         | 203749            | 1089     | 84076    | 945      | 4347     | 3245                           | 669014                                       | 202395              |
| 2022         | 214796            | 1278     | 89931    | 945      | 5259     | 3926                           | 809488                                       | 244897              |
| 2023         | 226335            | 1498     | 94780    | 945      | 6352     | 4742                           | 978071                                       | 295903              |
| 2024         | 238388            | 1754     | 98795    | 945      | 7665     | 5722                           | 1180386                                      | 357118              |

|      |        |      |        |     |       |       |         |         |
|------|--------|------|--------|-----|-------|-------|---------|---------|
| 2025 | 250978 | 2052 | 102120 | 945 | 9240  | 6897  | 1423183 | 430582  |
| 2026 | 264128 | 2398 | 104873 | 945 | 11129 | 8308  | 1714563 | 518748  |
| 2027 | 277864 | 2802 | 107153 | 945 | 13396 | 10000 | 2064245 | 624558  |
| 2028 | 292211 | 3272 | 109042 | 945 | 16116 | 12030 | 2483897 | 751541  |
| 2029 | 307198 | 3820 | 110605 | 945 | 19380 | 14465 | 2987519 | 903937  |
| 2030 | 322852 | 4457 | 111900 | 945 | 23296 | 17388 | 3591913 | 1086830 |

*Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan*

*Bảng 67: Số lượng lao động cần cho ngành Giấy dếp*

f. Dự báo định hướng nguồn nhân lực cho ngành giấy dếp

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7      |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 2.3046e+09 | 1  | 2.3046e+09 | F( 1, 5) = 15.10       |  |  |
| Residual | 763371737  | 5  | 152674347  | Prob > F = 0.0116      |  |  |
|          |            |    |            | R-squared = 0.7512     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.7014 |  |  |
| Total    | 3.0680e+09 | 6  | 511336599  | Root MSE = 12356       |  |  |

| gd        | Coef.    | Std. Err. | t    | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|-----------|----------|-----------|------|-------|----------------------|----------|
| gd<br>L1. | 1.018381 | .2621146  | 3.89 | 0.012 | .3445943             | 1.692168 |
| _cons     | 7210.174 | 40917.84  | 0.18 | 0.867 | -97972.48            | 112392.8 |

Sau khi sử dụng mô hình hồi quy với biến trễ bằng phương pháp OLS với dữ liệu chuỗi thời gian cho thấy độ chính xác dự báo của mô hình là 70,14% với mô hình hồi quy mẫu:

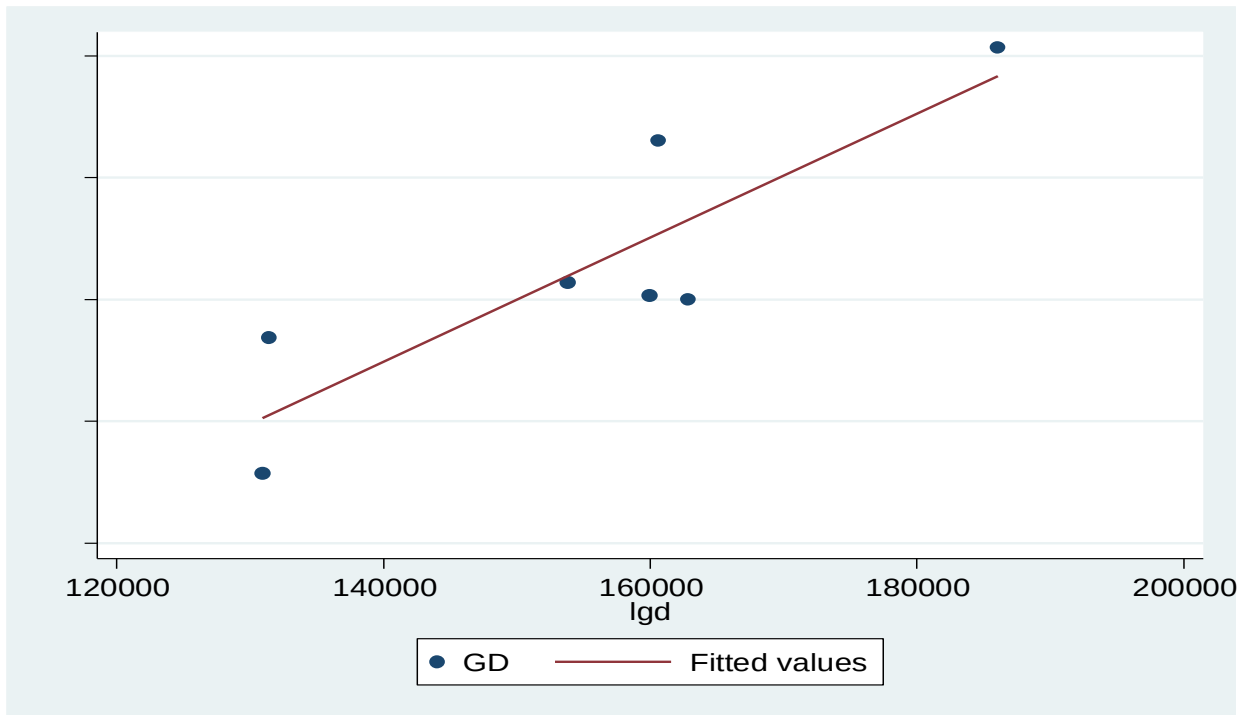
Trong đó:

là số lượng lao động năm  $i+1$

X là số lượng lao động năm  $i$

Hàm hồi quy mẫu cho số lượng lao động cần thiết cho ngành Giấy dếp của Đồng Nai tăng trung bình 1,018 lần so với năm trước đó





Hình 2: Biểu đồ thể hiện số lượng lao động cần cho ngành giấy dếp

Đồ thị lực lượng lao động ngành giấy dếp tỉnh Đồng Nai khu vực tư nhân cho thấy các giá trị nằm gần đường thẳng tiếp tuyến biến động trên lực lượng lao động toàn ngành công nghiệp của tỉnh, Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 75,12% tức là biến độc lập giải thích được 75,12% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao trong việc dự báo,

Bảng 68: Dự báo lực lượng lao động ngành giấy dếp Đồng Nai giai đoạn 2016-2030

|                              |                           |             | Đơn vị<br>tính: Ngìn Người |
|------------------------------|---------------------------|-------------|----------------------------|
| Khu vực<br>kinh tế\Ngành\Năm | Toàn ngành<br>công nghiệp | Ngành DMG   | Ngành giấy dếp             |
| 2016                         | 692.08                    | 354.319     | 212.246                    |
| 2017                         | 719.7632                  | 368.49176   | 220.73584                  |
| 2018                         | 748.553728                | 383.2314304 | 229.5652736                |
| 2019                         | 778.4958771               | 398.5606876 | 238.7478845                |
| 2020                         | 809.6357122               | 414.5031151 | 248.2977999                |
| 2021                         | 842.0211407               | 431.0832397 | 258.2297119                |
| 2022                         | 875.7019863               | 448.3265693 | 268.5589004                |

|      |             |             |             |
|------|-------------|-------------|-------------|
| 2023 | 910.7300658 | 466.2596321 | 279.3012564 |
| 2024 | 947.1592684 | 484.9100174 | 290.4733067 |
| 2025 | 985.0456391 | 504.3064181 | 302.0922389 |
| 2026 | 1024.447465 | 524.4786748 | 314.1759285 |
| 2027 | 1065.425363 | 545.4578218 | 326.7429656 |
| 2028 | 1108.042378 | 567.2761347 | 339.8126843 |
| 2029 | 1152.364073 | 589.96718   | 353.4051916 |
| 2030 | 1198.458636 | 613.5658672 | 367.5413993 |

*Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan*

Như vậy, ngành giấy dếp vẫn là ngành chiếm nhiều lao động nhất trong ngành DMG. Trong những năm tới nhu cầu về lao động là rất lớn, do đó cần có những giải pháp về nguồn nhân lực và đào tạo chuyên môn mới có thể đáp ứng được nhu cầu cho ngành phát triển.

### **3. Phụ lục biểu về nhu cầu vốn đầu tư phát triển ngành dệt, may, giấy dếp giai đoạn 2015-2025, tầm nhìn đến năm 2030.**

Dệt may là ngành công nghiệp đòi hỏi có sự đầu tư lớn về nguồn vốn để phát triển theo chiều sâu, chiều rộng và đầu tư vào các thiết bị hiện đại nhằm tăng năng suất và cải tiến sản phẩm tạo ra, vì vậy việc dự báo về nhu cầu vốn đầu tư cho ngành là rất cần thiết.

*Bảng 69: Dự báo nhu cầu vốn đầu tư*

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7 |         |  |
|----------|------------|----|------------|-------------------|---------|--|
| Model    | 2.2315e+15 | 1  | 2.2315e+15 | F( 1, 5) =        | 22.50   |  |
| Residual | 4.9586e+14 | 5  | 9.9173e+13 | Prob > F =        | 0.0051  |  |
|          |            |    |            | R-squared =       | 0.8182  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared =   | 0.7818  |  |
| Total    | 2.7274e+15 | 6  | 4.5456e+14 | Root MSE =        | 1.0e+07 |  |

| dmg     | Coef.    | Std. Err. | t    | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|---------|----------|-----------|------|-------|----------------------|----------|
| dmg L1. | .9222195 | .194415   | 4.74 | 0.005 | .4224598             | 1.421979 |
| _cons   | 1.41e+07 | 1.56e+07  | 0.90 | 0.407 | -2.60e+07            | 5.43e+07 |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo nhu cầu vốn đầu tư của ngành công nghiệp giấy dếp dựa vào các số liệu quá khứ....Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là giá trị vốn đầu tư năm  $i+1$

X là giá trị vốn đầu tư năm  $i$

Hàm hồi quy mẫu cho giá trị sản xuất ngành May của Đồng Nai giảm trung bình 0.922 lần so với năm trước đó.

*Bảng 70: Giá trị dự báo vốn đầu tư vào ngành DMG năm 2016-2030*

Đơn vị tính: triệu đồng

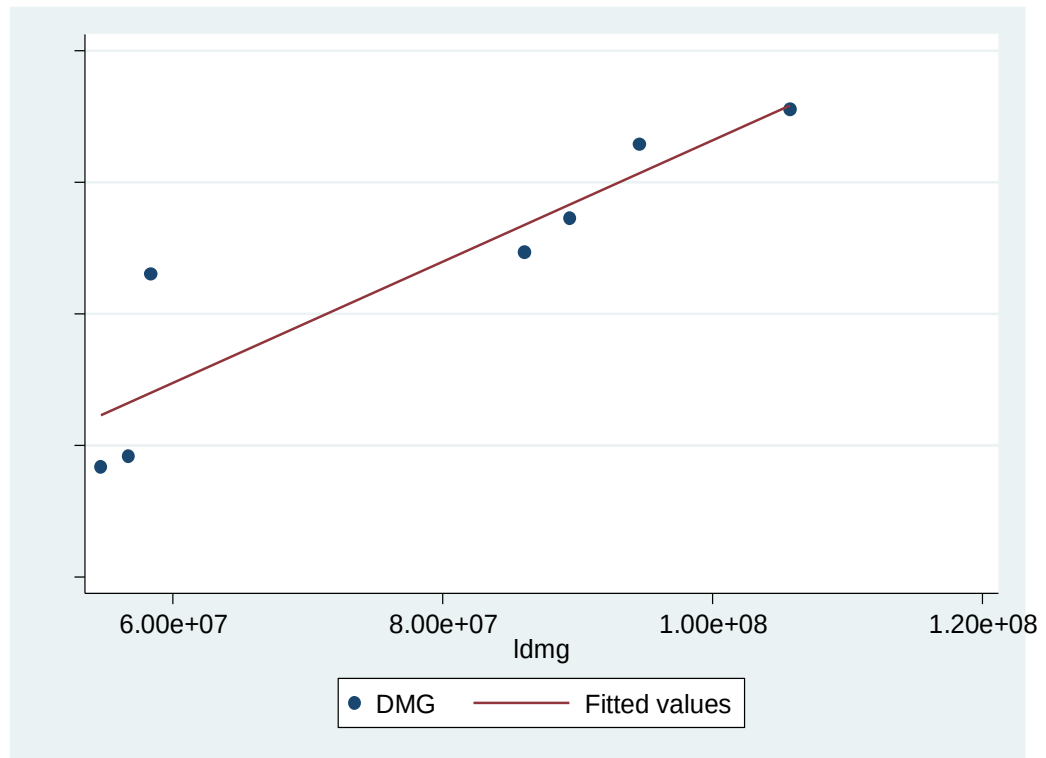
| Danh mục | Toàn ngành công nghiệp | Ngành DMG | Ngành dệt | Ngành may | Ngành giấy dếp |
|----------|------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------|
| 2016     | 435.409                | 116.548   | 67.980    | 12.731    | 35.793         |
| 2017     | 459.024                | 121.583   | 69.399    | 14.441    | 38.118         |
| 2018     | 481.441                | 126.226   | 70.617    | 16.401    | 40.502         |
| 2019     | 502.721                | 130.508   | 71.661    | 18.648    | 42.946         |
| 2020     | 522.921                | 134.457   | 72.556    | 21.224    | 45.452         |
| 2021     | 542.097                | 138.099   | 73.324    | 24.177    | 48.021         |
| 2022     | 560.301                | 141.457   | 73.982    | 27.562    | 50.655         |
| 2023     | 577.581                | 144.555   | 74.547    | 31.443    | 53.356         |
| 2024     | 593.985                | 147.411   | 75.031    | 35.891    | 56.124         |
| 2025     | 609.556                | 150.046   | 75.447    | 40.991    | 58.962         |
| 2026     | 624.338                | 152.475   | 75.803    | 46.836    | 61.872         |
| 2027     | 638.370                | 154.715   | 76.108    | 53.537    | 64.855         |
| 2028     | 651.690                | 156.782   | 76.370    | 61.219    | 67.914         |
| 2029     | 664.335                | 158.687   | 76.595    | 70.025    | 71.050         |
| 2030     | 676.338                | 160.444   | 76.788    | 80.119    | 74.264         |

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán dựa trên số liệu quá khứ và các yếu tố có liên quan

Tính đến năm 2030, ngành DMG Đồng Nai nhận được 160.444.209 triệu đồng nguồn vốn đầu tư trực tiếp, chiếm 23.72% trên tổng nguồn vốn đầu tư vào ngành công nghiệp trên toàn tỉnh, có tốc độ tăng trưởng trung bình 5.02% năm. Trong đó ngành May chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm 11.85% trong toàn ngành công nghiệp. Cụ thể như sau:

*Bảng 71: Giá trị vốn đầu tư ngành DMG*

| Danh mục               | Tốc độ tăng trưởng (%) |              |              |              |
|------------------------|------------------------|--------------|--------------|--------------|
|                        | 2016-2020              | 2021-2025    | 2026-2030    | 2016-2030    |
| <b>Công nghiệp DMG</b> | <b>4.56%</b>           | <b>4.73%</b> | <b>5.68%</b> | <b>5.02%</b> |
| Công nghiệp Dệt        | 1.64%                  | 0.78%        | 0.35%        | 0.87%        |
| Công nghiệp May        | 13.63%                 | 14.07%       | 14.34%       | 14.04%       |



*Biểu đồ 31: Đồ thị giá trị vốn đầu tư vào ngành DMG*

Đồ thị giá trị vốn đầu tư ngành công nghiệp DMG tỉnh cho thấy các giá trị nằm gần đường thẳng tiếp tuyến biến động trên giá trị vốn đầu tư toàn ngành công nghiệp của tỉnh. Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao. ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 70.01% tức là biến độc lập giải thích được 70.01% sự thay đổi của biến phụ thuộc. mô hình có hiệu quả cao.

#### **a. Ngành công nghiệp dệt**

*Bảng 72: Giá trị vốn đầu tư vào ngành Dệt*

| Source   | SS         | df | MS         |                        |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 2.6255e+14 | 1  | 2.6255e+14 | Number of obs = 7      |  |  |
| Residual | 1.5345e+13 | 5  | 3.0690e+12 | F( 1, 5) = 85.55       |  |  |
| Total    | 2.7790e+14 | 6  | 4.6316e+13 | Prob > F = 0.0002      |  |  |
|          |            |    |            | R-squared = 0.9448     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.9337 |  |  |
|          |            |    |            | Root MSE = 1.8e+06     |  |  |

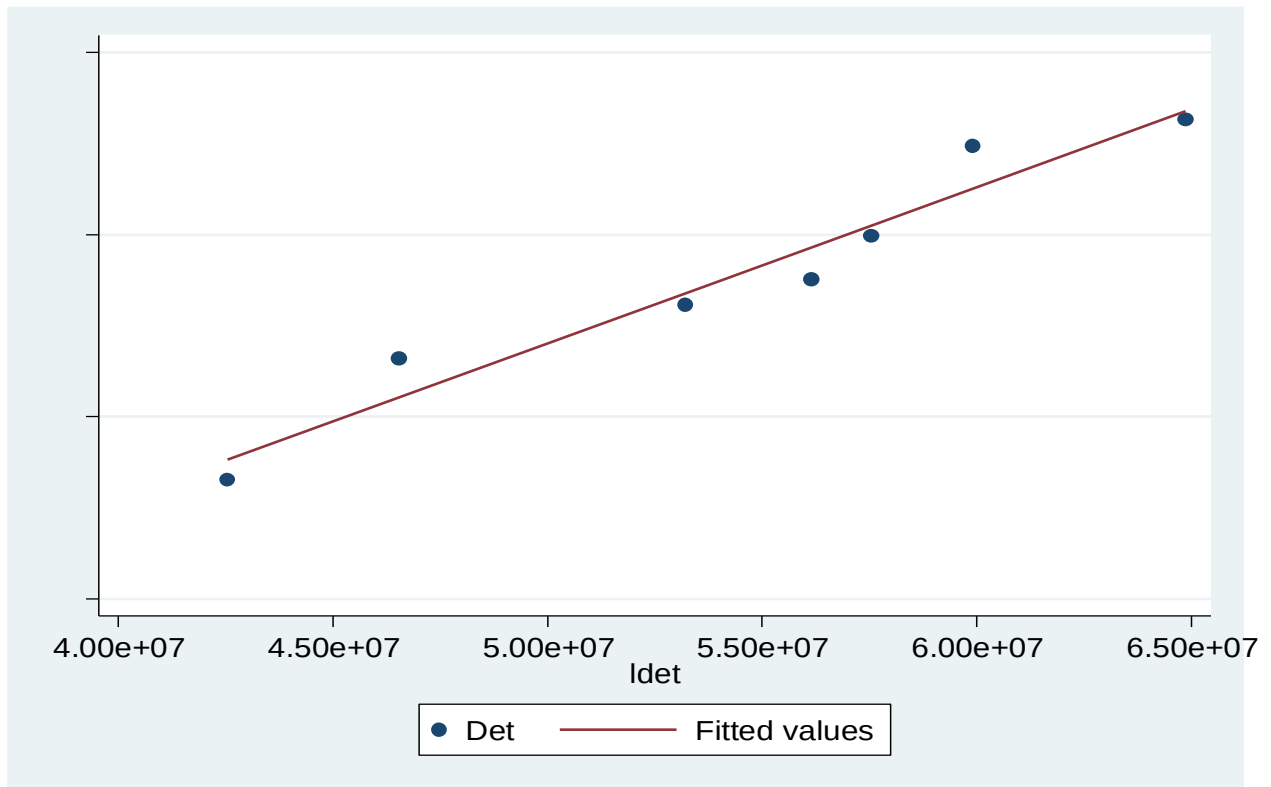
| det     | Coef.    | Std. Err. | t    | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|---------|----------|-----------|------|-------|----------------------|----------|
| det L1. | .8575974 | .0927198  | 9.25 | 0.000 | .6192537             | 1.095941 |
| _cons   | 1.11e+07 | 5086406   | 2.19 | 0.080 | -1930694             | 2.42e+07 |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo nhu cầu vốn đầu tư của ngành công nghiệp giày dép dựa vào các số liệu quá khứ..Kết quả nghiên cứu phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là giá trị vốn đầu tư năm  $i+1$

X là giá trị vốn đầu tư năm  $i$



*Biểu đồ 32: Biểu đồ thể hiện giá trị vốn đầu tư ngành Dệt*

Đồ thị giá trị vốn đầu tư ngành công nghiệp dệt tỉnh cho thấy các giá trị nằm gần đường thẳng tiếp tuyến biến động trên giá trị vốn đầu tư toàn ngành của tỉnh. Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao, ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 93.37% tức là biến độc lập giải thích được 93.37% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mô hình có hiệu quả cao.

Tính đến năm 2030, tổng giá trị vốn đầu tư ngành Dệt đạt 76.787.675 triệu đồng, chiếm 47.86% trên tổng vốn đầu tư ngành DMG và 11.35% trên tổng vốn đầu tư tổng ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai, có tốc độ tăng trưởng trung bình 0.87% trong giai đoạn 2016-2030. Trong đó, giai đoạn 2016-2020, có tốc độ tăng trưởng trung bình 1.64%, giảm xuống còn 0.78% trong giai đoạn 2020-2025, sau đó còn 0.35% trong giai đoạn 2025-2030.

#### **b. Ngành công nghiệp May**

*Bảng 73: Giá trị vốn đầu tư vào ngành May*

| Source   | SS         | df | MS         | Number of obs = 7      |  |  |
|----------|------------|----|------------|------------------------|--|--|
| Model    | 2.1462e+13 | 1  | 2.1462e+13 | F( 1, 5) = 73.13       |  |  |
| Residual | 1.4674e+12 | 5  | 2.9347e+11 | Prob > F = 0.0004      |  |  |
|          |            |    |            | R-squared = 0.9360     |  |  |
|          |            |    |            | Adj R-squared = 0.9232 |  |  |
|          |            |    |            | Root MSE = 5.4e+05     |  |  |
| Total    | 2.2929e+13 | 6  | 3.8215e+12 |                        |  |  |

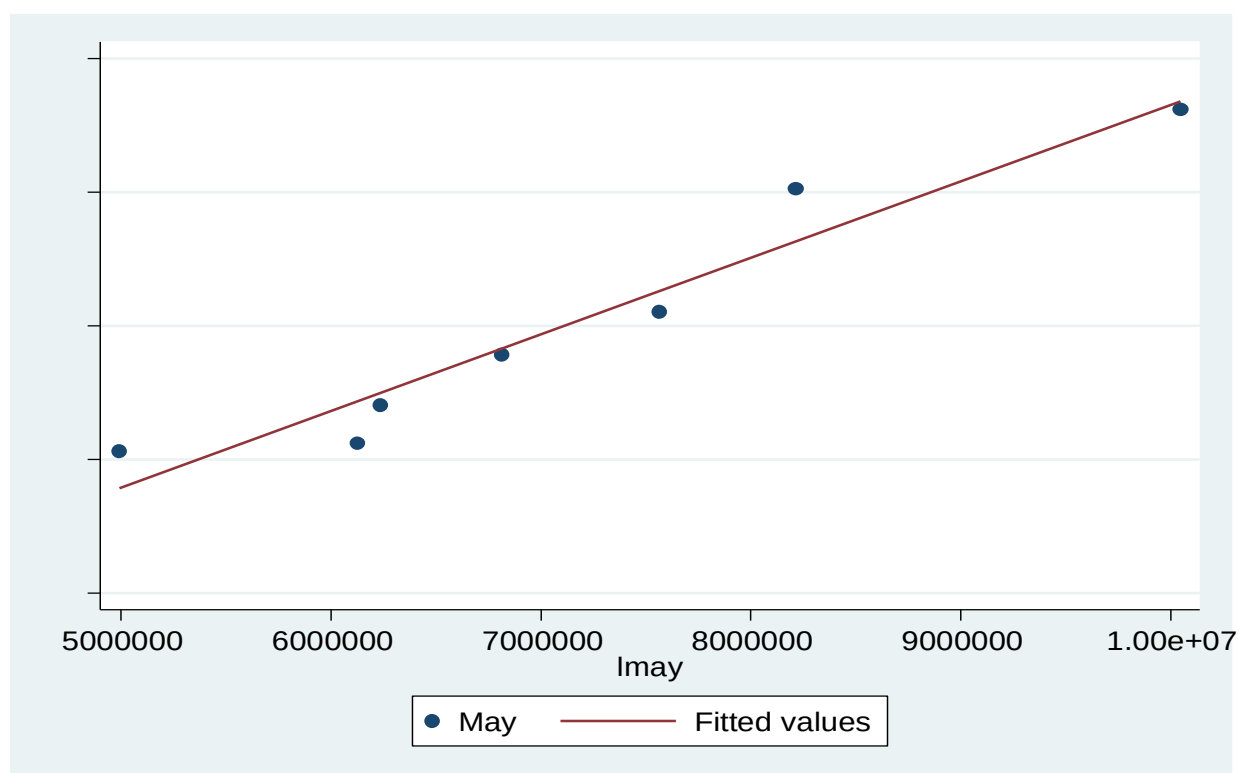
| may        | Coef.     | Std. Err. | t     | P> t  | [95% Conf. Interval] |          |
|------------|-----------|-----------|-------|-------|----------------------|----------|
| may<br>L1. | 1.146339  | .1340491  | 8.55  | 0.000 | .8017546             | 1.490923 |
| _cons      | -152947.9 | 979029.6  | -0.16 | 0.882 | -2669624             | 2363728  |

Chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy OLS để chạy mô hình hồi quy nhằm dự báo nhu cầu vốn đầu tư của ngành công nghiệp may dựa vào các số liệu quá khứ....Kết quả nghiên cứu cho phương trình đường tuyến tính như sau:

Trong đó:

là giá trị vốn đầu tư năm  $i+1$

X là giá trị vốn đầu tư năm  $i$



*Biểu đồ 33: Đồ thị thể hiện giá trị vốn đầu tư vào ngành May*

Đồ thị giá trị vốn đầu tư ngành công nghiệp May tỉnh cho thấy các giá trị nằm sát đường thẳng tiếp tuyến biến động trên giá trị vốn đầu tư toàn ngành của tỉnh. Các quan sát thực tế nằm sát đường thẳng tiếp tuyến cho thấy tính chính xác dự báo của mô hình cao. ngoài ra R bình phương hiệu chỉnh là 92.32% tức là biến độc lập giải thích được 92.32% sự thay đổi của biến phụ thuộc. mô hình có hiệu quả cao.

Tính đến năm 2030, tổng giá trị vốn đầu tư ngành May đạt 80.118.986 triệu đồng, chiếm 49.94% trên tổng vốn đầu tư ngành DMG và 11.85% trên tổng vốn đầu tư tổng ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai, có tốc độ tăng trưởng trung bình 14.04% trong giai đoạn 2016-2030. Trong đó, giai đoạn 2016-2020, có tốc độ tăng trưởng trung bình 13.63%, tăng lên 14.07% trong giai đoạn 2020-2025, sau đó đạt 14.34% trong giai đoạn 2025-2030.

**4. Phụ lục: Danh mục quy hoạch phát triển CCN giai đoạn 2013-2020 của tỉnh Đồng Nai**

| T<br>T | Tên CCN                           | Địa điểm      | Kết quả<br>rà soát<br>(ha) | Phương án quy<br>hoạch đến năm<br>2020 (ha) |                                | Ghi chú                           |
|--------|-----------------------------------|---------------|----------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
|        |                                   |               |                            | Giai<br>đoạn<br>2011-<br>2015               | Giai<br>đoạn<br>2015 -<br>2020 |                                   |
| I      | Các cụm tiếp tục giữ quy<br>hoạch |               | 1352.43                    | 654.98                                      | 1352.43                        |                                   |
| 1      | Cụm CN Gốm Tân<br>Hạnh            | Biên Hòa      | 54.83                      | 54.83                                       | 54.83                          |                                   |
| 2      | CCN VLXD Hồ Nai<br>3              | Trảng<br>Bom  | 49.65                      | 49.65                                       | 49.65                          |                                   |
| 3      | Cụm CN Phước Tân                  | Biên Hòa      | 45.27                      | 45.27                                       | 45.27                          | Thay thế cho<br>CCN Hưng<br>Thuận |
| 4      | CCN Thiện Tân -<br>Thanh Phú      | Vĩnh<br>Cửu   | 96.60                      | 96.60                                       | 96.60                          | Xử lý theo TT<br>31               |
| 5      | Cụm CN Tân An                     | Vĩnh<br>Cửu   | 50.00                      | 50.00                                       | 50.00                          |                                   |
| 6      | Cụm CN VLXD Tân<br>An             | Vĩnh<br>Cửu   | 50.00                      | 50.00                                       | 50.00                          |                                   |
| 7      | Cụm CN Tam An                     | Long<br>Thành | 49.90                      | 49.90                                       | 49.90                          |                                   |
| 8      | CCN Phú Thạnh -<br>Vĩnh Thanh     | Nhơn<br>Trạch | 94.00                      | 94.00                                       | 94.00                          | Xử lý theo TT<br>31               |
| 9      | Cụm CN Hưng Lộc                   | Thống<br>Nhất | 41.86                      | 41.86                                       | 41.86                          |                                   |
| 10     | Cụm CN Quang<br>Trung             | Thống<br>Nhất | 79.87                      | 79.87                                       | 79.87                          | Xử lý theo TT<br>31               |
| 11     | Cụm CN Phú Cường                  | Định<br>Quán  | 43.00                      | 43.00                                       | 43.00                          |                                   |
| 12     | Cụm CN Phú Thạnh                  | Tân Phú       | 30.00                      |                                             | 30.00                          |                                   |
| 13     | Cụm CN Xuân<br>Hưng               | Xuân<br>Lộc   | 19.40                      |                                             | 19.40                          |                                   |

|           |                                             |            |               |              |              |                                 |
|-----------|---------------------------------------------|------------|---------------|--------------|--------------|---------------------------------|
| 14        | Cụm CN Bàu Trâm                             | Long Khánh | 29.70         |              | 29.70        |                                 |
| 15        | Cụm CN Dốc 47                               | Biên Hòa   | 97.65         |              | 97.65        | Xử lý theo TT 31                |
| 16        | Cụm CN Thanh Bình                           | Trảng Bom  | 48.75         |              | 48.75        |                                 |
| 17        | Cụm CN Hưng Thịnh                           | Trảng Bom  | 35.00         |              | 35.00        |                                 |
| 18        | Cụm CN An Viễn                              | Trảng Bom  | 50.00         |              | 50.00        |                                 |
| 19        | Cụm CN Trị An                               | Vĩnh Cửu   | 48.80         |              | 48.80        |                                 |
| 20        | Cụm CN Vĩnh Tân                             | Vĩnh Cửu   | 54.80         |              | 54.80        |                                 |
| 21        | Cụm CN VLXD Phước Bình                      | Long Thành | 75.00         |              | 75.00        |                                 |
| 22        | Cụm CN HT ô tô Đô Thành                     | Long Thành | 68.00         |              | 68.00        | Thay thế cho CCN Suối Cát 20,51 |
| 23        | Cụm CN Long Giao                            | Cẩm Mỹ     | 57.35         |              | 57.35        |                                 |
| 24        | Cụm CN Phú Vinh                             | Định Quán  | 33.00         |              | 33.00        |                                 |
| 25        | Cụm CN Phú Túc                              | Định Quán  | 50.00         |              | 50.00        |                                 |
| <b>II</b> | <b>Các cụm dự kiến điều chỉnh quy hoạch</b> |            | <b>158.00</b> | <b>75.00</b> | <b>75.00</b> |                                 |
| 1         | Cụm CN Long Phước 1                         | Long Thành | 108.00        |              | 75.00        |                                 |
| 2         | Cụm CN Thiện Tân                            | Vĩnh Cửu   | 50.00         | 75.00        |              |                                 |

**Tổng hợp quy hoạch CCN giai đoạn 2013-2020: 27 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 1.502 ha**

Nguồn: Sở công thương tỉnh Đồng Nai



## 5. Phụ lục danh sách các doanh nghiệp DMG Đồng Nai năm 2015

| <b>CÁC DOANH NGHIỆP DỆT MAY TRONG KCN</b> |                                                                      |                                                             |
|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1                                         | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Young Jin Textile                        | Lô C4, Đồng C2, Ckn Loteco                                  |
| 2                                         | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn KI Texwell Vina                          | Quốc Lộ 1a Sông Trầu                                        |
| 3                                         | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Samil Vina                               | Đồng 4 Kcn Tam Phốc                                         |
| 4                                         | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tokyodo                                  | Kcn Nhơn Trạch 3, Giai Đoạn 2                               |
| 5                                         | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dệt Nhuộm Nam Phong                      | Kcn Nhơn Trạch 2                                            |
| 6                                         | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Gold Long John Vn                | Lô 7 Đồng 5a Kcn Nhơn Trạch 2                               |
| 7                                         | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Samil Textile                            | Đồng Số 1 Kcn Long Thành , Xã Tam An Long Thành Đồng Nai    |
| 8                                         | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jiin Huei                                | Kcn Long Thành, Long Thành Đồng Nai                         |
| 9                                         | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vega Fashion                             | Lô B2 -2 Đồng 15 A Kcn Long Bình , Biên Hòa, Đồng Nai       |
| 10                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Promax Textile                           | Số 6 Phân Khu Fomosa, Kcn Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch Đồng Nai |
| 11                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sợi Chỉ Việt Côn                         | Trần Phú Hiệp Phốc, Nhơn Trạch Đồng Nai                     |
| 12                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jade Succes Việt Nam                     | 310 Đồng 7a Kcn Amata                                       |
| 13                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phát Thông 1 (teijin Frontier)           | D 01 Kcn Lo Teco Long Bình                                  |
| 14                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daluen Việt Nam                          | Phú Hội, Nhơn Trạch, Đồng Nai ,                             |
| 15                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Concord Textile Corporation Việt Nam | Kcn Nhơn Trạch 2, Phốc Thiên                                |
| 16                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dệt S.y                                  | 20 Đồng 3 A,biên Hòa                                        |
| 17                                        | Công Ty Escaler Textiles Việt Nam                                    | Kcn Agtex Long Bình                                         |
| 18                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ym Tex Việt Nam                          | Kcn Nhơn Trạch 2, Nhơn Trạch                                |
| 19                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sợi Long Thái Tử                         | Đồng 7c Kcn Nhơn Trạch 2                                    |
| 20                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dong - II Việt Nam                       | Lô F Kcn Lộc An Bình Sơn                                    |
| 21                                        | Công Ty Khkt Texhong Nhơn Trạch                                      | Kcn Nhơn Trạch 1                                            |
| 22                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jungwoo Vina                             | Kcn Dệt May Nhơn Trạch                                      |
| 23                                        | Công Ty Dệt Choong Nam Viet Nam Trách Nhiệm Hữu Hạn                  | Kcn Nhơn Trạch 2                                            |
| 24                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dongjin Textile Vina                     | Lô D8 - 1 Đồng Số 2                                         |
| 25                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn W&w Việt Nam                             | Kcn Agtex Long Bình                                         |
| 26                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Great Super                              | Xã Suối Tre Tx Long Khánh                                   |
| 27                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quadrille Viet Nam                       | 118 Kcn Amata                                               |
| 28                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Young Tex Vina                           | Đồng Trần Phú Kcn Nhơn Trạch 3                              |
| 29                                        | Công Ty Tn Hữu Hạn A First Vina                                      | Đồng 2 Kcn Tam Phốc                                         |
| 30                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Funiweb Viet Nam                         | Số 18 Đồng 3 A Kcn Biên Hòa 2                               |
| 31                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Takagi                          | 226/6 Đồng 2 Kcn Amata                                      |
| 32                                        | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kum Young Vina                           | Khu Công Nghiệp Long Thành                                  |

|    |                                                                     |                                |
|----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 33 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Grande                          | Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 2   |
| 34 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dệt Hoàn Thành                          | Số 8 Đường 3a Khu Cn Biên Hòa  |
| 35 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Briskheat Việt Nam                      | Lô 305/1 Đường 7a              |
| 36 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jowel.m Việt Nam                        | Đường 3b Khu Cn Amata          |
| 37 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dong-il Interlining                     | Khu Cn Long Bình               |
| 38 | Hualon Corporation Viet Nam                                         | Khu Cn Nhơn Trạch 2            |
| 39 | Công Ty Hh Sợi Tainan (viet Nam)                                    | Số 9 Đường 17a Khu Cn Bh2      |
| 40 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Wacoal                         | 110amata Khu Cn Amata          |
| 41 | Công Ty Cổ Phần Tổng Hợp Gỗ Tân Mai                                 | 81 Nguyễn Văn Hoa              |
| 42 | Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty May Đồng Nai                           | Đường Số 2 Khu Cn Bh1          |
| 43 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jaeill Viet Nam                         | Đường 5 Khu Cn Long Bình       |
| 44 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nk Bio Vina                             | Đường 5 Khu Cn Long Thành      |
| 45 | Công Ty Cổ Phần Da Thuộc Wei Tai                                    | Khu Cn Nhơn Trạch 3            |
| 46 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bultel International Việt Nam           | Đường Đồng Khởi                |
| 47 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hyosung Đồng Nai                        | Khu Cn Nhơn Trạch 5            |
| 48 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dasheng Enterprise Việt Nam             | Khu Cn Nhơn Trạch 3            |
| 49 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dệt Daewon Việt Nam                     | Đường Số 3 Kcn Nhơn Trạch 1    |
| 50 | Công Ty Cổ Phần Đồng Việt Phú                                       | Đường Số 2 Kcn Biên Hòa 1      |
| 51 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dệt Lý Minh                             | Đường 319 Kcn Nhơn Trạch       |
| 52 | Chi Nhánh Công Trách Nhiệm Hữu Hạn Gia Hối                          | Kcn Vinatex Tân Tạo            |
| 53 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Trác Việt Phát (topmill) | Xã Thạch Phú                   |
| 54 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoà Bình                                | Lô B 1 Đường 1 Kcn Thạch Phú   |
| 55 | Công Ty Cổ Phần Đồng Minh Phú                                       | Kcn Biên Hòa 2                 |
| 56 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dệt Nhãn Junmay                         | Bắc Sơn                        |
| 57 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn May Pie Rich                            | Xa Hố Nai                      |
| 58 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn CN Ho - Hsiang                          | Số V - 7                       |
| 59 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dns Global                              | Kcn Giang Điền                 |
| 60 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Saitex International Đồng Nai Vn        | Lô 225, Kcn Amata              |
| 61 | Công Ty Cổ Phần Dệt Texhong Việt Nam                                | Kcn Nhơn Trạch 5               |
| 62 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Emivest Việt Nam                        | Hố Nai 3                       |
| 63 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Thương Mại Vĩnh Trường Phát    | Kcn Tam Phước                  |
| 64 | Công Ty Cổ Phần Dệt Sợi Phương Nam                                  | Lô 21 Đường Số 5 Kcn Tam Phước |
| 65 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn S-print,inc ( Nsk Global Textile        | Đường Số 3 Kcn Long Thành      |
| 66 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Il Kwang Vina                           | Đường 3 Kcn Nhơn Trạch 1       |
| 67 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Seo Incheon Vn                          | Đường Số 3 Kcn Nhơn Trạch 1    |
| 68 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kaya Vina                               | Lô E 02 Kcn Long Bình          |

|     |                                                                         |                                |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 69  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Uihwa Việt Nam                              | Kcn Long Bình                  |
| 70  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Indo - Chine Việt Nam                       | ấp Long Phú Xã Phước Thái      |
| 71  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Emerald Blue Việt Nam                       | Lô 105 Khu Công Nghiệp Amata   |
| 72  | Công Ty Dệt Jomu Việt Nam                                               | Xã Tam An                      |
| 73  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Thun Và Nguyên Liệu May Premier    | Đờng Số 8 Kcn Nhơn Trạch 2     |
| 74  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Heera Vina                                  | Kcn Tam Phốc                   |
| 75  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bột Kim Loại Julien Việt Nam                | Kcn Nhơn Trạch I               |
| 76  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Soluna                                      | Đờng Số 4 Kcn Nhơn Trạch 3     |
| 77  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jangang Vina                                | Lô 108 Hiệp Phốc               |
| 78  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Watabeweddingvn                             | Lô 200 Kcn Amata               |
| 79  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toptex (y Trang Roosing)                    | Lô Số 4 Khu Phố 2              |
| 80  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn United Sweethearts Garment Vn               | Đờng Số 10 Kcn Nhơn Trạch 1    |
| 81  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dệt Sợi Gi Tai                              | Đờng 5a Kcn Nhơn Trạch 1       |
| 82  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sy Vina                                     | Kcn Nhơn Trạch 2               |
| 83  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Formosa Taffeta                             | Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 3   |
| 84  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trunet Việt Nam                             | Số 28 Đờng 3a Kcn Biên Hòa     |
| 85  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Anywear                                     | Đờng Số 1 Kcn Long Thành       |
| 86  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fu Lien                                     | Lô B2 Kcn Loteco Đờng 15 A     |
| 87  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Max Succeed                                 | Số 3 Đờng 16 A Kcn Biên Hòa 2  |
| 88  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sejin Process Việt Nam                      | Kcn Nhơn Trạch 2               |
| 89  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàng Gia G M T                             | Lô á Kcn Sông Mây              |
| 90  | Công Ty Cổ Phần Scavi                                                   | Lô 14 Đờng 19 A Kcn Biên Hòa 2 |
| 91  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn May Million Win Vn                          | Kcn Hố Nai                     |
| 92  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kotop Vina                                  | Đờng 9 Kcn Tam Phốc            |
| 93  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv May Mặc Sedo Vina                       | ấp 5 Xã An Phốc                |
| 94  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fashy (viễn Đông)                           | Lô 1 Cụm May Mặc Tân Hiệp      |
| 95  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jiangsu Jing Meng (vietnam)                 | 104/2 Kcn Amata                |
| 96  | Công Ty Cổ Phần Intermaru Vina                                          | Kcn Dệt May Nhơn Trạch         |
| 97  | Công Ty Cổ Phần welcron Global Vn                                       | Đờng Số 1 Kcn Long Thành       |
| 98  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lexco                                       | Kcn Long Thành                 |
| 99  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hansoll Kovi Vina                           | Đờng 9 Kcn Tam Phốc            |
| 100 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sinpoong Vina                               | Kcn Nhơn Trạch 3               |
| 101 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hem May                                     | Kcn Nhơn Trạch 2               |
| 102 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Liberty Lace                                | Số 6 Đờng 17 A Kcn Biên Hòa 2  |
| 103 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Jr France (xí Nghiệp Rostaing Việt Nam) | Số 1 Đờng 13 A Kcn Biên Hòa 2  |

|     |                                                            |                                    |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 104 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Leader Callar                  | Kcn Nhơn Trạch 2                   |
| 105 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Loong Bien Viet Nam Co,ltd     | Kcn Nhơn Trạch 1                   |
| 106 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lovetex Industyal Việt Nam     | Số 212 Đồng 4 Kcn Amata            |
| 107 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn All Supper Viet Nam            | Kcn Biên Hòa 2                     |
| 108 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Viet Bo                        | Kcn Sông Mỹ                        |
| 109 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Namyang International Việt Nam | 120/1 Kcn Amata                    |
| 110 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Unipax                         | Lô 101/2 + 101/4 Kcn Amata         |
| 111 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tongkook Viet Nam Spinning     | 319b Kcn Nhơn Trạch 1              |
| 112 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hng Nghiệp Fosmosa             | Kcn Nhơn Trạch 3                   |
| 113 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dệt May Eclat Việt Nam         | Lô 1 Đồng 5 A Kcn Nhơn Trạch 2     |
| 114 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yupoong Vn                     | Lô A 2,3,4 Kcn Long Bình           |
| 115 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghiệp Hw                 | Kcn Nhơn Trạch 5                   |
| 116 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tentac Việt Nam                | Đồng D 4-2 Kcn Long Đức            |
| 117 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Whail Vina                     | Đồng 5 C Kcn Nhơn Trạch 2          |
| 118 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất C Ngụ Ching Fa        | Kcn Nhơn Trạch 2                   |
| 119 | Công Ty Thhh Woowoo Vn                                     | Đồng 3 Kcn Biên Hòa 1              |
| 120 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jungwoo Textile Vina           | Kcn Long Thành                     |
| 121 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vn Internatonal Proclcien      | 104/2-12 Đồng Amata4-2 Kcn Amata   |
| 122 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Arai Việt Nam                  | 101/1-3 Kcn Amata                  |
| 123 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn E&t Viet Nam                   | Số 7 Đồng 4 A Lô 46 Kcn Biên Hòa 2 |
| 124 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hi Fashion Vina                | Đồng 6 Kcn Tân Phú                 |
| 125 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fashion Garments 2             | Kcn Biên Hòa 2                     |
| 126 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Texma Vina                     | Số 32 Đồng 2 A Kcn Biên Hòa A      |
| 127 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nam Yang Sông Mỹ               | Lô B 1 Đồng 6 Kcn Sông Mỹ          |
| 128 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Men - Chuen Việt Nam           | Đồng 2 Kcn Giang Điền              |
| 129 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hạt Giống C.p Việt Nam         | Lô 1-4 Đồng Số 1 Kcn Định Quán     |
| 130 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Global Dyeing                  | Đồng Số 1, Kcn Long Thành          |
| 131 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hansoll Việt Nam               | Kcn Bàu Xéo                        |
| 132 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hyosung Việt Nam               | Đồng N2, Kcn Nhơn Trạch 5          |
| 133 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asia Garment Manufacture Vn    | Lô 102/6 - 1 Đồng Số 2 Kcn Amata   |

**CÁC DOANH NGHIỆP DỆT MAY NGOÀI KCN**

|   |                           |                       |
|---|---------------------------|-----------------------|
| 1 | Công Ty Cổ Phần Đồng Tiến | Số 10 Đồng Phan Trung |
|---|---------------------------|-----------------------|

|    |                                                                                   |                       |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 2  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Janice                                                | 64 B ấp Tân Hạp       |
| 3  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Rio Vina                                              | ấp Long Khánh 1       |
| 4  | Doanh Nghiệp T Nhân May Và In Bảo Châu 1                                          | Hng Đạo Vong          |
| 5  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Long Phú Thành                                    | Rổ 3 ấp Hơng Phốc     |
| 6  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Thương Mại Dịch Vụ Sinh Hùng                      | 373 Q151              |
| 7  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn 1tv Khải Trình                                        | 343 Tổ 3 ấp Đồng      |
| 8  | Doanh Nghiệp T Nhân Long Đình                                                     | Khu Quảng Ngãi        |
| 9  | Hợp Tác Xã Chăn Nuôi Xuân Phú                                                     | Bình Tân              |
| 10 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Thương Mại - Dịch Vụ Và Sản Xuất CN Lâm Thành Đức | Thọ Bình              |
| 11 | Hợp Tác Xã Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Thanh Niên Xuân Thọ                        | Thọ Chính             |
| 12 | H T X Thủ Công Nghiệp Phú Hòa                                                     | ấp Hòa Bình           |
| 13 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nông                                             | ấp 1 Xuân Bắc         |
| 14 | Hợp Tác Xã Chăn Nuôi Bình Hòa                                                     | Xã Bình Hòa           |
| 15 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Dịch Vụ Long Châu Minh                     | Chà Rang              |
| 16 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Liên Hoa                                          | Thọ Hòa               |
| 17 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Cửu Vọng                                          | Sn 35 ấp Phú Thắng    |
| 18 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Thương Mại Chế Biến Việt Gấc                      | Lâm San               |
| 19 | Hợp Tác Xã Hoa L                                                                  | Xã Xuân Đông          |
| 20 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Thương Mại Dịch Vụ Du Lịch Trang Trại Xanh        | Xuân Đông             |
| 21 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ngôi Sao Hạnh Phúc                                    | 28 B/4 Kp 2           |
| 22 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Châu Phúc Thịnh                                   | ấp La Hoa             |
| 23 | Công Ty Cổ Phần An Phú Thịnh                                                      | Khu 3 ấp 7            |
| 24 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Hng Phát Tổng                              | Tổ 1, Khu Phố 4       |
| 25 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Hạnh Anh Tuấn                                     | Tổ 20, Kp 4           |
| 26 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Boả Hộ Lao An Nhân Phát                           | 128/10/25a Tổ 49 Kp11 |
| 27 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trang Thiết Bị Y Tế Đông Pha                          | 93/63 Kp8             |
| 28 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tomiya Summit Garment Export                          | Lô B 1 Kcn Long Bình  |
| 29 | Công Ty Cổ Phần XNK Thủy Viên                                                     | 33/8 Tổ 8 Kp 2        |
| 30 | Công Ty Liên Doanh France Hybrides Viet Nam                                       | ấp 6 Vĩnh Tân         |
| 31 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Grimaud Việt Nam                                      | ấp 8 Sông Trầu        |
| 32 | Công Ty Liên Doanh Nuôi Và Phát Triển Khỉ Việt Nam                                | ấp Long Khánh 3       |
| 33 | Công Ty Cổ Phần Nông Súc Sản Đồng Nai                                             | 238 Nguyễn ái Quốc    |

|    |                                                             |                                                 |
|----|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 34 | Công Ty Giống Cây Trồng Nông Hữu                            | Xóm Góc                                         |
| 35 | Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi Vellbred                          | ấp 4 Xã Phú Lý                                  |
| 36 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tú Anh Bảo                      | E104c , Tổ 5 , Kp 5                             |
| 37 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Lâm Phong Sơn               | E 656 A, Tổ 28                                  |
| 38 | Doanh Nghiệp T Nhân Phát Nguyên                             | Tân Hợp                                         |
| 39 | Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi An Phú Khánh                      | 16/88 Khu Phố 13                                |
| 40 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Xây Dựng An Phú Khánh Bảy       | 16/88 Lầu 2 Khu Phố 13                          |
| 41 | Công Ty Cổ Phần Greenfeed Việt Nam Cẩm Mỹ.                  | ấp 10                                           |
| 42 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Khang Minh An                   | 224 Nguyễn ái Quốc, Kp3                         |
| 43 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv May Mặc Ngày Vinh Quang     | ấp 5                                            |
| 44 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dầu T Quốc Tế Việt Đức          | ấp 3                                            |
| 45 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Huệ Lộc                         | Tân Hợp                                         |
| 46 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Chính Túc                   | Tổ 18 ấp An Hòa                                 |
| 47 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Long Nhật Anh                   | 247 Hf Kp1                                      |
| 48 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sơn Hà                          | Kp2 Đồng Đồng Khởi                              |
| 49 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Giống Cây Trồng Số Một      | Tổ 7, Đồng 5, Kp3                               |
| 50 | Công Ty Cổ Phần Giống Cây Trồng Nông Tiến                   | 21 Hng Long                                     |
| 51 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Ngũ Tiên Sơn                | ấp 1 Vĩnh Tân                                   |
| 52 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Nhị Tiên Sơn                | Kp 7 Vĩnh Cửu                                   |
| 53 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Thông Mạidv Vong Huỳnh | Tổ 27 ấp Phú Mỹ                                 |
| 54 | Công Ty Cổ Phần May Định Quán                               | Km116 QL20                                      |
| 55 | Doanh Nghiệp T Nhân Dung Thanh Nhân                         | 39/1a Đức Long                                  |
| 56 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Hùng Thanh Hng              | F255, Kp 7                                      |
| 57 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trịnh Đăng Khôi                 | 92/5 Kp 2                                       |
| 58 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quang Thịnh Phát                | 23/113 Kp 2                                     |
| 59 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tuấn Thủy                       | 104/518 Kp 4                                    |
| 60 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mj Apparel                      | Tổ 19 Kp 3                                      |
| 61 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hanba                           | Số 9 Đồng Cổng 9 Tổ 31 Kp 1 Phòng Long Bình Tân |
| 62 | Xí Nghiệp Epic Designers Viet Nam                           | Đồng Đồng Khởi                                  |
| 63 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Thế Linh                    | 28c/88 Kp 13                                    |
| 64 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Kỹ Thuật Công Thịnh  | Tổ 15 Kp 5                                      |
| 65 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Chăn Nuôi Bình Minh         | 262/2a Kp 2 Phạm Văn Thuận                      |

### CÁC DOANH NGHIỆP GIẤY DÉP

|    |                                                               |                                        |
|----|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Taekwang Mtc Việt Nam             | Lô E, Đồng 5, Kcn Long Bình            |
| 2  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoá Chất Hs Việt Nam              | 25b Xã Phú Hội                         |
| 3  | Công Ty Chang Shin Vn                                         | Xã Thanh Phú                           |
| 4  | Công Ty CN Cổ Phần Tn Hh Pousung Vn                           | Kcn Bàu Xéo                            |
| 5  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Perrin Việt Nam               | Đồng 7 , Kcn Amata, Biên Hòa, Đồng Nai |
| 6  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hight Point Vn                    | Kcn Nhơn Trạch 1                       |
| 7  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giày Liann Wan                    | Kcn Nhơn Trạch 1                       |
| 8  | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Armapex                           | Kcn Long Thành                         |
| 9  | Công Ty Tn Hữu Hạn Dong Jin Leiports Vina                     | Lo D9 10 Đồng 5 A Kcnlong Bình         |
| 10 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn 1 Thành Viên Thuộc Da Rostaing Vn | Lô D2 Đồng Số 8 Kcn Long Thành         |
| 11 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Majestic Enterprise               | Đồng 2, Kcn Nhơn Trạch 1               |
| 12 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sungwa Vina                       | Khu Cn Nhơn Trạch 2                    |
| 13 | Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kuo Yuen Vn                            | Khu Cn Nhơn Trạch 2                    |
| 14 | Công Ty Splendour Trách Nhiệm Hữu Hạn                         | Khu Cn Nhơn Trạch                      |
| 15 | Công Ty Cổ Phần Tae Kwang Vina Industrial                     | 88a Đồng 9a Khu Cn Bh2                 |
| 16 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn P & F Vina                        | Khu Cn Long Thành                      |
| 17 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phospin                           | Đồng Số 6 Khu Cn Nhơn Trạch 1          |
| 18 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Coreka Pariners                   | Khu Cn Agtex Long Bình                 |
| 19 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Coreka Pariners                   | Kcn Agtex Long Bình                    |
| 20 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dah Sheng Việt Nam                | Kcn Bàu Xéo                            |
| 21 | Công Ty Hh Sản Xuất Giày Đôngng Nai Việt Vinh                 | Kcn Sông Mây                           |
| 22 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giày Dona Standard Việt Nam       | Kcn Xuân Lộc                           |
| 23 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ez Sports Vina                    | Đồng Số 6 Kcn Nhơn Trạch I             |
| 24 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Janisset Việt Nam                 | Lô C1 - C3 Đồng Số 1 Kcn Long Thành    |
| 25 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chánh Đại                         | Kcn Nhơn Trạch 3                       |
| 26 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hanul Line Việt Nam               | Quốc Lộ 1, Km81                        |
| 27 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kowide Outdoors                   | Kcn Suối Tre                           |
| 28 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Starite International Việt Nam    | Xã Đồi 61                              |
| 29 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hwa Seung Vina                    | Kcn Nhơn Trạch 1                       |
| 30 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Case Concepts Việt Nam            | Lô 101/2-2 Đồng 3b Kcn Amata           |
| 31 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nuri Việt Nam                     | Kcn Dệt May Nhơn Trạch                 |
| 32 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Moa Vina                          | Kcn Nhơn Trạch 2                       |
| 33 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Framas Korea Vina                 | Đồng 1 Kcn Long Thành                  |

|    |                                                                |                                     |
|----|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 34 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shin Kwang                         | Số 4 Đồng 4 A Kcn Biên Hòa 2        |
| 35 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Prowell Việt Nam                   | Đồng 7 Kcn Long Khánh               |
| 36 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Joil Vina                          | Lô K Đồng N 2 Kcn Lộc An - Bình Sơn |
| 37 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hong Won Vina                      | Đồng Số 8                           |
| 38 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dây Dép Tân Hợp                    | ấp 1 Cụm Cn Thiện Tân               |
| 39 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daewon Chemical Vina               | Kcn Long Thành                      |
| 40 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jooco Dona                         | Kcn Bàu Xéo                         |
| 41 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Moland                             | Đồng 6 Kcn Sông Mây                 |
| 42 | Công Ty Tn Hữu Hạn Đông Phong Đồng Nai Vn                      | Kcn Sông Mây                        |
| 43 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dona Pacific Viet Nam              | Kcn Sông Mây                        |
| 44 | Công Ty Hn Cổ Phần Trách Nhiệm Hữu Hạn Pouchen Viet Nam        | Nguyễn ái Quốc                      |
| 45 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Iwasaki Viet Nam                   | Q1 1 A Xuân Bình, Long Khánh        |
| 46 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn 2j Vina                            | Núi Tung                            |
| 47 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghiệp Dona Quế Bằng          | ấp 5 Thanh Phú                      |
| 48 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Sng Mô                         | ấp Phước Hòa                        |
| 49 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Thông Mại Dịch Vụ Cơ Thỉnh     | ấp Thanh Bình                       |
| 50 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv May Mặc Minh Châu              | ấp Thọ Hòa                          |
| 51 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàng Kánhh Ngọc                   | F15 Kp 6                            |
| 52 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phan Kim            | Long Phú                            |
| 53 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trồng Lập Phát                     | An Lâm                              |
| 54 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bình Tiên Đồng Nai                 | 1/1 Phạm Văn Thuận                  |
| 55 | Doanh Nghiệp T Nhân Đăng Phát                                  | 6/6b6 Kp11                          |
| 56 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Hồng Cờng Phát                 | 91/53 Kp3                           |
| 57 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trâm Anh Khoa                      | Việt Kiều                           |
| 58 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thông Mại XNK Gu Bang              | B21 Kp5a                            |
| 59 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Năm Sao Sáng                       | 49/5 Kp9                            |
| 60 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thông Mạidv Chánh ích              | Kp Long Điền                        |
| 61 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giày Dép Hng Đạt                   | Hng Long                            |
| 62 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Thông Mại Anh Nguyên Đông | Khu Phố 6                           |
| 63 | Doanh Nghiệp T Nhân Hoàng Hải Long                             | 174/3 Kp1                           |
| 64 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Thông                     | 79 Đồng 21/4 Kp1                    |



|    |                                                                     |                                     |
|----|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|    | Mại Kim Mạnh Hùng                                                   |                                     |
| 65 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Kết Cờm                             | F34 Q11                             |
| 66 | Doanh Nghiệp T Nhân Trang Nguyễn Vina                               | 61 Nguyễn Trung Trực                |
| 67 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hải Anh Hng                             | 131/36 Hẻm 131 Nguyễn Thị Minh Khai |
| 68 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Sản Xuất<br>Thương Mại Da Việt Cờng | 20 Nguyễn Thị Minh Khai Kp3         |
| 69 | Doanh Nghiệp T Nhân Văn Nam                                         | ấp Long Khánh 1, Tam Phóc           |
| 70 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv K & T                               | Khu Phố 5                           |
| 71 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kỹ Nghệ Trọng<br>An                     | 16/1 Tổ 12 Kp 3                     |
| 72 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Túi Xách<br>Đồng Nai                | Số 7/1 Kp 1                         |
| 73 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hùng Khánh<br>Hoàng                     | Tổ 30 Kp 5                          |
| 74 | Công Ty Cổ Phần Giày Dép Cao Su Màu                                 | Đờng Bùi Hữu Nghĩa                  |

## **Phụ lục số 6**

### **PHIẾU CÂU HỎI KHẢO SÁT Ý KIẾN VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ SẢN XUẤT DOANH NGHIỆP DỆT MAY**

Trước hết Sở Công Thương Đồng Nai xin cảm ơn quý Công ty đã dành thời gian trả lời Phiếu khảo sát này.

#### **Hướng dẫn chung:**

- Đối với những câu hỏi mục lựa chọn, đề nghị đánh dấu x vào mã số tương ứng câu trả lời thích hợp nhất.
- Đối với những câu hỏi mục ghi thông tin, số liệu đề nghị ghi vào đúng ô hoặc hàng tương ứng.

#### **1. Thông tin chung về doanh nghiệp:**

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số fax:

Email:

Loại hình doanh nghiệp:

#### **2. Cơ sở sản xuất của DN có nằm trong khu CN, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao không?**

- ☐ Khu công nghiệp
- ☐ Cụm công nghiệp
- ☐ Khu chế xuất
- ☐ Khu công nghệ cao
- ☐ Không

#### **3. Số lượng nhân công:**

- ☐ Dưới 200 nhân công
- ☐ Từ 200-300 nhân công
- ☐ Trên 300 nhân công

#### **4. Quy mô vốn của doanh nghiệp:**

- ☐ Dưới 20 tỷ đồng
- ☐ Từ 20-100 tỷ đồng
- ☐ Trên 100 tỷ đồng

**5. Loại hình doanh nghiệp:**

- ☐ Doanh nghiệp nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp tư nhân
- ☐ Doanh nghiệp vốn FDI

**6. Lĩnh vực sản xuất chính (ghi cụ thể tên và mã lĩnh vực):**

.....

**7. Sản phẩm sản xuất và thị trường tiêu thụ của từng loại sản phẩm:**

| Tên sản phẩm | Mã sản phẩm | Tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm tiêu thụ tại các thị trường |               | Các quốc gia xuất khẩu chính |
|--------------|-------------|-----------------------------------------------------|---------------|------------------------------|
|              |             | Nội địa (%)                                         | Xuất khẩu (%) |                              |
| 1            |             |                                                     |               |                              |
| 2            |             |                                                     |               |                              |
| 3            |             |                                                     |               |                              |
| 4            |             |                                                     |               |                              |
| 5            |             |                                                     |               |                              |

**8. Những khó khăn doanh nghiệp gặp phải khi xuất khẩu sang thị trường nước ngoài (có thể chọn nhiều lựa chọn):**

- ☐ Thuế quan cao
- ☐ Các nhu cầu phí thuế quan về chất lượng, nguồn gốc xuất xứ
- ☐ Không nắm bắt được nhu cầu về thị trường nước ngoài
- ☐ Các chính sách nhập khẩu của quốc gia đó gây khó khăn cho doanh nghiệp
- ☐ Không đáp ứng kịp về nhu cầu đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao chất lượng của doanh nghiệp
- ☐ Chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nội địa
- ☐ Khác: .....

**9. Những khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải đối với sản xuất cho thị trường trong nước:**

- ☐ Khách hàng nhạy cảm về giá
- ☐ Thị trường tiêu thụ rộng lớn nhưng đa phần là sản phẩm cấp thấp
- ☐ Chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài
- ☐ Tình hình kinh tế kém ổn định, dẫn đến giá cả thị trường dễ dàng thay đổi
- ☐ Khác: .....

**10. Loại hình sản xuất của doanh nghiệp:**

- ☐ Sản xuất theo phương thức sử dụng nguồn nguyên liệu, thiết kế do khách hàng cung cấp, và gắn nhãn hiệu sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng
- ☐ Sản xuất theo phương thức tự thiết kế sản phẩm, tự mua nguyên liệu, nhưng gắn nhãn hiệu của sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng
- ☐ Sản xuất theo phương thức tự thiết kế sản phẩm, tự mua nguyên liệu, nhưng có nhãn hiệu riêng của doanh nghiệp
- ☐ Khác:.....

**11. Nguồn nguyên liệu, linh kiện của doanh nghiệp:**

| Loại sản phẩm: nguyên liệu, linh kiện |  | Tỷ lệ phân bố nguyên liệu nhập khẩu |               | Thị trường nhập khẩu chính |
|---------------------------------------|--|-------------------------------------|---------------|----------------------------|
|                                       |  | Nội địa (%)                         | Xuất khẩu (%) |                            |
| Nguyên liệu                           |  |                                     |               |                            |
| 1                                     |  |                                     |               |                            |
| 2                                     |  |                                     |               |                            |
| 3                                     |  |                                     |               |                            |
| 4                                     |  |                                     |               |                            |
| 5                                     |  |                                     |               |                            |
| Linh kiện                             |  |                                     |               |                            |
| 1                                     |  |                                     |               |                            |
| 2                                     |  |                                     |               |                            |
| 3                                     |  |                                     |               |                            |
| 4                                     |  |                                     |               |                            |
| 5                                     |  |                                     |               |                            |

**Note:** Nội địa\* được hiểu là sản xuất tại Việt Nam, gồm cả sản phẩm sản xuất bởi doanh nghiệp FDI. Nhập khẩu\*\*\* được hiểu là có nguồn gốc từ quốc gia khác ngoài Việt Nam, bao gồm cả hình thức mua hàng từ doanh nghiệp trong nước nhập khẩu bán lại.

**12. Ông/Bà vui lòng đánh giá chung nguồn nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng được cung ứng bởi nhà cung cấp nội địa: (mức độ hài lòng từ 1 đến 5: 1-rất không hài lòng, 2- không hài lòng, 3-bình thường, 4-hài lòng, 5-rất hài lòng)**

| STT | Các tiêu chí            | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|-----|-------------------------|---|---|---|---|---|
| 1   | Chất lượng              |   |   |   |   |   |
| 2   | Số lượng                |   |   |   |   |   |
| 3   | Thời gian giao hàng     |   |   |   |   |   |
| 4   | Năng lực thiết kế       |   |   |   |   |   |
| 5   | Giá cả                  |   |   |   |   |   |
| 6   | Quan hệ hợp tác lâu dài |   |   |   |   |   |

**13. Ông/Bà vui lòng cho biết những khó khăn mà doanh nghiệp sản xuất gặp phải đối với nguồn nguyên liệu trong nước:**

- ☐ Chi phí cao
- ☐ Chất lượng sản phẩm kém
- ☐ Mẫu mã sản phẩm không đa dạng
- ☐ Khác:.....

**14. Ông/Bà vui lòng đánh giá chung nguồn nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng được cung ứng bởi nhà cung cấp nhập khẩu:**

| STT | Các tiêu chí               | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|-----|----------------------------|---|---|---|---|---|
| 1   | Các tiêu chí               |   |   |   |   |   |
| 2   | Chất lượng                 |   |   |   |   |   |
| 3   | Thời gian giao hàng        |   |   |   |   |   |
| 4   | Năng lực thiết kế, đổi mới |   |   |   |   |   |
| 5   | Giá cả                     |   |   |   |   |   |
| 6   | Quan hệ hợp tác lâu dài    |   |   |   |   |   |

**15. Những khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải khi nhập khẩu nguyên liệu:**

- ☐ Tỷ giá đồng tiền Vietnamdong không có tính ổn định cao
- ☐ Chịu sự phụ thuộc vào các nhà sản xuất vì doanh nghiệp chỉ có các nguồn hàng nhập khẩu mới đủ chất lượng sản xuất
- ☐ Khác:.....

**16. Các thiết bị đầu tư hiện đang sử dụng (Vui lòng liệt kê 5-10 loại thiết bị chính):**

| STT | Máy móc thiết kế | Nguyên giá tài sản thiết bị (triệu đồng) |                             |           | Các quốc gia nhập khẩu chính |
|-----|------------------|------------------------------------------|-----------------------------|-----------|------------------------------|
|     |                  | Tổng số                                  | Tỷ trọng nguồn gốc thiết bị |           |                              |
|     |                  |                                          | Nội địa                     | Nhập khẩu |                              |
| 1   |                  |                                          |                             |           |                              |
| 2   |                  |                                          |                             |           |                              |
| 3   |                  |                                          |                             |           |                              |
| 4   |                  |                                          |                             |           |                              |
| 5   |                  |                                          |                             |           |                              |
| 6   |                  |                                          |                             |           |                              |
| 7   |                  |                                          |                             |           |                              |
| 8   |                  |                                          |                             |           |                              |
| 9   |                  |                                          |                             |           |                              |
| 10  |                  |                                          |                             |           |                              |

**17. Thiết bị công nghệ đã sử dụng:**

|                  | Thiết bị thủ công | Thiết bị bán tự động | Thiết bị tự động |
|------------------|-------------------|----------------------|------------------|
| Thiết kế tạo mẫu |                   |                      |                  |
| Kéo/ se sợi      |                   |                      |                  |

|                                         |  |  |  |
|-----------------------------------------|--|--|--|
| Dệt/đan                                 |  |  |  |
| Nhuộm và hoàn tất                       |  |  |  |
| Cắt                                     |  |  |  |
| May                                     |  |  |  |
| Hoàn thiện sản phẩm (sấy, ủi, đóng gói) |  |  |  |
| Khác.....                               |  |  |  |

**18. Tình trạng sử dụng máy móc của doanh nghiệp:**

| STT | Loại máy | Năm sản xuất | Tình trạng máy | Thời gian tiếp tục sử dụng dự kiến | Năng suất lao động |
|-----|----------|--------------|----------------|------------------------------------|--------------------|
| 1   |          |              |                |                                    |                    |
| 2   |          |              |                |                                    |                    |
| 3   |          |              |                |                                    |                    |
| 4   |          |              |                |                                    |                    |

**19. Nguyên giá đầu tư và giá trị còn lại của toàn bộ thiết bị tính đến cuối năm 2015:**

Nguyên giá đầu tư:

Giá trị còn lại:

**20. Doanh nghiệp được áp dụng các phương pháp quản lý sản xuất hiện đại nào sau đây (có thể chọn nhiều lựa chọn):**

- ☐ Không có áp dụng
- ☐ Hệ thống quản lý chất lượng (ISO)
- ☐ JIT
- ☐ 5S
- ☐ Kaizen
- ☐ Lean
- ☐ Khác.....

**21. Những kênh tiếp thị được doanh nghiệp sử dụng (có thể chọn nhiều lựa chọn):**

- ☐ Website doanh nghiệp
- ☐ Quảng cáo qua website thương mại, các dịch vụ quảng cáo trực tuyến
- ☐ Hội chợ, triển lãm, các chương trình xúc tiến thương mại
- ☐ Khách hàng cũ giới thiệu
- ☐ Quảng cáo trên TV, radio, báo giấy
- ☐ Khác.....

**22. Cơ cấu doanh thu phân theo khách hàng truyền thông và khách hàng mới (% doanh thu):**

(Khách hàng truyền thông được hiểu là khách hàng có số lần đặt hàng trên 3 lần, khách hàng mới có số lần đặt hàng từ 3 lần trở xuống)

- Khách hàng truyền thông:.....doanh thu
- Khách hàng mới:..... doanh thu

**23. Cơ cấu doanh thu phân theo khách hàng trung gian thương mại, và tiêu dùng trực tiếp sản phẩm:**

- Khách hàng tiêu dùng trực tiếp sản xuất:.....%
- Khách hàng trung gian thương mại:.....%

**24. Trình độ nguồn nhân lực:**

ĐVT: Người

| Tên chỉ tiêu                                                                 | Mã số     | Thực hiện |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
| <b>Tổng số lao động (tính vào thời điểm hiện tại) (01=02+03+04+05=06+12)</b> | <b>01</b> |           |
| Chia ra:                                                                     |           |           |
| Lao động phổ thông                                                           | 02        |           |
| Sơ cấp, Trung cấp                                                            | 03        |           |
| Cao đẳng, đại học                                                            | 04        |           |
| Trên đại học                                                                 | 05        |           |
| Trong tổng số lao động                                                       |           |           |
| <b>Tổng số lao động kỹ thuật và trực tiếp sản xuất (06=08+09+10+11)</b>      | <b>06</b> |           |
| Trong đó lao động là người nước ngoài                                        | 07        |           |
| Chia ra:                                                                     |           |           |
| Lao động chưa qua đào tạo                                                    | 08        |           |
| Lao động đào tạo nghề tại chỗ                                                | 09        |           |
| Công nhân kỹ thuật                                                           | 10        |           |
| Kỹ sư và trên kỹ sư                                                          | 11        |           |
| <b>Tổng số lao động quản lý (12=14+15+16+17)</b>                             | <b>12</b> |           |
| Trong đó lao động là người nước ngoài                                        | <b>14</b> |           |
| Chia ra:                                                                     |           |           |
| Lao động phổ thông                                                           | 14        |           |
| Sơ cấp, Trung cấp                                                            | 15        |           |
| Cao đẳng, Đại học                                                            | 16        |           |
| Trên đại học                                                                 | 17        |           |

**25. Ông/Bà hãy cho biết những khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải trong nguồn nhân lực:**

- ☐ Lực lượng lao động kỹ thuật cao ít
- ☐ Lực lượng lao động tri thức ít
- ☐ Lực lượng quản trị cấp cao ít
- ☐ Năng suất lao động của công dân thấp
- ☐ Chất lượng sản phẩm sản xuất thấp
- ☐ Khác:.....

**26. Những khó khăn chung trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay: (đánh dấu vào ô tương ứng với mục chọn, có thể chọn nhiều lựa chọn)**

- ☐ Vốn vay, tài chính
- ☐ Thông tin thị trường hạn chế
- ☐ Thủ tục hành chính liên quan đến các hoạt động kinh doanh
- ☐ Liên kết các doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất
- ☐ Công nghệ lạc hậu
- ☐ Không nắm bắt được nhu cầu, tiêu chuẩn chất lượng về sản phẩm của khách hàng
- ☐ Khả năng tiếp thu, thích ứng công nghệ mới từ nước ngoài thấp
- ☐ Thiếu nhân lực chuyên môn kỹ thuật cao
- ☐ Khả năng nghiên cứu, thiết kế, chế tạo công nghệ mới yếu kém
- ☐ Hệ thống phân phối lạc hậu, không hiệu quả
- ☐ Kênh, phương tiện truyền thông không hiệu quả, chi phí cao
- ☐ Liên kết với các nhà cung cấp
- ☐ Giá thành cao
- ☐ Khác:.....

**27. Ông/Bà mong muốn những hỗ trợ chủ yếu từ chính quyền đối với doanh nghiệp (đánh dấu vào ô tương ứng với mục chọn, có thể chọn nhiều lựa chọn):**

- ☐ Hỗ trợ vốn, tín dụng
- ☐ Hỗ trợ công nghệ
- ☐ Thủ tục hành chính
- ☐ Hỗ trợ tiếp cận thị trường
- ☐ Ưu đãi thuế
- ☐ Hỗ trợ đất xây dựng nhà máy
- ☐ Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
- ☐ Liên kết các doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất
- ☐ Những nội dung đề xuất khác:.....



**28. Ông/Bà vui lòng cho biết trong giai đoạn 2015-2020 doanh nghiệp dự kiến sẽ tham gia cung cấp linh kiện, phụ tùng hay bán thành phẩm cho các doanh nghiệp FDI hay xuất khẩu không?**

Không (ghi rõ lý do):

.....  
.....  
.....

Có (ghi rõ sản phẩm):

.....  
.....  
.....

Nếu CÓ, từ đây đến năm 2020 doanh nghiệp sẽ dự định chuẩn bị những gì để tạo điều kiện thuận lợi tham gia cung cấp linh kiện, phụ tùng hay bán thành phẩm cho các doanh nghiệp FDI hay xuất khẩu (có thể chọn nhiều lựa chọn):

- ☐ Đầu tư dây chuyền, công nghệ cao
- ☐ Mở rộng nhà xưởng, doanh nghiệp
- ☐ Sản xuất nhiều loại linh kiện, sản phẩm mới
- ☐ Chỉ tập trung sản xuất các linh kiện có yêu cầu chất lượng và tính chính xác cao
- ☐ Liên kết với các doanh nghiệp phụ trợ khác
- ☐ Nâng cao năng lực thiết kế, chế tạo
- ☐ Nâng cao nhân lực công nhân sản xuất
- ☐ Thay đổi nguồn cung cấp nguyên vật liệu
- ☐ Tìm khách hàng – các nhà thầu chính mới
- ☐ Khác:.....

**29. Tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, doanh thu, lợi nhuận, lao động của doanh nghiệp trong 3 năm 2013, 2014, 2015:**

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                                | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 |
|---------------------------------------------------------|----------|----------|----------|
| Tổng tài sản (triệu đồng) (tính vào thời điểm cuối năm) |          |          |          |
| Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)                             |          |          |          |
| Doanh thu (triệu đồng)                                  |          |          |          |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)                         |          |          |          |
| Số lao động (tính vào thời điểm cuối năm)               |          |          |          |

**30. Một số chính sách doanh nghiệp muốn kiến nghị lên nhà nước trong giai đoạn phát triển công nghiệp dệt may năm 2020:**

.....

.....

.....

.....

**CẢM ƠN ĐÃ KHẢO SÁT CÙNG CHÚNG TÔI !!!**

## Tài liệu tham khảo

Báo cáo ngành dệt may 2015 Lienvietpostbank

Báo cáo ngành dệt may 2015 Việt Nam Viettinbank

Căn cứ Quyết định số 55/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công thương ban hành Quy định nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển lĩnh vực công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu;

Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai V/v phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí Quy hoạch phát triển ngành Dệt may – Giấy dếp tỉnh Đồng Nai năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/04/2014 của Bộ Công Thương, về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 36/2007/QĐ-BCN ngày 06/08/2007 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành da -giày đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.;

Quyết định số 3924/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2007-2015, tầm nhìn đến năm 2020;

Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025;

Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

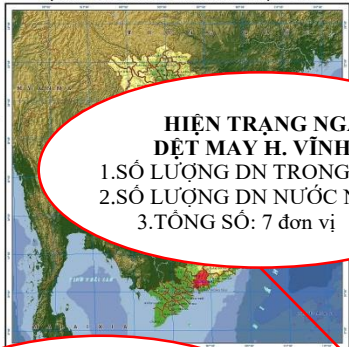
Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 8/10/2014 của Bộ Công thương, về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

# BẢN VẼ, BẢN ĐỒ

## BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG NGÀNH DỆT MAY TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2015

VI TRÍ TỈNH ĐỒNG NAI TRONG VIỆT NAM



### HIỆN TRẠNG NGÀNH DỆT MAY H. VĨNH CỬU

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 2
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 5
- 3.TỔNG SỐ: 7 đơn vị

### HIỆN TRẠNG NGÀNH DỆT MAY H. TÂN PHÚ

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 1
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 2
- 3.TỔNG SỐ: 3 đơn vị

### HIỆN TRẠNG NGÀNH DỆT MAY H. TRĂNG BOM

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 3
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 13
- 3.TỔNG SỐ: 16 đơn vị

### HIỆN TRẠNG NGÀNH DỆT MAY H. ĐỊNH QUÁN

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 1
- 2.TỔNG SỐ: 1 đơn vị

### HIỆN TRẠNG NGÀNH DỆT MAY H. THỔNG NHẤT

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 2
- 2.TỔNG SỐ: 2 đơn vị

### HIỆN TRẠNG NGÀNH DỆT MAY TX. LONG KHÁNH

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 5
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 3
- 3.TỔNG SỐ: 8 đơn vị

### HIỆN TRẠNG NGÀNH DỆT MAY H. XUÂN LỘC

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 1
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 1
- 3.TỔNG SỐ: 2 đơn vị

### HIỆN TRẠNG NGÀNH DỆT MAY TP. BIÊN HÒA

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 26
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 28
- 3.TỔNG SỐ: 54 đơn vị

### HIỆN TRẠNG NGÀNH DỆT MAY H. LONG THÀNH

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 5
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 32
- 3.TỔNG SỐ: 37 đơn vị

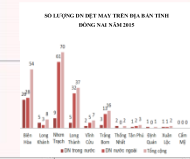
### HIỆN TRẠNG NGÀNH DỆT MAY H. NHƠN TRẠCH

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 9
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 61
- 3.TỔNG SỐ: 70 đơn vị

TY LỆ 1 : 100 000

1 cm trên bản đồ bằng 1000 m ngoài thực địa

TÊN DỰ ÁN  
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY - GIẤY ĐEP TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030  
CHỦ ĐẦU TƯ  
SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐỒNG NAI  
ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HCM



**CHÚ DẪN**

**GIỚI HẠN CHÍNH**

- Đới giới hành chính tỉnh xác định
- Đới giới hành chính tỉnh chưa xác định
- Đới giới hành chính huyện
- Đới giới hành chính xã, phường, thị trấn

**DẤU CỤ**

- Ủy ban nhân dân tỉnh
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn
- Điểm cư dân thị
- Điểm cư dân nông thôn

**THUYẾT VÀ ĐỊA HÌNH**

- Điểm cao nhất, ghi chú độ cao
- Điểm độ cao, ghi chú độ cao
- Đường bình đồ, ghi chú độ cao
- Sông, suối, hồ, ghi chú

**GAO THÔNG**

- Đường sắt, nhà ga
- Quốc lộ, số đường
- Tỉnh lộ, số đường
- Đường thủy nội địa
- Cầu, đập
- Cảng

**CÁC ĐỊA VẬT KHÁC**

- Đình, chùa
- Giao xã, nhà thờ
- Bệnh viện, trạm y tế
- Trường học
- Khu công nghiệp
- Cụm công nghiệp
- Khu chăn nuôi
- Nông trường, lâm trường
- Nhà máy thủy điện
- AA. Vườn quốc gia, Khu bảo tồn
- Di tích lịch sử
- Điểm tham quan, du lịch

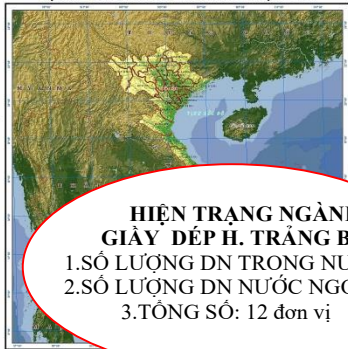
|    |                  |                   |                  |
|----|------------------|-------------------|------------------|
| 7  | Huyện Vĩnh Cửu   | 199.255,62        | 124.272          |
| 8  | Huyện Xuân Lộc   | 72.636,45         | 199.990          |
| 9  | Huyện Định Quán  | 97.123,79         | 190.343          |
| 10 | Huyện Thống Nhất | 77.597,27         | 154.407          |
| 11 | Huyện Tân Phú    |                   |                  |
|    | <b>Tổng cộng</b> | <b>596.548,27</b> | <b>2.455.140</b> |

Phạm vi áp dụng: Bản đồ được lập bằng công nghệ bản đồ số, tỷ lệ 1:100.000. Bản đồ được lập theo quy định của pháp luật về bản đồ và địa chính. Bản đồ được lập theo quy định của pháp luật về bản đồ và địa chính. Bản đồ được lập theo quy định của pháp luật về bản đồ và địa chính.



# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG NGÀNH GIẤY ĐÉP TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2015

VỊ TRÍ TỈNH ĐỒNG NAI TRONG VIỆT NAM



## HIỆN TRẠNG NGÀNH GIẤY ĐÉP H. TRĂNG BOM

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 1
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 11
- 3.TỔNG SỐ: 12 đơn vị

## HIỆN TRẠNG NGÀNH GIẤY ĐÉP H. VĨNH CỬU

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 2
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 2
- 3.TỔNG SỐ: 4 đơn vị

## HIỆN TRẠNG NGÀNH GIẤY ĐÉP TX. LONG KHÁNH

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 2
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 2
- 3.TỔNG SỐ: 4 đơn vị

## HIỆN TRẠNG NGÀNH GIẤY ĐÉP H. XUÂN LỘC

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 1
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 1
- 3.TỔNG SỐ: 2 đơn vị

## HIỆN TRẠNG NGÀNH GIẤY ĐÉP TP. BIÊN HÒA

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 11
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 6
- 3.TỔNG SỐ: 17 đơn vị

## HIỆN TRẠNG NGÀNH GIẤY ĐÉP H. NHƠN TRẠCH

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 3
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 21
- 3.TỔNG SỐ: 24 đơn vị

## HIỆN TRẠNG NGÀNH GIẤY ĐÉP H. LONG THÀNH

- 1.SỐ LƯỢNG DN TRONG NƯỚC: 5
- 2.SỐ LƯỢNG DN NƯỚC NGOÀI: 3
- 3.TỔNG SỐ: 8 đơn vị

**CHÚC DẪN**

**ĐIỀU HÀNH CHÍNH**

- Đường giới hành chính tỉnh xác định
- Đường giới hành chính tỉnh chưa xác định
- Đường giới hành chính huyện
- Đường giới hành chính xã, phường, thị trấn

**DÂN CƯ**

- Đơn vị hành chính dân cư
- Đơn vị hành chính dân cư chưa xác định
- Đơn vị hành chính dân cư chưa xác định
- Đơn vị hành chính dân cư chưa xác định

**THUYẾT VÀ ĐỊA HÌNH**

- Đường biên giới, giới chủ độ cao
- Đường biên giới, giới chủ độ cao
- Đường biên giới, giới chủ độ cao
- Đường biên giới, giới chủ độ cao

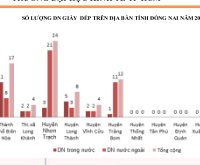
**ĐIỀU HÀNH CHÍNH**

- Đường biên giới, giới chủ độ cao
- Đường biên giới, giới chủ độ cao
- Đường biên giới, giới chủ độ cao
- Đường biên giới, giới chủ độ cao

**CÁC ĐỊA VẬT KHÁC**

- Đường biên giới, giới chủ độ cao
- Đường biên giới, giới chủ độ cao
- Đường biên giới, giới chủ độ cao
- Đường biên giới, giới chủ độ cao

**TÊN DỰ ÁN**  
**QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH**  
**ĐỆM MAY - GIẤY ĐÉP TỈNH ĐỒNG NAI**  
**ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**  
**SỐ CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐỒNG NAI**  
**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HCM**



TỶ LỆ 1 : 100 000

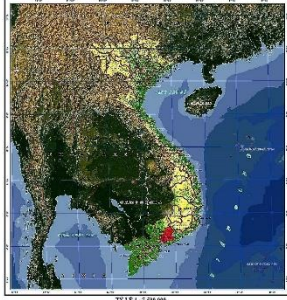
1 cm trên bản đồ bằng 10000 m ngoài đời thực

|                  |                 |                   |                  |
|------------------|-----------------|-------------------|------------------|
| 9                | Huyện Cẩm Mỹ    | 40.826,42         | 136.395          |
| 7                | Huyện Vĩnh Cửu  | 199.255,52        | 124.272          |
| 9                | Huyện Xuân Lộc  | 72.636,45         | 196.600          |
| 10               | Huyện Định Quán | 97.123,76         | 196.343          |
| 11               | Huyện Tân Phú   | 77.567,27         | 154.407          |
| <b>Tổng cộng</b> |                 | <b>590.340,27</b> | <b>2.455.149</b> |



# BẢN ĐỒ PHÂN VÙNG QUY HOẠCH NGÀNH CÔNG NGHIỆP DỆT, MAY – GIÀY DÉP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2015-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.

VỊ TRÍ TỈNH ĐỒNG NAI TRONG VIỆT NAM



TỶ LỆ 1 : 7.000.000

TỈNH BÌNH PHƯỚC  
TỈNH LÂM ĐỒNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TỈNH BÌNH THUẬN  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

**VÙNG II**

TỈNH BÌNH DƯƠNG

TỈNH BÌNH THUẬN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**VÙNG I**

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

| STT | Tên đơn vị hành chính (tên cũ) | Diện tích (km <sup>2</sup> ) | Đơn vị (tên cũ) |
|-----|--------------------------------|------------------------------|-----------------|
| 1   | Thành phố Biên Hòa             | 28.420,64                    | 254.300         |
| 2   | H. Tân Long, Nhơn              | 19.520,38                    | 129.300         |
| 3   | Huyện Long Thành               | 49.130,62                    | 108.546         |
| 4   | Huyện Nhơn Trạch               | 49.130,62                    | 108.546         |
| 5   | Huyện Trảng Bàng               | 34.797,23                    | 148.110         |
| 6   | Huyện Long Thành               | 22.200,01                    | 244.727         |
| 7   | Huyện Cẩm Mỹ                   | 48.326,42                    | 128.380         |
| 8   | Huyện Xuân Lộc                 | 108.550,62                   | 101.229         |
| 9   | Huyện Tân Phú                  | 77.320,48                    | 103.600         |
| 10  | Huyện Định Quán                | 49.130,62                    | 108.546         |
| 11  | Huyện Định Quán                | 49.130,62                    | 108.546         |
|     | Tổng cộng                      | 690.340,27                   | 2.482.140       |

TỶ LỆ 1 : 100.000

1 cm trên bản đồ bằng 100 m ngoài thực địa

- CHÚ THÍCH**
- ĐIỂM CHẤM CHỈ DẪN**
- Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
- DẤU CHỈ**
- Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
- THUYẾT MINH VÀ ĐẶC ĐIỂM**
- Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
- GIỚI THIỆU**
- Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
- CÁC ĐẶC ĐIỂM KHÁC**
- Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm
  - Điểm chấm chỉ dẫn các địa điểm

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Dệt may - Giày dép  
tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 6209/QĐ-BCT ngày 25/11/2010 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Da - Giày Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/4/2014 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương Đồng Nai tại Tờ trình số 4233/TTr-SCT ngày 15/12/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt may - Giày dép (viết tắt là DMG) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, với nội dung chính như sau:

**I. Quan điểm phát triển**

1. Phát triển ngành DMG phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển ngành Dệt may và Da giày của Việt Nam, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Nai. Trong đó, xác định ngành công nghiệp DMG tiếp tục có vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đóng góp rất lớn về giá trị xuất khẩu, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai.

2. Phát triển ngành công nghiệp DMG theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, tạo bước nhảy vọt về chất và lượng sản phẩm, tăng nhanh tỷ trọng kim

ngạch xuất khẩu. Tập trung phát triển công nghệ, khoa học kỹ thuật, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư chiều sâu, cải tạo, đầu tư mở rộng và đầu tư mới. Đẩy mạnh việc chuyển từ hình thức gia công sang sản xuất, xuất khẩu trực tiếp nhằm gia tăng giá trị, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ ngành DMG nhằm giảm nhập siêu, nâng cao giá trị gia tăng và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

3. Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp DMG, đẩy mạnh đầu tư tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Định hướng phát triển hợp lý và triển khai các dự án đầu tư trong ngành. Phát triển thành những khu, cụm công nghiệp gắn liền với việc bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai bền vững.

4. Huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành DMG thông qua việc đa dạng hóa sở hữu và phát triển kinh tế nhiều thành phần; đa dạng hóa quy mô và loại hình doanh nghiệp. Trong đó, cần chú trọng kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào ngành công nghiệp hỗ trợ và những lĩnh vực mà các nhà đầu tư trong nước còn yếu và thiếu kinh nghiệm.

## **II. Mục tiêu phát triển**

### **1. Mục tiêu chung**

Phát triển mạnh ngành công nghiệp DMG tỉnh Đồng Nai trở thành ngành kinh tế chủ lực về xuất khẩu, tạo ra nhiều giá trị gia tăng, việc làm và thu nhập cho người lao động, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập phát triển bền vững trong tiến trình toàn cầu hóa hiện nay.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **a) Tăng trưởng giá trị SXCN**

Ngành Dệt may - Giày dép: Giai đoạn 2016 - 2020: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp là 12% - 14%/ năm; Giai đoạn 2021-2025: tăng bình quân 8% - 10%/năm; Giai đoạn 2026-2030: Tăng bình quân 6% - 8%/năm.

#### **Trong đó:**

- Ngành Dệt may: Giai đoạn 2016 - 2020: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp là 10% - 11%/ năm; Giai đoạn 2021-2025: Tăng bình quân 7% - 8%/năm; Giai đoạn 2026-2030: Tăng bình quân 5% - 7%/năm.

- Ngành giày dép: Giai đoạn 2016 - 2020: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp là 14% - 16%/ năm; Giai đoạn 2021 - 2025: tăng bình quân 10% - 12%/năm; Giai đoạn 2026 - 2030: Tăng bình quân 6% - 9%/năm.



### **b) Tăng trưởng giá trị xuất khẩu**

Ngành Dệt may - Giày dép: Giai đoạn 2016 - 2020: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu là 7% - 8%/ năm; giai đoạn 2021 - 2025: Tốc độ tăng trưởng đạt 6% - 8%/năm; giai đoạn 2026 - 2030: Tốc độ tăng trưởng đạt 5% - 7%/năm.

#### **Trong đó:**

- Ngành Dệt may: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu là 6% - 8%/ năm; giai đoạn 2021-2025: Tốc độ tăng trưởng đạt 6% - 8%/năm; giai đoạn 2026 - 2030: tốc độ tăng trưởng đạt 5% - 7%/năm.

- Ngành Giày dép: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu là 7% - 8%/ năm; giai đoạn 2021-2025: Tốc độ tăng trưởng đạt 6% - 7%/năm; giai đoạn 2026 - 2030: tốc độ tăng trưởng đạt 5% - 7%/năm.

### **c) Tăng trưởng lao động:**

- Ngành Dệt may - Giày dép:

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Tăng trưởng lao động đạt 5%/năm; đến năm 2020 thu hút 419 nghìn lao động;

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Tăng trưởng lao động đạt 4%/năm; đến năm 2025 thu hút 510 nghìn lao động;

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Tăng trưởng lao động đạt 5%/năm; đến năm 2030 thu hút 621 nghìn lao động.

#### **Trong đó:**

- Ngành Dệt may:

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Tăng trưởng lao động đạt 5%/năm; đến năm 2020 thu hút 163 nghìn lao động;

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Tăng trưởng lao động đạt 4%/năm; đến năm 2025 thu hút 199 nghìn lao động;

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Tăng trưởng lao động đạt 4%/năm; đến năm 2030 thu hút 242 nghìn lao động.

- Ngành Giày dép:

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Tăng trưởng lao động đạt 5%/năm; đến năm 2020 thu hút 257 nghìn lao động;

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Tăng trưởng lao động đạt 4%/năm; đến năm 2025 thu hút 312 nghìn lao động;

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Tăng trưởng lao động đạt 5%/năm; đến năm 2030 thu hút 380 nghìn lao động.

## **III. Quy hoạch phát triển**

### **1. Định hướng phát triển**

### **a) Ngành Dệt may**

- Định hướng về thị trường: Tập trung phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa mặt hàng, đáp ứng được thị hiếu và nhu cầu của mọi tầng lớp nhân dân, từng bước nâng cao thị phần sản phẩm may mặc trong nước, nhất là các sản phẩm may mặc, thời trang. Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm dệt may vào các thị trường truyền thống như: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản..., đồng thời đẩy mạnh khai thác thị trường xuất khẩu tại các thị trường có tiềm năng khác.

- Định hướng phát triển sản phẩm chủ yếu:

+ Giai đoạn 2016 - 2020:

Đa dạng hóa và nâng cao đẳng cấp hàng may mặc, phát triển các mặt hàng có giá trị gia tăng cao; Nâng cao năng lực của các doanh nghiệp trong dịch chuyển phương thức sản xuất kinh doanh: từ hình thức gia công từ khâu đầu đến khâu cuối (CMT) sang các hình thức khác như: gia công từng phần (OEM), mua nguyên liệu - sản xuất - bán thành phẩm (FOB) hoặc thiết kế - sản xuất - cung cấp sản phẩm và dịch vụ liên quan (ODM), tiến tới sản xuất sản phẩm với thương hiệu riêng (OBM).

Tập trung vào các sản phẩm như quần, áo Jacket, quần áo thể thao, quần áo trẻ em, sợi tổng hợp, sợi polyester, vải các loại, khăn bông các loại. Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, tăng tỷ trọng các sản phẩm chất lượng cao, từng bước hình thành và phát triển ngành công nghiệp thời trang.

+ Giai đoạn 2021 - 2025:

Duy trì một số dòng sản phẩm ở giai đoạn trước đồng thời mở rộng một số sản phẩm mới, đặc biệt chú trọng sản phẩm quần áo thể thao; các loại vải cao cấp, quần áo thời trang. Quan tâm đến thời trang mang thương hiệu Việt.

+ Giai đoạn 2026 - 2030:

Tập trung thu hút các dự án đầu tư nước ngoài vào các ngành yếu kém, tốc độ phát triển chậm, năng lực sản xuất thấp, cũng như công nghệ máy móc, thiết bị trong ngành lạc hậu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ để nắm thế chủ động trong việc nghiên cứu cải tiến công nghệ, thiết bị, phụ tùng cũng như cải tiến chất lượng, thay đổi mẫu mã sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của các thị trường xuất khẩu đa dạng.

- Định hướng khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực: Xác định quy mô dự án, các dự án đầu tư cần phải có trình độ công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện nước ta trong vòng 5-10 năm tới, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, thân thiện với môi trường. Ưu tiên ứng dụng công nghệ tự động hoá, áp dụng các phần mềm thiết kế mẫu. Đẩy nhanh việc ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, thực hiện tốt các yêu cầu đối với người lao động theo tiêu chuẩn SA 8000, cụ thể:

+ Đối với ngành dệt: Về đầu tư thiết bị ngành dệt trong giai đoạn sắp tới cần có sự hợp lý dựa trên cơ sở sản xuất sản phẩm và thị trường tiêu thụ thành phẩm. Các sản phẩm hướng đến thị trường xuất khẩu cần phải đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu. Tập trung đầu tư phát triển các khâu nhuộm hoàn tất, in hoa nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mẫu mã. Loại bỏ các thiết bị cũ, công nghệ lỗi thời của các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư các thiết bị dệt cao cấp có năng suất và chất lượng sản phẩm cao, tạo tiền đề cho phát triển ngành dệt may xuất khẩu.

+ Đối với ngành may: Đẩy mạnh đầu tư thiết bị công nghệ theo hướng tự động hóa từ khâu chuẩn bị đến khâu sản xuất, thiết bị chuyên dùng tự động và thiết bị chuyên môn hóa cho dây chuyền sản xuất từng loại sản phẩm, thiết bị chuyên dùng cao ở khâu hoàn thiện sản phẩm. Chú trọng đầu tư phát triển lĩnh vực thiết kế thời trang, đa dạng mẫu mã nhằm đáp ứng thị hiếu ngày càng tăng của người tiêu dùng trong nước và ngoài nước.

+ Về phát triển nguồn nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng tiếp cận với công nghệ, dây chuyền máy móc hiện đại, đẩy mạnh mở các trường trung cấp, cao đẳng, liên kết với nước ngoài để đào tạo nguồn nhân lực cho ngành trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành dệt may có chuyên môn và chất lượng cao.

- Định hướng sản xuất nguyên phụ liệu (CNHT)

+ Tập trung đầu tư sản xuất xơ, sợi, vải và phụ liệu thay thế nhập khẩu, tận dụng tối đa các lợi thế của các cam kết từ các hiệp định thương mại quốc tế, đảm bảo chủ động trong sản xuất và gia tăng tiêu thụ sản phẩm may mặc ở thị trường các quốc gia phát triển.

+ Thu hút đầu tư vào các lĩnh vực: Xơ sợi thiên nhiên (bông, đay, gai, tơ tằm...), xơ sợi tổng hợp (PE, Viscose...), vải, hóa chất, chất trợ, thuốc nhuộm và các phụ liệu ngành may (chỉ may, cúc, nhãn mác, mex, khóa kéo, băng chun...). Thu hút đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất của lĩnh vực nhuộm - hoàn tất trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, không độc hại, thân thiện môi trường.

+ Tập trung sản xuất các sản phẩm có chất lượng và giá trị gia tăng cao. Tiếp tục thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, ưu tiên đầu tư sản xuất các loại xơ, sợi, vải chất lượng cao, ứng dụng công nghệ cao, phù hợp với xu thế thời trang quốc tế.

- Dự án đầu tư chủ yếu:

+ Ưu tiên đầu tư chiều sâu và mở rộng các dự án hiện hữu: Các dự án sản xuất sợi cho ngành dệt như: Sản xuất sợi các loại, sợi tổng hợp; các dự án sản xuất vải, sợi các loại phục vụ cho ngành giày dép và các ngành khác; các dự án sản xuất vải cho ngành may mặc; các dự án sản xuất sản phẩm may mặc thời trang cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

+ Các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển: Xơ thiên nhiên: bông, đay, gai, tơ tằm; xơ sợi tổng hợp: PE, viscose; sợi dệt kim, sợi dệt thoi; Sợi polyester có độ bền cao, sợi spandex, nylon có độ bền cao; vải: vải kỹ thuật, vải không dệt, vải dệt kim, vải dệt thoi; chỉ may trong ngành dệt may; hóa chất, chất trợ, thuốc nhuộm phục vụ ngành nhuộm hoàn tất vải; phụ liệu ngành may: cúc, mex, khóa kéo, băng chun.

### **b) Ngành Giày dép**

- Định hướng thị trường: Duy trì và mở rộng thị trường nội địa nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, tạo sự điều kiện ổn định để phát triển thị trường xuất khẩu. Tập trung củng cố và tạo dựng thương hiệu tại các thị trường truyền thống như Mỹ, Châu Âu, bên cạnh đó, tập trung tìm kiếm, thăm dò và phát triển các thị trường mới tiềm năng như Nhật Bản, Trung Đông, Nga và Châu Phi.

#### **- Định hướng phát triển sản phẩm chủ yếu**

+ Giai đoạn 2016 - 2020:

- Tập trung sản xuất các sản phẩm chiến lược như giày thể thao, giày dép da thời trang và cặp túi ví chất lượng cao phục vụ thị trường mới, thị trường cao cấp và thị trường nội địa, trong đó sản phẩm giày dép là sản phẩm chủ lực của ngành, giày thể thao và giày vải được ưu tiên sản xuất và xuất khẩu.

- Từng bước sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh, giảm gia công, tập trung các sản phẩm có lợi thế so sánh là giày thể thao và giày dép. Điều chỉnh cơ cấu các loại sản phẩm trong quá trình đầu tư nhằm định hướng đúng cho ngành phát triển bền vững.

+ Giai đoạn 2020 - 2025:

- Khuyến khích các doanh nghiệp ngành giày dép trong nước chuyển hướng đầu tư từ hình thức gia công sang sản xuất sản phẩm cuối cùng, xây dựng thương hiệu riêng để gia tăng giá trị sản phẩm.

- Tập trung đầu tư chiều sâu tổng thể, ổn định và đưa dần các phần mềm ứng dụng vào sản xuất (như ở phần thiết kế, phần may mũ giày và ở công đoạn gò ráp, công đoạn trau chuốt trong thuộc da...). Tổ chức quản lý sản xuất ở các doanh nghiệp phải ứng dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9000, ISO 14000; đồng thời chú trọng đầu tư mạnh sản phẩm giày da cao cấp để có nhiều mặt hàng mới, đáp ứng nhu cầu thị trường.

+ Giai đoạn 2025 - 2030: Sản xuất sản phẩm tập trung vào hàng cao cấp, chất lượng cao, hàng thời trang. Các doanh nghiệp ngành giày dép chủ yếu sản xuất sản phẩm cuối cùng và xuất khẩu trực tiếp, giảm hình thức gia công. Chủ động sản xuất nguyên phụ liệu, giảm phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nước ngoài. Bên cạnh đó tập trung phát triển khâu thiết kế, khâu bán hàng đến người tiêu dùng cuối cùng và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Định hướng khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực:

+ Đầu tư các máy móc thiết bị hiện đại thay thế dần máy móc không đảm bảo an toàn, tiến tới chuyển đổi đồng bộ các máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Khai thác tối đa năng lực hiện có, tập trung đầu tư đổi mới ở các khâu quyết định như cắt chặt nguyên liệu, gò ráp, thiết kế mẫu mới, sản xuất đế giày và sản xuất giày dép da,...

+ Tập trung đầu tư chiều sâu vào các mặt hàng chủ yếu, đặc biệt giày thể thao, giày dép trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa, nhất là khâu sản xuất nguyên phụ liệu chất lượng và giá trị gia tăng cao.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào trong các khâu pha cắt nguyên liệu, thiết kế mẫu mã sản phẩm. Ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, thực hiện tốt các yêu cầu đối với người lao động theo tiêu chuẩn SA 8000.

+ Về phát triển nguồn nhân lực: Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập, bên cạnh đó tập trung đào tạo nguồn nhân lực ở các khâu tạo ra giá trị gia tăng cao như khâu nghiên cứu, thiết kế sản phẩm. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo như: đào tạo từ các trường của nhà nước, tư nhân, doanh nghiệp tự đào tạo, liên kết với các trường đại học và viện nghiên cứu để đào tạo. Mở rộng hệ thống dạy nghề của Tỉnh.

- Định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ (nguyên phụ liệu):

+ Tập trung đầu tư sản xuất nguyên phụ liệu phục vụ sản phẩm da giày xuất khẩu, đồng thời chú trọng đầu tư sản xuất các loại vải trong nước dùng cho sản xuất giày dép xuất khẩu.

+ Tập trung thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất vải giả da, thuộc da, sản xuất các loại mũ giày, đế giày, tấm lót trong, làm khuôn mẫu và phụ liệu khác cho ngành da giày.

+ Phát triển công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao, tự động hóa nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm giày dép, trong đó tập trung vào các sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường trong giai đoạn mới.

- Các dự án đầu tư chủ yếu:

+ Các dự án đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ và mở rộng sản xuất các doanh nghiệp hiện có; Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cuối cùng phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, đặc biệt là các dự án sản xuất sản phẩm giày dép da, giày thể thao, giày dép trẻ em cao cấp; Các dự án sản xuất đồ da, giả da thời trang như: Va li, túi xách da, giả da, ví...

+ Các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển: Da thuộc; vải giả da; đế giày, mũi giày, dây giày; hóa chất thuộc da; da muối; chỉ may giày; keo dán giày, phụ liệu trang trí như khóa, khoen, móc...

## **2. Định hướng không gian và địa bàn đầu tư:**

### **a) Định hướng quy hoạch không gian:**

Các dự án DMG được bố trí không gian theo hướng gần các trục giao thông để thuận tiện vận chuyển hàng hóa và gần khu vực nông thôn để thu hút lực lượng lao động. Theo đó, phân bố không gian của ngành dệt may, da giày theo hướng như sau:

- Ngành kéo sợi: Đặt tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực có hạ tầng kỹ thuật tốt để đảm bảo vấn đề môi trường, thuận tiện giao thông.

- Ngành dệt: đầu tư các dự án dệt quy mô lớn tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được quy hoạch cho ngành dệt may và nơi gần nguồn nhân lực từ các khu vực nông thôn.

- Ngành thêu: Trong thời gian tới, việc phát triển nghề thêu cần được phát triển nhằm phát huy những lợi thế tiềm năng của địa phương.

- Ngành tẩy, nhuộm hoàn tất: Bố trí tập trung tại các khu công nghiệp, đảm bảo các yêu cầu về môi trường và sử dụng chung cơ sở hạ tầng dịch vụ, thuận lợi về điện, nước.

- Ngành may: Ưu tiên vào các vùng có nhiều nguồn nhân lực, cụ thể là các vùng nông thôn; bố trí về các cụm công nghiệp tại các huyện.

- Ngành giày dép: Bố trí chủ yếu ở các khu, cụm công nghiệp khu vực nông thôn nơi gần nguồn lao động. Khu vực đô thị sẽ tập trung làm dịch vụ, cung cấp nguyên phụ liệu, công nghệ mẫu mốt và hướng tới hình thành trung tâm xúc tiến thương mại và phát triển thời trang giày dép, đồ da.

### **b) Định hướng địa bàn đầu tư theo vùng**

**Vùng I:** Gồm các địa bàn thành phố Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch, huyện Long Thành, huyện Trảng Bom.

- Đầu tư chiều sâu các cơ sở sản xuất hiện có; Hạn chế thu hút các dự án sử dụng nhiều lao động; Thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, tự động hóa, ít sử dụng lao động, ít tác động môi trường;

- Đối với các dự án DMG quy mô nhỏ và siêu nhỏ theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP, ít gây ô nhiễm môi trường: xem xét bố trí ngoài các khu cụm công nghiệp theo từng dự án cụ thể.

**Vùng II:** Gồm thị xã Long Khánh và 06 huyện còn lại: Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ:

- Khuyến khích đầu tư phát triển ngành công nghiệp DMG về địa bàn các huyện thuộc Vùng II (gồm các huyện Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú và Định Quán), nhằm đảm bảo nguồn lao động tại chỗ phục vụ ngành, khai thác tiềm năng và góp phần phát triển kinh tế địa phương;

- Đối với các dự án DMG quy mô nhỏ và siêu nhỏ theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP, ít gây ô nhiễm môi trường: xem xét bố trí ngoài các khu cụm công nghiệp theo từng dự án cụ thể.

### **3. Nhu cầu vốn đầu tư**

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư dự kiến trong thời kỳ quy hoạch là 129.430 tỷ đồng, trong đó phân kỳ theo các giai đoạn quy hoạch như sau: Giai đoạn 2016-2020: 30.000 tỷ đồng; Giai đoạn 2021-2025: 45.000 tỷ đồng; Giai đoạn 2026-2030: 54.430 tỷ đồng.

- Dự kiến cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Vốn trong nước chiếm 30% và vốn đầu tư nước ngoài chiếm 70%.

## **IV. Giải pháp và chính sách phát triển**

### **1. Giải pháp về đầu tư**

a) Xây dựng danh mục các dự án đầu tư cụ thể nhằm mục đích kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn từ nhân dân vào ngành dệt may giày dép, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ cho ngành công nghiệp dệt may - giày dép.

b) Khuyến khích đầu tư chiều sâu để hiện đại hoá máy móc thiết bị và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dệt may giày dép; liên kết, liên doanh với các doanh nghiệp khác để đầu tư sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành, giảm dần nhập khẩu từ nước ngoài.

c) Khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm trong ngành như các loại quần áo thời trang cho giới trẻ, trẻ em, chú trọng sản xuất giày dép, túi xách, balo để đạt tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và ngoài nước, đặc biệt là các thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU, Hàn Quốc.

d) Đẩy mạnh quy hoạch và xây dựng hạ tầng cho phát triển công nghiệp DMG, nhất là hạ tầng các cụm công nghiệp; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư vào cụm công nghiệp, nhằm tạo điều kiện về mặt bằng đất đai cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành DMG có điều kiện phát triển, góp phần chuyển dịch ngành DMG về vùng nông thôn, giải quyết việc làm cho người lao động.

### **2. Giải pháp về thị trường**

a) Tăng cường xúc tiến thương mại để phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu đối với mặt hàng DMG: Đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường truyền thống và thị trường mới, đa dạng hoá thị trường xuất khẩu; chú trọng phát triển thị trường nội địa, tập trung phát triển sản phẩm riêng biệt cụ thể đối với từng vùng, từng mặt hàng và từng đối tượng khách hàng trong nước.

b) Tăng cường các mối quan hệ hợp tác với nước ngoài và xúc tiến thương mại qua các hiệp hội, các cơ quan thương mại. Tham gia các hoạt động

hội chợ quốc tế, các diễn đàn chuyên ngành để có điều kiện tham gia vào sự phân công lao động quốc tế.

c) Tăng cường quỹ xúc tiến thương mại để đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và tiếp thị xuất khẩu để phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu đối với mặt hàng DMG.

d) Hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký bản quyền về thương hiệu, tạo ra giá trị riêng cho doanh nghiệp, hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước; đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký nhãn hiệu hàng hóa ở nước ngoài trong điều kiện thị trường hội nhập.

đ) Tăng cường các biện pháp quản lý thị trường, nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực của công tác chống hàng giả, hàng nhái trong thị trường nội địa, tổ chức tốt thương mại trong nước, nhất là các mạng lưới tiêu thụ, đại lý...

### **3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực**

a) Đầu tư nâng cấp theo hướng hiện đại hóa và chuyên môn hóa các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh; ổn định tổ chức và quản lý để phát huy hiệu quả đào tạo và xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi. Đồng thời chú trọng mở rộng hình thức đào tạo tại chỗ, gắn kết việc đào tạo với việc sử dụng lao động. Khuyến khích các tổ chức đào tạo trong và ngoài nước thành lập các trường, trung tâm đào tạo dạy nghề, các trường nghề chuyên sâu tại tỉnh.

b) Ưu tiên nguồn kinh phí đào tạo nghề cho các doanh nghiệp ngành DMG đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp các địa bàn miền núi theo quy hoạch thông qua các chương trình khuyến công, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tạo điều kiện về mặt bằng đất đai cho các doanh nghiệp xây dựng nhà ở cho công nhân, cũng như các công trình phúc lợi khác để người lao động yên tâm công tác.

### **4. Giải pháp khoa học - công nghệ**

a) Có kế hoạch đào tạo nâng cao về kiến thức khoa học công nghệ, khuyến khích phát triển ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất, tạo điều kiện hiện đại hóa, nâng cao cạnh tranh trong giai đoạn hội nhập. Thuê các chuyên gia trong ngành tư vấn về cải tiến, đào tạo; đầu tư các thiết bị nghiên cứu, kiểm tra chất lượng sản phẩm.

b) Cung cấp thông tin về công nghệ, đầu tư thiết bị cho các doanh nghiệp DMG nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới, sản xuất những sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường. Phối hợp với các viện nghiên cứu để hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, tổ chức các hội thảo giới thiệu về công nghệ, thiết bị hiện đại cho các doanh nghiệp ngành DMG.

c) Hỗ trợ kinh phí tạo điều kiện để doanh nghiệp thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu, cải tiến, đổi mới thiết bị công nghệ để tiết kiệm chi phí, nghiên cứu thay thế các nguyên liệu nhập khẩu bằng các nguyên



liệu tương đương với chất lượng vượt trội, ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất.

d) Đẩy mạnh đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ, nâng cao năng lực quản lý, kinh doanh, đảm nhận được các khâu có giá trị gia tăng cao từ xây dựng thương hiệu, thiết kế, đến tự chủ về nguyên liệu và bán thành phẩm.

### **5. Giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ**

a) Tăng cường sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp ngành hàng khi thực hiện các đơn hàng lớn và khi đàm phán mua nguyên vật liệu, tăng cường sử dụng các nguyên liệu trong nước. Phát triển cụm công nghiệp chuyên sản xuất nguyên phụ liệu phục vụ cho ngành DMG.

b) Khuyến khích các dự án công nghiệp hỗ trợ ngành DMG đầu tư về các địa bàn nông thôn, các huyện miền núi thông qua hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, nhằm tạo việc làm và góp phần phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn các huyện.

c) Kết nối các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nội địa trong việc phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thông qua các chương trình giới thiệu nhu sử dụng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ giữa các doanh nghiệp.

d) Xây dựng chương trình hợp tác dài hạn với các đối tác chiến lược, các công ty, tập đoàn đa quốc gia về phát triển công nghiệp hỗ trợ trong nước cho ngành DMG; củng cố và nâng cao vai trò của các hiệp hội làm đầu mối liên kết các doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, đề xuất các cơ chế chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành DMG.

### **6. Giải pháp bảo vệ môi trường**

a) Khuyến khích các doanh nghiệp ngành DMG đầu tư đổi mới công nghệ, sử dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường để giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường.

b) Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp trong ngành áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000 và các tiêu chuẩn chất lượng khác, thực hiện tốt các yêu cầu đối với người lao động theo tiêu chuẩn SA8000...

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường đối với các dự án ngành công nghiệp DMG. Xử lý nghiêm các vi phạm Luật Bảo vệ môi trường. Rà soát lại mục tiêu đầu tư của các khu công nghiệp đã được quy hoạch có liên quan đến ngành DMG để có điều chỉnh phù hợp. Hoàn chỉnh đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp.

d) Ưu tiên hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai cho các doanh nghiệp ngành DMG đầu tư các hạng mục công trình bảo vệ môi trường như đầu tư công nghệ xử lý nước thải, chất thải nguy

hại, đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường.

## **7. Giải pháp về tài chính**

a) Có chính sách ưu đãi tín dụng và bảo lãnh tín dụng. Áp dụng mức lãi suất cho vay ưu đãi đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành DMG, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

b) Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành DMG: Ngân sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp phục vụ cho ngành DMG; huy động vốn đầu tư phát triển ngành DMG chủ yếu từ các kênh đầu tư nước ngoài và khu vực tư nhân trong nước. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư liên doanh, liên kết để tìm kiếm nguồn vốn đầu tư và thực hiện chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước.

## **8. Giải pháp quản lý ngành**

a) Tăng cường công tác xây dựng và hoàn thiện các cơ chế chính sách, các quy định và cơ chế phối hợp trong việc quản lý ngành, hạn chế sự chồng chéo trong quản lý ngành, nâng cao hiệu quả trong đánh giá, xây dựng định hướng phát triển ngành.

b) Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hiệp hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để có tính thiết thực nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và phát triển.

c) Tiếp tục triển khai mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tăng cường trách nhiệm các cấp, các ngành trong giải quyết, xử lý công việc. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác thực hiện quy hoạch.

## **9. Giải pháp hoàn thiện chuỗi giá trị DMG ở tỉnh Đồng Nai và xây dựng môi liên kết vùng**

a) Các doanh nghiệp dệt may Đồng Nai cần thực hiện việc dịch chuyển dần từ gia công (CMT) sang hình thức xuất khẩu theo FOB và ODM để tạo giá trị gia tăng cao hơn. Nhà nước cần hỗ trợ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn tín dụng ưu đãi với lãi suất hợp lý; hỗ trợ và phối hợp với các doanh nghiệp đào tạo nguồn nhân lực trong ngành dệt may để nâng cao khả năng của đội ngũ kỹ thuật và quản lý; hỗ trợ phát triển các khâu thượng nguồn trong chuỗi giá trị để các doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất qua chính sách phát triển tốt cụm ngành dệt may.

b) Xây dựng chính sách phát triển cụm ngành dệt may và môi liên kết vùng nhằm giúp các doanh nghiệp dệt may tăng khả năng cạnh tranh và tăng cường hợp tác, tạo ra tác động lan tỏa thúc đẩy sự phát triển toàn ngành. Để thúc

đẩy sự hình thành và phát triển cụm ngành dệt may Đồng Nai trong mối liên hệ liên kết vùng, Tỉnh cần thể hiện vai trò trong ba vấn đề sau:

- Đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi để thúc đẩy cạnh tranh, hợp tác và tạo ra tác động lan tỏa giữa các doanh nghiệp.

- Đảm bảo sự tiếp cận của doanh nghiệp đến nguồn lực và nhân tố sản xuất nhằm giúp các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực dễ dàng với chi phí thấp nhất, qua đó hạ giá thành sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Thu hút đầu tư vào khâu sản xuất nguyên phụ liệu, đặc biệt là khâu dệt, nhuộm và hoàn tất. Khâu sản xuất nguyên phụ liệu là khâu quan trọng và có giá trị gia tăng cao nhưng đang là khâu yếu kém nhất của ngành dệt may. Do đó, để thúc đẩy sự phát triển của ngành, Tỉnh cần thực hiện chính sách thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào khâu sản xuất nguyên phụ liệu để khắc phục tình trạng yếu kém ở khâu này.

## **10. Giải pháp về đất đai**

a) Để có thể thu hút tốt nguồn vốn đầu tư ngành DMG, cần có các giải pháp phát triển thêm quỹ đất để mở rộng các khu, cụm công nghiệp ở các huyện nhằm thực hiện công tác chuyển dịch đầu tư ngành DMG cũng như đảm bảo thực hiện quy hoạch ngành; Cần có các chính sách khuyến khích, ưu đãi về tiền thuê đất trong các khu, cụm công nghiệp mới nằm ở vùng sâu vùng xa để khuyến khích, thu hút đầu tư ngành DMG về các vùng xa (Vùng II).

b) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối vào các khu, cụm công nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi vận chuyển hàng hóa và giao thông đi lại của người dân; xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp đồng bộ, chú trọng xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn và hệ thống quan trắc chất thải tự động trong các khu cụm công nghiệp nhằm đảm bảo an toàn môi trường, tránh làm tác động đến đời sống và kinh tế của người dân xung quanh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch; chỉ đạo các Đơn vị trực thuộc phối hợp với địa phương, doanh nghiệp lập kế hoạch thực hiện quy hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục đầu tư, đăng ký kinh doanh và các thủ tục liên quan; Xây dựng chương trình kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án ngành DMG vào các khu, cụm công nghiệp; phối hợp với các Sở ngành liên quan hỗ trợ các doanh nghiệp, các địa phương trong việc triển khai quy hoạch.

3. Ban quản lý các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện việc thu hút đầu tư và theo dõi, kiểm tra thực hiện dự án đúng ngành nghề theo quy hoạch.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ cho ngành DMG.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện đánh giá tác động môi trường dự án; theo dõi, kiểm tra, giám sát các dự án đảm bảo các quy định về môi trường.

6. Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề: Phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện các hoạt động phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành DMG.

7. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các sở, ngành liên quan, xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ và cân đối nguồn vốn thực hiện hỗ trợ phát triển ngành DMG.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa cụ thể hoá Quy hoạch phát triển ngành Dệt may - Giày dép trên địa bàn quản lý; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho cộng đồng các doanh nghiệp ngành Dệt may giày dép có định hướng và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với quy hoạch; phối hợp với Sở Công Thương, các ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nghiên cứu, đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước điều chỉnh các cơ chế chính sách để phát triển ngành DMG theo quy hoạch; thực hiện đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp, thu hút đầu tư ngành DMG theo đúng định hướng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ; Trưởng ban Quản lý các Khu công nghiệp; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

